

No. 1604

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 1

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 1 : Duyên khởi

Kê nói :

*Nghĩa trí tạo các nghĩa,
Ngôn cú đều vô cấu.
Cứu tế chúng sinh khổ,
Vì từ bi là tính,
Khéo nói pháp phương tiện,
Đó là tối thượng thừa.
Vì người phát Đại tâm,
Lược bày tỏ 5 nghĩa.*

Giải thích : Nói Luận trang nghiêm kinh điển Đại Thừa thì ai có thể trang nghiêm ? Đáp, nghĩa trí có thể trang nghiêm. Hỏi : Nghĩa trí làm sao trang nghiêm ? Đáp : Khai mở các nghĩa. Hỏi : Lấy gì khai mở ? Đáp : Dùng ngôn và cú, tức lời và câu. Hỏi : Dùng những lời như thế nào và những câu như thế nào ? Đáp : Dùng những lời không cấu bần, câu không cấu bần. Lời không cấu bần, là lời nói có thể dẫn dắt đến thành Niết-bàn. Câu không cấu bần, là chữ và câu phù hợp. Nếu lìa bỏ lời nói câu văn không cấu bần thì không thể khai hiểu các nghĩa. Hỏi : Dùng nghĩa gì gọi là trang nghiêm ? Đáp : Cứu tế chúng sinh. Hỏi : Chúng sinh tự khổ, nhân gì mà cứu tế ? Đáp : Vì thể của Bồ-tát là đại bi phát sinh lòng yêu thương. Hỏi : Nếu cứu khổ chúng sinh thì trang nghiêm pháp gì ? Đáp : Trang nghiêm pháp Như Lai khéo nói phương tiện. Hỏi : Những gì là pháp phương tiện ? Đáp : Đó là tối thượng thừa. Hỏi : Vì ai mà trang nghiêm ? Đáp : Vì người phát tâm Đại thừa. Hỏi : Dùng bao nhiêu nghĩa trang nghiêm ? Đáp : Lược dùng 5 nghĩa trình bày. Hỏi : Năm nghĩa đó là gì ?

Kê nói :

*Như vàng làm đồ dùng,
Như hoa nở đúng độ,
Như thức ăn mỹ vị,
Như hiểu rõ chữ nghĩa,
Như mở hộp châu báu,
Thì đều được hoan hỷ.
Pháp 5 nghĩa trang nghiêm,
Hoan hỷ cũng như vậy.*

Giải thích : Năm thí dụ trong đây ví cho 5 nghĩa trang nghiêm. Theo tuần tự đó có thể khiến người phát tâm Đại thừa tin tưởng hướng về, dạy dỗ, tư duy, tu tập và chứng đắc. Hỏi : Nghĩa ấy như thế nào ? Đáp : Thí dụ vàng làm thành đồ vật, là khiến tin tưởng mà chuyên hướng tâm kia. Thí dụ hoa nở, là khiến tiếp nhận sự dạy dỗ khai thị. Thí dụ thức ăn mỹ vị, là khiến tư duy được pháp vị. Thí dụ hiểu rõ văn tự, là khiến tu tập không suy nghĩ gì khác. Thí dụ mở nắp hộp châu báu, là khiến chứng đắc pháp bảo Bồ-đề phân, tự giác chứng đắc. Do 5 nghĩa này phân biệt Đại thừa, có thể khiến người ấy được sinh vui mừng yêu thích. Hỏi : Nếu tự tính pháp ấy đầy đủ công đức thì còn cần nghĩa gì trang nghiêm nữa ?

Để đáp câu hỏi này,

Kê nói :

*Như trang điểm sắc đẹp,
Soi gương sinh vui mừng.
Diệu pháp trang nghiêm mình,
Được vui mừng hơn hết.*

Giải thích : Ví dụ như người gia công trang điểm trước gương sinh vui mừng. Bởi vì sao ? Vì có sự sung sướng. Bồ-tát cũng vậy, nghĩa của trang nghiêm diệu pháp nhập vào tự tâm thì sinh vui mừng khôn xiết. Bởi vì sao ? Vì có câu hỏi hỏi pháp ấy có công đức gì phải trang nghiêm bắt người ta cung kính tin thụ ư ?

Kê nói :

*Ví như uống thuốc đắng,
Bệnh lành thì liền vui.
Ở nơi văn giải nghĩa,
Khổ vui cũng như vậy.*

*Ví như thờ vua khó,
Thờ vua được uy lực.
Cũng vậy nghĩa khó giải,
Nhờ giải, được pháp tài.
Ví như thấy vật báu,
Không biết thì không thích,
Nghe diệu pháp cũng vậy,
Không hiểu không vui mừng.*

Giải thích : Ba kệ này tuân tự hiển thị 3 công đức của diệu pháp : 1. Hiển thị công đức đoạn chương nhân. 2. Hiển thị công đức tự tại nhân. 3. Hiển thị công đức diệu hỷ nhân. Hỏi nghĩa này như thế nào ? Đáp : Như uống thuốc đắng, lúc đầu đắng vì khó uống, sau vui vì bệnh lành. Pháp này cũng vậy. Trụ trước nơi vắng thì khổ vì khó đạt được lý, khi rõ nghĩa thì vui vì phá được bệnh chướng. Như việc thờ vua, ban đầu khổ vì khó được ý vua, sau vui vì được cho quyền lực. Pháp này cũng vậy, khi tư duy thì khổ vì sâu xa khó hiểu, tư duy đạt được thì vui, vì được Thánh tài dài lâu. Như thấy vật báu chưa chế luyện, khi chưa biết thì không ưa thích cho là vô dụng, khi biết rồi thì rất quý trọng vì biết là hữu dụng. Pháp này cũng vậy, khi tu hành thì không vui, cho là trống trơn vô dụng, khi tu đạt được thì rất vui mừng vì biết có công dụng lớn.

Xong Phẩm duyên khởi.

Phẩm 2 : Thành tông

Giải thích : Có người nghi Đại thừa không phải Phật nói, làm sao có được công đức này ? Nay tôi quyết phá lưới nghi kia, thành lập Đại thừa chính là Phật nói.

Kê nói :

*Không ký cũng đồng hành,
Không hành cũng thành tựu.
Thể, phi thể, năng trị,
Văn khác, 8 nhân thành.*

Giải thích : Thành lập Đại thừa, sơ lược có 8 nhân : 1. Không ký. 2. Đồng hành. 3. Không hành. 4. Thành tựu. 5. Thể. 6. Chẳng phải thể. 7. Năng trị. 8. Văn khác.

1. Không ký, nghĩa là giáo pháp đã diệt tận chính là lúc Phật sau ra đời. Nếu Đại thừa không phải chính pháp, thì vì sao ban đầu Thế Tôn không ký ? Ví như vị lai có Thế Tôn khác sẽ được ký liền. Đây không ký cho nên biết là Phật nói.

2. Đồng hành, nghĩa là Thanh Văn thừa với Đại thừa chẳng phải trước chẳng phải sau mà đồng hành cùng lúc. Ông làm sao biết được riêng Đại thừa này chẳng phải Phật nói ?

3. Không hành, nghĩa là Đại thừa sâu rộng, chẳng phải suy nghĩ ước đạc con người có thể tin được, hướng chỉ là có thể làm ra các luận ngoại đạo. Thứ đó là không thể có được, nên nói là không làm. Do chúng không làm, nên là Phật nói.

4. Thành tựu, nghĩa là nếu ông nói những người khác chúng đấng Bồ-đề nói có Đại thừa chứ không phải đức Phật hiện nay nói Đại thừa. Nếu chấp như vậy tức trở lại thành nghĩa của tôi. Những người kia chúng Bồ-đề nói, tức như vậy là Phật nói.

5. Thể, nghĩa là nếu ông nói các đức Phật khác có cái thể của Đại thừa, Phật này không có thể của Đại thừa. Nếu chấp như vậy thì cũng trở lại thành nghĩa của tôi, vì Đại thừa không có cái thể nào khác mà chỉ có một.

6. Chẳng phải thể, nghĩa là nếu ông nói Phật này không có thể của Đại thừa, thì Thanh Văn thừa cũng không có thể. Nếu ông nói Thanh Văn thừa là Phật nói nên có thể, Đại thừa không phải Phật nói nên không có thể. Nếu chấp như thế là có lỗi lớn. Nếu không Phật thừa mà có Phật xuất thế nói Thanh Văn thừa, thế là không đúng lý.

7. Năng trị, nghĩa là do y vào pháp này tu hành được trí vô phân biệt, do trí vô phân biệt có thể phá các phiền não, do nhân này nên không được nói là không Đại thừa.

8. Văn khác, nghĩa là Đại thừa rất sâu không như văn nghĩa bình thường, không nên một mực hoàn toàn theo văn lấy nghĩa mà nói là không phải lời Phật nói. Lại nữa, nếu ông nói ban đầu không ký, là do tâm vô công dụng Phật xả bỏ. Chấp như thế là không đúng nghĩa.

Kê nói :

*Chư Phật 3 nhân duyên,
Hiện thấy, cũng hộ pháp.
Trí Như Lai vô ngại,*

Xả bỏ là không đúng.

Giải thích : Nếu nói Đại thừa chẳng phải Phật nói, đó là chương lớn. Chư Phật có 3 nhân duyên vì sao không ký ? 1. Trí vô công dụng hằng khởi là mắt hằng thấy. 2. Hằng tác chính cần thủ hộ chính pháp. 3. Trí lực Như Lai không chương ngại. Do 3 nhân này mà ông nói xả bỏ không ký, là không đúng đạo lý. Lại nữa, nếu ông nói Thanh Văn thừa là có thể, tức Thanh Văn thừa là thể của Đại thừa. Bởi vì sao ? Tức vì dùng thừa này được Đại Bồ-đề. Nếu chấp như vậy là không đúng nghĩa.

Kê nói :

Chẳng toàn, chẳng không trái,

Chẳng hành, chẳng dạy dỗ.

Cho nên Thanh Văn thừa,

Tức chẳng phải Đại thừa.

Giải thích : Có 4 nhân duyên không lấy Thanh Văn thừa làm thể của Đại thừa vì chẳng toàn, chẳng không trái, chẳng hành, chẳng giáo thụ. Chẳng toàn, là Thanh Văn thừa không có dạy dỗ lợi tha. Chỉ vì tự chán lìa dục giải thoát mà dạy dỗ. Chẳng không trái, nghĩa là nói Thanh Văn thừa dùng phương tiện chính mình mà dạy dỗ người khác, tức là dạy dỗ lợi tha là không đúng nghĩa. Bởi vì sao ? Tuy dùng tự lợi làm an ổn người khác, nhưng kia cũng tự cầu Niết-bàn mà cần hành phương tiện, nên không thể lấy đó đặc Đại Bồ-đề. Chẳng hành, nghĩa là nếu ông nói nếu thực hành lâu hạnh Thanh Văn thừa sẽ được quả Đại Bồ-đề thì không phải nghĩa như vậy. Vì chẳng phải phương tiện. Thanh Văn thừa chẳng phải Đại Bồ-đề. Phương tiện không thể thực hành lâu, chẳng phải phương tiện mới có thể được quả Đại thừa. Ví như vắt sừng lấy sữa là không thể có được. Chẳng dạy dỗ, nghĩa là như Đại thừa thì dạy dỗ, Thanh Văn thừa thì không. Cho nên Thanh Văn thừa không được tức là Đại thừa. Lại nữa, làm rõ thêm nghĩa mâu thuẫn cho ông thấy.

Kê nói :

Phát tâm và dạy dỗ,

Phương tiện và trụ giữ .

Thời tiết hạ thượng thừa,

Năm việc khác tất cả.

Giải thích : Thanh Văn thừa và Đại thừa có 5 thứ khác nhau : 1. Phát tâm khác. 2. Dạy dỗ khác. 3. Phương tiện khác. 4. Trụ trì khác. 5. Thời tiết khác.

Thanh Văn thừa phát tâm, dạy dỗ, hoặc siêng năng làm phương tiện đều vì tự mình được Niết-bàn nên trụ trì cũng ít, tích tụ phúc đức cũng nhỏ, thời tiết cũng ít, cho đến 3 đời được giải thoát.

Đại thừa không như vậy, phát tâm, dạy dỗ, cần hành phương tiện đều vì lợi tha nên trụ trì cũng nhiều, tích tụ phúc đức cũng lớn, thời tiết cũng nhiều, vì trải qua 3 Đại kiếp A-tăng-kì.

Đó là tất cả chỗ khác nhau. Cho nên không nên lấy việc thực hành Tiểu thừa mà được quả Đại thừa.

Lại nữa, nếu ông nói lời Phật nói có 3 tướng : 1. Nhập Tu-đà-la. 2. Hiện thị Tì-ni. 3. Không trái pháp không. Ông lấy tất cả pháp là không tự tính mà dạy dỗ, như vậy trái với 3 tướng này nên không phải Phật nói. Nếu chấp như vậy là không đúng nghĩa.

Kê nói :

*Nhập tự Đại thừa kinh,
Hiện tự phiền não diệt.
Nghĩa rộng lớn rất sâu,
Không trái tự pháp không.*

Giải thích : Nay Đại thừa này cũng không trái 3 tướng vì nhập tự Đại thừa, hiện tự phiền não Tì-ni do Bồ-tát lấy phân biệt làm phiền não, nên rộng lớn rất sâu, tức là pháp không của Bồ-tát không trái với không này nên được Đại Bồ-đề. Cho nên thừa này không trái với 3 tướng. Lại nữa trước nói không hành, nay tôi lại hiện thị nghĩa này cho ông tin nhận.

Kê nói :

*Có y và bất định,
Duyên tục cũng không khắp.
Người thoái khuất suy xét,
Đâu hiểu nghĩa Đại thừa.*

Giải thích : Do có 5 nhân người suy xét kia không thể nhập cảnh giới Đại thừa vì trí của họ có chỗ dựa, vì bất định, vì duyên tục, vì không phổ biến, vì thoái khuất.

Nói kia có chỗ dựa, là trí dựa vào giáo sinh, không phải là trí chúng. Nói bất định, là có lúc có trí khác sinh. Nói duyên tục, là suy xét thế để không tới được đệ nhất nghĩa đế. Nói không phổ biến, là tuy duyên thế để chỉ hiểu được ít, không hiểu tất cả. Nói thoái khuất, là tranh luận biện luận cùng đường thì lặng thinh. Người Đại thừa thì không chỗ dựa cho đến cuối cùng không thoái khuất. Không thoái khuất, là trong vô lượng kinh có trăm ngàn kệ nói pháp Đại thừa, do được pháp này mà tài biện luận vô tận, cho nên Đại thừa không phải là cảnh giới suy tư lượng đặc của người bình thường.

Hỏi : Ông nói Thanh Văn thừa không phải phương tiện Bồ-đề của Phật, nếu vậy là ai ?

Kệ nói :

*Rộng lớn và rất sâu,
Thành thực không phân biệt.
Nói 2 phương tiện này,
Tức là vô thượng thừa.*

Giải thích : Rộng lớn, nghĩa là các thần thông do hết sức cần hành phương tiện khiến người khác tin hiểu. Rất sâu, nghĩa là trí vô phân biệt do khó thực hành nên theo tuần tự : 1. Vì thành thực chúng sinh. 2. Vì thành thực Phật pháp. Tức nói 2 pháp này là phương tiện vô thượng Bồ-đề. Hai phương tiện này tức là thể của vô thượng thừa.

Hỏi : Nếu vậy có người trong đó sợ hãi thì tội lỗi như thế nào ?

Kệ nói :

*Không đáng sợ mà sợ,
Do sợ bị thiêu đốt.
Sợ đưa đến không phúc,
Tội lỗi khởi dài lâu.*

Giải thích : Nếu người ở chỗ không phải sợ hãi vọng sinh sợ hãi, người này liền đọa vào ác đạo cực nóng bị thiêu đốt. Bởi vì sao ? Do sự sợ hãi này dẫn đến sinh nhiều điều không phúc to lớn. Do tội này có thể khiến người trải vô lượng kiếp chịu đại nhiệt nã.

Hỏi : Người kia do nhân gì sinh sợ hãi ?

Kệ nói :

*Phi tính, phi pháp bạn,
Ít tuệ, ít sức nhân,
Sợ pháp thâm diệu này,
Thoái mất Đại Bồ-đề.*

Giải thích : Nếu người sinh sợ hãi là do 4 nhân duyên : 1. Phi chủng tính, vì là Bồ-tát tính. 2. Phi pháp bạn, vì là thiện tri thức. 3. Ít tuệ lực, vì chưa hiểu Đại thừa pháp không. 4. Ít sức nhân, vì đời trước không trồng các tự tính thiện căn Ba-la-mật. Do nhân duyên này đối với pháp thậm thâm vi diệu sinh tướng sợ hãi. Do tướng sợ hãi này nên đối với 2 nhóm phúc trí Đại Bồ-đề phải được thì không được. Đó gọi là thoái. Nay ông nên biết, tội lỗi thoái mất này hết sức sâu nặng.

Đã nói xong tội lỗi của sợ và nhân của sợ. Tiếp đến nói về không nên nhân sợ hãi.

Kệ nói :

*Không khác, tức đều không,
Có khác, tức nơi hiểm.
Không ví, nói nhiều thứ,
Liên tục nói nhiều môn.
Không phải như văn nghĩa,
Thể chư Phật rất sâu.
Người thông tuệ, chính quán,
Phải biết không nên sợ.*

Giải thích : Không khác, tức đều không, nghĩa là nếu ông nói Thanh Văn thừa tức Đại thừa, không khác thể Đại thừa, nếu như vậy thì Thanh Văn, Bích-chi-phật thừa là không có thể. Bởi vì sao ? Do đặc Phật, nên như vậy tất cả đều là Phật thừa, thì vì có gì sợ hãi ? Có khác, tức nơi hiểm, nghĩa là nếu ông chấp nhận có khác với thể của Đại thừa, thể này tức đạo nhất thiết trí, là nơi hiểm bậc nhất. Do khó vượt qua nên phải tin, thì vì có gì sợ hãi ? Không ví, nghĩa là trong một lúc không có 2 Đại thừa cùng xuất hiện có thể đem sánh ví, vậy có gì sợ một không sợ hai ? Nói nhiều thứ, nghĩa là nay Đại thừa này không phải chỉ nói không, cũng nói đại phúc tự, nên phải hiểu ý này, vậy có gì chỉ sợ không ? Liên tục nói, nghĩa là trong tất cả mọi lúc quyết định liên tục nói không, không phải ông mới nghe, vậy có gì sợ ? Nói nhiều môn, nghĩa là trong các kinh có nhiều môn nhiều thuyết

khác nhau đại khái làm rõ cái dụng. Phá các phân biệt được trí vô phân biệt. Nếu nói khác đây không có đại dụng, nghĩa là Như Lai chỉ nên nói không, không nói như pháp tính, thật tế v.v... Đã nói có nhiều môn, vậy có gì chỉ sợ không ? Chẳng phải như văn nghĩa, nghĩa là Đại thừa rất sâu, không phải như văn nghĩa, vậy có gì theo văn lấy nghĩa mà sợ không ? Thế chư Phật rất sâu, nghĩa là Phật tính rất sâu, cuối cùng khó biết nên cầu hiểu rõ, vậy có gì sợ ? Do các nhân duyên như vậy, người thông tuệ chính quán không nên sợ hãi đối với Đại thừa.

Đã nói xong lý do không nên sợ hãi. Tiếp đến nói khả năng thực hành pháp trí này.

Kê nói :

*Tuần tự văn tư tu,
Đắc pháp và đắc tuệ.
Trí này hành pháp này,
Chưa đắc chớ hủy bỏ.*

Giải thích : Nếu người ban đầu dựa vào thiện tri thức có thể khởi chính văn. Tiếp đến đối với nghĩa đúng có thể khởi nghĩ nhớ đúng. Tiếp đến được sinh chính trí nơi cảnh giới chân thật. Tiếp đến từ đó được chứng quả pháp. Tiếp đến từ đó sau khởi trí giải thoát. Trí này người này tùy sự thâm nhập sâu xa có thể thực hành pháp này. Nếu ông không có trí này, không nên nói một cách quả quyết rằng không phải lời Phật nói.

Đã nói xong về trí có thể thực hành pháp này. Tiếp đến pháp cú này ngăn chặn sự sợ hãi.

Kê nói :

*Không hiểu, hiểu không sâu,
Sâu chẳng do suy lường.
Hiểu sâu được giải thoát,
Các sợ hãi không nên.*

Giải thích : Không hiểu, nghĩa là nếu ông nói pháp sâu như vậy chẳng phải pháp ta có thể hiểu, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng. Hiểu không sâu, nghĩa là nếu ông nói Phật hiểu cũng không sâu, nếu hiểu sâu vì sao nói sâu, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng. Sâu chẳng phải do suy lường hiểu, nghĩa là nếu ông nói vì sao đây là sâu, chẳng phải cảnh giới của suy lường, do đó sinh sợ hãi, thế là không đúng. Hiểu sâu được giải

thoát, nghĩa là nếu ông nói vì sao chỉ riêng hiểu nghĩa sâu có thể được giải thoát, do đó sinh sợ hãi là không đúng lý. Như vậy là đã ngăn chặn pháp cú sợ hãi này. Tiếp đến lấy sự không tin thành lập Đại thừa.

Kê nói :

*Do tiểu tín, giới, bạn,
Không hiểu sâu Đại pháp.
Vì do ông không hiểu,
Thành ngã vô thượng thừa.*

Giải thích : Tiểu tín, nghĩa là sự tin hiểu hẹp hòi yếu kém. Tiểu giới, nghĩa là các tiểu chủng tử huân tập trong thức A-lê-da. Tiểu bạn, nghĩa là tương tự tín, giới làm quyến thuộc. Ba cái này nếu nhỏ thì không tin có Đại thừa. Do không tin này mà thành pháp vô thượng ta lập.

Đã nói xong sự thành lập Đại thừa, tiếp đến ngăn chặn sự hủy báng Đại thừa.

Kê nói :

*Tùy theo nghe được giác,
Chưa nghe chớ nên chê.
Vô lượng điều chưa nghe,
Chê bai thành si nghiệp.*

Giải thích : Ông theo ít nghe được giác ngộ, không nên theo nghe lại sinh hủy báng. Ông chưa nghe không tin còn được. Bởi vì sao ? Không tích thiện nên chưa nghe thì nhiều, cẩn thận chớ nên hủy báng. Ông không phân biệt mà sinh hủy báng lại tăng thêm nghiệp si làm hư hoại những gì đã được nghe trước.

Đã ngăn chặn sự hủy báng, tiếp đến ngăn chặn sự suy nghĩ tà vạy.

Kê nói :

*Khi theo văn lấy nghĩa,
Sự tâm thoái chân tuệ.
Báng thuyết và khinh pháp,
Duyên đây tội lớn sinh.*

Giải thích : Sự tâm, nghĩa là kiến thủ của mình, chẳng phải trí, vì tìm kiếm nghĩa một bên. Thoái chân tuệ, nghĩa là hiểu đúng như thật chưa được thì thoái mất. Báng thuyết, nghĩa là hủy báng thiện thuyết. Khinh pháp, nghĩa là ghét những gì mình

nghe, do đây chẳng có phúc báo, thân sau thụ đại khổ báo. Đó gọi là sinh khởi tội lớn. Đã ngăn chặn tà tư duy, tiếp đến ngăn chặn ác ý.

Kê nói :

*Ác ý tự tính ác,
Bất thiện không nên khởi,
Huống dòi nơi thiện xứ,
Vì nên bỏ tội lớn.*

Giải thích : Ác ý, nghĩa là tâm ghen ghét. Tự tính ác, nghĩa là tâm này là tội tự tính còn không thể khởi trong pháp tội lỗi huống chi là khởi trong pháp chẳng phải tội lỗi. Cho nên phải gấp rút xả bỏ tội lỗi lớn.

Xong phẩm Thành tông.

Phẩm 3 : Quy y

Giải thích : Như thế đã thành lập Đại thừa, tiếp đến dựa vào Đại thừa giữ lấy thắng quy y.

Kê nói :

*Nếu người quy Tam Bảo,
Đại thừa quy đệ nhất.
Tất cả khắp dững mãi,
Vì đắc quả bất cập.*

Giải thích : Tất cả trong quy y Tam Bảo, nên biết rằng quy y Đại thừa là nhất tất cả. Bởi vì sao ? Vì do 4 thứ nghĩa lớn tự tính thắng. Những gì là 4 nghĩa ? 1. Nghĩa biến khắp tất cả. 2. Nghĩa dững mãi. 3. Nghĩa đắc quả. 4. Nghĩa bất cập. Những nghĩa này sẽ nói sau. Do 4 nghĩa này có nhiều lưu nan. Những người quy y có người có khả năng có người không khả năng. Người có khả năng là thắng. Đã nói quy y thắng, tiếp đến khuyên thắng quy y.

Kê nói :

*Khó khởi cũng khó thành,
Phải có ý chí lớn.
Vì thành tự tha lợi,
Thì phải thắng quy y.*

Giải thích : Khó khởi, là thắng nguyện do thế nguyện rộng lớn. Khó thành, là thắng hạnh do trải qua vô lượng kiếp. Do khó

như vậy nên phải phát ý chí lớn. Bởi vì sao ? Vì muốn thành tựu lợi tha và tự lợi. Lợi tha, là nguyện hạnh, vì nguyện hạnh là nhân của danh văn. Tự lợi, là nghĩa lớn, vì nghĩa lớn là quả của tự thể.

Trước đã nói 4 nghĩa, nay sẽ nói nghĩa khắp tất cả.

Kê nói :

*Chúng sinh khắp, thừa khắp,
Trí khắp, tịch diệt khắp.
Gọi là người trí tuệ,
Bốn thứ khắp tất cả.*

Giải thích : Quy y Đại thừa có 4 thứ thứ phổ biến tất cả : 1. Chúng sinh phổ biến tất cả, vì muốn độ tất cả chúng sinh. 2. Thừa phổ biến tất cả, vì hiểu rõ 3 thừa. 3. Trí phổ biến tất cả, vì thông đạt 2 vô ngã. 4. Tịch diệt phổ biến tất cả, vì thể của sinh tử Niết-bàn là một vị, tội ác công đức là vô phân biệt.

Đã nói nghĩa phổ biến tất cả, tiếp đến nói nghĩa dững mãi.

Kê nói :

*Hy vọng Phật Bồ-đề,
Làm khó làm không thoái.
Chư Phật bình đẳng giác,
Dững mãi thắng có 3.*

Giải thích : Quy y Đại thừa có 3 thứ thắng dững mãi : 1. Nguyện thắng dững mãi, vì khi quy Phật cầu Đại Bồ-đề sinh nhiều hoan hỷ biết thắng công đức. 2. Hành thắng dững mãi, vì khi khởi tu hành làm những việc khó làm không thoái lui không khuất phục. 3. Quả thắng dững mãi, vì khi đến thành Phật giác ngộ bình đẳng với tất cả chư Phật. Lại nữa do dững mãi này, các Phật tử ấy hằng được sinh trưởng tốt.

Kê nói :

*Phát tâm và trí độ,
Gồm đủ cùng đại từ.
Hạt giống và mẹ sinh,
Bào thai, sữa mẹ tốt.*

Giải thích : Bồ-tát sinh trưởng tốt có 4 nghĩa : 1. Hạt giống tốt, vì lấy tâm Bồ-đề làm hạt giống. 2. Mẹ sinh tốt, vì lấy Bát-nhã Ba-la-mật làm mẹ sinh. 3. Bào thai tốt, vì lấy 2 phúc trí hợp lại duy trì làm bào thai. 4. Sữa mẹ tốt, vì lấy đại bi làm sữa mẹ

nuôi lớn. Lại nữa sinh ra và lớn lên tốt là do dững mãnh nên hằng được thân tốt đẹp.

Kê nói :

*Tướng tốt, sức sinh thành,
Vui lớn, phương tiện lớn.
Bốn thành tựu như trên,
Đó gọi là thân tốt.*

Giải thích : Bồ-tát có 4 thứ thân tốt : 1. Sắc thân tốt, được diêu tướng nghiêm thân, hơn cả tướng của Chuyển luân vương. 2. Sức lực tốt, vì được sức tự tại thành thực chúng sinh. 3. Niềm vui tốt, vì được niềm vui vô biên của thượng phẩm Phật địa tịch diệt. 4. Trí tuệ tốt, vì được phương tiện khéo léo cứu tất cả chúng sinh. Bốn thứ này thành tựu gọi là Phật tử sinh trưởng tốt. Đó là sắc thân tựu, lực thành tựu, lạc thành tựu, trí thành tựu. Lại nữa, do dững mãnh này được tương tự như vương tử.

Kê nói :

*Quang thụ, pháp tự tại,
Khéo nói khéo nhiếp trị.
Vì do 4 nhân đây,
Giống Phật không đoạn dứt.*

Giải thích : Có 4 nhân duyên dòng vua không đoạn dứt : 1. Lên ngôi thụ chức. 2. Tăng thượng không mâu thuẫn. 3. Khéo phán quyết . 4. Thường phạt phân minh. Phật tử sinh trưởng tốt cũng vậy : 1. Được quang thụ, nghĩa là được nhận đại quang minh của tất cả chư Phật. 2. Pháp tự tại, nghĩa là trí tuệ tự tại trong tất cả các pháp, không có gì mâu thuẫn. 3. Khéo nói, nghĩa là khéo nói pháp trong chúng Phật tử. 4. Khéo trị phạt, nghĩa là đối với người học giới có khả năng trị tội lỗi, có khả năng giữ gìn công đức. Lại nữa do dững mãnh này được tương tự như đại thần.

Kê nói :

*Nhập độ thấy giác phân,
Trì mật lợi chúng sinh.
Vì do 4 nhân đây,
Được tương tự đại thần.*

Giải thích : Có 4 thứ nhân là công đức của một đại thần : 1. Vào cấm cung của vua. 2. Xem báu vật của vua. 3. Dùng bí mật

ngũ của vua. 4. Ban thưởng tự tại. Bồ-tát dũng mãnh cũng vậy :
1. Thường được khéo nhập các Ba-la-mật. 2. Thường thấy pháp bảo Đại Bồ-đề phần trong các kinh, do không quên pháp. 3. Thường hành trì Như Lai thân mật khẩu mật ý mật. 4. Thường có thể lợi ích vô biên chúng sinh.

Đã nói xong dũng mãnh nghĩa, tiếp nói về đặc quả nghĩa.

Kê nói :

*Phúc đức và tôn trọng,
Có lạc, cũng khổ diệt.
Chứng lạc chứng pháp âm,
Tập hết có diệt xả.*

Giải thích : Quy y Đại thừa được 8 quả này : 1. Khi tin hiểu được đại phúc đức tự. 2. Khi phát tâm được 3 cõi tôn trọng. 3. Khi cố ý thụ sinh được an lạc trong 3 cõi. 4. Khi hiểu tự tha bình đẳng, diệt được đại khổ tự, cũng có sức diệt được khổ tất cả chúng sinh. 5. Khi nhập vô sinh nhẫn, giác chứng niềm vui tối thượng. 6. Khi đắc Bồ-đề chứng đại pháp âm. Pháp âm tức pháp thân. Như vậy pháp thân gọi là đại, gọi là thắng, gọi là thường, gọi là thiện tự. Vì là pháp tạng của vô biên Tu-đa-la nên gọi là đại, là cao tốt trong tất cả pháp nên gọi là thắng, vĩnh viễn không bao giờ hết nên gọi là thường, là sức không sợ hãi tích tụ thiện pháp nên gọi là thiện tự. 7. Được vĩnh viễn diệt hết các huân tập không sót. 8. Được hữu diệt xả. Hữu xả là không trụ sinh tử. Diệt xả là không trụ Niết-bàn.

Đã nói nghĩa của đặc quả, tiếp nói nghĩa của bất cập.

Kê nói :

*Đại thể và đại nghĩa,
Vô biên và vô tận.
Do thiện thế xuất thế,
Vì thành thực thân thông.*

Giải thích : Quy y Đại thừa có các thiện căn là do 4 nhân mà tất cả Thanh Văn Bích-chi-phật không bì kịp : 1. Đại thể. 2. Đại nghĩa. 3. Vô biên. 4. Vô tận.

Hỏi : Thế là thế nào ?

Đáp : Đại thể, nghĩa là thiện căn thế gian đã được vượt quá 2 thừa. Đại nghĩa, nghĩa là thiện căn xuất thế, xuất thế của 2 thừa chỉ tự lợi. Vô biên, nghĩa là thành thực thiện căn, vì có thể

thành thực vô biên chúng sinh. Vô tận, nghĩa là thiện căn thân thông cho đến Niết-bàn vô dư cũng không hết.

Đã nói thẳng nghĩa của quy y, tiếp đến nói sai biệt của quy y.

Kê nói :

*Hy vọng và đại bi,
Chủng trí cũng bất thoái.
Ba xuất và 2 đặc,
Sai biệt có 6 thứ.*

Giải thích : Sai biệt của quy y có 6 thứ : 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ứng. 6. Phẩm loại. Hy vọng là tự tính, vì chí tâm cầu Phật thể. Đại bi là nhân, vì tất cả chúng sinh. Chủng trí là quả, vì được vô thượng Bồ-đề. Bất thoái là nghiệp, vì làm việc lợi tha, làm việc khó làm không thoái lui không khuất phục. Ba xuất làm tương ứng, vì đầy đủ hạnh 3 thừa xuất ly. Hai đặc làm phẩm loại, vì thể tục đặc và pháp tính đặc thô tế khác nhau.

Đã nói về công đức sai biệt, tiếp nói về hạnh sai biệt.

Kê nói :

*Quy y có nghĩa lớn,
Công đức tự tăng trưởng.
Tâm bi khắp thế gian,
Rộng truyền Đại thánh pháp.*

Giải thích : Nghĩa lớn là hành tự tha lợi. Hành tự lợi nghĩa là công đức tăng trưởng lại có nhiều thứ, như tư duy lượng đặc, như thường thường, như thời tiết, đều không có lượng vì không thể tư duy lượng đặc, vì không thể đếm biết, rốt ráo hằng hành vì không phân chia thời tiết. Hành lợi tha nghĩa là tác ý và tâm bi biến khắp tất cả chúng sinh, rộng rãi siêng năng dùng phương tiện lưu bố pháp của Đại thánh. Pháp của Đại thánh là nói pháp Đại thừa.

Xong Phẩm quy y.

Phẩm 4 : Chủng tính

Giải thích : Đã nói nghĩa quy y, tiếp đến nói sai biệt của chủng tính.

Kê nói :

*Hữu, thắng, tính, tướng, loại,
Tội ác và công đức,
Vị vàng cùng vị báu,
Chín thứ đều 4 thứ.*

Giải thích : Chủng tính có 9 thứ sai biệt : 1. Hữu thể. 2. Tội thắng. 3. Tự tính. 4. Tướng mạo. 5. Phẩm loại. 6. Tội ác. 7. Công đức. 8. Ví dụ vàng. 9. Ví dụ báu vật. Như vậy 9 nghĩa, mỗi mỗi đều có 4 thứ sai biệt. Kệ này nêu chung, các kệ khác giải thích riêng. Trong đây trước tiên phân biệt hữu thể.

Kệ nói :

*Do giới và do tín,
Do hành và do quả.
Do 4 sai biệt này,
Nên biết có thể tính.*

Giải thích : Chủng tính có thể tính là do 4 thứ sai biệt : 1. Do giới sai biệt. 2. Do tín sai biệt. 3. Do hành sai biệt. 4. Do quả sai biệt. Do giới sai biệt, nghĩa là chúng sinh có vô lượng thể giới khác nhau. Như nhiều kinh nói, do thể giới khác nhau nên biết chủng tính 3 thừa có khác nhau. Do tín sai biệt, nghĩa là chúng sinh có nhiều thứ tin khác nhau, hoặc do sức nhân khởi, hoặc do sức duyên khởi, nên có thể trong 3 thừa tùy tin một thừa không phải tin tất cả. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có tín sai biệt. Do hành sai biệt, nghĩa là các hành của chúng sinh hoặc có khả năng tiến, hoặc không có khả năng tiến. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có hành sai biệt. Do quả sai biệt, nghĩa là chúng sinh Bồ-đề có bậc hạ trung thượng, quả cũng tương tự như vậy. Nếu không có tính sai biệt thì cũng không có quả sai biệt. Do 4 sai biệt này cho nên phải biết chủng tính là hữu thể.

Đã nói hữu thể của chủng tính, tiếp đến nói về tội thắng của chủng tính.

Kệ nói :

*Minh tịnh và bao gồm,
Đại nghĩa cũng vô tận.
Do thiện có 4 thắng,
Chủng tính được đệ nhất.*

Giải thích : Chúng tính Bồ-tát do 4 thứ nhân duyên được tối thắng : 1. Do thiện căn sáng suốt thanh tịnh. 2. Do thiện căn bao gồm tất cả. 3. Do thiện căn nghĩa lớn. 4. Do thiện căn vô tận. Bởi vì sao ? Vì không phải thiện căn các Thanh Văn v.v... sáng suốt thanh tịnh như vậy, không phải thiện căn tất cả mọi người bao gồm sức vô úy v.v..., vì thiện căn những người khác không lợi tha, vì thiện căn những người khác khi Niết-bàn là hết, còn thiện căn của Bồ-tát không như vậy. Do đó làm nhân mà chúng tính Bồ-tát vượt trội hơn cả.

Đã nói về chúng tính tối thắng, tiếp đến nói về tự tính của chúng tính.

Kê nói :

*Tính chủng và tập chủng,
Sở y và năng y.
Phải biết hữu phi hữu,
Vì công đức độ nghĩa.*

Giải thích : Chúng tính Bồ-tát có 4 thứ tự tính : 1. Tính chủng tự tính. 2. Tập chủng tự tính. 3. Sở y tự tính. 4. Năng y tự tính. Tự tính ấy theo thứ tự như vậy. Lại nữa kia nói hữu là vì nhân thể hữu, nói phi hữu vì quả thể phi hữu.

Hỏi : Nếu vậy sao gọi là tính ?

Đáp : Vì công đức độ nghĩa. Nói độ, là nghĩa xuất sinh công đức. Do đạo lý này nên gọi là tính.

Đã nói tự tính của chúng tính, tiếp nói tướng mạo của chúng tính.

Kê nói :

*Đại bi và đại tín,
Đại nhẫn và đại hạnh.
Nếu có tướng như thế,
Gọi là tính Bồ-tát.*

Giải thích : Chúng tính Bồ-tát có 4 thứ tướng mạo : 1. Đại bi là tướng, vì thương xót tất cả chúng sinh khổ. 2. Đại tín là tướng, vì yêu thích tất cả pháp Đại thừa. 3. Đại nhẫn là tướng, vì chịu đựng làm tất cả hạnh khó làm. 4. Đại hành là tướng, vì thực hành khắp cả các tự tính thiện căn Ba-la-mật.

Đã nói tướng mạo của chúng tính, tiếp nói phẩm loại của chúng tính.

Kê nói :

*Quyết định và bất định,
Không thoái và thoái đạo.
Gặp duyên như thứ lớp,
Có 4 thứ phẩm loại.*

Giải thích : Phẩm loại chủng tính của Bồ-tát lược nói có 4 thứ : 1. Quyết định. 2. Bất định. 3. Không thoái. 4. Thoái đạo. Như thứ tự thì quyết định là gặp duyên không thoái, bất định thì gặp duyên sẽ thoái đạo.

Đã nói xong phẩm loại của chủng tính, tiếp nói tội lỗi của chủng tính.

Kê nói :

*Nên biết tính Bồ-tát,
Lược nói có 4 lỗi.
Tập hoặc cùng bạn xấu,
Vì bản cùng, thuộc người.*

Giải thích : Tội lỗi chủng tính của Bồ-tát lược nói có 4 thứ : 1. Tập hoặc, vì không hành công đức hành nhiều phiền não. 2. Bạn xấu, vì gần gũi người xấu, xa lìa thiện tri thức. 3. Bản cùng, vì mọi thứ cần thiết đều thiếu thốn. 4. Thuộc người khác, vì lệ thuộc người khác không tự tại.

Đã nói tội lỗi của chủng tính, tiếp nói công đức của chủng tính.

Kê nói :

*Công đức cũng 4 thứ,
Tuy đạo nơi ác đạo,
Vào chậm lại ra mau,
Khổ mỏng và bi sâu.*

Giải thích : Chủng tính Bồ-tát tuy có tội lỗi như trước, nếu đạo ác đạo nên biết trong đó lại có 4 thứ công đức : 1. Vào chậm, vì không thường xuyên đạo. 2. Ra mau, vì không ở lâu. 3. Khổ mỏng, vì sự bức não nhẹ. 4. Bi sâu, vì cũng thành tựu tâm thương xót chúng sinh.

Đã nói công đức của chủng tính, tiếp nói chủng tính ví dụ vàng.

Kê nói :

Ví như tính vàng tốt,

*Xuất sinh có 4 thứ.
Các thiện và các trí,
Các tịnh và các thông.*

Giải thích : Tính vàng tốt có 4 nghĩa : 1. Cực đa. 2. Quang minh. 3. Vô cấu. 4. Điều nhu. Chủng tính Bồ-tát cũng vậy : 1. Là y chỉ của vô lượng thiện căn. 2. Là y chỉ của vô lượng trí tuệ. 3. Là y chỉ cho tất cả phiền não chướng trí chướng được thanh tịnh. 4. Là y chỉ cho tất cả thân thông biến hóa.

Đã nói về chủng tính ví như tính vàng, tiếp nói chủng tính ví như các báu.

Kê nói :

*Ví như tính các báu,
Bốn thứ thành tựu nhân.
Đại quả và đại trí,
Đại định và đại nghĩa.*

Giải thích : Tính các báu là thành tựu 4 thứ y chỉ : 1. Chân thật thành tựu y chỉ. 2. Sắc thành tựu y chỉ. 3. Hình thành tựu y chỉ. 4. Lượng thành tựu y chỉ. Chủng tính Bồ-tát cũng vậy : 1. Là nhân Đại Bồ-đề. 2. Là nhân đại trí. 3. Là nhân đại định, vì định do tâm trụ. 4. Là nhân đại nghĩa, vì thành tựu vô biên chúng sinh.

Đã rộng phân biệt tính vị, tiếp phân biệt vô tính vị.

Kê nói :

*Một bề hành ác hạnh,
Dứt hết các bạch pháp.
Không có phần giải thoát,
Thiện ít, nhân cũng không.*

Giải thích : Vô Bát-niết-bàn pháp là vô tính vị. Đây lược có 2 thứ : 1. Thời biên Bát-niết-bàn pháp. 2. Tất cánh vô Niết-bàn pháp. Thời biên Bát-niết-bàn pháp có 4 loại người : 1. Cứ một bề làm ác. 2. Dứt hết các thiện pháp. 3. Không có thiện căn giải thoát phần. 4. Thiện căn không đầy đủ. Người hoàn toàn không có pháp Niết-bàn là vì không có nhân, người ấy không có tính Bát-niết-bàn. Đây gọi là người chỉ cầu sinh tử không ưa thích Niết-bàn.

Đã nói về vô tính, tiếp nói khiến nhập vào.

Kê nói :

*Giảng sâu rộng đại pháp,
Khiến tin khiến cực nhẫn.
Cứu cánh Đại Bồ-đề,
Hai biết, 2 thắng tính.*

Giải thích : Giảng diễn sâu rộng pháp Đại thừa là vì lợi tha. Nghĩa là người vô trí khiến được tin Đại thừa, đã tin Đại thừa khiến thành tu cực nhẫn có thể tu hành không thoái lui. Người đã cực nhẫn khiến cứu cánh thành tựu vô thượng Bồ-đề. Hai hạng người biết là phàm phu và Thanh Văn. Nếu được như vậy thì 2 hạng người kia biết tự tính, tính của tính đức viên mãn rất là thù thắng.

Hỏi : Thù thắng thế nào ?

Kệ nói :

*Cây Bồ-đề tăng trưởng,
Sinh lạc và diệt khổ.
Tự tha lợi là quả,
Thù thắng là gốc tốt.*

Giải thích : Chúng tính như vậy có thể tăng trưởng công đức cực rộng cây Đại Bồ-đề, có thể được vui lớn, có thể diệt khổ lớn, có thể được tự tha lợi lạc, lấy làm đại quả. Cho nên tính này là trên hết . Ví như gốc cây cát tường, tính Bồ-tát cũng vậy.

Xong Phẩm chúng tính.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH (Hết quyển 1)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH Quyển 2

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 5 : Phát tâm

Giải thích : Như nói đã phân biệt chúng tính Bồ-tát, tiếp phân biệt tướng phát tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Kê nói :

*Dũng mãnh và phương tiện,
Lợi ích và xuất ly.
Bốn lớn, 3 công đức,
Hai nghĩa nên tâm khởi.*

Giải thích : Bồ-tát phát tâm có 4 thứ lớn : 1. Dũng mãnh lớn. Nghĩa là trường thời gian tinh tiến thệ nguyện rộng lớn làm những việc khó làm. 2. Phương tiện lớn. Nghĩa là mặc áo giáo hoằng thệ luôn luôn dùng phương tiện siêng năng tinh tiến. 3. Lợi ích lớn. Nghĩa là tất cả mọi lúc làm lợi mình lợi người. 4. Xuất ly lớn. Nghĩa là vì cầu vô thượng Bồ-đề. Lại nữa 4 thứ lớn này được thể hiện trong 3 thứ công đức. Cái lớn thứ nhất và thứ hai hiển thị công đức sở tác của trượng phu. Cái lớn thứ ba hiển thị làm công đức đại nghĩa. Cái lớn thứ tư hiển thị công đức thụ quả. Ba công đức này lấy 2 nghĩa làm duyên. Hai nghĩa đó là vô thượng Bồ-đề và tất cả chúng sinh. Do tư duy như vậy nên phát tâm Bồ-đề.

Đã nói về tướng phát tâm, tiếp nói các phát tâm sai biệt.

Kê nói :

*Tín hành cùng tín y,
Báo đắc và vô chướng.
Phát tâm y các địa,
Sai biệt có 4 thứ.*

Giải thích : Bồ-tát phát tâm, dựa vào các địa có 4 thứ khác nhau : 1. Tín hành phát tâm, đó là tín hành địa. 2. Tịnh y phát tâm, đó là 7 địa trước. 3. Báo đắc phát tâm, đó là 3 địa sau. 4. Vô chướng phát tâm, đó là Như Lai địa. Đã nói sự sai biệt, tiếp phải giải thích rộng.

Hỏi : Phát tâm như thế lấy gì làm căn bản, sở y vào đâu, tin vào pháp gì, duyên vào cái gì, thuộc thừa nào, trụ ở đâu, có những chướng nạn gì, được các công đức gì, có những tự tính gì, xuất ly những nơi nào, nơi nào là cứu cánh ?

Kê nói :

*Đại bi cùng lợi vật,
Đại pháp với chủng trí,
Thắng dục và đại hộ,
Thụ chướng và tăng thiện,*

*Phúc trí với tu độ,
Cùng với mỗi địa đủ.
Ban đầu đến rốt sau,
Theo thứ tự nên biết.*

Giải thích : Bồ-tát phát tâm lấy đại bi làm căn bản, lấy lợi vật làm y chỉ, lấy pháp Đại thừa làm nơi tin tưởng, lấy chủng trí làm sở duyên vì cầu đạt được, lấy thắng dục làm sở thừa vì muốn được vô thượng thừa, lấy đại hộ làm chỗ trụ vì trụ nơi giới Bồ-tát, lấy sự bị chướng ngại làm tai nạn vì khởi tâm với thừa khác, lấy tăng thiện làm công đức, lấy phúc trí làm tự tính, lấy tu tập các độ làm xuất ly, lấy đầy đủ các địa làm cứu cánh. Do mỗi địa mỗi địa siêng dùng phương tiện phù hợp với chúng.

Như vậy đã phân biệt rộng, tiếp nói về thụ thể tục phát tâm.

Kệ nói :

*Sức bạn và sức nhân,
Sức căn và sức nghe.
Bốn sức chung 2 phát,
Không kiên và kiên cố.*

Giải thích : Nếu từ người khác nói mà được giác ngộ rồi phát tâm gọi là thụ thể tục phát tâm. Sự phát tâm này do 4 sức : 1. Do sức của bạn bè mà phát tâm, hoặc được thiện tri thức tùy thuận. 2. Do sức nhân mà phát tâm, hoặc quá khứ đã từng phát tâm. 3. Do sức của căn mà phát tâm, hoặc quá khứ từng làm các thiện căn được viên mãn. Do sức của nghe pháp mà phát tâm, hoặc nơi nơi khi thuyết pháp vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Lại nữa tu tập thiện căn là hoặc hiện tại như pháp thường nghe, thụ trì v.v... Lại nữa 4 sức phát tâm kia nói chung có 2 thứ : 1. Phát tâm không kiên cố. Nghĩa là do sức của bạn bè. 2. Phát tâm kiên cố. Nghĩa là nhân v.v... 3 sức phát tâm.

Đã nói về thể tục phát tâm, tiếp nói đệ nhất nghĩa phát tâm.

Kệ nói :

*Gần gũi Chính biến tri,
Khéo gồm tụ phúc trí.
Với pháp không phân biệt,
Chân trí tối thượng sinh.*

Giải thích : Đệ nhất nghĩa phát tâm được hiển thị có 3 thứ vượt trội : 1. Giáo thụ vượt trội, vì thân cận bậc Chính biến tri. 2. Tùy thuận vượt trội, vì khéo gom tụ phúc trí. 3. Đắc quả vượt trội, vì sinh trí vô phân biệt. Phát tâm này gọi là bậc hoan hỷ địa, do hoan hỷ vượt trội.

Hỏi : Sự vượt trội này lấy gì làm nhân ?

Kê nói :

*Các pháp và chúng sinh,
Sở tác và Phật thể.
Nơi 4 bình đẳng này,
Nên được hoan hỷ thắng.*

Giải thích : Bốn bình đẳng là : 1. Pháp bình đẳng, vì do thông đạt pháp vô ngã. 2. Chúng sinh bình đẳng, vì được tự tha bình đẳng. 3. Sở tác bình đẳng, vì khiến người hết khổ cũng như mình hết khổ. 4. Phật thể bình đẳng, vì pháp giới và ta không gì khác biệt, quyết định có thể thông suốt.

Đã nói thắng nhân, tiếp nói thắng sai biệt.

Kê nói :

*Sinh vị và nguyện vị,
Cũng mạnh cũng tịnh y.
Các xảo và các xuất,
Sáu thắng là như vậy.*

Giải thích : Đệ nhất nghĩa phát tâm lại có 6 thứ vượt trội : 1. Sinh vị vượt trội. 2. Nguyện vị vượt trội. 3. Dũng mãnh vượt trội. 4. Tịnh y vượt trội. 5. Dư xảo vượt trội. 5. Dư xuất vượt trội.

Hỏi : Sáu thứ này vì sao là vượt trội ?

Kê nói :

*Sinh vượt trội : 4 nghĩa,
Nguyện lớn có 10 thứ.
Dũng mãnh thường không lui,
Tịnh y 2 lợi sinh.
Xảo tiện đến các địa,
Xuất ly khéo tư duy.
Do 6 đạo lý này,
Mà thành 6 vượt trội.*

Giải thích : Bốn nghĩa của sinh vượt trội là : 1. Chúng tử vượt trội, vì tin pháp Đại thừa làm chúng tử. 2. Mẹ sinh vượt

trội, vì Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ sinh. 3. Bào thai vượt trội, vì niềm vui đại thiên định là thai tạng. 4. Sữa mẹ vượt trội, vì đại bi nuôi lớn là sữa mẹ. Nguyên lớn có 10 thứ là 10 đại nguyện nói trong Kinh Thập Địa, vì phát nguyện này là thù thắng. Dũng mãnh thường không lui, nghĩa là có thể làm việc khó làm hằng không lùi bước. Tịnh y 2 lợi sinh là : 1. Biết mình gần Bồ-đề. 2. Biết phương tiện lợi tha nên khéo tiến lên các địa khác, vì được phương tiện lên thượng địa. Xuất ly khéo tư duy, nghĩa là tư duy trụ trong các địa mà kiên lập pháp.

Hỏi : Tư duy như thế nào ?

Đáp : Như kiến kiến lập biết bình đẳng, phân biệt, vì lấy cái phân biệt đó cũng biết không phân biệt.

Đã nói phát tâm, tiếp nói thí dụ để hiển thị phát tâm này.

Kê nói :

*Như địa, như vàng ròng,
Như trăng, như thêm lửa,
Như kho, như hộp báu,
Như biển, như kim cương,
Như núi, như được vương,
Như bạn, như như ý,
Như nắng, như nhạc hay,
Như vua, như kho lẫm,
Như đường, như xe chở,
Như suối, như tiếng mừng,
Như chảy cũng như mây,
Phát tâm ví như vậy.*

Giải thích : Phát tâm như vậy với các ví dụ này tương ứng với nghĩa gì ? Đáp : Ví như lục địa lớn, phát tâm lúc mới đầu cũng như vậy, vì tất cả Phật pháp có thể phát sinh và duy trì. Ví như vàng ròng, phát tâm tương ứng y cũng như vậy, vì lợi ích an lạc không thoái lui không hư hoại. Ví như trăng non, phát tâm tương ứng cần cũng như vậy, vì tất cả thiện pháp dần dần tăng. Ví như thêm củi lửa, phát tâm tương ứng cực y cũng như vậy, vì càng thêm củi lửa càng cháy mạnh. Ví như kho tàng lớn, phát tâm tương ứng Đản Ba-la-mật cũng như vậy, vì của cải chu cấp không hết. Ví như hộp báu vật, phát tâm tương ứng Thi Ba-la-mật cũng như vậy, vì công đức pháp bảo từ đó sinh. Ví như biển

lớn, phát tâm tương ưng Sằn-đề Ba-la-mật cũng như vậy, vì các tâm trái nghịch không động. Ví như kim cương, phát tâm tương ưng Tì-lê-da Ba-la-mật cũng như vậy, vì dũng mãnh kiên cường không thể hư hoại. Ví như dược vương, phát tâm tương ưng Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy, vì đây có thể phá hoặc trí 2 bệnh, phát tâm tương ưng vô lượng cũng như vậy, vì tất cả mọi lúc không bỏ chúng sinh. Ví như ngọc như ý, phát tâm tương ưng thần thông cũng như vậy, vì tùy chỗ muốn hiện có thể thành tựu. Ví như trời nắng, phát tâm tương ưng nhiếp cũng như vậy, vì thành thực chúng sinh như trời nắng làm chín lúa thóc. Ví như nhạc hay, phát tâm tương ưng biện cũng như vậy, vì thuyết pháp giáo hóa thâm nhiếp chúng sinh. Ví như quốc vương, phát tâm tương ưng lượng cũng như vậy, vì có thể vì chính đạo không phá hoại nhân. Ví như kho lẫm, phát tâm tương ưng tụ cũng như vậy, vì gồm chứa pháp tài phúc trí. Ví như đường vua đi, phát tâm tương ưng giác phần cũng như vậy, vì Đại thánh đi trước tùy tùng theo sau. Ví như xe chở, phát tâm tương ưng chỉ quán cũng như vậy, vì đủ 2 bánh yên ôn mà đi. Ví như suối nước, phát tâm tương ưng tổng trì cũng như vậy, vì người nghe tuy nhiều nhưng pháp thì vô tận. Ví như tiếng mừng vui, phát tâm tương ưng pháp âm cũng như vậy, vì đó là tiếng người cầu giải thoát thích nghe. Ví như con sông chảy, phát tâm tương ưng tự tính cũng như vậy, vì không tác ý mà đạo vô sinh nhân tự nhiên lưu xuất. Ví như mây lớn có thể thành thế giới, phát tâm tương ưng phương tiện cũng như vậy, vì thị hiện 8 tướng thành đạo giáo hóa chúng sinh. Như vậy 22 thí dụ ví cho phát tâm kia như Thánh giả nói rộng trong Kinh Vô Tận Tuệ.

Đã nói thí dụ phát tâm, tiếp nói tội lỗi không phát tâm.

Kê nói :

*Tư lợi, được phương tiện,
Hiểu nghĩa và chứng chân.
Như vậy tứ thời vui,
Đến tịch thì liền xả.*

Giải thích : Bồ-tát có 4 cái vui : 1. Tư lợi : vui, tức khi tư duy lợi ích tha nhân. 2. Được phương tiện : vui, tức khi được phương tiện khéo léo. 3. Hiểu nghĩa : vui, tức khi hiểu rõ ý Đại thừa. 4. Chứng thật : vui, tức khi chứng nhân pháp vô ngã. Nếu

người xả bỏ chúng sinh tìm đến tịch diệt, phải biết người ấy không được 4 cái vui của Bồ-tát.

Đã trách không phát tâm thì nên khen ngợi người phát tâm.

Kê nói :

*Tối sơ phát đại tâm,
Khéo hộ vô biên ác,
Thiện tăng vì bi tăng,
Vui mừng, khổ cũng vui.*

Giải thích : Nếu Bồ-tát mới phát tâm Đại Bồ-đề, bấy giờ y vào vô biên chúng sinh liền được khéo giữ gìn không làm các ác. Vì thế người này xa lìa, sợ thoái đọa ác đạo. Lại nữa do có điều thiện và tăng trưởng điều thiện cho nên đối với cái vui thường hoan hỷ, do có tâm bi và tăng trưởng tâm bi nên đối với cái khổ thường hoan hỷ. Vì thế người này xa lìa, sợ thoái mất thiện đạo. Đã khen ngợi phát tâm, tiếp nói nhân phát tâm này được bất tác hộ.

Kê nói :

*Yêu người hơn yêu mình,
Quên mình lợi chúng sinh.
Không vì mình ghét người,
Sao làm nghiệp bất thiện.*

Giải thích : Nếu sơ lược trình bày nghĩa kia, Bồ-tát yêu người hơn yêu mình, do đó quên thân mạng mình vì lợi ích người khác. Không vì lợi mình mà tổn hại người, do đó có thể tuyệt dứt các ác nghiệp đối với chúng sinh.

Đã nói được bất tác hộ, tiếp nói được bất thoái tâm.

Kê nói :

*Quán pháp biết như huyễn,
Quán sinh như vào vườn,
Dầu thành dầu bất thành,
Hoặc khổ đều không sợ.*

Giải thích : Bồ-tát quán các pháp biết tựa như huyễn, dầu khi thành tựu, đối với phiền não không sinh sợ hãi. Bồ-tát quán nơi mình sinh như vào vườn hoa, dầu khi không thành tựu, đối với khổ não cũng không sinh sợ hãi. Nếu như vậy thì còn ý gì mà thoái tâm Bồ-đề ư ?

Lại có Kê nói :

*Tự trang nghiêm, tự ăn,
Vườn hoa và vui chơi,
Như vậy có 4 việc,
Tâm bi không thừa khác.*

Giải thích : Bồ-tát lấy công đức mình mà tự trang nghiêm, lấy sự hoan hỷ lợi tha làm cái ăn của mình, lấy tác ý nơi sinh làm vườn hoa, lấy thần thông biến hóa làm vui chơi. Bốn việc như vậy chỉ Bồ-tát mới có, nhị thừa không có. Bồ-tát đã có 4 việc này làm sao thoái tâm Bồ-đề ?

Đã nói tâm không thoái lui, tiếp ngăn chặn tâm sợ khổ.

Kê nói :

*Rất siêng lợi chúng sinh,
Vì đại bi là tính.
Vô gián như chỗ vui,
Đâu còn sợ các khổ.*

Giải thích : Bồ-tát lấy đại bi làm thể cho nên rất siêng năng lợi tha, tuy vào địa ngục A-tì như vào chốn vui chơi. Bồ-tát như vậy ở trong các khổ đâu sinh sợ hãi mà vì sợ thoái tâm ư?

Kê nói :

*Đại bi hằng trong tâm,
Người khổ là mình khổ.
Tự nhiên làm nên làm,
Đợi khuyên rất xấu hổ.*

Giải thích : Các Bồ-tát đại bi chính hạnh thường ở trong tâm. Nếu thấy chúng sinh chịu khổ tức mình sinh khổ. Do đạo lý này việc nên làm tự nhiên làm. Nếu đợi thiện hữu khuyên bảo thì sinh rất xấu hổ.

Kê nói :

*Gánh vác thay chúng sinh,
Biếng nhác xấu không tốt.
Để coi trối mình người,
Phải tinh tiến gấp trăm.*

Giải thích : Bồ-tát phát tâm gánh vác gánh nặng cho chúng sinh, nếu trì hoãn là việc xấu không phải là chúng sinh đoạn chính nhất. Bồ-tát phải suy nghĩ. Hoặc mình hoặc người có các thứ trối buộc, nghĩa là sinh hoặc nghiệp, thì phải tinh tiến gấp

trăm lần để cởi mở trói buộc này, hơn cả việc phải làm của Thanh Văn.

Xong Phẩm phát tâm.

Phẩm 6 : Hai lợi

Giải thích : Đã nói về phát tâm, tiếp nói theo phát tâm này tùy thuận tu hành tự lợi lợi tha.

Kê nói :

*Đại y và đại hạnh,
Đại quả thứ lớp nói.
Đại thủ và đại nhẫn,
Đại nghĩa 3 việc thành.*

Giải thích : Đại y, nghĩa là y chỉ Đại Bồ-đề mà phát tâm. Đại hạnh, là vì tự lợi lợi tha mà phát hạnh nguyện lớn. Đại quả, là khiến được vô thượng Bồ-đề như thứ lớp. Đại thủ, là khi phát tâm gồm thấu tất cả chúng sinh. Đại nhẫn, là khi phát tâm tu hành thì nhẫn chịu tất cả cái khổ lớn. Đại nghĩa, là khi đắc quả nghiệp thành tựu rộng lợi ích tất cả chúng sinh.

Đã nói xong thứ lớp, tiếp nói tự tha không sai biệt.

Kê nói :

*Tự tha tâm bình đẳng,
Ái thì thắng hơn kia.
Như vậy có thắng tướng,
Hai lợi nào sai biệt.*

Giải thích : Bồ-tát được tâm tự tha bình đẳng, hoặc do tin mà được, nghĩa là khi thể tục phát tâm, hoặc do trí mà được, nghĩa là khi đệ nhất nghĩa phát tâm. Bồ-tát tuy có tâm này nhưng yêu thân người thì hơn thân mình. Đối với người đã có tướng thắng hơn như vậy thì không còn phân biệt cái gì là tự lợi, cái gì là lợi tha, vì đều không phân biệt.

Đã nói xong vô sai biệt, tiếp nói lợi tha hơn.

Kê nói :

*Ở đời không nghiệp oán,
Lợi kia hằng tự khó.
Bi tâm tự nhiên khởi,
Cho nên lợi tha hơn.*

Giải thích : Bồ-tát trong các thế gian nghiệp oán dứt đã lâu. Cho nên hằng vì lợi tha, tự thân chịu các cần khổ là do đại bi làm thể tự nhiên phát khởi. Do đạo lý này thì lợi tha là hơn.

Hỏi : Lợi tha như thế sao nói là tùy thuận ?

Kê nói :

*Khéo nói, khiến quy hướng,
Khiến nhập cũng khiến điều.
Khiến thành cũng khiến trụ,
Khiến giác, khiến giải thoát.
Tập đức và sinh gia,
Được ký và thụ chức.
Đến thành trí Như Lai,
Lấy đó lợi quần sinh.*

Giải thích : Ba loại chúng sinh, nghĩa là trụ ở tính bậc hạ trung thượng. Bồ-tát đúng như chỗ sở trụ mà nhiếp thủ chúng, dùng 13 thứ tùy thuận lợi ích : 1. Khéo nói, do tùy giáo và ký tâm. 2. Khiến quy hướng, do sức thần thông. 3. Khiến nhập, do đã quy hướng rồi có thể khiến tin thụ chính giáo. 4. Khiến điều, do đã nhập vào, đoạn các nghi. 5. Khiến thành, do thành thực thiện căn. 6. Khiến trụ, do dạy dỗ khiến tâm an trụ. 7. Khiến giác, do được trí tuệ. 8. Khiến giải thoát, do được thần thông v.v... các thắng công đức. 9. Tập đức, do gồm khắp phúc trí. 10. Sinh gia, do sinh vào Phật gia. 11. Được ký, do địa thứ 8 thụ ký. 12. Thụ chức, do thụ chức địa thứ 10. 13. Được trí Như Lai, do nhập Phật địa.

Hỏi : Sự tùy thuận này thành lập như thế nào ?

Kê nói :

*Không đảo và không cao,
Không nhiễm và thông đạt,
Năng nhẫn và điều thuận,
Đi xa và vô tận.
Nên biết 8 nghĩa này,
Thành tựu 13 kia.*

Giải thích : Không đảo, là như người đã trụ nơi tính, Bồ-tát tùy cơ thuyết pháp không nói bừa bãi. Không cao, là khi được quy hướng không ý thần thông mà tự cao. Không nhiễm, là khi vào chính pháp không nhiễm trước chúng sinh. Thông đạt, là vì

đoạn dứt lưới nghi. Năng nhẫn, là vì khéo thành thực. Điều thuận, là tùy thuận dạy dỗ, không dạy dỗ không điều hòa. Đi xa, là tùy thuận sinh gia v.v... không nơi xa nào không đi khiến kia làm được. Vô tận, là Bô-tát lợi ích chúng sinh tất cả mọi lúc đều không hết hạnh nguyện. Đó gọi là thành tựu.

Hỏi : Tùy thuận này thắng sai biệt như thế nào ?

Kê nói :

*Tập dục rất đáng sợ,
Hữu ái, động mà đảo.
Lạc diệt, đoạn phiền não,
Đại bi, cầu Phật pháp.*

Giải thích : Tập dục, là nói người cõi Dục. Rất đáng sợ, là thân tâm nhiều khổ và hướng đến ác thú. Hữu ái, là nói người cõi Sắc và Vô sắc. Động mà đảo, là chúng yêu thích vô thường nên động, hành khổ nên điên đảo. Lạc diệt, là chỉ người tự lợi. Đoạn phiền não, là do phiền não nắm giữ nên khổ mãi không dứt. Vì để lìa khổ nên đoạn phiền não mà cầu tịch diệt. Đại bi, là nói người lợi tha. Cầu Phật pháp, là nói người này thường cầu tất cả pháp Phật vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh.

Kê nói :

*Thế gian cầu mình vui,
Không vui hằng cực khổ.
Bô-tát làm người vui,
Hai lợi vui hơn cả.*

Giải thích : Thế gian ngu si thường tìm vui cho mình mà không được vui trở lại bị cực khổ. Bô-tát không như vậy, thường siêng năng làm điều vui cho người mà thành tựu 2 lợi, lại được cái vui đệ nhất Đại Niết-bàn. Đây là thắng tùy thuận sai biệt của Bô-tát.

Đã nói tùy thuận lợi tha, tiếp lấy đây làm hồi hướng chúng sinh.

Kê nói :

*Dị căn nơi dị xứ,
Dị tác có dị hành,
Tất cả việc làm đó,
Hồi hướng lợi chúng sinh.*

Giải thích : Bồ-tát hồi hướng tùy nhân v.v... các căn, làm nhiều nơi, làm nhiều oai nghi, làm các nghiệp lợi ích chúng sinh. Tất cả các việc làm đó, nếu phù hợp và tương tự đều hồi hướng tất cả chúng sinh, như được nói rộng trong Kinh Hành Thanh Tịnh.

Đã nói về tâm hồi hướng, tiếp ngăn chặn tâm bất nhẫn.

Kê nói :

*Chúng sinh không tự tại,
Thường tạo các ác nghiệp.
Nhẫn kia thêm tâm bi,
Không nã cũng không trái.*

Giải thích : Chúng sinh bị phiền não làm não loạn tâm không tự tại, cho nên làm các ác nghiệp. Trí tuệ Bồ-tát thường khởi đại nhẫn tăng trưởng đại bi, cho nên đối với chúng sinh không khởi tâm làm não hại, cũng không muốn làm việc gì không tùy thuận.

Đã ngăn chặn tâm bất nhẫn, tiếp hiển thị tùy thuận đại.

Kê nói :

*Thắng xuất cùng tịch tĩnh,
Công đức và lợi vật.
Thứ tự y 4 nghĩa,
Nói đại có 4 thứ.*

Giải thích : Chư Bồ-tát có 4 thứ tùy thuận đại : 1. Thắng xuất đại, là vượt trội thoát ra khỏi tam hữu ngũ thú. Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói : “ Tu-bồ-đề ! Nếu sắc là hữu pháp không phải vô pháp thì Ma-ha-diễn không thể vượt trội thoát khỏi tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la.” 2. Tịch tĩnh đại, vì tùy hướng vô trụ xứ Niết-bàn. 3. Công đức đại, vì phúc đức trí tuệ 2 nhóm tăng trưởng. 4. Lợi vật đại, vì thường y vào đại bi không bỏ chúng sinh.

Xong Phẩm nhị lợi.

Phẩm 7 : Chân thật

Giải thích : Đã nói tùy thuận tu hành, tiếp nói tướng đệ nhất nghĩa.

Kê nói :

Phi hữu cũng phi vô,

*Phi như cũng phi dị.
Phi sinh cũng phi diệt,
Phi tăng cũng phi giảm.
Phi tịnh phi bất tịnh,
Năm thứ không 2 tướng.
Gọi là đệ nhất nghĩa,
Người tu hành phải biết.*

Giải thích : Không 2 nghĩa, là đệ nhất nghĩa. Năm thứ thị hiện : Phi hữu, là vì không 2 tướng phân biệt và y tha. Phi vô, là vì có tướng chân thật. Phi như, là vì 2 tướng phân biệt và y tha không một thật thể. Phi dị, là vì 2 thứ kia như không có thể khác nhau. Phi sinh phi diệt, là vì vô vi. Phi tăng phi giảm, là vì 2 phần tịnh nhiễm khi khởi khi diệt pháp giới vẫn trụ đúng như vậy. Phi tịnh, là vì tự tính không nhiễm nên không cần phải tịnh. Phi bất tịnh, là vì đã bỏ khách trần. Như vậy 5 thứ không 2 tướng thì biết là tướng đệ nhất nghĩa.

Đã nói đệ nhất nghĩa, tiếp ngăn chặn điên đảo khởi.

Kê nói :

*Ngã kiến phi ngã kiến,
Vô tướng phi vô duyên.
Vị khác 2 vô ngã,
Giải thoát chỉ hết mê.*

Giải thích : Ngã kiến phi ngã kiến, là vì không có ngã tướng. Bởi vì sao ? Do ngã tướng chỉ là phân biệt. Phi vô duyên, là vì phiền não tập khí duyên 5 thụ ấm. Vị khác 2 vô ngã, nghĩa là nói 2 tức là ngã kiến và 5 thụ ấm cũng chẳng khác 2 thứ này mà có ngã tướng. Như vậy ngã kiến chỉ là mê lầm, thật không có ngã tướng có thể có được. Giải thoát chỉ hết mê, nghĩa là nếu duyên tự thân khởi giải thoát cũng chỉ hết mê, vì không có cái ngã nào khác gọi là giải thoát.

Đã ngăn chặn vọng kiến, tiếp trách điên đảo.

Kê nói :

*Làm sao y ngã kiến,
Không thấy tự tính khổ,
Mê khổ và cái khổ,
Pháp tính cùng vô tính.*

Giải thích : Làm sao dựa vào ngã kiến không thấy tự tính của khổ ? Than ôi ! Thế gian làm sao y chỉ ? Ngã kiến khởi các mê không thể hiểu rõ các hành là tự tính của khổ mà thường theo đuổi ư ? Mê khổ và cái khổ, pháp tính cùng vô tính, nghĩa là khổ tức là chịu cái cảm xúc khổ, cái khổ tức là khổ không dứt chẳng phải ta với khổ tương ưng gọi là cái khổ. Mê khổ nghĩa là không rõ tự tính của khổ. Mê cái khổ là khổ không rõ vô ngã. Pháp tính là chỉ có pháp, vì nhân vô ngã. Vô tính là phi pháp, vì pháp vô ngã.

Kê nói :

*Làm sao duyên khởi thể,
Hiện thấy sinh dị kiến.
Ám nên không thấy có,
Và cũng không có thấy.*

Giải thích : Làm sao duyên khởi thể hiện thấy sinh dị kiến ? Than ôi ! Thế gian làm sao hiện thấy các hành đều từ duyên khởi mà dựa vào thể đó sinh dị kiến một cách bừa bãi. Nghĩa là nhãn v.v...các căn, thể không phải duyên khởi. Vì tà chấp tối tăm nên không thấy có, và cũng không có thấy, do vô minh nên pháp duyên khởi là có mà không thấy có, ngã thể là không có mà có thấy.

Hỏi : Nếu vậy làm sao được Niết-bàn ?

Kê nói :

*Sinh tử cùng Niết-bàn,
Không 2, không chút khác.
Khéo trụ nơi vô ngã,
Hết sinh tử Niết-bàn.*

Giải thích : Sinh tử và Niết-bàn không 2, cho đến không khác tí nào. Bởi vì sao ? Vì bình đẳng vô ngã. Nếu người khéo trụ nơi vô ngã mà tu thiện nghiệp thì sinh tử liền hết mà được Niết-bàn.

Như vậy đã ngăn chặn điên đảo,tiếp nên nói đối trị điên đảo kia.

Kê nói :

*Phúc trí vô biên tế,
Sinh trưởng tất viên mãn.
Tu pháp quyết định rồi,*

Thông đạt tính nghĩa loại.

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ nhất tập đại tự vị. Phúc trí vô biên tế, là vì do sai biệt vô số và thời tiết vô biên. Sinh trưởng tất viên mãn, là vì Bồ-tát nhóm hợp đại tự này đáo bỉ ngạn. Tư pháp quyết định rồi, là y chỉ định tâm mà tư duy. Thông đạt tính nghĩa loại, là hiểu chỗ tư duy nghĩa loại các pháp, vì tất lấy ý ngôn làm tự tính.

Kệ nói :

*Đã biết tính nghĩa loại,
Khéo trụ chỉ tâm quang.
Vì hiện thấy pháp giới,
Giải thoát nơi 2 tướng.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ nhị thông đạt phần vị, do hiểu tất cả các nghĩa chỉ là ý ngôn làm tính, thì hiểu rõ tất cả các nghĩa tức là tâm sáng. Bồ-tát lúc bấy giờ gọi là khéo trụ duy thức. Từ đó về sau hiện thấy pháp giới, hiểu thấu suốt 2 tướng tức giải thoát năng chấp và sở chấp.

Kệ nói :

*Ngoài tâm không có vật,
Vật không tâm cũng không.
Bởi hiểu được 2 không,
Khéo trụ chân pháp giới.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa đệ tam kiến đạo vị. Như kia hiện thấy pháp giới nên hiểu rõ ngoài tâm không có vật sở thủ. Vì không có vật sở thủ nên cũng không có tâm năng thủ. Do là 2 tướng năng thủ sở thủ nên phải biết khéo trụ tự tính của pháp giới.

Kệ nói :

*Trí lực vô phân biệt,
Hằng bình đẳng biến hành.
Vì hoại quá tự thế,
Như thuộc hay trừ độc.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ tứ tu đạo vị. Bồ-tát nhập đệ nhất nghĩa trí chuyển y rồi, dùng trí vô phân biệt hằng hành bình đẳng và hành biến xứ. Bởi vì sao ? Vì phá hoại chỗ y chỉ tính y tha huân tập quá dày đặc như rừng rậm.

Hỏi : Trí lực này như thế nào ?

Đáp : Ví như thuốc A-già-đà có thể trừ tất cả các độc. Trí lực kia như thế.

Kệ nói :

*Duyên Phật khéo thành pháp,
Tâm căn an pháp giới.
Hiểu niệm chỉ phân biệt,
Mau cùng biến công đức.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa của đệ ngũ cứu cánh vị. Duyên Phật khéo thành pháp, nghĩa là Bồ-tát trong việc khéo thành lập tất cả diệu pháp của Phật, làm tổng tụ duyên.

Hỏi : Tổng tụ duyên là thế nào ?

Đáp : Tâm căn an pháp giới. Đây nói rõ nhập trí đệ nhất nghĩa. Do trí tuệ này an trụ pháp giới, nên tâm này gọi là căn.

Hỏi : Rồi sau thế nào ?

Đáp : Hiểu niệm chỉ phân biệt. Nghĩa là từ đây về sau khởi quán như trước quán, xú xú niệm chuyên hiểu biết các niệm chỉ là phân biệt không phải thật hữu.

Hỏi : Biết như thế là đã được tiến đến vị gì ?

Đáp : Mau chóng tận cùng biến công đức. Nghĩa là biết như vậy đã được quả Phật công đức như biển, vì có thể mau chóng đạt đến tận cùng bờ bên kia.

Xong Phẩm chân thật.

Phẩm 8 : Thần thông

Giải thích : Nói nghĩa chân thật xong, tiếp hiển thị tướng thần thông của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Khởi diệt và ngôn âm,
Tâm hành cùng tiên trụ.
Hướng kia khiến xuất ly,
Sáu trí tự tại thông.*

Giải thích : Khởi diệt là cảnh của sinh tử trí, vì biết các chúng sinh sinh tử. Ngôn âm, là cảnh của thiên nhĩ trí, vì kia khởi ngôn ngữ gì thấy đều nghe biết. Tâm hành, là cảnh của tha tâm trí, vì có thể biết được tâm hành sai biệt của người khác. Tiên trụ, là cảnh của túc mạng trí, vì biết chỗ ở trước của người kia là nơi thiện, nơi ác. Hướng kia, là cảnh của như ý trí, vì tùy

theo chỗ ở của người kia mà sang đó giáo hóa. Xuất ly, là cảnh của lậu tận trí, vì biết chúng sinh kia được hay không được xuất ly. Sáu trí này là 6 nghĩa sai biệt trong các thế giới. Biết khắp, không ngại, dũng mãnh, tự tại là tự tính thần thông của Bồ-tát.

Đã nói tự tính, tiếp nói tu tập.

Kê nói :

*Đệ tứ cực tịnh thiên,
Gôm trí vô phân biệt.
Như chỗ lập phương tiện,
Y đây tịnh thần thông.*

Giải thích : Như thiên sở y, như trí sở nhiếp, như phương tiện sở lập, Bồ-tát tác ý tu tập thì được thần thông cao tột.

Đã nói tu thần thông, tiếp nói đắc quả.

Kê nói :

*Ba trụ, trụ vô tỷ,
Sở trụ, thiện cúng dường.
Khiến kia được thanh tịnh,
Là nói quả thần thông.*

Giải thích : Có 3 thứ quả của thần thông : 1. Quả nơi ở thù thắng. Nơi trụ xứ này có 3 thứ một Thánh trụ hai Phạm trụ ba Thiên trụ, vì sở đắc là không thể so sánh, không có gì trên. 2. Quả thiện cúng dường, vì tùy chỗ trụ xứ, được chúng sinh thế gian đại cúng dường. 3. Quả khiến người thanh tịnh, vì có thể khiến người cúng dường được thanh tịnh.

Hỏi : Thần thông có 6 thứ nghiệp : 1. Tự nghiệp. 2. Tha nghiệp. 3. Quang nghiệp. 4. Hý nghiệp. 5. Hóa nghiệp. 6. Tịnh nghiệp.

Đây là thế nào ?

Kê nói :

*Việc thế, sinh, thành hoại,
Thấy như là ảo hóa.
Các thứ người ước muốn,
Tự tại tùy ý thành.*

Giải thích : Nửa trên bài kệ hiển thị tự nghiệp, vì thấy thế giới, chúng sinh hoặc thành hoặc hoại đều như ảo hóa. Nửa dưới hiển thị tha nghiệp. Nghĩa là làm cho đại địa rung động hay

phóng ánh sáng là tùy theo ý muốn của người mà hiện ra tự tại.
Mười thứ tự tại như có nói trong Kinh Thập Địa.

Kệ nói :

*Thần quang chiếu ác thú,
Khiến tin sinh thiện đạo.
Uy lực động thiên cung,
Khiến ma vương hoảng sợ.*

Giải thích : Kệ này hiển thị quang nghiệp. Quang nghiệp có 2 thứ một là cứu khổ hai là làm tà ma sợ hãi. Nửa kệ trên nói cứu khổ. Nghĩa là ánh sáng thần thông dưới chiếu đến ác đạo chúng sinh khiến phát tín tâm được sinh vào đường thiện. Nửa kệ dưới nói làm tà ma sợ hãi, nghĩa là trên chiếu đến thiên cung làm rung động cung điện khiến chúng ma hoảng sợ.

Kệ nói :

*Dạo chơi các Tam-muội,
Đứng đầu trong tăng chúng.
Hàng hiện 3 biến hóa,
Để làm lợi chúng sinh.*

Giải thích : Nửa kệ trên hiển thị hỷ nghiệp. Trong tăng chúng của Phật được các định du hỷ tự tại. Nửa kệ dưới hiển thị hóa nghiệp. Hóa có 3 thứ : 1. Nghiệp hóa, là xử lý tự tại tại nghề công xảo hóa độ chúng sinh. 2. Tùy hóa, tùy chỗ ước muốn của chúng sinh mà tự tại hóa độ. 3. Thượng hóa, là hiện trụ cung trời Đâu-suất thẳng diệu hóa độ chúng sinh. Lấy 3 pháp hóa độ hàng làm lợi ích.

Kệ nói :

*Trí lực khắp tự tại,
Cõi nước tùy muốn hiện.
Không Phật nay nghe Phật,
Cảnh Phật thấy trước mắt.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp có 2 thứ : 1. Cõi nước thanh tịnh. 2. Chúng sinh thanh tịnh. Nửa kệ trên nói cõi nước thanh tịnh, do trí tự tại, tùy chúng sinh muốn có thể hiện thế giới thanh tịnh như thủy tinh, lưu ly v.v... Nửa kệ dưới nói chúng sinh thanh tịnh, ở thế giới không có Phật có

thể khiến nghe biết có Phật khởi tín tâm thanh tịnh sinh về thế giới có Phật.

Đã nói nghiệp dụng, tiếp nói tương ưng.

Kê nói :

*Sức thành thực chúng sinh,
Chư Phật đều khen ngợi.
Mở lời đều đáng tin,
Đó là nói tương ưng.*

Giải thích : Có 3 thứ thần thông tương ưng : 1. Thành sinh tương ưng, như chim vừa mới mọc lông cánh. 2. Khen ngợi tương ưng, là thường được chư Phật khen ngợi. 3. Tin thụ tương ưng, những gì nói ra người đều tin nhận.

Đã nói tương ưng, tiếp nói trụ các thần thông.

Kê nói :

*Sáu trí và 3 minh,
Tám giải, 8 thắng xứ.
Mười biến các Tam-muội,
Dũng mãnh giúp thần thông.*

Giải thích : Bồ-tát trụ các thần thông có 6 thứ sai biệt : 1. Sáu trí. 2. Ba minh. 3. Tám giải thoát. 4. Tám thắng xứ. 5. Mười biến nhập. 6. Các Tam-muội. Sáu nghĩa đó là phân biệt các thần thông khác nhau.

Đã nói trụ các thần thông, tiếp nói thần thông lớn.

Kê nói :

*Làm yên không tự tại,
Thường siêng năng lợi vật.
Việc làm không sợ sệt,
Dũng mãnh như sư tử.*

Giải thích : Thần thông của Bồ-tát có 3 thứ được gọi là đại : 1. Tự tại đại, vì chúng sinh do phiền não nên không được tự tại, trí lực của Bồ-tát có thể đặt chúng sinh vào chỗ tự tại. 2. Hoan lạc đại, vì do thường vui vẻ siêng năng làm lợi ích chúng sinh. 3. Vô úy đại, vì các việc làm trong 3 cõi hết sức dũng mãnh như sư tử.

Xong Phẩm thần thông.

Phẩm 9 : Thành thực

Giải thích : Đã nói các thần thông của Bồ-tát. Chư Bồ-tát tự thành thực như thế nào ?

Kê nói :

*Dục, tín, xả, bi, nhẫn,
Niệm, lực, kiên, chi đủ.
Phải biết tự thành thực,
Chín thứ đều thượng phẩm.*

Giải thích : Bồ-tát có 9 pháp tự thành thực : 1. Dục thành thực, vì do mong cầu pháp Đại thừa. 2. Tín thành thực, vì do tịnh tâm nói. 3. Xả thành thực, vì do diệt lìa phiền não. 4. Bi thành thực, vì do thương xót chúng sinh. 5. Nhẫn thành thực, vì do có thể làm được việc khó làm. 6. Niệm thành thực, vì do tất cả thụ trì. 7. Lực thành thực, vì do đều có thể thông đạt. 8. Kiên thành thực, vì ác ma ngoại đạo không thể đoạt lấy. 9. Chi thành thực, do thiện phần viên mãn. Do 9 pháp này là cùng cực thượng vị nên gọi là tướng thành thực. Chín thành thực này mỗi mỗi có nhân có thể có nghiệp. Nay sẽ nói đến.

Kê nói :

*Gần bạn nghe, tư duy,
Thắng dững, thắng cứu cánh,
Nhiếp pháp và thụ pháp,
Là tướng dục thành thực.*

Giải thích : Gần gũi bạn lành, nghe chính pháp, như pháp tư duy. Ba cái này có thể khởi đại dục, đó gọi là dục nhân. Thượng đại tinh tiến, cứu cánh không nghi tất cả những chỗ không thể nghĩ bàn, đó gọi là dục thể. Ở trong pháp Đại thừa, nơi có tai họa có thể bảo hộ, những gì Bồ-tát nói tín tâm nhận lãnh, đó là dục nghiệp.

Kê nói :

*Như Lai phúc trí tụ,
Tịnh tâm không thể hoại.
Mau thụ quả định trí,
Là tướng tín thành thực.*

Giải thích : Đức Bà-già-bà đã nói rộng như vậy, gọi là tín nhân, được thanh tịnh không hoại, gọi là tín thể, được quả định trí, gọi là tín nghiệp.

Kê nói :

*Khéo giữ gìn 6 căn,
Lìa ác khởi đối trị.
Ưu tu các thiện pháp,
Là tướng xả thành thực.*

Giải thích : Dùng niệm khéo hộ 6 căn là xả nhân, lia sự hiểu biết bất thiện, khởi vô gián đạo là xả thể, hằng thích tu tập tất cả thiện pháp là xả nghiệp.

Kê nói :

*Thấy các chúng sinh khổ,
Thương xót lìa tiểu tâm.
Thụ thân thế gian thắng,
Là tướng bi thành thực.*

Giải thích : BỒ-tát thấy chúng sinh khổ là bi nhân, khởi tâm rất thương xót lìa xa Tiểu thừa là bi thể, được tất cả thế gian thắng các địa không thoái lui là bi nghiệp.

Kê nói :

*Trì tính thường tu tập,
Cực khổ an nhẫn được.
Thiên căn hằng vui tiến,
Là tướng nhẫn thành thực.*

Giải thích : Giữ sự nhẫn nại thường tập thành tính là nhẫn nhân, có thể chịu đựng được các khổ như gió cực lạnh v.v...là nhẫn thể, tùy thắng sinh xứ hằng tu thiện pháp là nhẫn nghiệp.

Kê nói :

*Báo tịnh khéo tùy thuận,
Cực nhập nói thiện ác,
Hay khởi Đại Bát-nhã,
Là tướng niệm thành thực.*

Giải thích : Được thanh tịnh khí là niệm nhân, tùy chỗ nghe mà nói 2 nghĩa thiện ác, nghe rồi tư duy rồi tu tập hiểu sâu không quên là niệm thể, có thể sinh Bát-nhã xuất thế là niệm nghiệp.

Kê nói :

*Hai nhóm giới viên mãn,
Quả khởi y tối thượng.
Thế gian được đệ nhất,
Là tướng lực thành tựu.*

Giải thích : Phúc trí 2 nhóm chủng tử đầy đủ là lực nhân, có thể được y chỉ tối thượng là lực thể, tùy ý thành thực nhất thể gian là lực nghiệp.

Kê nói :

*Quán sâu lý diệu pháp,
Các ma không thể đoạt.
Cùng bộ khác lỗi lầm,
Là tướng kiên thành thực.*

Giải thích : Đạo lý diệu pháp làm tâm quán sát là kiên nhân, ác ma Ba-tuần không thể chướng ngại là kiên thể, có thể cùng bộ khác mà làm lầm lỗi là kiên nghiệp.

Kê nói :

*Có các thiện căn tụ,
Y cần năng phát khởi.
Lìa ác và tu thiện,
Là tướng chi thành thực.*

Giải thích : Thành thực thiện căn tụ là chi nhân, dựa vào nhân này có thể phát khởi tinh tiến lên là chi thể, lìa các bất thiện ưa tu thắng thiện là chi nghiệp.

Kê nói :

*Như 9 thứ vật này,
Tự thực cũng thực tha.
Tăng thiện tăng pháp thân,
Như người thân trên đời.*

Giải thích : Dục v.v... 9 vật có thể tự thành thực và cũng thành thực người khác, thường tăng trưởng thiện căn và tăng trưởng pháp thân. Do 2 thứ tăng trưởng này nên tựa như người thân nhất trên thế gian.

Đã nói Bồ-tát tự được thành thực, tiếp nói Bồ-tát thành thực chúng sinh.

Kê nói :

*Ung nhọt muối phải chữa,
Cơm chín thì ăn được.
Chúng sinh thực cũng vậy,
Vì 2 phần xả, dụng.*

Giải thích : Hai phần là chướng phần và trị phần. Chướng thực thì phải xả, như ung nhọt muối phải vỡ mủ. Trị thực thì phải dùng, như cơm chín thì ăn. Đó gọi là y chỉ của thành thực.

Tiếp nói sai biệt của thành thực.

Kê nói :

*Xả, phổ, thắng, tùy, thiện,
Đắc, thường, tiệm là 8.
Như các thành thực đây,
Là nói sai biệt chúng.*

Giải thích : Tướng thành thực người khác có 8 thứ : 1. Xả thành thực, vì khiến diệt phiền não. 2. Phổ thành thực, vì lấy 3 thừa giáo hóa. 3. Thắng thành thực, vì vượt hơn pháp ngoại đạo. 4. Tùy thành thực, vì ứng cơ mà nói. 5. Thiện thành thực, vì tâm cung kính. 6. Đắc thành thực, vì khiến không hiểu điên đảo. 7. Thường thành thực, vì khiến vĩnh viễn không thoái lui. 8. Tiệm thành thực, vì khiến tuần tự tăng trưởng.

Đã nói thành thực sai biệt, tiếp nói thành thực tâm thắng.

Kê nói :

*Lợi con, lợi cha mẹ,
Lợi mình, 3 hơn hết.
Bồ-tát lợi tất cả,
Hơn kia không thể sánh.*

Giải thích : Ví như người đời hạnh phúc an lạc cho con cái mình, hạnh phúc an lạc cho cha mẹ mình, hạnh phúc an lạc cho bản thân mình, 3 cái tâm này là hơn hết. Bồ-tát muốn thành thực khắp tất cả chúng sinh còn hơn 3 tâm kia không thể so sánh. Cho nên tâm Bồ-tát thành thực chúng sinh là tối thắng.

Hỏi : Cái hơn này thành lập như thế nào ?

Kê nói :

*Người đời không yêu mình,
Huống chi yêu người khác.
Bồ-tát bỏ yêu mình,
Chỉ vì yêu người khác.*

Giải thích : Người đời dù muốn yêu mình còn không thể tự làm cho an ổn lợi lạc được huống chi có thể yêu người làm an ổn lợi lạc cho người. Bồ-tát không như vậy, xả bỏ tâm yêu mình chỉ vì yêu người khác, cho nên thành thực chúng sinh hơn kia.

Hỏi : Dùng tâm thẳng thẳng này thành thực như thế nào ?

Kệ nói :

*Thân, tài, bỏ tất cả,
Bình đẳng và không chán.
Chỗ thiếu khiến sung túc,
An lập nơi thiện căn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa Đàn Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Đàn có 3 thứ : 1. Tư sinh đàn, vì trong ngoài thân mạng tài sản xả tất cả. 2. Bình đẳng đàn, vì trong các ruộng thí lìa bỏ tâm cao hạ. 3. Vô yếm đàn, vì dùng mãnh hằng thí không mệt mỏi. Dùng 3 đàn này tùy nhiếp 2 đời : trong đời hiện tại đều khiến sung túc, trong đời vị lai thì an lập thiện căn.

Kệ nói :

*Thường với tính và mẫn,
Tự lạc không phóng dật,
Dẫn vào trong giới đủ,
Hai quả thường không hết.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa Thi ba-la-mật thành thực chúng sinh. Bồ-tát có 5 thứ Thi-la : 1. Thường Thi-la, vì đời đời thường có. 2. Tự tính Thi-la, vì tâm vô công dụng trụ nơi thể chân thật. 3. Viên mãn Thi-la, vì đều đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo như Kinh Thập Địa nói. 4. Tự lạc Thi-la, vì hằng tự yêu thích. 5. Không phóng dật Thi-la, vì niệm niệm không phạm. Dùng 5 thứ Thi-la này tùy nhiếp 2 đời : nơi đời hiện tại an lập giới phẩm, nơi đời vị lai khiến công đức 2 quả không tuyệt dứt.

Kệ nói :

*Không ích và được ích,
Cực nhẫn hiểu phương tiện,
Khiến kia khởi tùy thuận,
Và trồng các thiện căn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa Săn-đề Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Nếu có người đem sự không làm lợi ích đến với Bồ-tát, Bồ-tát đối với người kia khởi cực nhẫn nhục khiến hiểu được sự làm lợi ích. Bởi vì sao ? Do người kia tùy thuận khiến nhẫn Ba-la-mật của ta được tăng trưởng và cũng dùng nhẫn này tùy nhiếp 2 đời : nơi đời hiện tại khiến khởi quy hướng, nơi đời vị lai khiến trồng thiện căn.

Kê nói :

*Nhiều kiếp cần tinh tiến,
Lợi vật không thoái tâm.
Khiến sinh một niệm thiện,
Huống muốn thiện vô lượng.*

Giải thích : Kê này hiển thị ý nghĩa Tì-lê-da Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Bồ-tát trong ức trăm ngàn kiếp tu hành tinh tiến cao tột, vì thành thực vô biên chúng sinh tâm không thoái chuyển, lấy tinh tiến này tùy nhiếp 2 đời : nơi đời hiện tại chỉ khiến sinh được một niệm thiện tâm, huống chi nơi đời vị lai khiến vô lượng thiện căn đều được tăng ích.

Kê nói :

*Đắc thượng tự tại thiên,
Lìa nhiễm và kiến mạn,
Hiện tại khiến quy hướng,
Vị lai thiện pháp tăng.*

Giải thích : Kê này hiển thị ý nghĩa thiên Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Thiên định Bồ-tát sở đắc xa lìa ái kiến, mạn v.v... nên được tự tại cao tột, dùng thiên định này tùy nhiếp 2 đời : nơi đời hiện tại khiến quy hướng đệ nhất diệu pháp, nơi đời vị lai khiến tăng trưởng tất cả thiện căn.

Kê nói :

*Biết chân và biết ý,
Đoạn được tất cả nghi.
Với pháp khiến cung kính,
Tự tha công đức mãn.*

Giải thích : Kê này hiển thị ý nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Biết chân, nghĩa là hiểu rõ pháp không điên đảo. Biết ý, nghĩa là rõ thấu tâm hành của chúng sinh đoạn nghi của chúng. Đem Bát-nhã này tùy nhiếp 2 đời : nơi đời hiện tại khiến hướng pháp Đại thừa thâm sinh cung kính, nơi đời vị lai khiến công đức tự thân và công đức tha thân đều được viên mãn.

Kê nói :

*Thiện thú và 3 thừa,
Đại bi có 3 phẩm.
Đến hết đời vị lai,*

Thành thực chúng sinh vậy.

Giải thích : Kệ này hiển thị tướng của đại thành thực có 3 thứ : 1. Vị đại, nghĩa là cùng 4 vị an lập thiện đạo và 3 thừa. 2. Phẩm đại, nghĩa là bi cực 3 phẩm : hạ phẩm là tín hành địa, trung phẩm là sơ địa đến địa thứ 7, thượng phẩm là địa thứ 8, thứ 9, thứ 10. 3. Thời đại, nghĩa là thời tiết vô biên hết đời vị lai. Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh như vậy gọi là tướng đại thành thực. Xong Phẩm thành thực.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 2)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 3

Bồ-tát Vô Trước tạo luận

Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch

Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 10 : Bồ-đề

Giải thích : Đã nói Bồ-tát thành thực chúng sinh, tiếp nói đến Bồ-tát được nhất thiết chủng trí.

Kệ nói :

*Tất cả khó đã làm,
Tất cả thiện đã nhóm,
Tất cả thời đã độ,
Tất cả chướng đã đoạn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nhân viên mãn của nhất thiết chủng trí. Tất cả khó đã làm, nghĩa là do đã làm đầy đủ vô lượng trăm ngàn hạnh khó làm chưa từng mệt mỏi. Tất cả thiện đã nhóm, là do tập hợp đầy đủ tự tính thiện căn các Ba-la-mật. Tất cả thời đã độ, là do trải qua đầy đủ thời gian dài đại kiếp A-tăng-kì. Tất cả chướng đã đoạn, là do đoạn đầy đủ tất cả các chướng Đại thừa, tức là sở hữu các chướng vi tế trong các địa.

Kệ nói :

*Thành tựu nhất thiết chủng,
Đây tức là Phật thân.*

*Ví như mở hộp báu,
Báu vật đều hiện rõ.*

Giải thích : Kệ này cho thấy quả của nhất thiết chủng trí, viên mãn có 3 nghĩa phân biệt : 1. Chí đặc. 2. Tự tính. 3. Thí dụ. Thành tựu nhất thiết chủng, là chí đặc phân biệt. Tức là từ đây về sau thành tựu nhất thiết chủng trí. Đây tức là Phật thân, là tự tính phân biệt. Tức nói nhất thiết chủng trí là thể của Phật thân. Ví như mở hộp báu, báu vật đều hiện rõ, là thí dụ phân biệt. Các báu Bồ-đề phân không thể nghĩ bàn đều hiện ra trước mắt.

Đã nói nhất thiết chủng trí là Phật thân, tiếp đến nói thân này không 2 tướng.

Kệ nói :

*Bạch pháp là Phật thân,
Phi vô, cũng phi hữu.
Phật là nhân pháp bảo,
Pháp là nhân thiện căn.*

Giải thích : Bạch pháp là Phật thân, nghĩa là chuyên 6 Ba-la-mật v.v... tất cả thiện pháp làm thể của Phật. Phi vô cũng phi hữu, là cái thể này chẳng phải không. Bởi vì sao ? Vì chân như không riêng khác. Và cũng phi hữu. Bởi vì sao ? Vì tự tính không thành tựu. Đó gọi là không 2 tướng. Phật là nhân của pháp bảo, vì Phật nói tất cả pháp và dùng sức thần thông. Pháp là nhân của thiện căn, nghĩa là chúng sinh là ruộng thiện căn là lúa má. Như vậy pháp bảo giáo hóa ruộng chúng sinh, sinh trưởng lúa thiện căn.

Kệ nói :

*Đủ pháp cũng lìa pháp,
Như kho tàng như mây,
Sinh pháp mưa pháp vũ,
Nên thành thí dụ ấy.*

Giải thích : Kệ này làm rõ lại nghĩa trước. Đủ pháp cũng lìa pháp, nghĩa là chư Phật đầy đủ tất cả thiện pháp, xa lìa tất cả pháp bất thiện. Như kho tàng cũng như mây, nghĩa là Phật bảo như kho tàng, pháp bảo như mây.

Hỏi : Đây là nghĩa gì ?

Đáp : Sinh pháp mưa pháp nên thành thí dụ ấy. Phật bảo có thể sinh ra pháp bảo, giống như kho chứa lớn. Pháp bảo

có thể sinh trưởng tất cả thiện căn của chúng sinh, giống như đám mây lớn.

Đã nói Phật thân không 2 tướng, tiếp nói là vô thượng quy y.

Kê nói :

*Chư Phật thường cứu hộ,
Chúng sinh 3 nhiễm ô.
Các hoặc, các ác hành,
Cùng với sinh già chết.*

Giải thích : Kệ này nói sơ lược nghĩa cứu hộ. Chư Phật thường cứu hộ vì cứu hộ rất ráo.

Hỏi : Cứu hộ pháp gì ?

Đáp : Ba nhiễm ô của chúng sinh, đó là phiền não nhiễm ô, nghiệp nhiễm ô, sinh nhiễm ô. Các hoặc tức phiền não nhiễm ô. Các ác hành tức nghiệp nhiễm ô. Cùng với sinh già chết tức sinh nhiễm ô.

Hỏi : Thế nào là cứu hộ ?

Đáp : Đối với 3 thứ nhiễm ô này của chúng sinh, tất cả mọi thời đều cứu hộ không bỏ, tức là nghĩa rất ráo.

Kê nói :

*Tai họa và ác thú,
Thân kiến và Tiểu thừa,
Các chúng sinh như vậy,
Tất cả đều cứu hộ.*

Giải thích : Kệ này nói rộng về nghĩa cứu hộ. Các tai họa là những chúng sinh mù lòa cầm đuốc cuồng loạn thân hình tàn tật v.v... Do thần lực của Phật người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người cuồng hết cuồng, người loạn được định, người tàn tật được vẹn toàn, như vậy là cứu hộ. Ác thú, là chúng sinh trong địa ngục v.v... bị lửa thiêu đốt, khiến được thoát khổ không bị vào lại, như vậy là cứu hộ. Thân kiến, nghĩa là chúng sinh chấp ngã khiến hiểu được nhân vô ngã vào Niết-bàn nhị thừa, như vậy là cứu hộ. Tiểu thừa là chúng sinh bất định, có tính nhị thừa, phương tiện dẫn vào Đại thừa, như vậy gọi là cứu hộ.

Kê nói :

Phật : nơi thắng quy y,

*Vô tử và vô thượng.
Như trước sợ đủ thứ,
Đều khiến thoát khỏi hết.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa thắng quy y. Bởi Phật không thể lấy gì thí dụ được nên là vô thượng. Cho nên như trước đã nói 3 thứ chúng sinh nhiễm ô và bao nhiêu chúng sinh tai nạn, tất cả đều có thể cứu hộ.

Kệ nói :

*Chư Phật thân thiện mãn,
Hơn tất cả thế gian.
Diệu pháp hóa chúng sinh,
Để qua biển đại bi.*

Giải thích : Kệ này nói thắng nhân của quy y. Chư Phật thân thiện mãn hơn tất cả thế gian, đây là do tự lợi cứu cánh, do lực, vô úy v.v...đầy đủ tự tính các thiện công đức. Diệu pháp hóa chúng sinh để vượt qua biển khổ, là khéo dùng phương tiện giáo hóa và đưa chúng sinh qua bờ biển đại bi.

Kệ nói :

*Tận cùng đời vị lai,
Khắp tất cả chúng sinh,
Hằng thời làm lợi ích,
Là nói đại quy y.*

Giải thích : Kệ này hiển thị ý nghĩa đại quy y. Đại có 3 nghĩa : 1. Thời đại, là tận cùng sinh tử của tất cả chúng sinh. 2. Cảnh đại, là lấy tất cả chúng sinh làm cảnh đối tượng. 3. Sự đại, là hằng thường làm lợi ích cứu thoát khổ của chúng khiến được xuất ly.

Đã nói vô thượng quy y, tiếp nói tướng chuyển y của Như Lai.

Kệ nói :

*Hai thứ chương thường theo,
Kia diệt cực, rộng, đoạn.
Vì bạch pháp viên mãn,
Y chuyển 2 đạo thành.*

Giải thích : Kệ này cho thấy chuyển y có ly và có đắc. Hai thứ chương thường theo, kia diệt cực, rộng, đoạn, nghĩa là đây nói rõ viên ly sở tri, là chủng tử 2 thứ phiền não chương và trí

chương từ vô thủy đến nay hằng theo đuổi, nay được vĩnh diệt là cực, tất cả địa là rộng, tất cả mọi thứ đây đều đoạn. Vì bạch pháp viên mãn, y chuyển 2 đạo thành, là đây nói rõ thành tựu năng tri, nghĩa là thể của Phật tương ứng với bạch pháp viên mãn tối thượng. Bây giờ y chuyển được thành tựu 2 đạo : 1. Được đạo xuất thế trí cực kỳ thanh tịnh. 2. Được đạo cảnh giới trí vô biên sở thức. Đó gọi là chuyển y.

Kệ nói :

*Nơi kia Như Lai trụ,
Bất động như núi chúa.
Thương người ưa tịch diệt,
Huống chi kẻ chấp hữu.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển y của Như Lai là vượt trội trong các chuyển y. Bởi vì sao ? Như Lai chuyển y trụ ở nơi vô lậu. Như núi chúa trấn giữ đất đai an trụ bất động. Chuyển y như vậy rồi, thấy Thanh Văn Duyên Giác những người ưa tịch diệt còn sinh thương xót, huống chi những chúng sinh chịu khổ não ở nơi biên viễn hạ tiện.

Kệ nói :

*Tha lợi và vô thượng,
Bất chuyển và bất sinh,
Quảng đại với vô nhị,
Vô trụ cùng bình đẳng.
Thù thắng với biến thụ,
Là nói Như Lai chuyển.
Hiển thị 10 công đức,
Nên biết nghĩa sai biệt.*

Giải thích : Hai kệ này hiển thị sự chuyển y của Như Lai có 10 thứ công đức sai biệt. Những gì là 10 ? 1. Tha nghĩa chuyển, nghĩa là chuyển y rồi làm lợi tha. 2. Vô thượng chuyển, nghĩa là chuyển y rồi trong tất cả các pháp được tự tại hơn cả nhị thừa chuyển. 3. Bất chuyển chuyển, nghĩa là chuyển y rồi các nhân nhiễm ô không chuyển được đây mà bị đây chuyển. 4. bất sinh chuyển, nghĩa là chuyển y rồi tất cả pháp nhiễm ô rốt ráo không khởi. 5. Quảng đại chuyển, nghĩa là chuyển y rồi thị hiện được Đại Bồ-đề và Bát-niết-bàn. 6. Vô nhị chuyển, nghĩa là chuyển y rồi, sinh tử Niết-bàn không có hai. 7. Bất trụ chuyển,

nghĩa là chuyển y rồi hữu vi vô vi đều không trụ. 8. Bình đẳng chuyển, nghĩa là chuyển y rồi cùng Thanh Văn Duyên Giác đồng giải thoát chướng phiền não. 9. Thù thắng chuyển, nghĩa là chuyển y rồi, lực, vô úy v.v... tất cả Phật pháp đều không sánh bằng. 10. Biến thụ chuyển, nghĩa là chuyển y rồi hằng dùng tất cả thừa mà dạy dỗ.

Kệ nói :

*Như hư không biến khắp,
Phật cũng khắp tất cả.
Hư không khắp các sắc,
Phật biến khắp chúng sinh.*

Giải thích : Kệ này nói thể của Phật biến khắp tất cả như hư không. Hai câu đầu nói thẳng, hai câu sau giải thích. Ví như hư không biến khắp trong tất cả màu sắc, thể của Phật cũng vậy biến khắp trong chúng sinh. Nếu cho rằng chúng sinh hiện là chẳng phải Phật, nói thể của Phật không biến khắp là không đúng nghĩa, vì chưa thành tựu.

Kệ nói :

*Như đồ chứa nước vỡ,
Không thấy ánh trăng hiện.
Như vậy chúng sinh lỗi,
Cũng không thấy Phật hiện.*

Giải thích : Kệ này nói thể của Phật tuy phổ biến mà chúng sinh không thấy, ví như vật chứa nước vỡ không thấy được mặt trăng. Chúng sinh tội lỗi không thấy được Phật cũng nghĩa như vậy.

Kệ nói :

*Ví như tính của lửa,
Hoặc bùng cháy hoặc tắt.
Phật hóa hiện cũng vậy,
Xuất thế hoặc Niết-bàn.*

Giải thích : Kệ này nói chư Phật giáo hóa có xuất hiện có không xuất hiện, ví như tính lửa có lúc bùng cháy có lúc tắt mất. Chư Phật giáo hóa cũng như vậy, có thời thị hiện xuất thế, có thời thị hiện Niết-bàn. Như vậy đã nói Như Lai chuyển y, tiếp nói Như Lai sự nghiệp hằng vô công dụng.

Kệ nói :

*Ngọc như ý, trông trời,
Tự nhiên mà thành sự.
Phật giáo hóa, Phật nói,
Cũng vô tư như thế.*

Giải thích : Đây hiển thị Phật sự là không dụng công. Ví như ngọc báu như ý, tuy vô tâm mà tự nhiên có thể biến hiện các thứ. Như Lai cũng vậy, tuy tâm vô công dụng mà tự nhiên có thể khởi các biến hóa. Ví như trông trời tuy vô tâm mà tự nhiên có thể phát ra các thứ âm thanh. Như Lai cũng vậy, tuy tâm vô công dụng mà tự nhiên có thể nói các thứ diệu pháp.

Kệ nói :

*Y không nghiệp không ngắt,
Mà nghiệp có tăng giảm.
Y giới sự không dứt,
Mà sự có sinh diệt.*

Giải thích : Kệ này hiển thị Phật sự không gián đoạn. Ví như thế gian y không mà tác nghiệp thì không lúc nào đoạn dứt. Chư Phật cũng vậy, y vào vô lậu giới mà làm Phật sự cũng không đoạn dứt. Ví như thế gian y vào không mà làm có tăng có giảm. Chư Phật cũng vậy, y vào vô lậu giới mà làm Phật sự cũng có sinh diệt.

Đã nói tâm vô công dụng không bỏ Phật sự, tiếp nói pháp giới vô lậu rất sâu.

Kệ nói :

*Như trước sau cũng vậy,
Và lìa tất cả chướng.
Phi tịnh phi bất tịnh,
Phật nói gọi là như.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tướng thanh tịnh của pháp giới. Như trước sau cũng vậy, nghĩa là phi tịnh vì do tự tính không nhiễm. Và lìa tất cả chướng, nghĩa là phi bất tịnh vì về sau khách trần lìa bỏ. Phi tịnh phi bất tịnh Phật nói gọi là như, nghĩa là vì vậy cho nên Phật nói là như phi tịnh phi bất tịnh. Đó gọi là tướng thanh tịnh của pháp giới.

Kệ nói :

*Thanh tịnh không vô ngã,
Phật nói đệ nhất ngã.*

*Vì chư Phật ngã tịnh,
Nên Phật gọi Đại ngã.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tướng Đại ngã của pháp giới. Thanh tịnh không vô ngã, nghĩa là vô lậu giới này do đệ nhất vô ngã làm tự tính. Phật nói đệ nhất ngã, nghĩa là đệ nhất vô ngã là thanh tịnh như. Cái thanh tịnh như kia tức là tự tính ngã của chư Phật. Vì chư Phật ngã tịnh, nên Phật gọi Đại ngã, nghĩa là do cái ngã này của Phật rất thanh tịnh nên gọi Phật bằng Đại ngã. Do ý nghĩa này, chư Phật trong cõi vô lậu kiến lập đệ nhất ngã. Đó gọi là tướng Đại ngã của pháp giới.

Kệ nói :

*Phi thể phi phi thể,
Như vậy nói Phật thể.
Cho nên làm luận này,
Định là pháp vô ký.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tướng vô ký của pháp giới. Phi thể, là vì nhân pháp 2 tướng là bất khả thuyết. Phi phi thể, là vì như tướng thật hữu. Như vậy nói Phật thể, là do nhân duyên này nên nói Phật thể là phi thể phi phi thể. Cho nên làm luận này, định là pháp vô ký, nghĩa là vô ký là sau khi chết có Như Lai, sau khi chết không có Như Lai, sau khi chết cũng có Như Lai cũng không có Như Lai, sau khi chết chẳng phải có Như Lai chẳng phải không có Như Lai, 6 câu như vậy không thể ghi nhận. Vì vậy nên pháp giới là tướng vô ký.

Kệ nói :

*Ví như sắt hết nóng,
Ví như mắt hết nhắm.
Tâm trí dứt cũng vậy,
Không nói thể hữu vô.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tướng giải thoát của pháp giới. Ví như sắt hết nóng, ví như mắt hết nhắm. Như vậy 2 việc hết nóng, hết nhắm có thể nói là phi thể phi phi thể. Bởi vì sao ? Phi thể, là do cái nóng và sự nhắm mắt là không có tướng. Phi phi thể, là do dứt tướng hữu thể. Tâm trí dứt cũng vậy, không nói thể hữu vô, nghĩa là chư Phật tâm trí lấy tham làm cái nóng, lấy vô minh làm nhắm mắt. Hai cái đó nếu dứt cũng nói phi thể phi phi thể. Bởi vì sao ? Vì phi thể, là do tham và vô minh dứt. Phi

phi thể, là do có tâm tuệ giải thoát. Đó gọi là tướng giải thoát của pháp giới.

Đã nói tướng rất sâu, tiếp nói xứ rất sâu.

Kệ nói :

*Cõi vô lậu chư Phật,
Chẳng một cũng chẳng nhiều.
Vì thân trước tùy thuận,
Chẳng thân, như hư không.*

Giải thích : Kệ này hiển thị xứ rất sâu của pháp giới. Pháp giới vô lậu của chư Phật chẳng phải một chẳng phải nhiều. Bởi vì sao ? Nói chẳng phải một là vì tiền thân tùy thuận, chẳng phải nhiều vì do chẳng phải thân.

Hỏi : Thế nào là chẳng phải thân ?

Đáp : Vì như hư không.

Đó gọi là xứ rất sâu của pháp giới.

Đã nói xứ rất sâu, tiếp nói nghiệp rất sâu.

Kệ nói :

*Ví như kho báu lớn,
Nơi sở y các báu.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Nơi Phật pháp y chỉ.*

Giải thích : Kệ này hiển thị pháp giới nơi nghiệp y chỉ. Do pháp giới thanh tịnh là nơi y chỉ của lực, vô úy v.v... các báu Bồ-đề phân.

Kệ nói :

*Ví như mây dày bủa,
Mưa xuống tốt lúa má.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Tuôn căn lành lợi sinh.*

Giải thích : Kệ này hiển thị pháp giới thành thực nghiệp chúng sinh do từ pháp giới thanh tịnh lưu xuất các căn lành thành thực chúng sinh.

Kệ nói :

*Như mặt trời mặt trăng,
Trong sạch và tròn sáng.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Thiện căn tụ đầy đủ.*

Giải thích : Kệ này hiển thị pháp giới nghiệp tụ đến cứu cánh. Nghĩa là phúc trí do pháp giới thanh tịnh. Như vậy 2 nhóm được viên mãn.

Kệ nói :

*Ví như mặt trời lên,
Chiếu sáng khắp tất cả.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Thuyết pháp hóa quần sinh.*

Giải thích : Kệ này này hiển thị pháp giới là nghiệp thuyết chính pháp.

Kệ nói :

*Như ánh sáng mặt trời,
Đồng sự chiếu thế gian.
Cõi tịnh cũng như vậy,
Phật hợp đồng nghiệp hóa.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tác nghiệp của pháp giới. Ví như nhiều mặt trời nhiều ánh sáng đồng thời hòa hợp làm một việc như làm khô ráo, làm chín hoa màu v.v... Cũng như vậy nhiều Phật nhiều trí đồng thời hòa hợp làm một nghiệp, như biến hóa v.v...

Kệ nói :

*Như mặt trời chiếu sáng,
Đồng thời và vô hạn.
Cõi tịnh Phật quang chiếu,
Hai việc cũng giống nhau.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nghiệp không phân biệt của pháp giới. Ví như ánh sáng mặt trời chiếu khắp đồng thời và vô hạn. Ánh sáng của Phật đồng thời chiếu khắp và vô hạn cũng như vậy.

Kệ nói :

*Như các ánh sáng trời,
Nói là có mây che.
Cõi tịnh trí chư Phật,
Nói là chúng sinh chướng.*

Giải thích : Kệ này hiển thị pháp giới không tác nghiệp. Ví như ánh sáng mặt trời bị mây che nên không chiếu. Cũng như

vậy ánh sáng của Phật bị tội lỗi chúng sinh chướng ngại vì nhiều 5 thứ ô trược nên không có sở tác.

Kệ nói :

*Ví như sức nước tro,
Nhuộm áo nhiều màu sắc.
Cõi tịnh hạnh nguyện lực,
Giải thoát các thứ trí.*

Giải thích : Kệ này giải thích trí nghiệp giải thoát của pháp giới. Ví như chiếc áo do sức của nước tro có chỗ được các màu, có chỗ không được các màu. Cõi tịnh trong 3 thừa cũng vậy, do sức hạnh nguyện giải thoát của chư Phật được nhiều thứ trí. Giải thoát của nhị thừa không được nhiều thứ trí.

Kệ nói :

*Cõi vô lậu rất sâu,
Tướng, xứ, nghiệp 3 thứ.
Chư Phật nói như vậy,
Như nhuộm, vẽ hư không.*

Giải thích : Kệ này nói rõ lại nghĩa của rất sâu ở trước. Cõi vô lậu rất sâu, tướng, xứ, nghiệp 3 thứ, nghĩa là cõi vô lậu này, Thế Tôn lược nói có 3 thứ rất sâu : 1. Tướng rất sâu. 2. Xứ rất sâu. 3. Nghiệp rất sâu. Tướng rất sâu có 4 thứ : 1. Tướng thanh tịnh. 2. Tướng Đại ngã. 3. Tướng vô ký. 4. Tướng giải thoát. Theo thứ tự đó, 4 kệ trước hiển thị xứ rất sâu một thứ., nghĩa là không trụ một không trụ nhiều. Kệ thứ 5 hiển thị nghiệp rất sâu, có 8 thứ : 1. Nghiệp sáu y chỉ. 2. Nghiệp thành thực chúng sinh. 3. Nghiệp đến cứu cánh. 4. Nghiệp nói chính pháp. 5. Nghiệp hóa sở tác. 6. Nghiệp không phân biệt. 7. Nghiệp trí bất tác. 8. Nghiệp trí giải thoát. Theo thứ lớp đó, 8 kệ sau hiển thị điều chư Phật nói như vậy. Ví như nhuộm vẽ hư không, nghĩa là cõi vô lậu này không có hý luận, ví như hư không cho nên rất sâu. Như vậy là nói sai biệt rất sâu, ví như nhuộm, vẽ trong hư không, nên biết nghĩa như vậy.

Kệ nói :

*Tất cả không sai biệt,
Được “như” thanh tịnh vậy.
Nên nói các chúng sinh,
Gọi là Như Lai tạng.*

Giải thích : Kệ này hiển thị pháp giới là Như Lai tạng. Tất cả không sai biệt, nghĩa là tất cả chúng sinh, tất cả chư Phật là bình đẳng không sai biệt, cho nên gọi là “như”. Được cái “như” thanh tịnh, nghĩa là được cái “như” thanh tịnh làm tự tính nên gọi là Như Lai. Vì nghĩa đó có thể nói tất cả chúng sinh là Như Lai tạng. Đã nói cõi vô lậu rất sâu, tiếp nói chư Phật biến hóa.

Kệ nói :

*Thanh Văn và Duyên Giác,
Bồ-tát với Như Lai,
Mới hóa thoái thế gian,
Đến Phật thoái Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này hiển thị tầng thượng biến hóa. Tất cả biến hóa của thế gian biến hóa Thanh Văn, biến hóa có thể thoái lui. Tất cả biến hóa của Thanh Văn biến hóa Duyên Giác, biến hóa có thể thoái lui. Tất cả biến hóa của Duyên Giác biến hóa Bồ-tát, biến hóa có thể thoái lui. Tất cả biến hóa của Bồ-tát biến hóa chư Phật, biến hóa có thể thoái lui. Không có biến hóa của một người nào có thể làm thoái lui biến hóa của chư Phật. Vì vậy biến hóa của Như Lai là tầng thượng bậc nhất.

Kệ nói :

*Như vậy Phật biến hóa,
Vô lượng không nghĩ bàn.
Tùy người, tùy thế giới,
Tùy thời hiện các thứ.*

Giải thích : Kệ này hiển thị sự biến hóa rất sâu. Cái rất sâu này có 2 nghĩa : một là vô lượng, hai là không thể nghĩ bàn.

Hỏi : Việc này như thế nào ?

Đáp : Tùy người căn cơ nào, tùy thế giới nào, tùy thời tiết nào, như sai biệt kia hoặc nhiều hoặc ít, các biến hóa như vậy nhiều vô lượng và không thể nghĩ bàn. Cho nên biến hóa của Như Lai là rất sâu nhất. Từ đây trở xuống nói biệt chuyển biến hóa.

Kệ nói :

*Như vậy 5 căn chuyển,
Biến hóa được tầng thượng.
Các nghĩa biến sở tác,
Công đức ngàn hai trăm.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển 5 căn biến hóa. Biến hóa này được 2 thứ tăng thượng : 1. Được các nghĩa biến khắp sở tác. Nghĩa là mỗi một căn đều có thể hỗ tương tác dụng tất cả cảnh giới. 2. Được ngàn hai trăm công đức. Nghĩa là mỗi một căn đều được một ngàn hai trăm công đức.

Kệ nói :

*Như vậy ý căn chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Cực tịnh không phân biệt,
Hằng tùy biến hóa hành.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển ý căn biến hóa. Ý căn là thức nhiễm ô. Do đây chuyển nên được trí cực tịnh không phân biệt. Hằng tùy tất cả biến hóa tùy hành cùng làm.

Kệ nói :

*Như vậy nghĩa thụ chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Tịnh độ nếu như muốn,
Thụ dụng đều hiện tiền.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển nghĩa thụ biến hóa. Nghĩa, là 5 trần. Thụ, là 5 thức. Do 2 chuyển này cõi nước thanh tịnh, muốn gì đều hiện tiền tùy ý thụ dụng.

Kệ nói :

*Như vậy phân biệt chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Các trí ra tác nghiệp,
Hằng thời không chướng ngại.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển phân biệt biến hóa. Phân biệt là ý thức. Do chuyển chuyển đây nên các trí sở tác tất cả mọi thời biến hóa không chướng ngại.

Kệ nói :

*Như vậy an lập chuyển,
Biến hóa được tăng thượng.
Trụ Phật, câu bất động,
Không trụ nơi Niết-bàn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển an lập biến hóa. An lập là khí thể giới. Do chuyển đây nên trụ nơi pháp giới vô lậu bất

động của Phật, được không Bát-niết-bàn, hằng khởi tăng thượng biến hóa.

Kệ nói :

*Như vậy muốn chuyển nhiệm,
Biến hóa được tăng thượng.
Trụ Phật vô thượng lạc,
Thị hiện thế vô nhiễm.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển dục nhiễm biến hóa. Do chuyển đây nên được 2 thứ biến hóa : một là được vô thượng lạc trụ, hai là được thế vô nhiễm.

Kệ nói :

*Như vậy không tưởng chuyển,
Biến hóa được vô thượng.
Tùy muốn được tất cả,
Đi đâu không tất nghẽn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển không tưởng biến hóa. Do chuyển đây nên được 2 thứ biến hóa : Một là muốn gì đều được, vì được hư không tạng. Hai là Chỗ đi không tất nghẽn, vì được hư không giải.

Kệ nói :

*Như vậy vô lượng chuyển,
Như vậy vô lượng hóa,
Việc làm không nghĩ bàn,
Chư Phật y vô cấu.*

Giải thích : Kệ này tổng kết nghĩa trước. Do vô lượng chuyển nên được vô lượng biến hóa. Như vậy nghiệp chư Phật không thể nghĩ bàn. Tất cả đều y vào pháp giới vô lậu. Đó là nghĩa cần phải biết.

Đã nói chư Phật biến hóa, tiếp nói chư Phật thành thực chúng sinh.

Kệ nói :

*Khiến tập, khiến tăng trưởng,
Khiến thành thực, khiến thoát.
Thực thực không vô dư,
Vì thế gian vô tận.*

Giải thích : Kệ này hiển thị thứ tự nhân thành thực. Người chưa tập hợp thiện căn thì khiến tập hợp, người đã tập hợp thiện

căn thì khiến tăng trưởng, người thiện căn đã lớn thì khiến thành thực, người đã thành thực thiện căn thì khiến giải thoát, khiến được thanh tịnh cùng tột. Như vậy 10 phương chư Phật đều nói thành thực rồi lại thành thực không Bát-niết-bàn. Bởi vì sao ? Vì các thế gian không bao giờ là cùng tận.

Kệ nói :

*Khó được đã được đủ,
Nơi nơi là chỗ về.
Hiếm có chẳng hiếm có,
Do được phương tiện tốt.*

Giải thích : Kệ này hiển thị đã thành thực Bồ-tát hạnh chẳng phải tướng hiếm có. Khó được đã được đủ, nơi nơi làm chỗ về, nghĩa là vô thượng Bồ-đề là công đức cao tột, cái chưa từng có này nay đã đầy đủ tương ứng. Do tương ứng này nên có thể trong 10 phương thế giới hằng làm nơi quy về. Hiếm có chẳng hiếm có, nghĩa là như vậy nơi nơi thành thực chúng sinh là hiếm có. Như vậy cái hiếm có này cũng chẳng phải hiếm có. Bởi vì sao ? Do được phương tiện tốt. Phương tiện tốt, nghĩa là tùy cơ đạo tức là thanh tịnh hạnh.

Kệ nói :

*Chuyên pháp và pháp diệt,
Đắc đạo và Niết-bàn.
Nơi nơi khởi phương tiện,
Bất động chân pháp giới.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nhân phổ biến thành thực. Chuyên pháp và pháp diệt, đắc đạo và Niết-bàn, nghĩa là trong một sát-na có nơi thị hiện chuyên vô lượng pháp luân, có nơi thị hiện chính pháp diệt tận, có nơi thị hiện được Đại Bồ-đề, có nơi thị hiện nhập Niết-bàn, đây là do hành nghiệp chúng sinh không đồng nhau. Nơi nơi khởi phương tiện, bất động chân pháp giới, nghĩa là nếu chúng sinh đáng phải thành thực, Như Lai tùy nơi trụ xứ của chúng sinh ấy mà nơi nơi giáo hóa, nhưng trong pháp giới vô lậu cũng không động.

Kệ nói :

*Không khởi ý phân biệt,
Thành thực trước, nay, sau.
Nơi nơi hóa chúng sinh,*

Ba môn thường thị hiện.

Giải thích : Kệ này hiển thị nhân tự nhiên thành thực. Không khởi ý phân biệt, thành thực khứ lai kim, nghĩa là tất cả chư Phật không có ý niệm ta từng thành thực chúng sinh, ta sẽ thành thực chúng sinh, ta nay thành thực chúng sinh. Bởi vì sao ? Vì không phân biệt. Nơi nơi hóa chúng sinh 3 môn thường thị hiện, nghĩa là tuy vô công dụng mà tất cả mọi thời dùng các thiện căn trong 10 phương thế giới khắp dùng 3 môn thành thực chúng sinh. Ba môn, là giáo môn 3 thừa .

Kệ nói :

*Mặt trời tự nhiên sáng,
Phá tối, nuôi hoa màu.
Pháp Phật như mặt trời,
Diệt mê, thực chúng sinh.*

Giải thích : Thí dụ của bài kệ này hiển thị nghĩa tự nhiên. Ví như mặt trời chẳng phải siêng năng chẳng cần phương tiện tự nhiên phóng ánh sáng khắp nơi phá tan tối tăm làm chín trăm hoa màu. Chư Phật cũng vậy, tuy không dụng công mà giáo pháp như ánh sáng mặt trời khắp nơi diệt mê hoặc thành thực chúng sinh.

Kệ nói :

*Một đèn thắp nhiều đèn,
Tự ánh sáng vô tận.
Một thực hóa nhiều thực,
Hóa vô tận cũng vậy.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nhân lần lượt thành thực. Ví như một ngọn đèn chuyên thắp nhiều ngọn đèn thành một ngọn đèn cực lớn tập hợp vô lượng vô số vô tận. Chư Phật cũng vậy. Một Phật thành thực giáo hóa nhiều chúng sinh thành thực vô lượng vô số, mà sức giáo hóa cũng vô tận.

Kệ nói :

*Biển lớn nhận nước sông,
Không chán cũng không đầy.
Cõi Phật thâu các thiện,
Không đầy cũng không thêm.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nhân thành thực không chán. Ví như biển lớn dung chứa nước trăm sông mà không chán đủ,

cũng không tràn đầy vì sức chứa. Cõi Phật cũng vậy, thường thâm nhận vô lượng thiện căn mà không mãn túc cũng không tăng trưởng. Do hy hữu.

Đã nói chư Phật thành thực chúng sinh, tiếp nói pháp giới Phật thanh tịnh.

Kệ nói :

*Hai chướng đã vĩnh trừ,
Pháp như được thanh tịnh.
Các vật và duyên trí,
Tự tại và vô tận.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới tính. Hai chướng vĩnh trừ, pháp như được thanh tịnh, là tướng thanh tịnh do phiền não chướng và trí chướng đã vĩnh viễn hết cả. Các vật và duyên trí, tự tại và vô tận, là tướng tự tại do các vật và duyên trí kia. Hai thứ tự tại vĩnh viễn vô tận.

Kệ nói :

*Tất cả chũng như trí,
Tu tịnh pháp giới nhân,
Lợi lạc hóa chúng sinh,
Quả này cũng vô tận.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới nhân. Tất cả chũng như trí, tu tịnh pháp giới nhân, nghĩa là vì thanh tịnh pháp giới, trong tất cả mọi thời tu tất cả chũng như môn trí để làm nhân. Lợi lạc hóa chúng sinh, quả này cũng vô tận, nghĩa là vì giáo hóa chúng sinh, trong tất cả mọi thời cùng tất cả chúng sinh 2 quả lợi lạc hằng vô tận.

Kệ nói :

*Phát khởi thân, khẩu, tâm,
Ba nghiệp hằng thời hóa.
Hai môn và hai tụ,
Phương tiện đều viên mãn.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới nghiệp. Phát khởi thân, khẩu, tâm, ba nghiệp hằng thời hóa, nghĩa là khởi nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp tâm, tất cả mọi thời giáo hóa chúng sinh. Hai môn và hai tụ, phương tiện đều viên mãn, nghĩa là luận đầy đủ hai môn hai tụ làm phương tiện. Hai môn là

Tam-muội môn và Đà-la-ni môn. Hai tụ là phúc đức tụ và trí tuệ tụ.

Kệ nói :

*Tự tính và pháp thực,
Biến hóa vị sai biệt.
Đâu do pháp giới tịnh,
Là chư Phật đã nói.*

Giải thích : Kệ này hiển thị nghĩa của pháp giới vị. Tự tính và pháp thực, biến hóa vị sai biệt, nghĩa là tự tính thân thực, thân hóa, thân vị sai biệt. Đâu do pháp giới tịnh, là chư Phật đã nói, nghĩa là nếu pháp giới không thanh tịnh thì vị này bất thành. Đã nói pháp giới chư Phật thanh tịnh, tiếp nói 3 thân của chư Phật.

Kệ nói :

*Tính thân và thực thân,
Hóa thân hợp ba thân.
Phải biết đệ nhất thân,
Là y chỉ của hai.*

Giải thích : Tất cả chư Phật có 3 thân : 1. Tự tính thân, do tướng chuyển y. 2. Thực thân, do làm pháp thực trong chúng đại tập hội. 3. Hóa thân, do làm lợi ích chúng sinh được hóa độ. Nên biết trong đây tự tính thân là y chỉ của thực thân và hóa thân, vì đây là gốc.

Kệ nói :

*Thực thân trong các cõi,
Thụ dụng có sai biệt.
Các cõi gọi thân nghiệp,
Tất cả đều khác nhau.*

Giải thích : Thực thân trong tất cả thế giới, các đồ chúng, các quốc độ, các tên gọi, các thân, các nghiệp như thế các việc thụ dụng đều không đồng nhau.

Kệ nói :

*Bình đẳng vi tế thân,
Thụ dụng thân hợp nhau.
Phải biết thụ dụng thân,
Là nhân của hóa thân.*

Giải thích : Bình đẳng là tự tính thân. Vì tất cả chư Phật đều bình đẳng không khác. Vì thế, là do thân này khó biết. Thụ dụng thân là thực thân. Thân này và bình đẳng thân hợp nhau do y khởi. Phải biết thụ dụng thân lại là nhân của hóa thân, do muốn thụ dụng tất cả thị hiện.

Kê nói :

*Hóa Phật hóa vô lượng,
Cho nên gọi hóa thân.
Hai thân hai lợi thành,
Nhất thiết chúng kiến lập.*

Giải thích : Do hóa thân chư Phật trong tất cả mọi thời hóa ra vô lượng sai biệt. Phật do hóa này nên gọi hóa thân. Hai thân là thực thân và hóa thân. Hai lợi là tự lợi và tha lợi. Thực thân lấy tự lợi thành tựu làm tướng. Hóa thân lấy lợi tha thành tựu làm tướng. Như hai lợi này, tất cả chúng thành tựu nên lần lượt kiến lập thực thân và hóa thân.

Kê nói :

*Công xảo và xuất sinh,
Đắc đạo Bát-niết-bàn.
Thị hiện phương tiện lớn,
Khiến kia được giải thoát.*

Giải thích : Lại nữa hóa thân, là trong tất cả mọi thời giáo hóa chúng sinh, hoặc hiện công xảo, hoặc hiện xuất sinh, hoặc hiện đắc Bồ-đề, hoặc hiện Bát-niết-bàn. Như vậy thị hiện các thứ phương tiện lớn đều khiến chúng sinh được giải thoát. Đây là tướng tha lợi thành tựu.

Kê nói :

*Nên biết Phật ba thân,
Đều trong thân chư Phật.
Tự tha lợi y chỉ,
Thị hiện cả ba thân.*

Giải thích : Nên biết rằng ba thân này đều ở trong thân tất cả chư Phật, vì thị hiện y chỉ của tất cả tự lợi lợi tha.

Kê nói :

*Do dựa vào tâm nghiệp,
Ba Phật đều bình đẳng.
Tự tính không gián đoạn,*

Ba Phật cùng thường trụ.

Giải thích : Ba thân kia theo thứ thứ tự là vì : Tất cả chư Phật thấy đều bình đẳng do y. Tất cả chư Phật tự tính thân bình đẳng vì pháp giới không riêng khác mà do tâm. Tất cả chư Phật thực thân bình đẳng, vì Phật tâm không khác mà do nghiệp. Tất cả chư Phật hóa thân bình đẳng vì đồng một sở tác. Lại nữa tất cả chư Phật thấy đều thường trụ vì do tự tính thường. Tất cả chư Phật tự tính thân thường trụ vì rốt ráo vô lậu do thường không gián đoạn. tất cả chư Phật thực thân thường trụ vì thuyết pháp không đoạn dứt do thường liên tục. Tất cả chư Phật hóa thân thường trụ, tuy diệt nơi đây lại hiện nơi kia.

Đã nói các Phật thân, tiếp nói các Phật trí.

Kệ nói :

*Bốn trí kính không động,
Sở y của ba trí.
Tám, bảy, sáu, năm thức,
Vì lần lượt được chuyển.*

Giải thích : Bốn trí kính không động, sở y của ba trí, nghĩa là tất cả chư Phật có bốn thứ trí : 1. Kính trí. 2. Bình đẳng trí. 3. Quán trí. 4. Tác sự trí. Kính trí lấy không động làm tướng, hằng làm chỗ y chỉ cho ba trí kia. Bởi vì sao ? Vì ba trí là động, thức thứ 8, 7, 6, 5 lần lượt được chuyển. Chuyển thức thứ 8 được kính trí. Chuyển thức thứ 7 được bình đẳng trí. Chuyển thức thứ 6 được quán trí. Chuyển 5 thức trước được tác sự trí.

Kệ nói :

*Kính trí duyên không phân,
Liên tục hằng không dứt.
Không ngu các sở thức,
Các tướng chẳng hiện tiền.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyển thức thứ 8 được kính trí. Kính trí duyên không phân, nghĩa là trong tất cả cảnh giới duyên không phân đoạn. Liên tục hằng không dứt, là trong tất cả mọi thời thường hiện hành không dứt. Không ngu các sở thức, là hiểu biết tất cả cảnh giới, vĩnh viễn hết các chướng. Các tướng chẳng hiện tiền, là trong các cảnh giới lìa hành tướng duyên vô phân biệt.

Kệ nói :

*Kính trí : nhân các trí.
Gọi là đại trí tàng.
Các thân và các trí,
Hiện tượng từ đây khởi.*

Giải thích : Kệ này hiển thị cái dụng của kính trí. Kính trí : nhân các trí, gọi là đại trí tàng, nghĩa là bình đẳng trí v.v... các trí tất cả đều lấy kính trí làm nhân, cho nên trí này ví như kho tàng lớn do các trí tàng chứa nơi đây. Các thân và các trí, hiện tượng từ đây khởi, nghĩa là các thân tức thụ dụng thân v.v..., các trí là bình đẳng trí v.v... Do thân tượng và trí tượng kia tất cả đều từ trí này sinh ra, cho nên Phật nói trí này là kính trí.

Kệ nói :

*Chúng sinh bình đẳng trí,
Tu tịnh chứng Bồ-đề.
Chẳng trụ ở Niết-bàn,
Vì lẽ không cứu cánh.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chuyên thức thứ 7 được bình đẳng trí. Chúng sinh bình đẳng trí, tu tịnh chứng Bồ-đề, nghĩa là nếu chư Bồ-tát khi chứng pháp hiện tiền liền được trí bình đẳng tất cả chúng sinh, nếu tu tập trí này đến cực kỳ thanh tịnh thì được vô thượng Bồ-đề. Chẳng trụ ở Niết-bàn, vì lẽ không cứu cánh, nghĩa là do chúng sinh vô tận nên không rốt ráo, không rốt ráo nên không trụ Niết-bàn. Do nghĩa này nên nói là trí bình đẳng.

Kệ nói :

*Đại từ và đại bi,
Là hai hằng không tuyệt.
Nếu chúng sinh có tin,
Phật tượng liền hiện tiền.*

Giải thích : Kệ này hiển thị cái dụng của bình đẳng trí. Đại từ và đại bi, là hai hằng không tuyệt, nghĩa là chư Phật Như Lai trong mọi lúc theo sát chúng sinh. Bởi vì sao ? Vì không đoạn tuyệt đại từ đại bi. Nếu chúng sinh có tin, Phật tượng liền hiện tiền, nghĩa là nếu chúng sinh tin thì liền tùy chúng sinh hiện. Cho nên có chúng sinh thấy Như Lai sắc xanh, có chúng sinh thấy Như Lai sắc vàng. Như vậy tất cả là hai trí trước, tức pháp thân.

Kê nói :

*Quán trí thức sở thức,
Hằng thời không có ngại.
Trí này như kho lớn,
Tổng trì Tam-muội y.*

Giải thích : Kê này hiển thị chuyển thức thứ 6 được quán trí. Quán trí trong sở thức, tất cả cảnh giới cảnh giới hằng không chướng ngại. Ví như kho chứa lớn, làm nơi y chỉ cho tất cả Đà-la-ni môn và tất cả Tam-muội môn. Bởi vì sao ? Vì hai môn đều từ trí này sinh.

Kê nói :

*Hằng ở trong đại chúng,
Các thứ đều thị hiện.
Năng đoạn các lưới nghi,
Mưa con mưa đại pháp.*

Giải thích : Kê này hiển thị nghĩa của công dụng của quán trí. Như kê nói, quán trí này tức là thực thân.

Kê nói :

*Sự trí trong các cõi,
Các thứ hóa sự khởi.
Vô lượng không nghĩ bàn,
Vì lợi ích quần sinh.*

Giải thích : Kê này hiển thị chuyển 5 thức trước được tác sự trí. Trí tác sự kia làm tất cả các việc biến hóa vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn trong tất cả thế giới. Các nghiệp như vậy đều vì lợi ích tất cả chúng sinh. Tác sự trí này, tức là hóa thân.

Kê nói :

*Nhiếp trì và đảnh tâm,
Khai pháp và tác sự,
Như vậy y 4 nghĩa,
Lần lượt khởi 4 trí.*

Giải thích : Nhiếp trì, nghĩa là nghe pháp rồi gìn giữ hành trì. Đảnh tâm, nghĩa là trong tất cả chúng sinh được tự tha bình đẳng. Khai pháp, nghĩa là diễn nói chính pháp. Tác sự, là khởi làm các nghiệp giáo hóa nên dựa vào nghĩa thứ nhất khởi kính

trí, dựa vào nghĩa thứ hai khởi bình đẳng trí, dựa vào nghĩa thứ ba khởi quán trí, y vào nghĩa thứ tư khởi tác sự trí.

Kệ nói :

*Tính biệt và không hư,
Tất cả và vô thủy,
Không khác nên không một,
Y đồng nên không nhiều.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chư Phật không một không nhiều. Không một, là do tính biệt, không hư, vô thủy, không khác. Tính biệt, là do vô biên chư Phật tính khác, nếu nói chỉ có một Phật mà có người sẽ được Bồ-đề là không đúng nghĩa. Cho nên Phật không phải một. Không hư, là nếu nhóm phúc đức trí tuệ mà hư thì bao nhiêu Bồ-tát sẽ không được Bồ-đề. Do hai nhóm không hư nên không phải vậy. Cho nên Phật không phải một. Tất cả, nghĩa là nếu nói chỉ một Phật thì Phật không làm lợi ích tất cả chúng sinh. Do Phật kiến lập tất cả chúng sinh thành Phật nên không phải nghĩa như vậy. Cho nên Phật không phải một. Vô thủy, là nếu nói ban đầu chỉ có một Phật thì vị Phật đó phải không có hai nhóm phúc trí mà được thành Phật, nghĩa đó không đúng. Cho nên Phật không phải một. Không khác, là nếu nói có Phật khác không có hai nhóm phúc trí là không đúng nghĩa. Cho nên Phật không phải một. Không nhiều, là do y đồng. Tất cả pháp thân chư Phật do cùng y vô lậu giới.

Đã nói trí chư Phật, tiếp nói nhập Phật phương tiện.

Kệ nói :

*Phân biệt nếu hằng có,
Thì chân thật hằng không.
Phân biệt nếu hằng không,
Thì chân thật hằng có.*

Giải thích : Nếu tự tính phân biệt là hằng có thì tự tính chân thật là hằng không, vì không thể được. Nếu tự tính phân biệt là hằng không thì tự tính chân thật hằng có, vì có thể được.

Kệ nói :

*Muốn tu cái tu cao tột,
Không thấy tu tất cả.
Muốn được cái được cao tột,
Không thấy được tất cả.*

Giải thích : Tu cao tốt như thế kia thì tu kia là không thể được. Được cái được cao tốt như thế kia thì cái được kia không thể có được.

Kê nói :

*Tôn trọng và dài lâu,
Quán Phật hy hữu pháp,
Duyên đây mau thành Phật,
Cách xa Phật Bồ-đề.*

Giải thích : Nếu có Bồ-tát đời Phật Thế Tôn cực kỳ tôn trọng và thời gian dài lâu chính cần quán Phật, pháp vị tăng hữu, duyên quán tâm đây và dài lâu tinh tiến, mà bảo rằng ta sẽ mau được vô thượng Bồ-đề, phải biết rằng Bồ-tát này còn cách Phật Bồ-đề rất xa. Bởi vì sao ? Kia còn tâm ngã mạn.

Kê nói :

*Quán pháp chỉ phân biệt,
Nghĩa này như trước biết.
Bồ-tát không phân biệt,
Là nói mau thành Phật.*

Giải thích : Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp chỉ là phân biệt, quán phân biệt kia cũng không phân biệt, tức được nhập vô sinh nhẫn vị kia. Do nghĩa này nói là được Bồ-đề. Đã nói nhập Phật phương tiện, tiếp nói chư Phật đồng sự.

Kê nói :

*Phải biết nước các sông,
Biệt y và biệt sự.
Nước ít thì trùng ít,
Vì chưa vào biển cả.
Tất cả vào biển cả,
Một y và một sự.
Nước nhiều thì trùng nhiều,
Và cũng thường vô tận.
Như vậy các biệt giải,
Biệt ý và biệt nghiệp.
Hiểu ít lợi ích ít,
Vì chưa nhập Phật thể.
Tất cả nhập Phật thể,
Một hiểu và một ý.*

*Hiểu nhiều lợi ích nhiều,
Cực tỵ và vô tận.*

Giải thích : Nước các sông ví như sự hiểu biết khác nhau của các Bồ-tát. Biệt y, ví như biệt ý các Bồ-tát. Một thứ nước ví như một kiến giải của Như lai. Một y ví như một ý của Như Lai. Do nước các sông khác nhau nên sự nghiệp của nước cũng khác. Do nước ít nên thụ dụng của loài thủy trùng cũng ít. Bởi vì sao ? Vì chưa được cùng vào biển lớn. Chư Bồ-tát cũng vậy, do hiểu biết khác nhau nên tác nghiệp cũng khác. Do hiểu biết ít nên lợi ích chúng sinh cũng ít. Bởi vì sao ? Vì chưa được cùng nhập Phật thể. Các sông nếu vào biển lớn, tức cùng một sở y, tức đồng một thể. Do sông có một nên sự nghiệp cũng có một. Do sông lớn nên thủy trùng thụ dụng cũng lớn. Nếu chư Bồ-tát đồng nhập Phật thể, tức đồng một ý, tức đồng một kiến giải, do kiến giải là một nên tác nghiệp cũng một. Do hiểu biết lớn nên lợi ích cũng lớn, cùng cực tất cả chúng sinh tỵ cũng vô tận.

Như vậy đã nói thể dụng chư Phật, tiếp nói một kệ khuyên tiến đến mong cầu.

Kệ nói :

*Pháp viên bạch vô tỵ,
Nhân lợi lạc chúng sinh.
Lạc trụ vô tận tàng,
Người trí cầu phát tâm.*

Giải thích : Pháp viên bạch vô tỵ, nghĩa là vì Phật tự lợi thành tựu. Nhân lợi lạc chúng sinh, nghĩa là vì Phật lợi tha thành tựu. Lạc trụ vô tận tàng, nghĩa là do thiện căn của Phật không có gì hơn, không có gì trên, là kho tàng vô tận của sự an lạc. Người trí nên cầu phát tâm, nghĩa là người có trí tuệ phải phát tâm Bồ-đề cầu tối thắng an lạc trụ như vậy.

Xong Phẩm Bồ-đề.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 3)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 4

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 11 : Minh tín

Giải thích : Đã nói vô thượng Bồ-đề tùy thuận. Bồ-đề là tín.
Nay sẽ nói tướng của tín.

Kê nói :

*Đã sinh và chưa sinh,
Chính thụ và tự thụ,
Tha lực và tự lực,
Có mê và không mê,
Hiện tiền không hiện tiền,
Nghe pháp và cầu nghĩa,
Quán sát có 13,
Phân biệt nơi tướng tín.*

Giải thích : Tướng của tín có 13 thứ : 1. Đã sinh tín, nghĩa là quá khứ, hiện tại tin. 2. Chưa sinh tín. 3. Chính thụ tín, là nội tín. 4. Tự thụ tín, là ngoại tín. 5. Tha lực tín, là thô tín, vì do sức của thiện hữu sinh. 6. Tự lực tín, là tế tín, do tự lực sinh. 7. Mê tín, là ác tín, do điên đảo. 8. Không mê tín, là hảo tín, do không điên đảo. 9. Hiện tiền tín, là cận tín, do không chướng ngại. 10. Không hiện tiền tín, là viễn tín, do có chướng ngại. 11. Thính pháp tín, là văn tín, do nghe pháp sinh tin. 12. Cầu nghĩa tín, là tư tín, do tư duy sinh. 13. Quán sát tín, là tu tín, do tu sinh.

Đã nói tướng sai biệt của tín, tiếp nói sai biệt của các loại tin.

Kê nói :

*Đoạt được, gián, vô gián,
Có nhiều và có ít,
Hữu phú và vô phú,
Tương ưng không tương ưng,
Có tự và không tự,
Cực nhập và viễn nhập,
Mười ba thứ nghĩa đây,
Phân biệt các loại tin.*

Giải thích : Có 13 loại tin khác nhau : 1. Tin có thể bị đoạt mất, đó là lòng tin ở bậc thấp. 2. Tin có gián đoạn, là lòng tin bậc trung. 3. Tin không gián đoạn, là lòng tin bậc cao. 4. Tin nhiều, là tin Đại thừa. 5. Tin ít, là tin Tiểu thừa. 6. Tin hữu phú, là tin có trở ngại không thể thắng tiến. 7. Tin vô phú, là tin không bị trở ngại có thể thắng tiến. 8. Tin tương ưng, là tin thuần thực tu hành thường hành và cung kính. 9. Tin không tương ưng, là tin không thuần thành vì lìa hai hạnh trên. 10. Tin có tụ, là tin có quả có thể được Đại Bồ-đề. 11. Tin không có tụ, là tin không có quả, không được Đại Bồ-đề. 12. Tin cực nhập, là có dụng công, tức từ sơ địa đến địa thứ 7. 13. Tin viễn nhập, là tin cực tịnh, tức từ địa thứ 8 đến Phật địa.

Đã nói các loại tin, tiếp nói các chướng ngại của tin.

Kê nói :

*Quên nhiều và lười biếng,
Hành mê và bạn xấu,
Thiện yếu và tà ức,
Phóng túng lại thiếu văn,
Văn hỷ và tư hỷ,
Nhân định tăng thượng mạn,
Phải biết các lỗi này,
Chướng ngại nơi tướng tin.*

Giải thích : Chướng, nghĩa là trái nghịch. Quên nhiều, là chướng ngại của lòng tin đã sinh. Lười biếng, là chướng ngại của lòng tin chưa sinh. Hành mê, là chướng ngại của lòng tin chính thụ, tự thụ, như chấp trước sở thụ năng thụ trước kia. Bạn xấu, là chướng ngại của lòng tin nơi tha lực vì khiến tiếp nhận pháp điên đảo. Thiện yếu, là chướng ngại đối với tự lực. Tà ức, là chướng ngại đối với không mê tín. Phóng túng, là chướng ngại đối với lòng tin hiện tại. Thiếu văn, là chướng ngại đối với lòng tin nghe pháp vì không nghe liễu nghĩa. Văn hỷ, là chướng ngại đối với lòng tin cầu nghĩa, vì ít tư duy. Tư hỷ và định mạn, là chướng ngại đối với lòng tin quán sát, vì ít tu và không quán sát tinh tế.

Hỏi : Chướng ngại nào làm chướng ngại các loại tin ?

Kê nói :

Không chán và không tập,

*Có chán và hữu phú,
Vô ung và vô tụ,
Là chương các loại tin.*

Giải thích : Không tập, nghĩa là chương ngại đối với khả
đoạt tín và hữu gián tín. Không chán là chương ngại đối với
Tiểu tín vì không chán sinh tử. Có chán là chương ngại đối với
Đại tín vì chán sinh tử. Hữu phú là chương ngại đối với vô phú
tín. Vô ung là chương ngại đối với tương ung tín. Vô tụ là
chương ngại đối với hữu tụ tín.

Đã hiển thị các chương nạn của tín, tiếp đến khen ngợi
công đức của tín.

Kê nói :

*Tin có phúc đức lớn,
Không hối và đại hỷ,
Không hoại và kiên cố,
Thăng tiến và đắc pháp,
Tự lợi cùng lợi tha,
Và mau chứng thần thông.
Bởi các công đức này,
Khen ngợi lợi ích tin.*

Giải thích : Phúc đức lớn, là tán thán lòng tin hiện tại.
Không hối, là tán thán lòng tin quá khứ không thay đổi. Đại hỷ,
là khen ngợi sự tin thụ chân chính và tương tự chân chính vì
tương ung với định. Không hoại, là khen ngợi sức tin của bạn bè
không phá hoại chính đạo. Kiên cố, là khen lòng tin tự lực
không thoái không bỏ. Thăng tiến, là khen ngợi không mê tín,
hiện tại tin, nghe pháp tin, cầu nghĩa tin, quán sát tin, tin có gián
đoạn. Đắc pháp, là khen ngợi tin không gián đoạn. Tự lợi , là
khen tin ít. Lợi tha, là khen tin nhiều. Mau được thần thông, là
khen các tự phần tin, tức là vô phú tín, tương ung tín, hữu tụ tín,
cực nhập tín, tốc nhập tín.

Kê nói :

*Chớ, rùa, nô tỳ, vua,
Lần lượt ví 4 tin.
Tập dục tập các định,
Lợi mình lợi người khác.*

Giải thích : Ví như chó đói đi kiếm ăn, tin của người tập dục cũng vậy trong một lúc tin đủ thứ. Ví như con rùa ở trong nước trôn ở 6 chỗ, tin của các người tu tập ngoại đạo cũng vậy, chỉ biết tu tập định thế gian. Ví như nô tỳ sợ chủ, tin của những người siêng làm các tự lợi cũng vậy, vì sợ sinh tử mà siêng làm phương tiện. Ví như đại vương tự tại ban các sắc chiếu, tin của những người lợi tha cũng vậy, tăng thượng việc giáo hóa không ngại ngại. Cho nên Bồ-tát tự mình hiểu các thứ tin và rộng phân biệt cho người khác được biết. Như vậy là khuyến khích các chúng sinh sinh lòng tin Đại thừa.

Đã tán thán công đức tin, tiếp ngăn chặn tâm hạ liệt.

Kê nói :

*Thân người và phương xứ,
Thời tiết đều vô hạn.
Ba nhân được Bồ-đề,
Chớ khởi tâm hạ liệt.*

Giải thích : Nhân thân, phương xứ và thời tiết đều vô hạn, nghĩa là được vô thượng Bồ-đề có 3 nhân vô hạn : 1. Nhân thân vô hạn, do nhân đạo chúng sinh được vô hạn. 2. Phương xứ vô hạn, do 10 phương thế giới được vô hạn. 3. Thời tiết vô hạn, do tận đời vị lai sát-na sát-na được vô hạn. Ba nhân được Bồ-đề chớ khởi tâm hạ liệt, nghĩa là do 3 nhân vô hạn này nên chớ Bồ-tát đối với vô thượng Bồ-đề không nên thoái khuất khởi tâm hạ liệt.

Đã ngăn chặn tâm hạ liệt, tiếp hiển thị phúc đức vượt trội.

Kê nói :

*Được phúc là do thí,
Không do tự thụ dụng.
Y tha nói Đại thừa,
Không y tự nghĩa pháp.*

Giải thích : Được phúc là do thí, không do tự thụ dụng, nghĩa là ví như đem cơm nước thí cho người thì được phúc lớn vì lợi tha. Không phải tự thụ dụng mà có được phúc lớn vì tự lợi.

Hỏi : Nếu vậy Bồ-tát làm thế nào được phúc ?

Đáp : Y tha nói Đại thừa, không y tự nghĩa pháp. Chư Bồ-tát như vậy y vào người nói kinh Đại thừa được phúc đức lớn, không y vào tự lợi nói kinh Tiểu thừa được phúc đức lớn.

Đã nói phúc vượt trội, tiếp nói đặc quả.

Kê nói :

*Đại pháp khởi đại tín,
Quả đại tín có 3 :
Tín tăng và phúc tăng,
Được Phật công đức thể.*

Giải thích : Đại pháp khởi đại tín, quả đại tín có 3, nghĩa là người có trí đối với Đại thừa thánh pháp sinh lòng tin lớn. Do lòng tin lớn này được 3 thứ quả.

Hỏi : Được những quả gì ?

Đáp : Tín tăng và phúc tăng được Phật công đức thể. Đây nói rõ một là được quả đại tín vì tín tăng trưởng, hai là được quả đại phúc vì phúc tăng trưởng, ba là được quả đại Bồ-đề vì công đức không gì bằng và Phật thể lớn.

Xong Phẩm minh tín.

Phẩm 12 -1 : Thuật cầu

Giải thích : Như vậy đã nói các thứ tin., tiếp nói đem lòng tin cầu các pháp.

Kê nói :

*Ba tạng hoặc gồm 2,
Thành 3 có 9 nhân.
Vì huân giác tịch thông,
Giải thoát sự sinh tử.*

Giải thích : Ba tạng hoặc gồm 2, nghĩa là 3 tạng tức tạng Tu-đa-la, tạng Tì-ni, tạng A-tì-đàm. Hoặc 2, nghĩa là 3 tạng này do hạ thừa thượng thừa sai biệt, hoặc cũng là tạng Thanh Văn và tạng Bồ-tát.

Hỏi : Kia 3 và 2 vì sao gọi tạng ?

Đáp : Do gồm thâu. Nghĩa là gồm thâu tất cả nghĩa cần phải biết.

Hỏi : Thế nào là thành 3 ?

Đáp : Thành 3 là có 9 nhân. Lập Tu-đa-la là để đối trị nghi hoặc. Nếu có người trong nghĩa sinh nhiều chỗ nghi thì khiến người ấy được quyết định. Lập Tì-ni là để đối trị sự thụ dụng của nhị biên. Để lìa bỏ bên lạc hạnh thì ngăn ngừa sự thụ dụng có tội lỗi. Để lìa bỏ bên khổ hạnh thì cho thụ dụng mà không tội lỗi. Lập A-tì-đàm là để đối trị tự tâm kiến thủ. Đây có thể hiển thị không điên đảo pháp tướng. Lại nữa lập Tu-đa-la để nói 3 học. Lập Tì-ni để thành giới học. Tâm học do trì giới nên không hối. Do không hối nên tuần tự được định. Lập A-tì-đàm để thành tuệ học. Đây có thể quyết trạch nghĩa không điên đảo. Lại nữa lập Tu-đa-la để nói đúng pháp và nghĩa. Lập Tì-ni, là thành tự pháp và nghĩa do siêng năng phương tiện diệt phiền não. Lập A-tì-đàm để thông đạt pháp và nghĩa do nhiều lựa chọn đây làm phương tiện. Do 9 nhân này nên lập 3 tạng.

Hỏi : Biệt dụng là như thế còn thông dụng thì sao ?

Đáp : Vì huân giác tịch thông nên giải thoát sinh tử sự. Đây nói giải thoát sinh tử là thông dụng. Do nghe pháp nên huân tập. Do tư duy pháp nên giác ngộ. Do đình chỉ nên tịch tĩnh. Do quán sát nên thông suốt. Do 4 nghĩa đây vĩnh viễn giải thoát được việc sinh tử.

Kê nói :

*Kinh, luật, A-tì-đàm,
Mỗi mỗi có 4 nghĩa.
Hiểu rõ thành chủng trí,
Một kệ được lậu tận.*

Giải thích : Nếu lược nói 3 tạng mỗi mỗi đều có 4 nghĩa, nếu Bồ-tát hiểu được nghĩa này thì thành tựu nhất thiết chủng trí. Nếu Thanh Văn có thể hiểu được một kệ thì được các lậu vĩnh tận.

Thế nào là mỗi mỗi có 4 nghĩa ?

Kê nói :

*Này y và này tướng,
Này pháp và này nghĩa,
Như vậy 4 nghĩa này,
Là nghĩa Tu-đa-la.*

Giải thích : Tu-đa-la có 4 nghĩa : 1. Y. 2. Tướng. 3. Pháp. 4. Nghĩa. Y là nơi ấy, người ấy, dụng ấy. Nghĩa là tùy theo cõi

nước nào, tùy chư Phật nào, tùy theo chúng sinh nào, Như Lai y vào 3 trường hợp này mà nói kinh. Tướng, là tướng thế đế và tướng đệ nhất nghĩa đế. Pháp, là âm, giới, nhập, duyên sinh, đế, thực v.v... các pháp. Nghĩa, là giải thích sở dĩ.

Kê nói :

*Này đối và này số,
Này phục và này giải,
Như vậy 4 nghĩa này,
Là nghĩa của Tì-đàm.*

Giải thích : A-tì-đàm có 4 nghĩa : 1. Đối. 2. Số. 3. Phục. 4. Giải. Đối, nghĩa là pháp hướng đến Niết-bàn, là nói về chân đế, Bồ-đề phần, giải thoát môn v.v... Số, là pháp tương tục, là nói về vô lượng sai biệt trong mỗi mỗi pháp như sắc, phi sắc, sắc thấy được, sắc không trông thấy được v.v... Phục, là pháp thắng thượng, là pháp nghĩa phán quyết, đẩy lui đối phương trong cuộc tranh luận. Giải, là pháp giải thích nghĩa, nhờ A-tì-đàm mà dễ hiểu được nghĩa kinh.

Kê nói :

*Có tội, khởi, tịnh, xuất,
Có nhân, chế, giải, phán.
Bốn nghĩa lại 4 nghĩa,
Là nghĩa của Tì-ni.*

Giải thích : Tì-ni có 2 thứ 4 nghĩa. Bốn nghĩa đầu là : 1. Tội. 2. Khởi. 3. Tịnh. 4. Xuất. Tội, là tự tính của tội, như tội ngũ tị. Khởi, là duyên khởi của tội. Đây có 4 thứ : 1. Do không biết. 2. Do phóng túng. 3. Do phiền não bén nhạy. 4. Do tâm không cung kính. Tịnh, là tội được thanh tịnh trở lại do thiện tâm không do trị phạt. Xuất, là khởi tội. Có 7 trường hợp : 1. Sám hối tội lỗi, nghĩa là vĩnh viễn ngăn ngừa không phạm lại. 2. Tùy thuận sự giáo thụ, nghĩa là cùng học Yết-ma trị phạt. 3. Mở cho, nghĩa là trước đã chế cấm, sau lại mở cho. 4. Xả, nghĩa là tăng hòa hợp cùng học xả, bấy giờ những điều phạm trước được thanh tịnh trở lại. 5. Chuyển y, nghĩa là Tì-khuru, Tì-khuru-ni, nam nữ chuyển căn xuất bất cộng tội. 6. Thật quán, nghĩa là pháp Ưu-đà-na do thâm quán sát. 7. Tính đặc, nghĩa là khi kiến đế các tội vi tế là vô thể do chúng pháp không, pháp tự nhiên được.

Lại có 4 nghĩa, là : 1. Người. 2. Chế. 3. Giải. 4. Phán. Người, là người phạm tội. Chế, là dựa vào trường hợp người phạm tội kia đại sư hợp chúng nói tội người kia rồi chế lập. Giải, là sau khi chế lập, lại phân biệt rộng các chi tiết. Phán, là phán quyết thế nào là trường hợp phạm tội, thế nào là trường hợp không phạm tội. Phải thụ trì như vậy.

Đã nói xong về câu pháp, tiếp nói câu duyên.

Kê nói :

*Phật nói pháp sở duyên,
Trong, ngoài và cả hai.
Nghĩa được 2, không 2,
Cả 2 đều không được.*

Giải thích : Phải biết Phật nói pháp sở duyên có đủ trong và ngoài, nghĩa là Phật nói tất cả pháp sở duyên có 3 thứ : một là trong, hai là ngoài, ba là cả hai. Năng thủ tự tính thân v.v... là trong, sở thủ tự tính thân là ngoài, hợp 2 tự tính là đủ cả hai. Nghĩa được 2, không 2, cả 2 đều không được, nghĩa là ở đây trong ngoài 2 duyên theo thứ tự 2 nghĩa được và không.

Hỏi : Thế nào là được ?

Đáp : Nếu không quán riêng biệt nghĩa sở thủ và nghĩa năng thủ, nếu không quán riêng biệt nghĩa năng thủ với nghĩa sở thủ, lại nữa hợp hai làm một, do trong ngoài 2 duyên được như như nên như vậy cái 2 kia không có 2 nghĩa, thì 2 duyên này cũng không thể được.

Hỏi : Đã nói về được duyên, thế nào là được trí ?

Kê nói :

*Ba duyên được 3 trí,
Tịnh trì ý ngôn cảnh,
Nghĩa liễu biệt rõ rồi,
Yên tâm chỉ có tên.*

Giải thích : Ba duyên là như trước nói trong, ngoài và cả hai là 3 cảnh. Ba trí là văn tư tu 3 tuệ. Do dựa vào 3 duyên có thể được 3 tuệ.

Hỏi : Được như thế nào ?

Đáp : Nếu trong 3 duyên tịnh trì, ý ngôn, cảnh tức được văn tuệ. Ý ngôn, là phân biệt. Tịnh, là tin quyết định. Trì, là lựa chọn do được văn tuệ. Nếu trong 3 duyên, rõ được nghĩa liễu

biệt rồi tức được tu tuệ. Nghĩa là biết nghĩa và sáng tỏ không khác ý ngôn do đó được tu tuệ. Nếu trong 3 duyên yên tâm chỉ có tên tức được tu tuệ. Nghĩa là biết nghĩa và sáng tỏ chỉ là cái tên do đây được tu tuệ. Như trước đã nói 2 duyên là không thể được, cho nên phải biết 3 duyên kia là chỗ y chỉ của văn tứ tu 3 tuệ.

Đã nói xong về cầu duyên, tiếp nói cầu tác ý.

Kê nói :

*Tối sơ là chủng tính,
Sở tác và y chỉ.
Tín an và dục sinh,
Tác định và y trí,
Biệt duyên, chủng chủng duyên,
Thông đạt và tu chủng,
Tự tính và công lực,
Lãnh thọ và phương tiện,
Tự tại, tiêu và đại,
Như vậy 18 thứ,
Gồm hết các tác ý,
Hành giả phải siêng tu.*

Giải thích : 18 thứ tác ý là : 1. Chủng tính tác ý. 2. Sở tác tác ý. 3. Y chỉ tác ý. 4. Tín an tác ý. 5. Dục sinh tác ý. 6. Y định tác ý. 7. Y trí tác ý. 8. Biệt duyên tác ý. 9. Chủng chủng duyên tác ý. 10. Thông đạt tác ý. 11. Tu chủng tác ý. 12. Tự tính tác ý. 13. Công lực tác ý. 14. Lãnh thọ tác ý. 15. Phương tiện tác ý. 16. Tự tại tác ý. 17. Tiêu tác ý. 18. Đại tác ý.

Chủng tính tác ý, là do định tính Thanh Văn v.v... 3 thừa. Sở tác tác ý, là do phúc trí 2 tụ viên mãn. Y chỉ tác ý, là do tại gia xuất gia bức bách không bức bách khác nhau. Tín an tác ý, là do niệm Phật tương ưng. Dục sinh tác ý, là do tùy khi niệm Phật mà tín tâm tương ưng. Y định tác ý, là do có giác có quán v.v... các Tam Tam-muội tương ưng. Y trí tác ý, là do từ phương tiện văn tứ tu lần lượt sinh. Biệt duyên tác ý, là đây có 5 thứ trong Tu-đa-la, Ưu-đà-na, Già-đà, A-ba-đà-na : 1. Thọ. 2. Trì. 3. Đọc. 4. Suy nghĩ. 5. Nói. Chủng chủng duyên tác ý, là đây có 7 thứ : danh duyên, cú duyên, tự duyên, nhân vô ngã duyên, pháp vô ngã duyên, sắc duyên, vô sắc duyên. Sắc duyên,

là thân duyên. Vô sắc duyên, là thụ tâm pháp duyên. Thông đạt tác ý, là đây có 4 thứ : 1. Vật thông đạt, nghĩa là biết thể của khổ. 2. Nghĩa thông đạt, nghĩa là biết nghĩa của khổ, vô thường, không, vô ngã. 3. Quả thông đạt, nghĩa là biết giải thoát. 4. Giác thông đạt, nghĩa là biết trí giải thoát. Tu chủng tác ý, là đây có 4 thứ tu và 37 thứ tu. Bốn thứ tu là nhân vô ngã chủng tu, pháp vô ngã chủng tu, kiến chủng tu, trí chủng tu. Ba mươi bảy thứ tu là bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã 4 thứ tu. Đó gọi là chủng tu 4 niệm xứ. Lại nữa được tập đoạn đối trị 4 thứ tu. Đó gọi là chủng tu 4 chính cần. Lại nữa để đối trị tri túc, loạn nghi, trạo động, trầm một 4 chương nên dục, tiến, niệm, tuệ 4 thứ tu, đó gọi là chủng tu 4 thần túc. Lại nữa, trụ tâm, là để thành tựu xuất thế gian nên khởi tâm tín, cần, bất vọng, trụ, giản trạch 5 thứ tu, đó gọi là chủng tu 5 căn. Lại nữa, 5 thứ tu như vậy có thể đối trị 5 chương, tức gọi là lục, đó gọi là chủng tu 5 lục. Lại nữa, trong Bồ-đề chính ức, giản trạch, dũng mãnh, khánh duyệt, điều nhu, tâm trụ, bình đẳng 7 thứ tu, gọi là chủng tu 7 giác phần. Lại nữa, vì được quyết định nên thành tịnh trì địa nghiệp, tư duy phân biệt, kham năng thụ trì 3 giới đã thụ, siêng năng tu tập đạo trước đã đắc, pháp trụ tướng, không quên, vô tướng tâm, trụ chuyển y, tu 8 thứ như vậy gọi là chủng tu 8 đạo phần. Tự tính tác ý, đây có 2 thứ : 1. Xa-ma-tha. 2. Tì-bát-xá-na. Hai pháp này là tự tính của đạo. Công lục tác ý, là lục có 2 thứ : 1. Bạt trừ huân tập. 2. Bạt trừ tướng kiến. Lãnh thụ tác ý, là tất cả các pháp được Phật Bồ-tát giáo thụ lưu bố thấy đều thụ trì. Phương tiện tác ý, là trong định có 5 hành xứ phương tiện : 1. Phương tiện hiểu số, là trong danh, cú, tự, số thấy đều thông suốt. 2. Phương tiện hiểu đạo cụ. Đạo cụ có 2 thứ : 1. Phân lượng cụ, tức các chữ. 2. Phi phân lượng cụ, tức danh từ, câu v.v... 3. Phương tiện hiểu phân biệt. Phân biệt có 2 thứ : 1. Y vào tên phân biệt nghĩa. 2. Y vào nghĩa phân biệt tên. Phi phân biệt là chữ. 4. Phương tiện hiểu thứ tự, nghĩa là trước lấy tên, sau chuyển lấy nghĩa. 5. Phương tiện hiểu thông suốt. Có 11 thứ thông suốt : 1. Thông suốt khách trần. 2. Thông suốt cảnh quang. 3. Thông suốt nghĩa bất khả đắc. 4. Thông suốt bất khả đắc bất khả đắc. 5. Thông suốt pháp giới. 6. Thông suốt nhân vô ngã. 7. Thông suốt pháp vô ngã. 8. Thông suốt tâm hạ liệt. 9. Thông suốt tâm tự cao tự

đại. 10. Thông suốt pháp sở đắc. 11. Thông suốt pháp được lập. Tụ tại tác ý, là tụ tại có 3 thứ : 1. Hoặc chướng rất thanh tịnh. 2. Hoặc trí 2 chướng rất thanh tịnh. 3. Công đức rất thanh tịnh. Tiểu tác ý, là mới thanh tịnh. Đại tác ý, là sau 2 thanh tịnh.

Đã nói xong câu tác ý, tiếp nói câu nghĩa chân thật.

Kê nói :

*Lìa 2 và mê y,
Không nói không hý luận.
Ba nên và 2 tịnh,
Hai tịnh 3 dụ rõ.*

Giải thích : Lìa 2 và mê y, không nói không hý luận, nghĩa là phải biết trong đây 3 tính đều là chân thật. Lìa 2, nghĩa là phân biệt tính chân thật, do năng thủ sở thủ là tất cảnh không. Mê y, nghĩa là y tha tính chân thật, vì do đây khởi các phân biệt. Không nói không hý luận, nghĩa là chân thật tính chân thật, do tụ tính không hý luận nên là bất khả thuyết. Ba nên và 2 tịnh, 2 tịnh 3 dụ rõ, nghĩa là 3 nên là ban đầu chân thật nên biết, thứ hai là chân thật nên đoạn, thứ ba là chân thật nên tịnh. Hai tịnh, là : 1. Tụ tính thanh tịnh, vì bản lai thanh tịnh. 2. Vô cấu thanh tịnh, vì lìa khách trần. Hai thanh tịnh này do 3 thí dụ có thể làm rõ là hư không, vàng, nước. Ba thí dụ này một là đều thí dụ cho tụ tính thanh tịnh, vì hư không v.v... không cái gì chẳng tụ tính thanh tịnh, hai là đều thí dụ cho vô cấu thanh tịnh, vì hư không v.v... không cái gì không lìa khách trần thanh tịnh.

Kê nói :

*Pháp giới và thế gian,
Chưa hề khác chút nào.
Do chúng sinh quá mê,
Chấp không mà bỏ có.*

Giải thích : Pháp giới và thế gian chưa hề khác chút nào, nghĩa là pháp giới và thế gian chẳng có chút khác. Bởi vì sao ? Vì pháp tính với các pháp không sai biệt. Chúng sinh quá si mê chấp không mà bỏ có, nghĩa là do chúng sinh ngu si quá mạnh, trong thế gian không pháp không nên chấp mà khởi chấp, còn với như như là pháp có không nên bỏ mà bỏ.

Đã nói xong câu chân thật, tiếp nói thí dụ câu chân thật.

Kê nói :

*Như kia khởi huyễn sự,
Ví hư đối phân biệt.
Như kia các huyễn sự,
Ví cho 2 thứ mê.*

Giải thích : Như kia khởi huyễn sự, ví hư đối phân biệt, nghĩa là ví như nhà ảo thuật dùng sức chú thuật biến hóa cây đá v.v... làm nhân mê. Tính y tha hư đối phân biệt cũng vậy, khởi các thứ phân biệt làm nhân điên đảo. Như các huyễn sự ví cho 2 thứ mê, nghĩa là ví như các hiện tượng ảo hóa như vàng v.v... hiển hiện nhiều thứ tướng mạo, tính phân biệt sở khởi cũng vậy, năng thủ sở thủ 2 mê làm hằng thời hiển hiện.

Kê nói :

*Như kia vì vô thể,
Được nhập đệ nhất nghĩa.
Như kia vì khả đắc,
Thông đạt thể đế thật.*

Giải thích : Như kia vì vô thể được nhập đệ nhất nghĩa, nghĩa là như kia các huyễn sự không có thật thể. Đây ví cho 2 tướng y tha và phân biệt cũng không có thật thể. Do đạo lý này liền được thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Như kia vì khả đắc nên thông đạt cái thật của thể đế, nghĩa là khả đắc tức các huyễn sự thể của nó cũng có thể được. Đây ví cho cái hư đối phân biệt cũng vậy. Do đạo lý này tức được thông đạt sự thật của thể đế.

Kê nói :

*Sự kia là vô thể,
Tức được cảnh chân thật.
Như vậy vì chuyển y,
Tức được nghĩa chân thật.*

Giải thích : Sự kia là vô thể tức được cảnh chân thật, nghĩa là nếu người hiểu rõ các việc ảo hóa kia là vô thể, tức biết được cảnh thật của nó là cây, đá v.v... Như vậy vì chuyển y tức được nghĩa chân thật, nghĩa là nếu chư Bồ-tát hiểu rõ 2 mê kia là vô thể thì khi được chuyển y liền được nghĩa của chân thật tính.

Kê nói :

*Mê nhân vì vô thể,
Không mê tự tại hành.
Đảo nhân vì vô thể,*

Không đảo tự tại chuyên.

Giải thích : Mê nhân vì vô thể, không mê tự tại hành, nghĩa là người đời cây đá vốn vô thể mà vì mê nhân, nếu không mê thì hành tự tại mà không y tha. Đảo nhân vì vô thể, không đảo tự tại chuyên, nghĩa là như vậy y vào khi chưa chuyên thì tuy vô thể mà vì điên đảo nhân, nếu khi được chuyên thì không điên đảo nên thánh nhân cũng được y tự tại hành tự tại.

Kê nói :

*Việc ấy nơi kia có,
Hữu thể kia cũng không.
Vì không có hữu thể,
Nên nói là ảo hóa.*

Giải thích : Việc ấy nơi kia có, hữu thể kia cũng không, nghĩa là đây hiện thị có những việc ảo hóa nhưng là phi hữu. Bởi vì sao ? Có, đó là hiện tượng ảo hóa, vì hiện hiện nơi kia. Nói phi hữu, vì không thể có được thật thể. Vì không có hữu thể nên nói là ảo hóa, nghĩa là như vậy thì hữu thể với vô thể là không hai. Do nghĩa này nên nói kia là ảo hóa.

Kê nói :

*Vô thể phi vô thể,
Phi vô thể tức thể.
Vô thể, thể, không hai,
Nên nói là ảo hóa.*

Giải thích : Vô thể phi vô thể, phi vô thể tức thể, nghĩa là đây nói sự ảo hóa không phải có mà có. Bởi vì sao ? Nói không phải có, vì những thứ ảo hóa kia là vô thể, bởi không có thật thể. Nói mà có, vì những ảo hóa kia chẳng phải vô thể, bởi hiện tượng hiện hiện. Vô thể, thể, không hai, nên nói là ảo hóa, nghĩa là như vậy vô thể với thể là không hai. Do nghĩa này nên nói là ảo hóa.

Kê nói :

*Nói có 2 thứ sáng,
Mà không 2 thể sáng.
Cho nên nói các sắc
Hữu thể tức vô thể.*

Giải thích : Nói có 2 thứ sáng, mà không 2 thể sáng, nghĩa là đây hiện thị sự hư vọng phân biệt, chẳng phải có mà có. Bởi

vì sao ? Nói chẳng phải có, là vì 2 thứ sáng kia là vô thể, bởi không có thật thể. Nói mà có, nghĩa là vì 2 thứ sáng kia chẳng phải vô thể, bởi ánh sáng hiển hiện. Cho nên nói sắc v.v... vô thể, hữu thể không hai, nghĩa là do nghĩa đó nên nói sắc v.v... vô thể với thể không có hai.

Hỏi : Thể với vô thể sao không nói nhất định là một mà nói hai không khác nhau ?

Kê nói :

*Với hữu biên : ngăn lập,
Với vô biên : ngăn chê.
Bỏ Đại hướng Tiểu diệt,
Ngăn chúng cũng như vậy.*

Giải thích : Theo tuần tự một là ngăn chấp hữu biên, hai là ngăn chấp vô biên, ba là ngăn khuynh hướng Tiểu thừa tịch diệt. Cho nên không được nói nhất định là một.

Hỏi : Thế nào là ngăn chấp hữu biên ?

Đáp : Là ngăn không cho lập hữu biên. Đây nói rõ là vô thể, vì biết vô thể nên không được lập là có.

Hỏi : Thế nào là ngăn chấp vô biên ?

Đáp : Là ngăn sự chê bai. Đây nói rõ cái biết hữu thể là thể đế, không nên chê bai là không.

Hỏi : Thế nào là ngăn khuynh hướng Tiểu thừa tịch diệt ?

Đáp : Là ngăn thoái lui Đại thừa mà hướng tới Tiểu thừa tịch diệt cũng như vậy. Đây nói rõ bởi 2 kia không khác, nên không nên chán thể, nhập Tiểu Niết-bàn.

Kê nói :

*Sắc thức là mê nhân,
Thức thức là mê thể.
Sắc thức, nhân không có,
Thức thức, thể cũng không.*

Giải thích : Sắc thức là mê nhân, thức thức là mê thể, nghĩa là cái thức mê cảnh gọi là sắc thức, nó cũng có thể mê thể gọi là phi sắc thức. Sắc thức là vô thể nên thức thức thể cũng không, nghĩa là vì sắc thức không, nên phi sắc thức cũng không. Bởi vì sao ? Bởi không nhân nên quả cũng không.

Kê nói :

Ảo ảnh, bắt ảo ảnh,

*Vì mê nói có hai.
Như vậy hai kia không,
Thế mà có được hai.*

Giải thích : Ảo ảnh, bắt ảo ảnh, vì mê nói có hai, nghĩa là người mê đối với ảo ảnh và sự đuổi bắt ảo ảnh, do mê nên nói có hai việc năng thủ sở thủ. Như vậy hai kia không, thế mà có được hai, nghĩa là hai kia tuy không, mà có được hai là do mê hiển hiện.

Hỏi : Thí dụ này muốn hiển thị điều gì ?

Kê nói :

*Cốt tượng và thủ cốt,
Do quán nên nói hai.
Không hai mà nói hai,
Nói được cũng như vậy.*

Giải thích : Cốt tượng và thủ cốt, do quán nên nói hai, nghĩa là người tu quán đối với cốt tượng và sự thủ cốt do quán nên nói có hai việc năng quán sở quán. Không hai mà nói hai, nói được cũng như vậy, nghĩa là hai kia tuy là không, mà có thể có được hai là do quán hiển hiện.

Hỏi : Quán như vậy rồi pháp gì là sở trị pháp gì là năng trị ?

Kê nói :

*Phải biết thể sở trị,
Là tướng mê pháp ấy.
Như vậy thể, vô thể,
Hữu, phi hữu như huyền.*

Giải thích : Phải biết thể sở trị, là tướng mê của pháp ấy, nghĩa là trong đây thể sở trị tức là tướng mê của pháp. Tướng mê của pháp là thể như thị như thị. Như vậy, thể, vô thể, hữu, phi hữu như huyền, nghĩa là như vậy nói thể có, là do hư vọng phân biệt, nói thể chẳng phải có, là do hai thể năng thủ sở thủ không khác với thể và phi thể. Như vậy thì có cũng như huyền, không cũng như huyền, nên nói tướng này là như huyền.

Kê nói :

*Phải biết thể năng trị,
Niệm xứ v.v... các pháp,
Như vậy thể vô tướng*

Như huyễn cũng như vậy.

Giải thích : Phải biết thể năng trị, niệm xứ v.v... các pháp, trong đây thể năng trị tức là các pháp. Các pháp, là các pháp Phật nói như niệm xứ v.v... là thể như thị như thị. Như vậy thể vô tướng như huyễn cũng như vậy, nghĩa là thể kia cũng như huyễn. Bởi vì sao ? Chỗ chấp thủ của phàm phu cho như vậy như vậy là hữu thể. Chư Phật nói như vậy như vậy là vô thể. Thể là vô tướng như vậy mà Phật Thế Tôn thị hiện nhập thai, đản sinh, vượt thành xuất gia, thành chính giác, vô tướng như vậy mà hào quang hiển hiện, cho nên là như huyễn.

Hỏi : Nếu các pháp đồng như huyễn thì vì nghĩa gì một là năng trị một là sở trị ?

Kê nói :

*Như một vua ảo mạnh,
Đuổi các vua ảo lui.
Như vậy pháp thanh tịnh,
Khiến pháp nhiễm tiêu hết.*

Giải thích : Ví như một vua ảo mạnh đuổi các vua ảo khác lui, nghĩa là tịnh pháp năng trị kia cũng như một ông vua ảo, do năng đối trị nhiễm pháp được tăng thượng. Nhiễm pháp sở trị cũng như vua ảo, do cảnh giới được tăng thượng. Như vậy pháp thanh tịnh có thể làm cho các pháp ô nhiễm tiêu hết, như ông vua ảo có sức mạnh có thể đẩy lui các vua ảo khác. Bồ-tát cũng vậy, biết pháp như huyễn, có thể dùng tịnh pháp đối trị nhiễm pháp, cho nên không kiêu mạn.

Hỏi : Thế Tôn nhiều nơi nói như huyễn, như chiêm bao, như sóng nắng, như tượng, như ảnh, như tiếng vang, như trăng trong nước, như biến hóa. Tám thí dụ như thế hiển thị điều chi ?

Kê nói :

*Như huyễn đến như hóa,
Lần lượt ví các hành.
Hai sáu hai hai sáu,
Một một một có ba.*

Giải thích : Như huyễn cho đến như hóa, lần lượt ví các hành, nghĩa là huyễn ví với 6 nhập bên trong, vì các thể không có ngã chỉ hiển hiện ánh sáng. Chiêm bao ví với 6 nhập bên ngoài, vì thể của các trần thụ dụng là không có. Sóng nắng ví

với 2 pháp là tâm và tâm số, do mê khởi. Tượng, lại ví với 6 nhập bên trong, do tượng của nghiệp đời trước. Ảnh, lại ví với 6 nhập bên ngoài, do ảnh nhập vào bên trong khởi nội nhập tăng thượng. Tiếng vang, ví với pháp nói ra, vì pháp ví như tiếng vang. Trăng trong nước ví với y định pháp định là như nước, pháp là như trăng, do pháp trong tĩnh mà hiển hiện. Hóa, ví với Bồ-tát cố ý thụ sinh, vì không nhiệm tất cả việc mình làm. Hai sáu hai hai sáu, một một một có ba, nghĩa là hai sáu đầu là nội 6 nhập, ngoại 6 nhập. Huyền và chiêm bao 2 thí dụ hiển thị 2 là tâm và tâm số, hiển thị bằng thí dụ sóng nắng. Lại nữa hai sáu là nội 6 nhập, ngoại 6 nhập, hiển thị bằng tượng, ảnh 2 thí dụ. Một một một là nói pháp Tam-muội thụ sinh, hiển thị bằng 3 thí dụ tiếng vang, mặt trăng, biến hóa.

Đã nói xong nghĩa chân thật, tiếp cầu trí năng tri.

Kệ nói :

*Không chân và giống chân,
Chân và giống không chân.
Như vậy 4 chủng trí,
Biết được tất cả cảnh.*

Giải thích : Không chân và giống chân, chân và giống không chân, nghĩa là : Không chân, là trí bất chân phân biệt, bởi không tùy thuận xuất thế trí phân biệt. Giống chân, là trí phi chân phi bất chân phân biệt, vì từ đầu tiên cực thông đạt phần do tùy thuận trí xuất thế. Chân, là trí xuất thế vô phân biệt, vì chứng chân như. Giống không chân, là trí phi phân biệt phi bất phân biệt, tức xuất thế hậu đắc thế trí. Như vậy 4 chủng trí có thể biết tất cả cảnh, nghĩa là do đầy đủ 4 trí này biết được tất cả cảnh giới.

Đã nói xong cầu trí, tiếp nói cầu nhiệm ô và thanh tịnh.

Kệ nói :

*Tự giới, và 2 quang,
Si cùng các hoặc khởi.
Như vậy các phân biệt,
Hai thật nên xa lìa.*

Giải thích : Tự giới và 2 quang cảnh, si cùng các hoặc khởi, là : Tự giới nghĩa là tự chủng tử của thức A-lê-da. Hai quang cảnh nghĩa là quang cảnh năng thủ và quang cảnh sở thủ. Các

phân biệt này do cùng vô minh và các hoặc khác nên mới được sinh khởi. Như vậy nên xa lìa các phân biệt hai thật, nghĩa là 2 thật đó là thật của sở thủ và thật của năng thủ. Như vậy 2 thật nhiễm ô phải cầu lìa xa.

Kê nói :

*Được 3 duyên kia rồi,
Tự giới xứ nên học.
Như vậy 2 quang diệt,
Ví như cánh mũi tên.*

Giải thích : Được 3 duyên kia rồi, tự giới xứ nên học, nghĩa là : 3 duyên là nội, ngoại và cả hai như trước đã nói. Tự giới, là các phân biệt, nên giải thích như vậy. Xứ, là danh xứ, danh xứ này nên an tâm. Nên học, là tu chỉ quán 2 đạo. Như vậy 2 quang diệt, ví như cánh mũi tên, nghĩa là phân biệt 2 thứ quang cảnh dứt, ví như miếng da thực mềm làm cánh mũi tên điều chỉnh mũi tên đi thẳng, chuyển y cũng như vậy. Như chỉ, quán, mỗi mỗi đều phải tu, được tâm tuệ 2 giải thoát thì 2 quang cảnh không khởi. Như vậy thanh tịnh cầu đến được.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 4)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH Quyển 5

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 12 - 2 : Thuật cầu

Giải thích : Đã nói cầu nhiễm tịnh, tiếp nói cầu duy thức.

Kê nói :

*Năng thủ và sở thủ,
Đây 2 duy tâm quang,
Tham quang và tín quang,
Hai quang không 2 pháp.*

Giải thích : Năng thủ và sở thủ, đây duy tâm quang, nghĩa là người cầu duy thức nên biết năng thủ sở thủ chỉ là quang cảnh của tâm. Tham quang và tín quang, 2 quang không 2 pháp, nghĩa là tham v.v... các quang cảnh của phiền não và tín v.v... các quang cảnh của thiện pháp, 2 quang cảnh đó là 2 pháp không nhiễm tịnh. Bởi vì sao ? Bởi vì tham v.v... tín v.v... các pháp nhiễm tịnh không là quang cảnh của tâm. Cho nên 2 quang cảnh cũng không 2 tướng.

Kê nói :

*Các thứ tâm quang khởi,
Các thứ tướng như vậy.
Vì quang thể phi thể,
Không được pháp thật kia.*

Giải thích : Các thứ tâm quang khởi các thứ tướng như vậy, nghĩa là các thứ tâm quang tức là các thứ sự tướng, hoặc khởi khác lúc hoặc khởi cùng lúc. Khởi khác lúc là như tham quang, sân quang v.v... Khởi cùng lúc là như tín quang, tiền quang v.v... Vì quang thể phi thể nên không được pháp thật kia, nghĩa là nhiễm vị tâm số, tịnh vị tâm số đều chỉ có quang tướng không có quang thể. Cho nên Thế Tôn không nói kia là pháp chân thật.

Đã nói xong câu duy thức, tiếp nói câu các tướng.

Kê nói :

*Sở tướng và năng tướng,
Tướng sai biệt như vậy,
Vì lợi ích chúng sinh,
Chư Phật khai thị hiện.*

Giải thích : Tướng có 2 thứ : một sở tướng, hai năng tướng. Kế này nêu chung, các kế khác giải thích riêng biệt.

Kê nói :

*Chung và tâm và kiến,
Và vị, và không chuyển.
Lược nói sở tướng 5,
Nói rộng thì vô lượng.*

Giải thích : Chung và tâm và kiến và vị và không chuyển, nghĩa là có 5 sở tướng : 1. Sắc pháp. 2. Tâm pháp. 3. Tâm số pháp. 4. Bất tương ưng pháp. 5. Vô vi pháp. Kia chung là sắc pháp, tâm là thức pháp, kiến là tâm số pháp, vị là bất tương ưng

pháp, không chuyển là vô vi pháp như hư không v.v...Lược nói sở tướng 5, nói rộng thì vô lượng, nghĩa là thức kia thường khởi 5 tướng như vậy. Năm sở tướng này là Thế Tôn lược nói. Nếu nói rộng thì có vô lượng sai biệt.

Đã nói xong các tướng của sở tướng, tiếp nói các tướng của năng tướng.

Kê nói :

*Ý ngôn và tập quang,
Danh nghĩa với quang khởi,
Phi chân nên phân biệt,
Gọi là phân biệt tướng.*

Giải thích : Năng tướng lược nói có 3 thứ là phân biệt tướng, y tha tướng và chân thật tướng. Kệ này hiển thị phân biệt tướng. Tướng này lại có 3 thứ : 1. Hữu giác phân biệt tướng. 2. Vô giác phân biệt tướng. 3. Tướng nhân phân biệt tướng. Ý ngôn, là nghĩa tướng. Nghĩa tức là cảnh của tướng. Tướng tức tâm số. Do tướng này đối với nghĩa có thể hiểu được ý ngôn như vậy như vậy. Đó là hữu giác phân biệt tướng. Tập quang, tập là chủng tử của ý ngôn. Quang, là từ chủng tử kia trực tiếp khởi nghĩa quang, chưa thể hiểu được ý ngôn như vậy như vậy. Đó là vô giác phân biệt tướng. Danh nghĩa với quang khởi, là dựa vào danh khởi nghĩa, quang dựa vào nghĩa khởi gọi là cảnh giới của quang. Phi chân chỉ là phân biệt thể gian, như danh, như nghĩa. Đó là tướng nhân phân biệt tướng. Như vậy 3 thứ tướng này đều là phân biệt phi chân, Đó gọi là phân biệt tướng.

Kê nói :

*Sở thủ và năng thủ,
Hai tướng đều 3 quang.
Vì phân biệt không chân,
Nên gọi y tha tướng.*

Giải thích : Kệ này hiển thị y tha tướng. Trong tướng này tự nó có tướng sở thủ và tướng năng thủ. Tướng sở thủ có 3 quang : cú quang, nghĩa quang và thân quang. Tướng năng thủ có 3 quang : ý quang, thụ quang và phán biệt quang. Ý, là thức nhiệm ô trong mọi lúc. Thụ, là 5 thức thân. Phán biệt, là ý thức. Ba quang của tướng sở thủ và 3 quang của tướng năng thủ, các quang ấy đều là phân biệt không chân. Đó là y tha tướng.

Kê nói :

*Vô thể, thể, không hai,
Phi tịch tĩnh, tịch tĩnh,
Vì bởi vô phân biệt,
Nên gọi chân thật tướng.*

Giải thích : Kệ này hiển thị chân thật tướng. Chân thật, nghĩa là như. Tướng này có 3 thứ : một tự tướng, hai nhiễm tịnh tướng, ba vô phân biệt tướng. Vô thể, thể không hai, là chân thật tự tướng. Vô thể, nghĩa là tất cả các pháp chỉ là phân biệt. Thể, lấy vô thể làm thể. Không hai, vì thể và vô thể không khác. Phi tịch tĩnh tịch tĩnh, là chân thật nhiễm tịnh tướng. Phi tịch tĩnh, là vì do khách trần phiền não. Tịch tĩnh, là vì do tự tính thanh tịnh. Vì bởi vô phân biệt, là chân thật vô phân biệt tướng, bởi phân biệt không hành cảnh giới, vì không hý luận. Đã nói xong 3 thứ năng tướng.

Lại nữa Kê nói :

*Phải biết 5 học cảnh,
Chính pháp và chính ức,
Tâm giới hữu phi hữu,
Thứ 5 nói chuyển y.*

Giải thích : Năng tướng kia lại có 5 thứ học cảnh : 1. Năng trì. 2. Sở trì. 3. Kính tượng. 4. Minh ngộ. 5. Chuyển y. Năng trì, là chính pháp Phật nói, do pháp này hành trì năng duyên kia. Sở trì, là chính ức niệm, do chính pháp sở trì. Kính tượng, là tâm giới. Do đặc định nên an tâm pháp giới như trước có nói đều thấy là danh, định tâm là kính pháp giới là tượng. Minh ngộ, là xuất thế gian tuệ. Tuệ này hữu thì như thật thấy hữu, phi hữu thì như thật thấy phi hữu. Hữu là pháp vô ngã. Phi hữu là ở đây thấy rõ năng thủ sở thủ. Chuyển y là :

Kê nói :

*Thánh tính chứng bình đẳng,
Việc giải thoát cũng một.
Thắng thì có 5 nghĩa,
Không giảm cũng không tăng.*

Giải thích : Thánh tính chứng bình đẳng, việc giải thoát cũng một, nghĩa là Thánh tính là cõi vô lậu. Chứng bình đẳng, là chư Thánh đều được như nhau. Việc giải thoát cũng một, nghĩa

là Thánh tính của chư Phật với Thanh văn Duyên Giác là bình đẳng do đồng giải thoát. Thắng hơn thì có 5 nghĩa không giảm cũng không tăng. Tuy Thánh tính bình đẳng, nhưng chư Phật vượt trội hơn cả tự có 5 nghĩa : 1. Thanh tịnh thắng, do lậu tập đều hết. 2. Phổ biến thắng, do cõi nước thông thông nhau và thanh tịnh. 3. Thân thắng, do thân là pháp thân. 4. Thụ dụng thắng, do chuyên pháp luân thụ dụng không dứt. 5. Nghiệp thắng, do trụ nơi trời Đâu-suất v.v... hiện các việc hóa độ lợi ích chúng sinh. Không giảm, là khi phần nhiễm giảm. Không tăng, là khi phần tịnh tăng. Năm thứ học địa này giống nhau vì pháp giải thoát sở tướng và 3 thứ pháp năng tướng.

Đã nói xong sở tướng năng tướng, tiếp nói cầu giải thoát.

Kê nói :

*Như vậy chủng tử chuyển,
Cú, nghĩa, thân quang chuyển.
Gọi là cõi vô lậu,
Ba thừa đồng sở y.*

Giải thích : Như vậy chủng tử chuyển, nghĩa là vì thức A-lê-da chuyển. Cú, nghĩa, thân quang chuyển, nghĩa là vì các thức chuyển. Gọi là cõi vô lậu, nghĩa là vì giải thoát. Ba thừa đồng sở y, nghĩa là Thanh văn, Duyên Giác cùng Phật đồng y chỉ.

Kê nói :

*Ý, thụ, phân biệt, chuyển,
Bốn thứ được tự tại.
Lần lượt vô phân biệt,
Cõi nước, trí và nghiệp.*

Giải thích : Ý thụ phân biệt chuyển, 4 thứ được tự tại, nghĩa là hoặc y hoặc thụ hoặc phân biệt, 3 quang này nếu chuyển liền được 4 thứ tự tại.

Hỏi : Những gì là 4 ?

Đáp : Lần lượt vô phân biệt, cõi nước, trí và nghiệp. Một, được vô phân biệt tự tại. Hai, được cõi nước tự tại. Ba, được trí tự tại. Bốn, được nghiệp tự tại.

Kê nói :

*Phải biết 3 địa sau.
Có 4 thứ tự tại.
Bất động địa có hai,*

Địa khác đều có một.

Giải thích : Phải biết 3 địa sau có 4 thứ tự tại, là Bất động địa, Thiện tuệ địa và Pháp vân địa thành tựu 4 thứ tự tại kia. Bất động địa có hai, địa khác đều có một, là Bất động địa có thứ nhất vô phân biệt tự tại, thứ hai cõi nước tự tại, do vô công dụng vô phân biệt, do cõi nước thanh tịnh. Thiện tuệ địa có thứ ba trí tự tại, do được 4 biện thiện xảo thắng. Pháp vân địa có thứ tư nghiệp tự tại, do các thông nghiệp không chướng ngại.

Kê nói :

*Ba cõi hai vô ngã,
Hiểu nhập chân duy thức.
Cũng không duy thức quang,
Lìa được là giải thoát.*

Giải thích : Lại có giải thoát môn khác. Ba cõi hai vô ngã, hiểu nhập chân duy thức, nghĩa là do biết 2 vô ngã làm phương tiện nên Bồ-tát trong 3 cõi phân biệt nhân pháp đều không có hữu thể cho nên là vô ngã. Biết như vậy rồi cũng không phải một mực hoàn toàn đều không có hữu thể, vì lấy tất cả các pháp là chân duy thức. Cũng không duy thức quang, lìa được là giải thoát, nghĩa là Bồ-tát bấy giờ an tâm duy thức. Thức quang cũng không tức được giải thoát. Bởi vì sao ? Vì lìa hữu sở đắc bởi nhân pháp là không thể đắc.

Kê nói :

*Năng trì sở trì tự,
Quán nên chỉ có tên.
Tên quán chẳng thấy tên,
Không tên được giải thoát.*

Giải thích : Lại có giải thoát môn khác. Năng trì sở trì tự, nghĩa là năng trì là pháp được nghe, sở trì là chính nghĩ nhớ, tự là đủ phúc đức. Do sức tự trước mà có sở trì. Quán nên chỉ có tên, nghĩa là vì chỉ có ngôn thuyết không có nghĩa. Lại nữa chỉ có tên, là vì duy thức. Lại nữa chỉ có tên, là vì 4 âm phi sắc. Quán tên chẳng thấy tên, không tên được giải thoát, nghĩa là quán cái tên sở quán cũng không thấy tên đó, vì nghĩa vô thể, vì không thấy thức, vì cũng không thấy 4 âm phi sắc. Như vậy tên cũng không thể đắc, vì lìa hữu sở đắc, nên gọi là giải thoát.

Kê nói :

*Ngã kiến huân tập tâm,
Lưu chuyển trong các thú.
An tâm trụ ở trong,
Ngược dòng là giải thoát.*

Giải thích : Lại có môn giải thoát khác. Ngã kiến huân tập tâm lưu chuyển trong các thú, nghĩa là có 2 thứ ngã kiến ngu muội tăng trưởng nên gọi là huân tập. Do huân tập này là nhân nên lưu chuyển sinh tử. An tâm trụ ở trong, ngược dòng là giải thoát, nghĩa là nếu biết sở duyên là không thể đắc, đặt tâm vào trong giữ không cho tán loạn tức ngược dòng sinh tử kia là giải thoát.

Đã nói xong về cầu giải thoát, tiếp cầu vô tự thể.

Kệ nói :

*Tự không và thể không,
Và bởi thể không trụ.
Nếu như chấp không thể,
Pháp thành không tự thể.*

Giải thích : Tự không và thể không, và bởi thể không trụ, nghĩa là : Tự không, là các pháp tự nhiên không, do không tự khởi. Không tự khởi vì tùy thuộc nhân duyên. Thể không, là các pháp đã diệt thì không khởi trở lại. Và bởi thể không trụ, nghĩa là hiện tại các pháp sát-na sát-na không dừng trụ. Ba thứ không tự thể này phổ biến trong tất cả tướng hữu vi. Nếu như chấp không thể, thì pháp thành không tự thể, nghĩa là như chỗ chấp trước là thật không tự thể, do tự thể không thể, nên các phạm phu đối với tự thể, chấp trước thường lạc ngã tịnh. Như vậy tướng phân biệt khác cũng lại không thể. Cho nên tất cả các pháp thành không tự thể.

Kệ nói :

*Không tự thể nên thành,
Trước là sau y chỉ.
Không sinh cũng không diệt,
Vốn tĩnh tính Niết-bàn.*

Giải thích : Không tự thể nên thành trước là sau y chỉ, nghĩa là do trước vô tính nên lần lượt thành lập sau cũng vô tính.

Hỏi : Thế là thể nào ?

Đáp : Không sinh cũng không diệt, tính Niết-bàn vốn vắng lặng. Nếu vô tính thì không sinh, nếu không sinh thì không diệt, nếu không diệt là bản lai vắng lặng, nếu bản lai vắng lặng là tự tính Niết-bàn. Như vậy cứ thứ tự trước là y chỉ của sau mà nghĩa này được thành.

Đã nói xong câu vô tự tính, tiếp nói câu vô sinh nhãn.

Kệ nói :

*Bản lai và chân thật,
Tướng khác và tự tướng,
Tự nhiên và không khác,
Nhiễm ô sai biệt tằm.*

Giải thích : Có 8 thứ pháp không khởi gọi là vô sinh pháp nhãn : 1. Bản lai không khởi, do sinh tử phi hữu bản khởi. 2. Chân thật không khởi, do pháp không có trước sau khác, không có pháp khởi trước. 3. Tướng khác không khởi, do không phải chỗ giống cũ được khởi lại. 4. Tự tướng không khởi, do tính phân biệt rất ráo không khởi. 5. Tự nhiên không khởi, do tự tính của tính y tha không khởi. 6. Không khác không khởi, do tính chân thật chẳng có thể khác khởi. 7. Nhiễm ô không khởi, do khi được tận trí các kiến nhiễm ô không khởi trở lại. 8. Sai biệt không khởi, do pháp thân chư Phật chẳng có sai biệt khởi. Tám pháp không khởi này gọi là vô sinh pháp nhãn.

Đã nói xong câu vô sinh nhãn, tiếp nói câu nhất thừa.

Kệ nói :

*Pháp vô ngã giải thoát,
Vì đồng, vì tính khác,
Được 2 ý biến hóa,
Cứu cánh nói nhất thừa.*

Giải thích : Trong đây có 8 ý Phật nói nhất thừa : 1. Vì pháp đồng. Nghĩa là những người Thanh Văn v.v... không có pháp giới khác, vì chỗ thú hướng giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 2. Vì vô ngã đồng. Nghĩa là những người Thanh văn v.v... đồng một thể vô ngã, vì những người thú hướng giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 3. Vì giải thoát đồng. Nghĩa là những người Thanh Văn đồng diệt hoặc chướng, do xuất ly giống nhau, cho nên nói nhất thừa. 4. Vì tính khác. Nghĩa là dẫn những người có tính 3 thừa bất định vào Đại thừa, cho nên nói nhất thừa. 5. Vì

chư Phật được đồng tự ý. Nghĩa là chư Phật được ý như thế này, như sở đắc của ta, tất cả chúng sinh đồng đắc như ta, do ý này nên nói nhất thừa. 6. Vì ý Thanh Văn đắc tác Phật. nghĩa là các Thanh văn xưa khi hành Đại Bồ-đề tự đã định tác Phật tính. Khi ấy được Phật khen, được thăng nhiếp, được tự biết tác Phật ý, do người ấy trước sau liên tục không sai biệt, cho nên nói nhất thừa. 7. Vì biến hóa. Nghĩa là Phật thị hiện Thanh Văn mà Bát-niết-bàn vì để giáo hóa. Cho nên như Phật tự nói : Ta vô lượng vô số dùng Thanh Văn thừa thị hiện Niết-bàn. Do là phương tiện này, lại không có phương tiện hóa độ người tiểu căn nhập Đại thừa nên thật lý chỉ có một, cho nên nói nhất thừa. 8. Vì cứu cánh. Nghĩa là đến Phật thể thì không còn chỗ đi đến nữa, cho nên nói nhất thừa. Như vậy nhiều nơi trong kinh lấy ý đây Phật nói nhất thừa mà cũng không phải không có tam thừa.

Hỏi : Nếu vậy lại còn có nghĩa gì dùng ý kia mà nói nhất thừa ?

Kê nói :

*Dẫn tiếp các Thanh Văn,
Nhiếp trụ các Bồ-tát.
Nơi đây 2 bất định,
Chư Phật nói nhất thừa.*

Giải thích : Các ý kia có 2 nghĩa : một là vì dẫn tiếp các Thanh Văn, hai là vì nhiếp trụ các Bồ-tát. Nếu các Thanh Văn không nhất định trong thừa tính của mình, Phật vì họ dẫn tiếp khiến nhập Đại thừa, cho nên nói nhất thừa. Nếu các Bồ-tát không nhất định trong thừa tính của mình, Phật vì họ nhiếp trụ khiến không thoái lui Đại thừa, cho nên nói nhất thừa.

Kê nói :

*Thanh Văn 2 bất định,
Thấy nghĩa, không thấy nghĩa.
Thấy nghĩa không đoạn ái,
Đoạn ái đều nhuyển căn.*

Giải thích : Thanh Văn bất định lại có 2 thứ : 1. Thấy nghĩa thừa, là những người thấy đế lý phát Đại thừa. 2. Không thấy nghĩa thừa, là những người không thấy đế lý phát Đại thừa.. Thấy nghĩa lại có 2 thứ : 1. Đoạn ái, là những người đã lìa dục ở cõi Dục. 2. Không đoạn ái, là những người chưa lìa dục ở cõi

Dục. Trong đây 2 hạng người thấy nghĩa phải biết đầy đủ
nhuyên phẩm vì do độn căn.

Kê nói :

*Hai người được Thánh đạo,
Hồi hướng nơi các hữu.
Hồi hướng không nghĩ bàn,
Vì 2 sinh tương ưng.*

Giải thích : Như vậy thấy nghĩa đắc Thánh đạo 2 người có
thể đem Thánh đạo hồi hướng các hữu tình. Hồi hướng như vậy
gọi là bất tư nghị sinh, vì do đem Thánh đạo hồi hướng chúng
sinh. Như vậy 2 người với 2 sinh tương ưng.

Hỏi : Những gì là 2 sinh ?

Kê nói :

*Nguyện lực và hóa lực,
Tùy ý muốn thụ sinh.
Nguyện lực không đoạn ái,
Hóa trụ A-na-hàm.*

Giải thích : Hai sinh là nguyện tự tại sinh và hóa tự tại sinh.
Người đầu là người chưa lìa dục. Người sau là A-na-hàm.

Hỏi : Như 2 người này thế nào là duyên phẩm ?

Kê nói :

*Do hai ưa Niết-bàn,
Nên thường thường tự chán.
Hai đều nói độn đạo,
Lâu mới được Niết-bàn.*

Giải thích : Do 2 người này trước có tâm ưa tịch diệt hằng
khởi tâm tự chán, cho nên đạo của họ là đạo chậm, do không thể
mau chóng được vô thượng Bồ-đề.

Kê nói :

*Người việc làm chưa xong,
Sinh thế giới không Phật.
Tu thiền để hóa thân,
Dần được Đại Bồ-đề.*

Giải thích : Người việc làm chưa xong, là người kiến đế,
chưa đoạn ái, chưa được quả A-la-hán. Người này sinh vào thế
giới không có Phật. Sinh rồi tự mình có thể siêng tu các thiền
định để biến hóa. Người này dựa vào biến hóa này dần dần lại

được vô thượng Bồ-đề. Ba vị như vậy, như Phật nói trong Kinh Thắng Man, là Thanh Văn tiếp đến được Duyên Giác, sau được tác Phật. Như trong Đại Thí Dụ nói một là trước kiến đế vị, hai là sinh thời không có Phật tự có thể tu thiền bỏ sinh thân thụ hóa thân, ba là sẽ được vô thượng Bồ-đề.

Đã nói xong cầu nhất thừa, tiếp nói cầu minh xứ.

Kê nói :

*Bồ-tát tập ngũ minh,
Nói chung cầu chủng trí.
Giải, phục, tín, tri, nhiếp,
Là 5,5 cầu riêng.*

Giải thích : Bồ-tát tập ngũ minh, nói chung vì cầu chủng trí. Có 5 minh xứ : 1. Nội minh. 2. Nhân minh. 3. Thanh minh. 4. Ý minh. 5. Xảo minh. Bồ-tát học ngũ minh này ý chung là cầu nhất thiết chủng trí. Nếu không siêng tập ngũ minh không được nhất thiết chủng trí.

Hỏi : Ý riêng thì thế nào ?

Đáp : Giải, phục, tín, tri, nhiếp là 5. Năm cầu riêng học theo thứ tự đó. Nội minh là học cầu tự giải. Nhân minh là học để hàng phục chấp của ngoại đạo. Thanh minh học để khiến người tin. Ý minh là học để trị bệnh. Xảo minh là để thâm nhiếp tất cả chúng sinh. Đã nói xong cầu minh xứ, tiếp nói cầu trưởng dưỡng thiện căn như tác ý, mãn túc các Ba-la-mật. Tác ý này có 44 thứ. Bắt đầu là tác ý biết nhân cho đến sau cùng là tác ý biết ngã. Các tác ý này nay sẽ nói rõ.

Kê nói :

*Tri nhân và niệm y,
Cộng quả với tín giải,
Bốn ý theo thứ tự,
Tu tập các thiện căn.*

Giải thích : Kệ này có 4 thứ tác ý : 1. Tác ý tri nhân. 2. Tác ý niệm y. 3. Tác ý cộng quả. 4. Tác ý tín giải. Bồ-tát đầu tiên trụ tính mà khởi ý niệm như thế này : Ta nay tự thấy tính Ba-la-mật biết có thể tăng trưởng, đó là tác ý biết nhân. Tiếp đến khởi ý niệm : Ta đã phát đại tâm, các Ba-la-mật quyết định sẽ được viên mãn. Bởi vì sao ? Bởi đại tâm này làm y chỉ, đó gọi là tác ý về ý niệm và y chỉ. Tiếp đến khởi ý niệm : Ta đã phát tâm vì lợi

ích mình và người siêng tu các Ba-la-mật. Quả này nếu cùng chung thì xin nguyện nhận, nếu không chung với người thì nguyện không nhận, đó gọi là tác ý về quả chung. Tiếp đến khởi ý niệm : Ta nay khi siêng làm các hạnh tự lợi lợi tha phải thông đạt phương tiện Niết-bàn chân thật, như không nhiễm tam luân như quá khứ chư Phật đã từng liễu giải, vị lai chư Phật sẽ liễu giải, hiện trụ chư Phật liễu giải, ta đều chính tín, đó là tác ý về tin hiểu. Nên biết các tác ý sau cũng như vậy, thứ tự cũng vậy.

Kê nói :

*Đặc hỷ có 4 thứ,
Hai ác không thể lui.
Phải biết tùy tu ý,
Đây lại có 4 thứ.*

Giải thích : Kệ này có 3 thứ tác ý : 1. Tác ý đặc hỷ. 2. Tác ý bất thoái. 3. Tác ý tùy tu. BỒ-tát tiếp đến khởi ý niệm như thế này : Ta nay tin hiểu các Ba-la-mật, được 4 thứ vui mừng là vui mừng vì chướng đoạn, vui mừng vì tụ viên mãn, vui mừng vì được tự tha 2 lợi, vui mừng vì được 2 quả y báo. Đó gọi là tác ý đặc hỷ. Tiếp đến khởi ý niệm rằng : Ta nay vì thành tựu tự tha Phật pháp, khi tu hành các Ba-la-mật tuy gặp người ác trái nghịch, việc ác quấy nhiễu, hoàn toàn không thoái tâm. Đó gọi là tác ý bất thoái. Tiếp đến khởi ý niệm : Ta nay vì được vô thượng BỒ-đề, trong các Ba-la-mật phải khởi 4 thứ tùy tu, như phải sám hối các chướng 6 Ba-la-mật, phải tùy hỷ các hạnh 6 Ba-la-mật, phải khuyến thỉnh nghĩa 6 Ba-la-mật, phải đem 6 Ba-la-mật hồi hướng vô thượng BỒ-đề. Đó là tác ý tùy tu.

Kê nói :

*Tịnh tín và lãnh thụ,
Lạc thuyết với mặc giáp.
Khởi nguyện và hy vọng,
Phương tiện có 7 thứ.*

Giải thích : Kệ này có 7 thứ tác ý : 1. Tác ý tịnh tín. 2. Tác ý lãnh thụ. 3. Tác ý lạc thuyết. 4. Tác ý mặc giáp. 5. Tác ý khởi nguyện. 6. Tác ý hy vọng. 7. Tác ý phương tiện. Tiếp đến BỒ-tát khởi ý niệm như thế này : Ta nay đối với pháp nghĩa các Ba-la-mật phải duy trì sức tin sâu. Đó là tác ý tịnh tín. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với pháp nghĩa các Ba-la-mật phải một mực

khởi tâm cầu, không sinh phỉ báng. Đó là tác ý lãnh thụ. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải đem pháp nghĩa các Ba-la-mật khai thị người khác. Đó là tác ý lạc thuyết. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải khiến các Ba-la-mật đầy đủ khởi đại dũng mãnh. Đó gọi là tác ý mặc áo giáp. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay vì để đầy đủ các Ba-la-mật nguyện xin đầy đủ các duyên. Đó là tác ý khởi nguyện. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay cầu chính thành tựu duyên. Đó gọi là tác ý hy vọng. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay tư duy phương tiện trợ giúp các nghiệp Ba-la-mật. Đó là tác ý phương tiện. Trong đây các tác ý như tác ý mặc áo giáp, tác ý khởi nguyện, tác ý hy vọng, trong khi giáo thụ dạy dỗ cần phải phân biệt.

Kệ nói :

*Dũng mãnh và thương xót,
Như vậy 2 tác ý,
Phải biết 2 sai biệt,
Mỗi mỗi có 4 thứ.*

Giải thích : Kệ này có 2 thứ tác ý : tác ý dũng mãnh và tác ý thương xót. Hai thứ này đều có 4 thứ sai biệt. Bồ-tát tư duy phương tiện rồi, tiếp đến khởi ý niệm như thế này : Ta nay phải khởi 4 thứ dũng mãnh kiên cường để thành thực, để cúng dường, để gần gũi. Để kiên cường có 6 là tu 6 Ba-la-mật, như 6 thí cho đến 6 trí. Sáu thí là thí thí cho đến thí trí. Giới v.v... 6 thứ cũng như vậy. Để thành thực thì đem các Ba-la-mật làm phương tiện nhiếp vật thành thực chúng sinh. Để cúng dường thì lấy đàn làm cúng dường lợi ích, lấy giới v.v... làm cúng dường tu hành. Để gần gũi thì gần gũi không điên đảo dạy dỗ giáo thụ người các Ba-la-mật. Đó gọi là tác ý dũng mãnh. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay nên khởi 4 tâm vô lượng, khi các Ba-la-mật hiện tiền phải khởi tâm từ, khi xan v.v... hiện tiền phải khởi tâm bi, khi các Ba-la-mật hiện tiền nơi người khác phải khởi tâm hỷ, khi người khác tin các Ba-la-mật phải khởi tâm không nhiễm. Đó là tác ý thương xót.

Kệ nói :

*Không hổ cũng không vui,
Và bởi tâm không khuất,
Tu trị và ngợi khen,*

Đây lại là 5 thứ.

Giải thích : Kệ này có 5 thứ tác ý : 1. Tác ý có hổ thẹn. 2. Tác ý có niềm vui. 3. Tác ý không khuất phục. 4. Tác ý tu trị. 5. Tác ý khen ngợi. Bồ-tát tiếp đến khởi ý niệm như thế này : Ta nay đối với các Ba-la-mật lười biếng, không làm, và làm sai phải rất sinh xấu hổ, phải chuyên đàn v.v... không chuyên. Đó là tác ý có xấu hổ. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta đối với cảnh giới sở duyên các Ba-la-mật phải giữ tâm không loạn. Đó là tác ý có niềm vui. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với phương tiện làm thoái lui các Ba-la-mật phải tưởng như là oan gia. Đó là tác ý không khuất phục. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với các luận tương ưng với các Ba-la-mật phải khéo tập hợp tu trị. Đó là tác ý tu trị. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay vì sinh hiểu khác, phải đứng cần khí, phải tán dương pháp nghĩa các Ba-la-mật. Đó là tác ý ngợi khen.

Kệ nói :

*Y độ được Bồ-đề,
Chẳng theo các Tự Tại.
Tội lỗi và công đức,
Cả hai đều nên biết.*

Giải thích : Kệ này có 2 tác ý : tác ý y độ và tác ý nên biết. Bồ-tát như trước đã ca ngợi rồi, tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay y chỉ vào các Ba-la-mật được Đại Bồ-đề, chẳng phải dựa vào các trời Tự Tại. Đó là tác ý y độ. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải biết tội lỗi chướng các Ba-la-mật và công đức các Ba-la-mật. Đó là tác ý nên biết.

Kệ nói :

*Hỷ tập và kiến nghĩa,
Lạc cầu, cầu 4 thứ :
Bình đẳng, vô phân biệt,
Hiện tri, và đương duyên.*

Giải thích : Kệ này có 3 thứ tác ý : tác ý hỷ tập, tác ý kiến nghĩa, tác ý lạc cầu. Bồ-tát biết rồi, tiếp nghĩ rằng : Ta nay phải hoan hỷ tập hợp 2 nhóm phúc trí. Đó là tác ý hỷ tập. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay thấy tự tính các Ba-la-mật, có thể được lợi ích vô thượng Bồ-đề. Đó là tác ý kiến nghĩa. Tiếp đến nghĩ rằng : Nay thấy lợi này phải mong cầu 4 việc : 1. Mong cầu bình

đẳng, tu chỉ quán cả hai. 2. Cầu vô phân biệt, vì tam luân thanh tịnh. 3. Cầu hiện trì, cầu gìn giữ có thể thành pháp nghĩa các độ. 4. Cầu đương duyên, cầu vị lai thành tựu duyên các độ. Đó gọi là tác ý lạc cầu.

Kệ nói :

*Bảy kiến phi hữu thủ,
Bốn thứ hy hữu tướng.
Ngược đây phi hy hữu,
Tướng này cũng có 4.*

Giải thích : Kệ này có 3 thứ tác ý : 1. Tác ý thấy phi hữu thủ. 2. Tác ý tướng hy hữu. 3. Tác ý phi hy hữu tướng. Bồ-tát lạc cầu rồi, tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải thấy 7 thứ phi hữu thủ : 1. Phi hữu là hữu phi hữu thủ. 2. Quá thất là phi thất phi hữu thủ. 3. Công đức là phi đức phi hữu thủ. 4. Phi thường là thường phi hữu thủ. 5. Phi lạc là lạc phi hữu thủ. 6. Phi ngã là ngã phi hữu thủ. 7. Tịch diệt là phi diệt phi hữu thủ. Như Lai vì đối trị 7 phi hữu thủ này, lần lượt nói không v.v... Tam Tam-muội và nói 4 thứ pháp Ưu-đà-na. Đó gọi là tác ý thấy phi hữu thủ. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với các Ba-la-mật phải khởi 4 tướng hy hữu, như là tướng vĩ đại, tướng rộng lớn, tướng không cầu trả ơn, tướng không kỳ vọng quả báo. Đó là tác ý tướng hy hữu. Tiếp đến nghĩ rằng : Ngược lại hy hữu này, đối với các Ba-la-mật cũng có 4 thứ tướng phi hy hữu, như là do các Ba-la-mật quảng đại nên có thể được vô thượng Bồ-đề, có thể trụ tự tha bình đẳng, có thể không cầu tất cả thế gian cúng dường, có thể không cầu quá các thế gian thắng thân thắng tài. Đó là tác ý phi hy hữu tướng.

Kệ nói :

*Lìa đọa chúng sinh biên,
Đại nghĩa và chuyển thí,
Cứu cánh và vô gián,
Như vậy có 5 thứ.*

Giải thích : Kệ này có 5 thứ tác ý : 1. Tác ý ly biên. 2. Tác ý đại nghĩa. 3. Tác ý chuyển thí. 4. Tác ý cứu cánh. 5. Tác ý vô gián. Bồ-tát tiếp đến khởi ý niệm rằng : Ta nay nên dùng các Ba-la-mật chuyển hóa tất cả chúng sinh. Đó là tác ý ly biên. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay nên dùng các Ba-la-mật rộng làm

lợi ích tất cả chúng sinh. Đó là tác ý đại nghĩa. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay có bao nhiêu công đức Ba-la-mật nguyện thí tất cả chúng sinh. Đó là tác ý chuyển thí. Tiếp đến nghĩ rằng : Nguyện tất cả chúng sinh có các Ba-la-mật 3 nơi cứu cánh là Bồ-tát địa cứu cánh, Như Lai địa cứu cánh, lợi ích chúng sinh cứu cánh. Đó là tác ý cứu cánh. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nên tu tập các Ba-la-mật trong tất cả mọi thời không gián đoạn. Đó là tác ý vô gián.

Kê nói :

*Phương tiện hằng tùy nhiếp,
Tâm trụ không điên đảo.
Khi thoái thì không vui,
Tiến thì sinh hoan hỷ.*

Giải thích : Kệ này có 3 thứ tác ý : 1. Tác ý tùy nhiếp. 2. Tác ý không vui. 3. Tác ý hoan hỷ. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay nên trụ tâm không điên đảo, đối với những tri kiến Phật thì dùng các Ba-la-mật hằng thời gìn giữ. Đó là tác ý tùy nhiếp. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với những người thoái khuất Ba-la-mật không nên sinh tâm mừng vui. Đó là tác ý không vui. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với những người tăng tiến các Ba-la-mật nên sinh tâm vui mừng. Đó là tác ý hoan hỷ.

Kê nói :

*Tương tự không muốn tu,
Chân thật muốn tu tập.
Không theo và muốn được,
Muốn được có 2 thứ.*

Giải thích : Kệ này có 4 thứ tác ý : 1. Tác ý không muốn tu. 2. Tác ý muốn tu. 3. Tác ý không theo. 4. Tác ý muốn được. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay không nên tu tập các pháp tương tự Ba-la-mật. Đó là tác ý không muốn tu. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải siêng năng tu tập các pháp chân thật Ba-la-mật. Đó là tác ý muốn tu. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay phải đoạn trừ chướng ngại đối với các Ba-la-mật. Đó là tác ý không theo. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay đối với các Ba-la-mật muốn được thụ ký vị, muốn được quyết định địa. Đó là tác ý muốn được.

Kê nói :

*Định làm hạnh vị lai,
Thường quán kia hạnh đủ.*

*Tin hiểu từ đệ nhất,
Biết thể là vô thượng.*

Giải thích : Kệ này có 3 thứ tác ý : 1. Tác ý định làm. 2. Tác ý quán kia. 3. Tác ý ta hơn. Bồ-tát tiếp đến nghĩ rằng : Ta thấy các nẻo thú đời sau, dùng trí phương tiện quyết định sẽ thực hành tất cả Ba-la-mật. Đó là tác ý định làm. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay nên quán 10 phương các đại Bồ-tát khi đầy đủ các Ba-la-mật, nguyện ta cũng được đầy đủ, vì đồng một việc. Đó là tác ý quán kia. Tiếp đến nghĩ rằng : Ta nay tự tin thực hành các Ba-la-mật, là bậc nhất hơn cả trong các hạnh. Bởi vì sao ? Ta quán cái thể này không còn gì trên. Đó là tác ý ta hơn.

Kệ nói :

*Đem các tác ý này,
Tu tập trong các độ,
Bồ-tát trong mọi thời,
Thiện căn được viên mãn.*

Giải thích : Kệ này tổng kết các nghĩa trước.

Đã nói xong về trường dưỡng thiện căn, tiếp nói cầu pháp sai biệt.

Kệ nói :

*Cầu pháp là tăng trưởng,
Thượng ý và quảng đại,
Có chướng và không chướng,
Và dùng các thần thông,
Không thân và có thân,
Được thân và mãn thân,
Mạn nhiều và mạn ít,
Cùng với không có mạn.*

Giải thích : Cầu pháp có 13 thứ khác nhau : 1. Cầu tăng trưởng, là lấy sự nghe chính pháp tăng trưởng lòng tin. 2. Cầu thượng ý, là ở bên Phật thụ nhận dòng pháp. 3. Cầu quảng đại, là được thần thông Bồ-tát xa nghe pháp của chư Phật đầy đủ. 4. Cầu có chướng, là người mới tăng trưởng lòng tin. 5. Cầu không chướng, là người cầu thượng ý. 6. Cầu thần thông, là người cầu quảng đại. 7. Cầu không thân, là văn tự tuệ không pháp thân. 8. Cầu có thân, là tu tuệ có đa văn chủng tử thân. 9. Cầu được thân, là sơ địa đến 7 địa. 10. Cầu mãn thân, là 8, 9, 10 địa. 11. Cầu

nhieu mạn, là Tín hành địa. 12. Cầu ít mạn, là sơ thất địa. 13. Cầu không mạn, là 3 địa sau.

Đã nói xong các sai biệt của cầu pháp, tiếp nói nhân duyên cầu pháp.

Kê nói :

*Vì sắc vì phi sắc,
Vì thông vì chính pháp,
Tướng tốt và bệnh lành,
Tự tại, nhân vô tận.*

Giải thích : Có 4 nhân duyên cầu pháp : 1. Vì sắc. 2. Vì phi sắc. 3. Vì thần thông. 4. Vì chính pháp. Vì sắc, là nhân tướng tốt. Vì phi sắc, là nhân diệt bệnh phiền não. Vì thần thông, là nhân tự tại. Vì chính pháp, là nhân vô tận. Như trong Kinh Phạm Thiên Hỏi Phật, có nói : Bồ-tát cầu pháp có đầy đủ 4 tướng : Một là tướng như báu vật, vì khó được. Hai là tướng như thuốc hay, vì có nghĩa trị bệnh. Ba là tướng như cửa cải vật chất, vì nghĩa không phân tán. Bốn tướng như Niết-bàn, vì nghĩa khổ diệt. Do pháp Phật là nhân trang nghiêm tướng hảo, nên tướng như báu vật. Do pháp Phật là nhân diệt bệnh phiền não, nên tướng như thuốc hay. Do pháp Phật là nhân của thần thông tự tại, nên tướng như cửa cải vật chất. Do pháp Phật là nhân của chính pháp vô tận, nên tướng như Niết-bàn.

Đã nói xong nhân duyên cầu pháp, tiếp nói phân biệt cầu xa lìa.

Kê nói :

*Vô thể, thể, tăng, giảm,
Một, khác, tự, biệt tướng.
Như tên, như nghĩa, là
Có 10 thứ phân biệt.*

Giải thích : Có 10 thứ phân biệt : 1. Phân biệt vô thể. 2. Phân biệt hữu thể. 3. Phân biệt tăng ích. 4. Phân biệt tổn giảm. 5. Phân biệt một tướng. 6. Phân biệt khác tướng. 7. Phân biệt tự tướng. 8. Phân biệt biệt tướng. 9. Phân biệt như tên khởi nghĩa. 10. Phân biệt như nghĩa khởi tên. Trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, vì khiến chư Bồ-tát xa lìa 10 thứ phân biệt này nên nói 10 thứ đối trị. Để đối trị phân biệt vô thể nên kinh nói có Bồ-tát, Bồ-tát. Để đối trị phân biệt hữu thể nên kinh nói không thấy có Bồ-tát

v.v... Để đối trị phân biệt tăng ích nên kinh nói : “Xá-lợi-phất ! Tự tính của sắc là không”. Để đối trị phân biệt tổn giảm nên kinh nói chẳng phải sắc diệt không. Để đối trị phân biệt một tướng nên kinh nói như sắc không chẳng phải sắc. Để đối trị phân biệt khác tướng nên kinh nói không không khác sắc, sắc không khác không, không tức là sắc. Để đối trị phân biệt tự tướng nên kinh nói sắc này chỉ có tên. Để đối trị phân biệt biệt tướng nên kinh nói sắc không sinh không diệt chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh v.v... Để đối trị phân biệt như tên khởi nghĩa nên kinh nói tất cả tên không thể thấy, vì không thể thấy nên chấp tên như nghĩa.

Đã nói xong cầu xa lìa phân biệt, tiếp nói cầu pháp lớn.

Kệ nói :

*Bồ-tát thắng dũng mãnh,
Hai cầu được chân thật.
Tùy thuận các thế gian,
Công đức đầy như biển.*

Giải thích : Cầu pháp có 3 cái lớn : 1. Phương tiện lớn. Do tinh tiến cùng tột cầu chân lý thế gian, chân lý đệ nhất nghĩa, chân thật không điên đảo. 2. Lợi tha lớn. Do làm nơi nương cậy cho thế gian, an trí vào đệ nhất nghĩa. 3. Tự lợi lớn. Do tất cả công đức đầy như biển.

Xong Phẩm Thuật cầu.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 5)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 6

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 13 : Hoằng pháp

Giải thích : Đã nói cầu pháp, tiếp phải đem pháp diễn nói cho người.

Kệ nói :

*Khó được lại không chắc,
Thương khổ hằng vui thí.
Huống đem pháp lợi đời,
Tăng trưởng cũng không hết.*

Giải thích : Kệ này trước ngăn sự keo kiệt đối với pháp thí. Khó được lại không chắc, là nói thân mạng tài sản. Thương khổ hằng vui thí, là BỒ-tát do từ bi còn có thể trong mọi thời bỏ 3 pháp không keo kiệt này thí cho chúng sinh khổ ách. Huống đem pháp lợi đời, tăng trưởng cũng vô tận, nghĩa là huống chi được đại pháp không khó mà sinh keo kiệt. Cho nên BỒ-tát nên đem pháp này rộng làm lợi ích thế gian. Bởi vì sao ? Pháp được tăng trưởng cũng vô tận. Đã ngăn chặn sự keo kiệt pháp thí, tiếp nói lợi ích.

Kệ nói :

*Tự chứng không thể nói,
Dẫn vật nói pháp tính.
Pháp thân miệng tịch diệt,
Bi lưu như trăn hút.*

Giải thích : Tự chứng không thể nói, dẫn vật nói pháp tính, nghĩa là Thế Tôn không nói pháp tự sở chứng, vì pháp đó là không thể nói. Vì để dẫn tiếp chúng sinh nên lại dùng phương tiện mà nói pháp tính.

Hỏi : Thế nào là phương tiện ?

Đáp : Pháp thân miệng tịch diệt, từ bi lưu xuất như con trăn hút. Nghĩa là chư Phật lấy pháp tính làm thân, tịch diệt làm miệng. Cực rộng thanh tịnh là 2 chương nên lấy đại từ bi lưu xuất giáo pháp ví như cái lưới dẫn tiếp chúng sinh. Ví như con trăn lớn mở miệng rộng thu hút các vật, tất cả chư Phật thân khẩu từ bi đồng dẫn tiếp cũng vậy, vì rất ráo đại bi vô tận.

Kệ nói :

*Kia tu đắc quả nên
Tu, nói, chẳng vô nghĩa.
Chỉ nghe và không nghe,
Tu, nói, là vô lý.*

Giải thích : Kia tu đắc quả nên tu, nói, chẳng phải vô nghĩa, nghĩa là chư Phật dùng phương tiện nói tự sở chứng dẫn tiếp thế gian, do năng hành, sức tu tự tại mà đắc quả. Cho nên kia tu và

chỗ Phật nói không phải vô nghĩa. Chỉ nghe và không nghe, tu, nói là vô lý, nghĩa là nếu chỉ nghe pháp mà được thấy chân nghĩa, thì “tu” là không lợi ích. Nếu không nghe pháp mà tu được, thì “nói” là không lợi ích.

Đã nói lợi ích thuyết pháp, tiếp nói sai biệt của thuyết pháp.

Kệ nói :

*A-hàm nói, chứng nói,
Là miệng, sức thần thông.
Thần thông là tướng hảo,
Các sắc và hư không.*

Giải thích : Chư Bồ-tát thuyết pháp có 2 loại khác nhau : 1. A-hàm nói, tức dùng miệng nói. 2. Chứng nói, tức dùng sức thần thông nói. Sức thần thông nói lại có nhiều thứ, hoặc tướng hảo nói, hoặc cây rừng nói, hoặc nhạc khí nói, hoặc trong không trung nói.

Đã nói xong về cách nói pháp khác nhau, tiếp nói thành tựu của thuyết pháp.

Kệ nói :

*Vô úy và đoạn nghi,
Khiến tin và hiển thật.
Như vậy các Bồ-tát
Là thuyết pháp thành tựu.*

Giải thích : Các Bồ-tát thuyết pháp thành tựu do 4 nghĩa : 1. Vô úy. 2. Đoạn nghi. 3. Khiến tin. 4. Hiển thật. Như Kinh Vua Phạm Thiên Hỏi Phật, có nói : Bồ-tát đầy đủ 4 pháp thì có thể mở rộng đại pháp thí. Những gì là 4 ? 1. Nhiếp trị diệu pháp. 2. Tự tuệ minh tịnh. 3. Làm thiện nghiệp trượng phu. 4. Hiện thị nhiệm tịnh. Trong đó thứ nhất đa văn nên được vô úy. Thứ hai đa tuệ có thể đoạn nghi. Thứ ba không dựa danh lợi nên khiến người tin thụ. Thứ tư do thông đạt thể đế, đệ nhất nghĩa đế nên có thể hiển thị 2 thứ chân thật, là tướng nhiệm chân thật và tướng tịnh chân thật.

Kệ nói :

*Lời đẹp và lìa say,
Vô thoái, vô bất tận,
Nhiều thứ và tương ưng,
Khiến hiểu, phi cầu lợi*

*Và lại khắp dạy dỗ,
Là thành tựu thuyết pháp.*

Giải thích : Lời đẹp, là khi người giận mắng không đem lời xấu đáp lại. Là say, có 2 thứ say : 1. Khi người khen ngợi thì say sưa ngây ngất. 2. Khi mình thành tựu thì say sưa ngây ngất. Nghĩa là nhà cửa, tài sắc v.v... thành tựu sinh yêu thích. Là, là tâm diệt đối với 2 cái say này. Vô thoái, vì không lười biếng. Vô bất tận, là lìa sự keo kiệt đối với pháp, nói hết tất cả. Nhiều thứ , là không nói trùng lặp. Tương ứng, là không trái hiện, tỷ lượng. Khiến hiểu, là có thể hiểu chữ, câu. Phi cầu lợi, là không vì tài lợi mà khiến người tin. Khắp dạy dỗ, là dạy khắp 3 thừa. Đã nói thành tựu của thuyết pháp, tiếp nói ngôn ngữ thành tựu.

Kệ nói :

*Bất té và điều hòa,
Thiện xảo và minh liễu,
Ứng cơ và lìa cầu,
Phân lượng và vô tận.*

Giải thích : Bất té, là khắp đồ chúng. Điều hòa, là đẹp ý vừa lòng. Thiện xảo, là khai thị chữ, câu rõ ràng khiến dễ hiểu. Ứng cơ, là tùy nghi nói. Lìa cầu, là không vì cầu danh lợi mà nói. Phân lượng, là thích nghe không chán. Vô tận, là không cùng.

Đã nói xong thành tựu ngôn ngữ, tiếp nói thành tựu chữ.

Kệ nói :

*Nêu tên và giải nghĩa,
Tùy thừa và uyển chuyển,
Dễ hiểu mà ứng cơ,
Xuất ly mà tùy thuận.*

Giải thích : Nêu tên, là phù hợp các chữ, câu không trái kinh nghiêm. Giải nghĩa, là giải thích các chữ câu không nghịch lý. Tùy thừa, là các chữ, câu tùy theo mỗi thừa, không trái 3 thừa. Uyển chuyển, là tránh chữ, câu khó, không trái âm thanh. Dễ hiểu, là tập hợp các chữ, câu được nghĩa dễ. Ứng cơ, là chữ, câu, ngắt câu tùy nghi thích ứng với sự việc. Xuất ly, là không ở nơi các chữ các câu mà hướng tới Niết-bàn. Tùy thuận, là chính hành các chữ các câu, tùy thuận 8 chi Thánh đạo.

Kệ nói :

Bồ-tát thành tựu chữ,

*Nghĩa như trước nên biết,
Thanh có 60 thứ,
Là nói việc Như Lai.*

Giải thích : Như Lai có 60 thứ âm thanh không thể nghĩ bàn. Như trong Kinh Phật Bí Mật có nói : Tịch tĩnh tuệ Như Lai đầy đủ 60 thứ thanh ngữ, như là nhận trách, nhu nhuyễn, khả ý, ý lạc, thanh tịnh như vậy cho đến nói rộng. Trong đây tiếng nhuận trách, là chúng sinh thiện căn có thể gìn giữ. Tiếng dịu dàng, là hiện tiền nghe pháp được tiếp xúc các niềm vui. Tiếng đẹp ý, là do ý nghĩa hay. Tiếng thích ý, là do chữ hay. Tiếng thanh tịnh, là do vô thượng xuất thế hậu đắc. Tiếng vô cấu, là do không tương ưng với các hoặc tập khí. Tiếng trong trẻo rõ ràng, là do chữ câu dễ hiểu. Tiếng có sức thiện, là do đầy đủ công đức, phá các ác tà kiến của ngoại đạo. Tiếng thích nghe, là vì tin thuận xuất ly. Tiếng không dứt, là vì tất cả ngoại đạo không thể đoạn dứt. Tiếng điều phục, là vì có thể đối trị tham v.v... các phiền não. Tiếng không kích thích, là vì phương tiện an lạc chế giới. Tiếng không rấp, là vì khiến người phạm giới được chính xuất. Tiếng khéo điều hòa, là vì giáo hóa dạy dỗ. Tiếng thuận tai, là vì đối trị loạn tâm. Tiếng thân dựa, là vì có thể dẫn Tam-ma-đề. Tiếng tâm rõ, là vì có thể dẫn Tì-bát-xá-na. Tiếng tâm vui, là vì khéo đoạn nghi. Tiếng sinh hỷ lạc, là vì quyết định đánh bật tà. Tiếng không nhiệt não, là vì tin nhận không hối tiếc. Tiếng có thể giữ trí, là vì trí y chỉ thành tựu nhân của nghe. Tiếng không ẩn giấu, vì không keo kiệt pháp mà nói. Tiếng khả ái, là vì khiến được quả tự lợi. Tiếng khao khát, là vì người đã đắc quả rất nguyên ưa thích. Tiếng dạy bảo, là vì nói chính pháp bất tư nghị. Tiếng khiến hiểu, là vì nói chính pháp tư nghị. Tiếng tương ưng, là vì không trái kinh nghiệm. Tiếng hữu ích, là vì giảng dạy chỉ dẫn thích hợp. Tiếng không trùng lặp, là vì không nói suông. Tiếng sư tử, là vì ngoại đạo sợ hãi. Tiếng voi, là vì chân động lớn. Tiếng sấm, là vì sâu nghe xa. Tiếng rỗng, là vì khiến tin thụ. Tiếng Khẩn-na-la, vì tiếng ca nhạc hay. Tiếng Ca-lăng-tần-già, vì âm vận trong trẻo. Tiếng Phạn, vì đi ra xa. Tiếng chim mạng mạng, vì mới được lành tốt mọi sự thành tựu. Tiếng vua trời, vì không dám trái. Tiếng trống trời, vì phá ma. Tiếng lìa kiêu mạn, vì khen chê không công cao. Tiếng nhập tất cả, vì

nhập tất cả chủng tướng của Luận Tì-già-la. Tiếng lia bất chính, vì nhớ không quên. Tiếng ứng thời, vì tất cả mọi thời khởi việc giáo hóa. Tiếng không xấu hổ, vì không dựa vào lợi dưỡng. Tiếng không sợ hãi, vì lia xấu hổ. Tiếng hoan hỷ, vì nghe không chán. Tiếng tùy xả, vì khéo léo vào tất cả minh xứ. Tiếng bạn tốt, vì thành tựu lợi ích tất cả chúng sinh. Tiếng thường lưu xuất, vì liên tục không dứt. Tiếng trang nghiêm, vì hiển hiện các thứ. Tiếng mãn túc, vì một âm có vô lượng thanh thuyết pháp. Tiếng chúng sinh căn hỷ, vì một lời hiển hiện vô lượng nghĩa. Tiếng không chê bai, vì tin thuận chỗ lập nghĩa. Tiếng không tăng giảm, vì ứng thời lượng nói. Tiếng không vội gáp, vì không vội vã nói. Tiếng khắp tất cả, vì đồ chúng gần xa đều y chỉ. Tiếng thành tựu nhất thiết chủng, vì pháp nghĩa thế gian đều thí dụ khiến hiểu rõ.

Đã nói xong về thành tựu chữ, tiếp nói cái vĩ đại của thuyết pháp.

Kê nói :

*Khai diễn và thi thiết,
Kiến lập và nêu chung.
Nói riêng và đoạn nghi,
Lược rộng đều khiến hiểu.*

Giải thích : Khai diễn, là diễn nói. Thi thiết, là các câu. Kiến lập, là khéo tương ứng. Như vậy là phân biệt khai thị, theo tuần tự nêu chung, nói riêng biệt, đoạn nghi, khiến nghĩa trở nên gần gũi dễ hiểu, làm cho người nghe lãnh thọ pháp được quyết định. Lược, nghĩa là nói một lần người lợi căn hiểu được liền. Rộng là nói nhiều lần khiến người độn căn thông thả hiểu được.

Kê nói :

*Người nói, pháp được nói,
Người nhận : 3 luân tịnh.
Lại lia 8 thứ lỗi,
Người nói tịnh phải biết.*

Giải thích : Người nói, pháp được nói, người nhận : 3 luân tịnh. Những gì là 3 luân ? 1. Là người nói, tức chư Phật Bồ-tát. 2. Pháp được nói, tức nói chung tên, chữ v.v... các thứ. 3. Người nghe nhận, tức như trước nói người nói sơ lược hiểu được và người nói rộng nhiều lần mới hiểu. Lại lia 8 thứ lỗi, người nói

tịnh phải biết, nghĩa là người nói thanh tịnh phải biết là 8 thứ lỗi.

Hỏi : Tám thứ là gì ?

Kê nói :

*Lười biếng và không hiểu,
Cực tuyệt không khai nghĩa,
Và không đoạn trừ nghi,
Đoạn nghi không kiên cố,
Chán thoái và keo kiệt,
Như vậy 8 thứ lỗi,
Chư Phật không thể kia,
Nên thành vô thượng thuyết.*

Giải thích : Tám thứ lỗi là : 1. Lười biếng. 2. Không hiểu nghĩa. 3. Từ chối sự cầu thỉnh. 4. Không khai nghĩa. 5. Không đoạn nghi. 6. Đoạn nghi không quyết định. 7. Tâm thoái lui chán nản, không sẵn sàng nói trong mọi lúc. 8. Có tâm keo kiệt, không tận tình khai thị. Tất cả chư Phật đều xa là 8 lỗi như vậy. Cho nên được thành vô thượng thuyết pháp.

Đã nói xong cái vĩ đại của nói pháp, tiếp nói nghĩa thành tựu.

Kê nói :

*Pháp này tùy thời thiện,
Sinh tín, hỷ, giác nhân.
Nghĩa đúng và lời hay,
Năng khai 4 phạm hạnh.*

Giải thích : Pháp này tùy thời thiện, sinh tín, giác, hỷ nhân, nghĩa là tùy thời thiện là sơ trung hậu thiện, như thứ tự khi văn tư tu là tín nhân, là hỷ nhân, là giác nhân. Là giác nhân, tức là định tâm quán sát đạo lý pháp này được trí như thật. Nghĩa đúng và lời hay, có thể khai mở 4 phạm hạnh, nghĩa là nghĩa đúng là thiện nghĩa và diệu nghĩa, vì tương ứng với thể đệ nhất nghĩa đế. Lời hay, là dễ nhận và dễ hiểu do văn nghĩa hiển rõ. Do đó có thể khai thị 4 thứ phạm hạnh.

Hỏi : Những gì là 4 ?

Kê nói :

*Không cùng khác tương ứng,
Đủ đoạn hoặc 3 cõi.*

*Tự tính và vô cầu,
Là 4 thứ hạnh ấy.*

Giải thích : Bốn phạm hạnh là : 1. Độc. 2. Mãn. 3. Thanh. 4. Bạch. Không cùng khác tương ứng, là nghĩa của độc một mình. Do hạnh này không cùng đồng hành với ngoại đạo. Đủ đoạn hoặc 3 cõi, là nghĩa của mãn. Do hạnh này đủ đoạn phiền não 3 cõi. Tự tính, là nghĩa của thanh. Do hạnh này tự tính vô lậu tịnh. Vô cầu, là nghĩa của bạch. Do hạnh này ở nơi thân lậu tận, chủng loại được vô cầu tịnh. Đã nói xong về thành tựu nghĩa của thuyết pháp, tiếp nói các tiết mục của thuyết pháp.

Kê nói :

*Đó là tiết khiến nhập,
Tiết tướng, tiết đối trị,
Cùng với tiết bí mật,
Gọi là 4 tiết mục.*

Giải thích : Chư Phật nói pháp không là 4 tiết mục : 1. Tiết khiến nhập. 2. Tiết tướng. 3. Tiết đối trị. 4. Tiết bí mật.

Hỏi : Bốn tiết này dựa vào nghĩa gì ?

Kê nói :

*Thanh Văn và tự tính,
Đoạn lỗi và lời sâu.
Lần lượt dựa 4 nghĩa,
Nói tiết có 4 thứ.*

Giải thích : Tiết khiến nhập, là phải biết dạy các Thanh Văn vào trong pháp nghĩa khiến được không sợ hãi, vì nói sắc v.v...là có. Tiết tướng, là phải biết trong phân biệt v.v... 3 tự tính là vô thể, là không khởi, vì nói tất cả pháp tự tính thanh tịnh. Tiết đối trị, là phải biết dựa vào việc đoạn các lỗi đối trị 8 thứ chướng. Như trong Đại thừa nói thụ trì 2 kệ được công đức ấy đều là đối trị nên nói. Đối trị này sau sẽ giải thích. Tiết bí mật, là phải biết dựa vào các câu nói ý sâu, do đảo câu nói lại mới được nghĩa. Như một bài kệ trong kinh Đại thừa nói : Không kiên cố, kiên cố. Khéo trụ nơi điên đảo. Bị phiền não quấy nhiễu. mau được Đại Bồ-đề. Trong tiết này, không kiên cố hiểu là kiên cố, nghĩa là không kiên cố tức tâm chúng sinh không loạn. Ở đây “không loạn” hiểu là “kiên cố”. Cái hiểu tối thắng này có thể được Bồ-đề. Loạn thì tâm giống ruồi chấp trước kiên cố không

thể đến được Bồ-đề. Đây là đệ nhất cú nghĩa. Khéo trụ nơi điên đảo, nghĩa là điên đảo là chấp thường lạc ngã tịnh. Nếu người có thể ở trong điên đảo mà hiểu được vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, khéo trụ không thoái chuyển tức có thể mau được Bồ-đề, không vậy thì không được. Đây là đệ nhị cú nghĩa. Bị phiền não quá nhiều, nghĩa là thời gian dài lâu siêng tu các khổ hạnh khó làm, do cực nhọc mệt mỏi mới được Bồ-đề, không vậy thì không được. Đây là đệ tam cú nghĩa.

Đã nói tiết mục của thuyết pháp, tiếp nói đến ý thuyết pháp.

Kê nói :

Bình đẳng và biệt nghĩa,

Biệt thời và biệt dục.

Y vào 4 ý đây,

Đó là chư Phật nói.

Giải thích : Chư Phật nói pháp không lìa 4 ý : 1. Bình đẳng ý. 2. Biệt nghĩa ý. 3. Biệt thời ý. 4. Biệt dục ý.

Bình đẳng ý, là như Phật nói thuở xưa Phật Tì-bà-thi tức thân ta. Vì pháp thân không sai biệt. Nói như vậy là ý bình đẳng.

Biệt nghĩa ý, là như Phật nói tất cả các pháp không tự tính nên không sinh. Nói như vậy là ý nói với một nghĩa riêng khác.

Biệt thời ý, là như Phật nói nếu người nguyện thấy Phật A-di-đà, tất cả đều được vãng sinh. Đây là do một thời gian khác được sinh nên nói như vậy. Nói như vậy là ý nói vào một thời gian khác.

Biệt dục ý, là người kia có thiện căn như vậy, Như Lai có khi khen ngợi, có lúc chê trách do được chút ít thiện căn liền cho là đủ. Nói như vậy là nói với ý dục riêng khác.

Đã nói xong về ý của thuyết pháp, tiếp nói công đức thụ trì Đại thừa.

Kê nói :

Khinh Phật và khinh pháp,

Lười biếng thiếu tri túc,

Tham hành và mạn hành,

Hối hành cùng bất định.

Như vậy 8 thứ chướng,

Đại thừa nói đối trị.

Như vậy các chương đoạn,

Là người nhập chính pháp.

Giải thích : Hai kệ này hiển thị công đức đoạn chương của Đại thừa. Tám chương là : 1. Kinh Phật. 2. Kinh pháp. 3. Lười biếng. 4. Thiếu tri túc. 5. Tham. 6. Mạn. 7. Hối. 8. Bất định.

Để đối trị chương kinh Phật, kinh Đại thừa nói : Thuở xưa Phật Tì-bà-thi tức thân ta đó. Để đối trị chương kinh pháp, kinh Đại thừa nói : Ở nơi vô lượng hằng sa Phật tu hành Đại thừa mới được sinh giải. Để đối trị chương lười biếng, kinh Đại thừa nói : Nếu có chúng sinh nguyện sinh cõi nước An lạc, tất cả sẽ được vãng sinh, xưng niệm danh hiệu Phật Vô Cấu Nguyệt Quang quyết định sẽ được thành Phật. Để đối trị chương thiếu tri túc, kinh Đại thừa nói có nơi khen ngợi hạnh bố thí, có nơi chê trách hạnh bố thí v.v... Để đối trị chương tham, kinh Đại thừa nói : Các cõi nước Phật cực diệu an lạc. Để đối trị chương kiêu mạn, kinh Đại thừa nói có cõi Phật thành tựu tối thắng. Để đối trị chương hối, kinh Đại thừa nói : Nếu có chúng sinh đối với Phật Bồ-đề khởi việc không nhiều ích được sinh đường nẻo thiện. Để đối trị chương bất định, kinh Đại thừa nói : Chư Phật thụ ký Thanh Văn sẽ được thành Phật nói nhất thừa. Đó gọi là thụ trì Đại thừa được là 8 chương.

Kệ nói :

*Hoặc văn và hoặc nghĩa,
Hai kệ siêng thụ trì.
Công đức đến mấy mươi,
Gọi là người thắng tuệ.
Giống thiện được viên mãn,
Khi chết hoan hỷ thắng.
Thụ sinh tùy ý muốn,
Niệm sinh trí cũng thành.
Đời đời hằng gặp Phật,
Nghe pháp được tín tuệ.
Xa lìa nơi 2 chương,
Mau thành đạo vô thượng.*

Giải thích : Ba kệ này nói thụ trì Đại thừa nhóm họp được công đức. Công đức này có 10 thứ : 1. Thành tựu tất cả chúng tử thiện căn viên mãn y chỉ. 2. Khi lâm chung được niềm vui vô thượng. 3. Được tùy nguyện thụ sinh ở mọi nơi. 4. Ở tất cả nơi

sinh được tự tính niệm sinh trí. 5. Nơi sinh hằng được gặp Phật. 6. Hằng ở bên Phật nghe pháp Đại thừa. 7. Thành tựu tín căn tăng thượng. 8. Thành tựu tuệ căn tăng thượng. 9. Được xa lìa hoặc trí 2 chương. 10. Mau được thành tựu Bồ-đề vô thượng. Nếu có người đối với tất cả kinh điển Đại thừa, hoặc văn kinh, hoặc nghĩa cho đến một câu, chân chính siêng năng thụ trì thì được 10 công đức như vậy. Trong này, trong đời hiện tại được 2 công đức đầu tiên, trong đời vị lai được 8 thứ công đức khác dần dần tăng trưởng.

Đã nói xong công đức thụ trì pháp, tiếp nói đến công đức thuyết pháp.

Kệ nói :

*Tuệ thiện và bất thoái,
Đại bi tiếng khen xa.
Khéo léo nói các pháp,
Như nhật chiếu thế gian.*

Giải thích : Nếu các Bồ-tát đầy đủ 5 nhân thì gọi là giới thuyết pháp : 1. Nói không điên đảo, do tuệ thiện. 2. Thường xuyên nói, do không thoái lui. 3. Nói không cầu mong gì khác, do đại bi. 4. Nói để khiến tin, do tiếng khen xa. 5. Tùy cơ nói, do phương tiện khéo léo. Do 5 nhân này có thể nói pháp tốt, dắt dẫn chúng sinh nhiều đời cung kính, ví như mặt trời lên chiếu sáng thế gian.

Xong Phẩm Hoằng pháp.

Phẩm 14 : Tùy tu

Giải thích : Đã nói Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tùy pháp tu hành. Trong đây tùy tu có biết nghĩa, có biết pháp, có tùy pháp, có đồng đặc, có tùy hành. Nay sẽ tuần tự nói rõ.

Kệ nói :

*Nơi biết 2 vô ngã,
Nơi 3 lìa tà chính.
Bồ-tát hiểu như vậy,
Gọi là người biết nghĩa.*

Giải thích : Kệ này nói rõ Bồ-tát biết nghĩa. Nơi biết 2 vô ngã, là biết 2 thứ nhân pháp là vô ngã, vì biết năng thủ sở thủ không có hữu thể. Nơi 3 lìa tà chính, nghĩa là 3 là 3 thứ Tam-

muội, tức không, vô tướng, vô nguyện. Do không Tam-muội biết không có hữu thể, vì hiểu là tính phân biệt. Do vô tướng, vô nguyện Tam-muội biết không có tự thể, vì hiểu là tính y tha, chân thật. Lìa tà chính, nghĩa là 3 Tam-muội đây dẫn xuất thể trí nên không tà, là thể gian nên không chính. Bồ-tát hiểu như vậy gọi là người biết nghĩa. Nếu Bồ-tát biết 2 thứ nhân pháp vô ngã, có thể biết 3 thứ Tam-muội, lìa tà lìa chính. Đây tức là biết nghĩa.

Kệ nói :

*Như vậy biết nghĩa rồi,
Biết pháp cũng như bè.
Nghe pháp không nên mừng,
Xả pháp là biết pháp.*

Giải thích : Kệ này nói rõ Bồ-tát biết pháp. Sơ học Bồ-tát biết nghĩa rồi, tiếp đến phải biết pháp. Nghĩa là có thể biết kinh pháp Tu-đa-la v.v... ví dụ như bè qua sông, không nên chỉ nghe sông mà sinh hoan hỷ. Bởi vì sao ? Vì pháp ấy phải xả, ví như chiếc bè vậy. Đó gọi là biết pháp.

Kệ nói :

*Phàm phu có 2 trí,
Tức thông 2 vô ngã.
Để thành tựu trí kia,
Nên nói tùy pháp hành.*

Giải thích : Kệ này nói Bồ-tát tùy pháp. Phàm phu có 2 trí là trí biết nghĩa và trí biết pháp. Tức thông 2 vô ngã, nghĩa là do 2 trí này nên cũng có thể thông đạt 2 thứ nhân pháp 2 thứ vô ngã. Để thành tựu trí kia nên nói tùy pháp hành, nghĩa là Bồ-tát vì thành tựu 2 thứ trí kia nên theo chỗ thuyết pháp tùy thuận tu hành. Đó gọi là tùy pháp.

Kệ nói :

*Khi thành tựu trí kia,
Xuất thế gian vô thượng.
Tất cả người sơ địa,
Chỗ được đều đồng đắc.*

Giải thích : Kệ này nói chỗ đồng chứng đắc của Bồ-tát. Khi thành tựu trí kia, xuất thế gian vô thượng, nghĩa là do thể của trí kia là tối thắng, nên sơ địa gọi là Hoan hỷ địa. Đó là sở

đắc công đức của tất cả Bồ-tát trụ Hoan hỷ địa, vì những người mới nhập địa cũng đều được như vậy.

Kệ nói :

*Người kiến đạo diệt hoặc,
Tất cả đều đã hết.
Thứ lớp tu các địa,
Là để đoạn trí chướng.
Ở trong các địa này,
Kiến lập vô phân biệt.
Thứ tự vô gián khởi,
Như vậy nói tùy hành.*

Giải thích : Kệ này nói Bồ-tát tùy hành. Trong đây kiến đạo diệt phiền não khi nhập sơ địa tất cả đều hết. Cho nên tu tập các địa khác chỉ để đoạn trừ trí chướng. Nhưng ở các địa có 2 trí : một là vô phân biệt trí, hai là địa kiến lập trí. Bồ-tát nếu ở trong chính quán, trong mỗi sát-na được pháp như vậy mà không phân biệt. Đó gọi là vô phân biệt trí. Bồ-tát sau khi xuất quán phân biệt trong quán được phần số pháp như vậy như vậy. Đó gọi là địa kiến lập trí. Hai trí này không được khởi cùng một lúc và xen khởi trong các pháp khác, hằng hành không gián đoạn gọi là Bồ-tát tùy hành. Bồ-tát có thể tùy hành như vậy có 4 thứ bất phóng dật luân : 1. Thắng độ luân. 2. Thiện nhân luân. 3. Tự chính luân. 4. Tiên phúc luân. Như vậy 4 luân này sẽ tuần tự nói.

Kệ nói :

*Dễ cầu, bảo hộ tốt,
Đất lành và bạn lành.
Vắng lặng thắng độ này,
Bồ-tát tức vãng sinh.*

Giải thích : Kệ này nói rõ thắng độ luân. Cõi nước thù thắng có 5 nhân duyên : 1. Dễ cầu. nghĩa là 4 việc cung cấp cho thân không khó được. 2. Bảo hộ tốt. Nghĩa là quốc vương đúng như luật pháp không cho người ác và trộm cắp giặc giã không được ở trong nước. 3. Đất lành. Xứ sở điều hòa không dịch bệnh. 4. Bạn lành. Nghĩa là bạn cùng giữ giới luật đồng kiến giải. 5. Vắng lặng. Nghĩa là ban ngày không ồn ào, ban đêm yên lặng.

Kệ nói :

*Đa văn và kiến đế,
Khéo nói và thương xót.
Đáng trọng phu không thoái,
Bồ-tát thắng y chỉ.*

Giải thích : Kệ này nói rõ thiện nhân luân. Người thiện cũng đủ 5 nhân duyên : 1. Đa văn, vì thành tựu A-hàm. 2. Kiến đế, vì đắc Thánh quả. 3. Khéo nói, vì có thể phân biệt pháp. 4. Thương xót, vì không tham lợi. 5. Không thoái, vì không mệt mỏi.

Kệ nói

*Thiện duyên và thiện tụ,
Thiện tu và thiện thuyết.
Thiện xuất, 5 thứ này,
Gọi là tự chính thắng.*

Giải thích : Kệ này nói rõ tự chính luân. Tự chính cũng đủ 5 nhân duyên : 1. Thiện duyên, diệu pháp là thiện duyên. 2. Thiện tụ, là phúc trí đầy đủ. 3. Thiện tu, là tu khi chỉ quán tương ưng. 4. Thiện thuyết, là vì không cầu lợi. 5. Thiện xuất, là cung kính tu các thượng pháp.

Kệ nói :

*Khả lạc và không khó,
Không bệnh và tịch tĩnh,
Quán sát, 5 thứ này,
Vì trước trông thiện căn.*

Giải thích : Kệ này thuyết minh về tiên phúc luân. Phúc đời trước cũng đủ 5 nhân duyên : 1. Khả lạc. 2. Không khó. 3. Không bệnh. 4. Tam-muội. 5. Trí tuệ. Việc thứ nhất do ở cõi thù thắng làm nhân. Việc thứ hai do gặp người thiện làm nhân. Ba việc sau do chính thành tựu làm nhân.

Đã nói xong 4 thứ bất phóng dật luân, tiếp nói phiền não xuất phiền não.

Kệ nói :

*Xa lìa nơi pháp giới,
Không có pháp tham riêng.
Cho nên chư Phật nói
Tham xuất tham, đều vậy.*

Giải thích : Như Phật trước có nói : Ta không nói có pháp khác tham có thể xuất phát từ tham, san si cũng vậy. Bởi lìa pháp giới thì không có cái thể nào riêng khác. Cho nên tính của pháp tham v.v... được gọi tên là tham v.v... Đây nói tính của pháp tham v.v... có thể xuất phát ra tham v.v... nghĩa này là chỉ thú của kinh.

Kê nói :

*Do lìa ngoài pháp tính
Không có pháp riêng khác.
Cho nên nói như vậy,
Phiền não tức Bồ-đề.*

Giải thích : Như trong kinh nói vô minh với Bồ-đề đồng là một. Đây gọi là pháp tính vô minh lập ra tên Bồ-đề. Nghĩa này là chỉ thú của kinh.

Kê nói :

*Nơi tham khởi chính tu,
Nơi tham được giải thoát.
Nên nói tham xuất tham,
Sân, si xuất cũng vậy.*

Giải thích : Nếu người từ nơi tham khởi chính tu quán sát, như vậy biết mình được giải thoát nơi tham. Cho nên nói dùng tham mà xuất ly khỏi tham. Xuất ly sân si cũng vậy.

Đã nói xong phiền não xuất phiền não, tiếp nói xa lìa tâm nhị thừa.

Kê nói :

*Bồ-tát từ bi vì chúng sinh vào địa ngục,
Vì vật không từ khổ.
Xả hữu, phát tiểu tâm,
Khổ này là dữ dội.*

Giải thích : Bồ-tát từ bi vì chúng sinh vào địa ngục không từ khổ thống. Nếu công đức diệt tam hữu mà khởi tâm Tiểu thừa, Bồ-tát lấy đây làm nỗi khổ rất nặng.

Hỏi : Nghĩa này như thế nào ?

Kê nói :

*Tuy hằng ở địa ngục,
Không chương Đại Bồ-đề.
Nếu khởi tâm tự lợi,*

Là chương Đại Bồ-đề.

Giải thích : Bồ-tát tuy vì chúng sinh thời gian dài nhập đại địa ngục không lấy làm khổ. Bởi vì sao ? Vì đối với Bồ-đề quảng đại thanh tịnh không bị chướng. Nếu có tâm khởi thù khác chấp vui Niết-bàn mới là khổ lớn. Bởi vì sao ? Vì nó chướng ngại với vui trụ Đại thừa. Kệ này làm rõ nghĩa của kệ trước.

Đã nói ngăn tâm nhị thừa, tiếp nói ngăn tâm sợ hãi.

Kệ nói :

*Vô thể và khả đắc,
Việc này giống như huyễn.
Tính tịnh và vô cấu,
Việc này là như không.*

Giải thích : Vô thể và khả đắc, việc này giống như huyễn, nghĩa là tất cả các pháp không có tự tính, nên nói là vô thể, mà lại thấy có tướng mạo hiển hiện, cho nên nói là khả đắc. Những người phạm phu đối 2 chỗ này sinh sợ hãi là không nên. Bởi vì sao ? Vì huyễn ảo là tương tự, ví như ảo hóa v.v... không có hữu thể mà hiển hiện có thể thấy được. Cái khả đắc của các pháp vô thể cũng như vậy. Cho nên đối với 2 chỗ này không nên sợ hãi. Tính tịnh với vô cấu, việc này là như không, nghĩa là pháp giới bản lai thanh tịnh nên nói là tính tịnh. Về sau lìa khách trần được thanh tịnh nên nói là vô cấu. Các phạm phu đối với 2 chỗ này cùng sinh sợ hãi là không nên. Bởi vì sao ? Vì tương tự như không. Ví như hư không bản tính thanh tịnh. Về sau cũng nói lìa khách trần được thanh tịnh. Tính tịnh và vô cấu của pháp giới cũng như vậy. Cho nên đối với 2 chỗ này không nên sợ hãi. Lại nữa cũng có thí dụ tương tự người thợ vẽ, có thể ngăn chặn 2 sự sợ hãi trước.

Kệ nói :

*Ví như người thợ vẽ,
Bằng phẳng vẽ lồi lõm.
Do hư vọng phân biệt,
Không, thấy có năng sở.*

Giải thích : Ví như người thợ vẽ giỏi có thể vẽ nơi bức tường bằng phẳng thành tướng lồi lõm, thật sự không có cao thấp lồi lõm mà thấy có cao thấp lồi lõm. Không chân phân biệt

cũng như vậy, nơi pháp giới bình đẳng không 2 tướng mà thường thấy có 2 tướng năng sở, cho nên không nên sợ hãi. Trong đây tương tự cũng có thí dụ với nước, có thể ngăn chặn 2 sợ hãi sau.

Kê nói :

*Như nước trong bị đục,
Trừ bản trở lại trong.
Tâm thanh tịnh cũng vậy,
Chỉ cần lìa khách trần.*

Giải thích: Ví như nước trong , bản vào thành đục. Sau nếu trong là chỉ trừ bản. Cái trong trẻo không phải từ ngoài đến mà bản tính là trong trẻo. Cho nên tâm phương tiện tịnh cũng như vậy. Tâm tính vốn sạch, vì khách trần nên nhiễm. Về sau thanh tịnh là do trừ khách trần. Cái sạch không phải từ ngoài đến mà bản tính là sạch. Cho nên không nên sợ hãi.

Kê nói :

*Đã nói tâm tính tịnh,
Mà bị khách trần nhiễm.
Không lìa tâm chân như,
Riêng có tâm tính tịnh.*

Giải thích : Ví như tính nước tự trong mà bị khách trần làm đục. Cũng vậy tâm tính tự tịnh mà bị khách trần làm nhiễm. Nghĩa này đã thành. Do nghĩa này nên không lìa chân như của tâm riêng có một tâm khác, gọi tướng y tha là tự tính thanh tịnh. Trong đây phải biết rằng nói tâm chân như, gọi đó là tâm. Tức nói cái tâm này là tự tính thanh tịnh. Tâm này tức là thức A-ma-la.

Đã ngăn chặn sự sợ hãi, tiếp ngăn chặn tội tham.

Kê nói :

*Bồ-tát nghĩ chúng sinh,
Yêu đến tận xương tủy,
Hằng thời làm lợi ích,
Vì đưa con duy nhất.*

Giải thích : Chư Bồ-tát yêu chúng sinh, đây gọi là tham. Ngoài ra như kệ nói.

Kê nói :

Do ý lợi quần sinh,

*Khởi tham không đắ tội.
Nhưng giận thì trái kia,
Vì muốn tổn người khác.*

Giải thích : Nếu bảo Bồ-tát yêu các chúng sinh khởi tham là tội thì đây không phải nghĩa như vậy. Bởi vì sao ? Vì cái tham này là nguyên nhân hằng làm lợi ích chúng sinh.

Kê nói :

*Như bồ câu thương con,
Chăm sóc và che chở,
Người có tâm từ bi,
Yêu chúng sinh cũng vậy.*

Giải thích : Ví như chim bồ câu hết sức thương yêu con, Bồ-tát nhiều từ bi ái hộ chúng sinh cũng vậy.

Kê nói :

*Tâm từ trái tâm giận,
Dứt khổ khổ tâm nghịch.
Lợi nghịch không lợi,
Không sợ trái tâm sợ.*

Giải thích : Bồ-tát đối với chúng sinh do có tâm từ nên trái nghịch với tâm giận. Do có tâm dứt khổ nên trái với tâm gây khổ. Do có tâm lợi ích nên trái với tâm không lợi. Do có tâm không sợ hãi nên trái với tâm gây sợ hãi. Cho nên Bồ-tát khởi tâm tham như thế là không gọi là tội. Đã ngăn tội tham, tiếp nói các tu hành sai biệt.

*Với sinh tử tu hành,
Như bệnh uống thuốc đắng.
Với chúng sinh tu hành,
Như thầy thuốc chữa bệnh.
Với tự tâm tu hành,
Như điều khiển người dờ.
Với dục trần tu hành,
Như khách buôn lão luyện.
Với 3 nghiệp tu hành,
Như người khéo giặt áo.
Khéo tu không hại người,
Như cha hiền thương con.
Khéo thực hành tu tập,*

*Như dùi cây lấy lửa.
Khéo thực hành Tam-muội,
Như tiền với người tin.
Khéo tu hành Bát-nhã,
Như ảo thuật biết thuật.
Đó là các Bồ-tát ,
Tu hành các cảnh giới.*

Giải thích : Các Bồ-tát tu hành có 9 thứ sai biệt : 1. Tu hành đối với sinh tử, ví như người bệnh uống thuốc đắng, chỉ vì lành bệnh không sinh tham nhiễm. Bồ-tát cũng vậy, gần gũi sinh tử chỉ vì suy nghĩ khích lệ không vì nhiễm trước. 2. Tu hành đối với chúng sinh ví như thầy thuốc gần gũi bệnh nhân. Bồ-tát cũng vậy, vì từ bi không bỏ chúng sinh bệnh khổ phiền não. 3. Tu hành đối với tự tâm ví như người chủ có trí khéo điều khiển người làm chưa thành thạo. Bồ-tát cũng vậy, khéo điều phục tâm chưa điều phục. 4. Tu hành đối với dục trần, ví như khách buôn buôn bán giỏi. Bồ-tát cũng vậy, đối với bố thí v.v... các Ba-la-mật tăng trưởng của cải. 5. Tu hành 3 nghiệp, ví như người thợ giặt áo khéo trừ các vết bẩn. Bồ-tát cũng vậy, tu trị 3 nghiệp làm cho thanh tịnh. 6. Tu hành không nào hại chúng sinh, ví như cha hiền yêu thương con nhỏ, tuy vậy bản cũng không góm. Bồ-tát cũng vậy, chúng sinh làm suy tổn cũng không hề giận buồn. 7. Thực hành các tu tập, ví như dùi cây lấy lửa, chưa thấy lửa không ngừng tay. Bồ-tát cũng vậy tu tập thiện pháp chưa hề có tâm gián đoạn. 8. Khéo tu Tam-muội, ví như bỏ tiền ra cho người đáng tin cậy ngay ngày sinh lợi. Bồ-tát cũng vậy, tu tập các định không loạn không mê muội công đức tăng trưởng. 9. Khéo tu Bát-nhã, ví như nhà ảo thuật biết các trò ảo thuật là không thật. Bồ-tát cũng vậy, đối với các pháp quán được không điên đảo. Đó gọi là Bồ-tát tu hành sai biệt.

Đã nói xong tu hành sai biệt, tiếp nói tam luân thanh tịnh.

Kê nói :

*Thường siêng đại tinh tiến,
Thực 2 khiến thanh tịnh.
Tịnh giác vô phân biệt,
Dần dần được Bồ-đề.*

Giải thích : Thường siêng năng đại tinh tiến, thực 2 khiến thanh tịnh, nghĩa là Bồ-tát dùng sức đại tinh tiến siêng thực hành tự tha 2 lợi. Cho nên chúng sinh và chính mình đều được thanh thực, vì vậy gọi là thanh tịnh. Tịnh giác vô phân biệt, dần dần được Bồ-đề, nghĩa là pháp vô ngã trí. Trí này không phân biệt 3 luân là người tu, sở tu và chính tu, nên được thanh tịnh. Do thanh tịnh này dần dần được thành vô thượng Bồ-đề.

Xong Phẩm Tùy tu.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 6)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 7

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 15 : Giáo thụ

Giải thích : Đã nói Bồ-tát tùy tu, tiếp nói Như Lai giáo thụ.

Kê nói :

*Tu hết một tăng-kì,
Tin dài lâu tăng thượng.
Các thiện theo tín nhóm,
Cũng đủ như biển đầy.*

Giải thích : Tu hành hết một A-tăng-kì, dài lâu khiến tin tăng thượng, nghĩa là nếu các hạnh Bồ-tát tu hành hết một kiếp A-tăng-kì, bấy giờ trường dưỡng nơi tín mới đến thượng phẩm.

Hỏi : Chỉ riêng tín tăng ư ?

Đáp : Các thiện theo tín nhóm cũng đủ như biển đầy, nghĩa là khi nơi tín tăng tất cả các thiện theo tín nhóm hợp cũng được đầy đủ như nước biển lớn trong trẻo đầy đủ.

Kê nói :

*Tụ tập phúc đức rồi,
Phật tử tối sơ tịnh.*

*Cực trí và nhuyến tâm,
Siêng tu các chính hạnh.*

Giải thích : Tu tập phúc đức rồi, nghĩa là như trước đã nói tu tập. Phật tử tối sơ tịnh, nghĩa là khiến giữ gìn thanh tịnh và có tri kiến chính trực nơi Đại thừa, không lay nghĩa điên đảo. Cực trí, là vì được đa văn. Nhuyến tâm, là vì lìa các chướng. Siêng tu các chính hạnh, là vì có khả năng kham nổi.

Kê nói :

*Từ sau nhờ chư Phật,
Pháp truyền mà dạy dỗ.
Tăng ích trí tịch tĩnh,
Tiến đến Đại thừa rộng.*

Giải thích : Từ sau nhờ chư Phật, giáo pháp lưu truyền mà dạy dỗ, nghĩa là chư Bồ-tát từ đây về sau mong nhờ chư Phật Như Lai nói giáo pháp các Tu-đa-la, như nói Kinh Thập Địa. Tăng ích trí tịch tĩnh, tiến đến Đại thừa rộng, nghĩa là Bồ-tát này nếu được dạy dỗ thì tăng ích trí Xa-ma-tha, đối với Đại thừa rộng lớn có thể tiến tu. Như vậy được giáo thụ rồi, tiếp khởi 6 thứ tâm.

Kê nói :

*Tướng danh và liễu cú,
Tư nghĩa và nghĩa tri,
Pháp tổng và nghĩa cầu,
Sáu tâm tuần tự khởi.*

Giải thích : Sáu tâm là : 1. Tâm căn bản. 2. Tâm tùy hành. 3. Tâm quán sát. 4. Tâm thật giải. 5. Tâm tổng tụ. 6. Tâm hy vọng.

Tướng danh, là tâm căn bản. Ban đầu quán sát các pháp trong Tu-đa-la không thấy có 2 nghĩa, chỉ có nhóm các tướng và tên gọi mà thôi. Liễu cú, là tâm tùy hành. Tiếp đến tùy theo các câu, quyết định rõ sự sai biệt và thư tự. Tư nghĩa, là tâm quán sát. Tiếp đến tư duy đúng đắn trong nghĩa của nó. Nghĩa tri, là tâm thật giải. Biết như thật nghĩa của tư duy ấy. Pháp tổng, là tâm tổng tụ. Tụ hợp các pháp trước rồi quán sát chung. Nghĩa cầu, là tâm hy vọng. Cầu được nghĩa và ý thú. Như vậy khởi 6 tâm rồi, tiếp khởi 11 thứ tác ý.

Kê nói :

*Có cầu và có ý,
Một vị với chỉ đạo.
Quán đạo và 2 đũa,
Bạt trầm và ngăn trạo.
Chính trụ và vô gián,
Ở trong cũng tôn trọng.
Đặt tâm tất cả duyên,
Tác ý có 11.*

Giải thích: Mười một thứ tác ý là : 1. Tác ý có giác có quán. 2. Tác ý không giác có quán. 3. Tác ý không giác không quán. 4. Tác ý Xa-ma-tha. 5. Tác ý Tì-bát-xá-na. 6. Tác ý 2 tương ưng. 7. Tác ý khởi tướng. 8. Tác ý nhiếp tướng. 9. Tác ý xả tướng. 10. Tác ý hằng tu. 11. Tác ý cung kính.

Có cầu, là tác ý có giác có quán. Tác ý này dùng ý ngôn liên tục quán sát các pháp. Có quán, là tác ý không giác có quán. Tác ý này tuy lìa giác mà vẫn dùng ý ngôn liên tục quán sát các pháp. Một vị, là tác ý không giác không quán. Tác ý này lìa ý ngôn mà liên tục quán sát các pháp. Chỉ đạo, là tác ý Xa-ma-tha. Tác ý này chỉ duyên tên gọi các pháp. Quán đạo, là tác ý Tì-bát-xá-na. Tác ý này chỉ duyên nghĩa các pháp. Hai đũa, là tác ý 2 tương ưng. Tác ý này có thể một lúc duyên tên gọi và nghĩa. Bạt trầm, là tác ý khởi tướng. Tác ý này nếu khi duyên tên gọi mà tâm hôn trầm tức có thể giục dậy. Ưc trạo, là tác ý nhiếp tướng. Tác ý này nếu khi duyên nghĩa mà tâm tán loạn tức có thể nhiếp giữ. Chính trụ, là tác ý xả tướng. Tác ý này nếu tâm bình đẳng có thể trụ nơi tâm xả. Vô gián, là tác ý hằng tu. Tác ý này có thể y vào chính trụ tu tập không bỏ. Tôn trọng, là tác ý cung kính, có thể khi luyện tập tôn trọng danh nghĩa. Như vậy khởi 11 thứ tác ý rồi, lại phải tu tập 9 thứ trụ tâm.

Kê nói :

*Phôn duyên rồi tốc nhiếp,
Nội lược và lạc trụ.
Điều yém cùng dứt loạn,
Hoặc khởi diệt cũng vậy.
Sở tác tâm tự lưu,
Bấy giờ được vô tác.
Bồ-tát lại phải tập,*

Chín trụ tâm như đây.

Giải thích : Chín trụ tâm, là 1. Tâm an trụ. 2. Tâm nhiếp trụ. 3. Tâm giải trụ. 4. Tâm chuyển trụ. 5. Tâm phục trụ. 6. Tâm tức trụ. 7. Tâm diệt trụ. 8. Tâm tính trụ. 9. Tâm trì trụ. Chín trụ tâm phương tiện giáo thụ này, phải biết phồn duyên, là tâm an trụ. An tâm không rời nơi sở duyên. Túc nhiếp, là tâm nhiếp trụ. Nếu giác tâm loạn thì mau nhiếp giữ. Nội lược, là tâm giải trụ. Giác tâm ngoài thì rộng trong thì sơ lược. Lạc trụ, là tâm chuyển trụ. Công đức kiến định chuyển thành lạc trụ. Điều yếm, là tâm phục trụ. Tâm nếu không an lạc thì phải chiết phục. Dứt loạn, là tâm tức trụ. Khi kiến loạn lỗi lầm khiến chấm dứt. Hoặc khởi diệt cũng vậy, là tâm diệt trụ. Tham ái v.v... khởi liền khiến diệt. Sở tác tâm tự lưu, là tâm tính trụ. Những gì tạo tác ra tự nhiên thành tự tính. Bấy giờ được vô tác, là tâm trì trụ. Vì không do tác ý được tổng trì. Như vậy tu tập được trụ tâm rồi, tiếp khiến tâm này được tối thượng nhu nhuyễn.

Kê nói :

*Dựa dưới tu, khiến tiến,
Để tiến tập bản định.
Tịnh thiền là thần thông,
Sẽ thành tâm thắng nhuuyến.*

Giải thích : Dựa dưới tu, khiến tiến, để tiến tập bản định, nghĩa là Bồ-tát khi được trụ tâm là đã được hạ phẩm thân ý tâm ý. Để tăng tiến sự nương tựa này phải tu căn bản thiền định.

Hỏi : Lại phải tu căn bản định để được công đức gì ?

Đáp : Tịnh thiền là thần thông, sẽ thành tâm thắng nhuuyến. Chư Bồ-tát vì khởi các thần thông, vì muốn thành tựu tâm tối thắng nhuuyến nên tiến tu căn bản định.

Hỏi : Khởi các thần thông để làm gì, tâm thắng nhuuyến để thành gì ?

Kê nói :

*Thần thông đạo các cõi,
Trải thờ các Thế Tôn,
Được tâm nhuuyến vô thượng,
Để cúng dường chư Phật.*

Giải thích : Thần thông đạo các cõi, trải thờ chư Thế Tôn, nghĩa là chư Bồ-tát muốn qua vô lượng thế giới, muốn trải qua

vô lượng kiếp số, muốn khắp vô lượng chư Phật, muốn thừa sự cúng dường và nghe chính pháp, vì việc này nên khởi các thần thông.

Hỏi : Vì sao làm việc này ?

Đáp : Vì tâm tối thượng nguyện được cúng dường chư Phật. Do nhân cúng dường chư Phật nên được thành tựu tâm đệ nhất thắng nhu nguyện. Như vậy được thắng tâm rồi, liền được chư Phật khen ngợi.

Kê nói :

*Trước chưa nhập tịnh tâm,
Được 5 thứ khen ngợi.
Vì khí thể thành tịnh,
Kham tiến vô thượng thừa.*

Giải thích : Trước chưa nhập tịnh tâm, được 5 thứ khen ngợi, nghĩa là Bồ-tát này trước khi được địa tịnh tâm đã được Như Lai khen ngợi 5 thứ công đức kia.

Hỏi : Sự khen ngợi này đối với Bồ-tát có lợi ích gì ?

Đáp : Khí thể thành tịnh, nên kham tiến vô thượng thừa. Bồ-tát này được Như Lai khen ngợi rồi liền thành tựu khí thể thanh tịnh, có khả năng tiến vào vô thượng thừa.

Hỏi : Như Lai khen ngợi Bồ-tát kia 5 thứ công đức gì ?

Kê nói :

*Niệm niệm dung các tập,
Thân ý và tâm ý,
Viên minh cùng kiến tướng,
Mãn tịnh các pháp thân.*

Giải thích : Năm công đức là : 1. Dung tập. 2. Thân ý. 3. Tâm ý. 4. Viên minh. 5. Kiến tướng.

Dung tập, là mỗi mỗi sát-na tiêu tan tất cả các tập khí. Thân ý, là vì tu tập khinh an biến khắp thân. Tâm ý cũng vậy. Viên minh, là hiểu rõ trọn vẹn tất cả các thứ không, lìa phần số. Kiến tướng, là thấy tướng vô phân biệt làm nhân thanh tịnh sau này. Mãn tịnh các pháp thân, là để đầy đủ, để thanh tịnh tất cả thứ pháp thân, thường làm 5 nhân như vậy.

Hỏi : Khi nào mãn, khi nào tịnh ?

Đáp : Khi được thập địa thì mãn, khi được Phật địa thì tịnh. Trong đây phải biết 5 thứ công đức, 3 công đức trước thuộc

Xa-ma-tha, 2 công đức sau thuộc Tì-bát-xá-na. Bồ-tát trong lúc này đối với các pháp thế gian đều được đầy đủ. Như vậy đã được khen ngợi rồi, tiếp khởi thông đạt phần thiện căn.

Kê nói :

*Bấy giờ Bồ-tát này,
Lần lượt được định tâm.
Vì chỉ thấy ý ngôn,
Không thấy tất cả nghĩa.*

Giải thích : Bồ-tát này mới được định tâm, lia ý ngôn, không thấy tất cả các nghĩa của tự tướng tổng tướng. Chỉ thấy ý ngôn, cái thấy này tức Bồ-tát ở noãn vị. Địa vị này gọi là minh. Như trong Kinh Khôi Hà, Phật có nói rõ minh này gọi là kiến pháp nhân.

Kê nói :

*Để tăng trưởng pháp minh,
Kiên cố tinh tiến khởi.
Pháp minh tăng trưởng rồi,
Thông đạt duy tâm trụ.*

Giải thích : Trong đây Bồ-tát để tăng trưởng pháp minh nên khởi kiên cố tinh tiến, trụ pháp minh này thông đạt duy tâm. Thông đạt này tức là đỉnh vị của Bồ-tát.

Kê nói :

*Các nghĩa đều là sáng,
Vì do thấy duy tâm,
Đoạn được sở chấp loạn,
Tức là trụ nơi nhân.*

Giải thích : Trong đây nếu Bồ-tát thấy các nghĩa đều là tâm quang, ngoài tâm quang không có cái thấy nào khác. Bấy giờ được diệt sở chấp loạn. Cái thấy này tức Bồ-tát ở nhân vị.

Kê nói :

*Chỗ chấp loạn tuy đoạn,
Nhưng hãy còn năng chấp.
Đoạn đây lại mau chứng,
Vô gián Tam-ma-đề.*

Giải thích : Trong đây Bồ-tát vì đoạn năng chấp loạn nên lại mau chứng vô gián Tam-ma-đề.

Hỏi : Vì nghĩa gì gọi Tam-ma-đề này là vô gián ?

Đáp : Do khi năng chấp loạn diệt, bấy giờ nhập vô gián nên có tên này. Nhập vô gián này tức địa vị thế gian đệ nhất pháp của Bồ-tát. Theo tuần tự nói noãn v.v... các vị xong, tiếp nói khởi kiến đạo.

Kê nói :

*Xa lìa 2 chấp kia,
Xuất thế gian vô thượng.
Vô phân biệt ly cấu,
Trí này lúc này được.*

Giải thích : Xa lìa 2 chấp, vì sở chấp năng chấp không hòa hợp. Xuất thế gian vô thượng, vì được vô thượng thừa. Vô phân biệt, tức không có 2 chấp phân biệt kia. Ly cấu, vì kiến đạo đoạn, phiền não diệt. Bồ-tát bấy giờ gọi là viễn trần ly cấu được pháp nhãn tịnh.

Kê nói :

*Đây tức là chuyển y,
Bởi đã được sơ địa.
Sau trải vô lượng kiếp,
Y tịnh mới viên mãn.*

Giải thích : Đây tức là chuyển y, bởi đã được sơ địa, nghĩa là ly cấu này tức là chuyển y vị của Bồ-tát. Bởi vì sao ? Vì được sơ địa.

Hỏi : Y cực tịnh chẳng ?

Đáp : Sau trải vô lượng kiếp y tịnh mới viên mãn, không phải ở nơi sơ địa này được ngay cực thanh tịnh. Vì sau trải vô lượng kiếp Tăng-kì, cái y này mới được thanh tịnh viên mãn.

Kê nói :

*Bấy giờ thông pháp giới,
Tâm tự tha bình đẳng.
Bình đẳng có 5 thứ,
Vì 5 không sai biệt.*

Giải thích : Bấy giờ thông pháp giới, tâm tự tha bình đẳng, nghĩa là Bồ-tát ở sơ địa liền được thông đạt pháp giới bình đẳng. Do thông đạt này nên có thể quán tha thân tức tự thân cũng được bình đẳng.

Hỏi : Bấy giờ được bao nhiêu tâm bình đẳng ?

Đáp : Bình đẳng có 5 thứ, vì 5 không sai biệt.

Những gì là 5 ? 1. Bình đẳng vô ngã. Nghĩa là nơi tự tha liên tục không thấy có ngã, vì không sai biệt. 2. Bình đẳng có khổ. Nghĩa là nơi tự tha liên tục có các khổ, vì không sai biệt. 3. Bình đẳng sở tác. Nghĩa là nơi tự tha liên tục muốn làm việc đoạn khổ, vì không sai biệt. 4. Bình đẳng không cầu. Nghĩa là nơi tự tha làm điều gì không cầu báo đáp lại, vì không sai biệt. 5. Bình đẳng đều được. Nghĩa là ta cũng được như bao nhiêu Bồ-tát khác, vì không sai biệt.

Kê nói :

*Các hành hư phân biệt,
Tịnh trí rõ không 2.
Giải thoát kiến đạo diệt,
Như vậy nói kiến đạo.*

Giải thích : Các hành hư phân biệt, tịnh trí rõ không 2, nghĩa là trong đây Bồ-tát đối với các hành trong 3 cõi chỉ thấy là không chân thật, là phân biệt. Bởi trí cực tịnh hoàn toàn không 2 thứ kia. Tịnh trí, là vì xuất thế gian. Không 2, vì không 2 chấp. Cái không 2 thể, tức pháp giới. Giải thoát kiến đạo diệt, như vậy nói kiến đạo, nghĩa là giải thoát kiến đạo diệt phiền não. Pháp giới tức là giải thoát. Nếu khi thấy giải thoát diệt phiền não thì gọi là Bồ-tát mới được kiến đạo.

Kê nói :

*Vô thể, thể tương tự,
Tự tính hợp 3 không.
Ở đây hiểu 3 không,
Thì gọi là hiểu không.*

Giải thích : Ba không là : 1. Vô thể không, là tính phân biệt, tướng của nó là vô thể. 2. Tự thể không, là tính y tha, tướng này vô thể như tính phân biệt. 3. Tự tính không, là tính chân thật, tự thể không tự thể. Kệ này hiển thị Bồ-tát được không giải thoát môn.

Kê nói :

*Phải biết duyên vô tướng,
Đều hết các phân biệt.
Trong đây duyên vô nguyện,
Không chân phân biệt hết.*

Giải thích : Nửa trên kệ này nói được vô tướng giải thoát môn. Nửa dưới nói được vô nguyện giải thoát môn. Phải biết trong đây Bồ-tát vđược đủ 3 giải thoát môn.

Kệ nói :

*Bấy giờ pháp đạt được,
Tất cả Bồ-đề phần.
Phải biết Bồ-tát kia,
Đều được như kiến đạo.*

Giải thích : Tất cả Bồ-đề phần là 4 niệm xứ v.v... Bồ-tát kia khi được kiến đạo cũng được pháp này.

Kệ nói :

*Giác thể chỉ các hành,
Vô ngã chỉ khổ trước.
Vô nghĩa tự ngã diệt,
Đại nghĩa y đại ngã.*

Giải thích : Giác thể chỉ các hành, vô ngã chỉ khổ trước, nghĩa là Bồ-tát này giác ngộ các thể gian chỉ là các hành, thật sự không có ngã, chúng sinh chấp trước chỉ chấp trước khổ mà thôi. Vô nghĩa tự ngã diệt, nghĩa là thấy thân nhiễm ô diệt. Đại nghĩa, là lợi ích tất cả chúng sinh. Đại ngã, là lấy tất cả chúng sinh làm chính mình. Trong đây Bồ-tát diệt cái kiến chấp tự ngã, dựa vào kiến giải đại ngã làm lợi ích chúng sinh. Đó gọi là đại nghĩa y đại ngã.

Kệ nói :

*Vô ngã, lại ngã kiến,
Không khổ cũng cực khổ,
Lợi người không cầu báo,
Vì chính lợi tự ngã.*

Giải thích : Trong đây các Bồ-tát, nói vô ngã nghĩa là không tự thân, không có nghĩa là ngã kiến. Lại ngã kiến, nghĩa là có tha thân có kiến giải đại nghĩa ngã. Không khổ, là không có tự thân khởi các khổ. Cũng cực khổ, là có tha thân khởi các khổ. Lợi người không cầu báo, vì không trông mong. Bởi vì sao ? Vì chính đó là lợi mình. Chư Bồ-tát khi làm lợi ích chúng sinh tức lợi ích chính mình, cho nên không trông mong từ bên ngoài.

Kệ nói :

*Tâm tự thoát trên hết,
Tha phục thì kiên rộng.
Khổ biên không thể hết,
Như vậy nên siêng làm.*

Giải thích : Tâm tự thoát, nghĩa là diệt tự kiến đạo đoạn phiền não. Trên hết, nghĩa là giải thoát này do vô thượng thừa. Tha phục thì kiên rộng, nghĩa là do tất cả chúng sinh liên tục khởi các phiền não. Khổ biên không thể hết, nghĩa là chúng sinh giới như hư không, không có biên giới. Như vậy nên siêng làm, nghĩa là chúng sinh khổ như vậy Bồ-tát phải vì chúng sinh đoạn khổ. Vì bên tạo tác, tạo tác rồi lại tạo tác, vì thế Bồ-tát không nên thôi nghỉ.

Kệ nói :

*Khổ mình không tự chịu,
Lẽ nào chịu khổ khổ người.
Đời này đến cùng sinh,
Ngược chúng là Bồ-tát.*

Giải thích : Chúng sinh trong một thời kỳ sống khổ và đến tận cùng sinh tử, khổ không thể nghĩ bàn và không thể nhin chịu. Ngược lại với chúng, Bồ-tát có thể vì chúng nhin chịu tất cả, cho nên nói ngược chúng là Bồ-tát.

Kệ nói :

*Vời tha hạnh thương yêu,
Lợi chúng không thoái chuyển.
Hy hữu, phi hy hữu,
Lợi tha là tự lợi.*

Giải thích : Vời tha hạnh thương yêu, lợi chúng không thoái chuyển, nghĩa là hạnh Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh là thương yêu bình đẳng tâm không phân biệt. Nếu cầu vui lợi ích, nếu làm vui lợi ích, khi cầu khi làm không thoái chuyển tâm lợi ích. Hy hữu, phi hy hữu, lợi tha là tự lợi, nghĩa là việc không thoái chuyển này là cao tốt trong các điều hy hữu ở thế gian. Nhưng sự hy hữu này cũng chẳng phải hy hữu. Bởi vì sao ? Vì khi người khác được lợi ích thì cũng là Bồ-tát tự được lợi ích.

Kệ nói :

*Các địa nói các đạo,
Hai trí siêng tu tập.*

*Kiến lập không phân biệt,
Tịnh pháp và chúng sinh.*

Giải thích : Các địa khác, là nói 9 địa sau.

Hỏi : Các địa khác tu những gì ?

Đáp : Siêng tu tập 2 trí. Hai trí là : 1. Trí vô phân biệt. 2. Trí như chỗ kiến lập. Trí vô phân biệt là xuất thế trí. Trí như chỗ kiến lập là hậu đắc thế trí.

Hỏi : Hai trí này có công năng gì ?

Đáp : Tịnh pháp và chúng sinh. Trong đây trí vô phân biệt thành thực Phật pháp là công năng của nó. Trí như chỗ kiến lập thành thực chúng sinh là công năng của nó.

Kê nói :

*Tu vị 2 Tăng-kì,
Sau cùng được thụ chức,
Nhập kim cương định kia,
Phá hết các phân biệt.*

Giải thích : Tu vị 2 Tăng-kì, sau cùng được thụ chức, nghĩa là 2 Tăng-kì tức đại kiếp A-tăng-kì thứ hai và thứ ba. Sau cùng, tức là tu cứu cánh. Ở tu vị này mới thụ chức.

Hỏi : Thụ chức rồi còn phải làm gì ?

Đáp : Nhập kim cương định kia, phá hết các phân biệt.

Hỏi : Vì nghĩa gì gọi là kim cương định?

Đáp : Vì có thể phá phân biệt tùy miên nên định này gọi là kim cương dụ.

Kê nói :

*Chuyển y cứu cánh tịnh,
Thành tựu nhất thiết chủng.
Trụ đây làm các việc,
Chỉ vì lợi quần sinh.*

Giải thích : Chuyển y cứu cánh tịnh, là vì vĩnh viễn lìa tất cả phiền não chướng và tri chướng. Thành tựu nhất thiết chủng, là do vô thượng, được nhất thiết chủng trí. Trụ nơi đây làm việc, là trụ ở vị này cho đến tận cùng sinh tử của chúng sinh thị hiện thành đạo và hiện Niết-bàn.

Hỏi : Việc này để làm gì ?

Đáp : Chỉ vì lợi quần sinh. Tất cả những việc như thế hoàn toàn chỉ vì lợi ích tất cả chúng sinh. Từ đây trở xuống nói nhân đại giáo thụ được đại nghĩa lợi.

Kệ nói :

*Đức Mâu-ni khó gặp,
Thường gặp, được đại nghĩa.
Nhờ nghe pháp vô đẳng,
Tịnh tín nuôi dưỡng tâm.*

Giải thích : Kệ này nói Bồ-tát nhân đại giáo thụ thường được hiện tiền thấy Phật, thường nghe chính pháp không gì sánh bằng, thường khởi lòng tin thanh tịnh rất sâu khắp trong tâm. Đây là nói lúc đầu được đại nghĩa lợi.

Kệ nói :

*Nếu trong khi giáo thụ,
Như muốn trụ pháp môn,
Như người cứu hiểm nạn,
Phật khuyên cũng như vậy.*

Giải thích : Nếu trong khi giáo thụ, như muốn trụ pháp môn, nghĩa là có các Bồ-tát trong lúc giáo thụ, hoặc tâm muốn an lạc trụ trong pháp môn của Như Lai. Như người cứu hiểm nạn, Phật khuyên cũng như vậy, nghĩa là ví như có người rơi xuống hầm sâu nếu có thể túm tóc kéo lên bờ cao, Phật cũng khuyên làm như vậy. Nếu các Bồ-tát kia muốn an lạc trụ nơi hầm sâu tịch diệt, chư Phật Như Lai cũng cưỡng ép mà đặt họ lên bờ cao của Phật quả. Đây là nói được đại nghĩa lợi thời kỳ tiếp theo.

Kệ nói :

*Thế gian cực tịnh nhĩn,
Thắng giác vô phân biệt.
Ví như mặt trời lên,
Trừ tối, sáng thế gian.*

Giải thích : Nếu chư Bồ-tát khi thành Phật, vĩnh viễn thoái lui tất cả pháp thế gian nên mắt được vô cu gí thanh tịnh. Lúc bấy giờ gọi là được thắng giác vô phân biệt. Ví như vàng mặt trời to lớn xuất hiện có thể trừ tối tăm chiếu sáng thế gian. Đây là nói được đại nghĩa lợi khi cứu cánh.

Như vậy đã nói xong về nghĩa rộng, tiếp dùng một kệ tổng kết nghĩa trước.

Kệ nói :

Phật tử khéo gồm đủ,
Thành tựu định rất rộng.
Hằng thụ Thế Tôn dạy,
Tận cùng biên công đức.

Giải thích : Kệ này nghĩa đã rõ như văn.
Xong Phẩm giáo thụ.

Phẩm 16 : Nghiệp bạn

Giải thích : Đã nói Như Lai đại giáo thụ. Bồ-tát khởi nghiệp lấy phương tiện làm bạn. Nay sẽ thuyết minh.

Kệ nói :

*Ví như đại địa chủng,
Nhiệm trì 4 thứ vật.
Như vậy 3 thứ nghiệp,
Kiến lập tất cả thiện.*

Giải thích : Kệ này hiển thị Bồ-tát gom khởi nghiệp phương tiện. Ví như đại địa chủng, nhiệm trì 4 thứ vật. Bốn vật là gì ? 1. Biển lớn. 2. Các núi. 3. Cây cỏ. 4. Chúng sinh. Đó gọi là 4 vật. Như vậy 3 thứ nghiệp kiến lập tất cả thiện, nghĩa là biển v.v...4 vật ví như tất cả thiện pháp. Như vậy 3 nghiệp của Bồ-tát có thể gom góp tất cả các thiện, như bồ thí v.v... các Ba-la-mật và tất cả pháp Bồ-đề phần.

Kệ nói :

*Làm được nghiệp khó làm,
Ứng hình vô lượng kiếp.
Thân khẩu tâm tự tính,
Cứu kia không thoái chuyển.*

Giải thích : Kệ này hiển thị phương tiện Bồ-tát cứu tha nghiệp. Làm được nghiệp khó làm, ứng hình vô lượng kiếp, nghĩa là thế nào là nghiệp khó làm ? Nghĩa là chúng sinh muốn được Tiểu thừa xuất ly. Đối với điều đó Bồ-tát rất đại khổ, muốn khiến chúng chuyển đổi tâm dị thừa, nên ứng hiện các thứ thân hình trong vô lượng thế giới trải vô lượng kiếp số cần khổ làm các nghiệp khó làm. Thân khẩu tâm tự tính, cứu kia không thoái

chuyên, nghĩa là Bồ-tát vì cứu giúp chúng nên tuy cần khổ ở nhiều nơi mà không thoái khuất tự tính 3 nghiệp.

Kệ nói :

*Như người sợ 4 hại,
Đề phòng cho tự thân,
Bồ-tát sợ 2 thừa,
Giữ nghiệp cũng như vậy.*

Giải thích : Kệ này hiển thị phương tiện Bồ-tát tự bảo hộ nghiệp. Như người sợ 4 hại đề phòng cho tự thân, nghĩa là, 4 hại là gì ? 1. Chết độc. 2. Bình khí. 3. Thức ăn xấu. 4. Oán cừ. Đó là 4 hại. Đề phòng là vì lợi ích tự thân. Bồ-tát sợ 2 thừa, giữ nghiệp cũng như vậy, nghĩa là độc v.v... 4 cái hại ví như phương tiện các nghiệp của người 2 thừa. Bồ-tát sợ đó nên rất tự phòng hộ sợ khởi tâm 2 thừa. Bởi vì sao ? Vì đoạn dứt giống Đại thừa. Vì thiện căn Đại thừa chưa khởi khiến không khởi, đã khởi khiến diệt mất và làm chướng ngại Phật quả.

Kệ nói :

*Tác giả nghiệp sở tác,
Tam luân không phân biệt,
Được độ biển tịnh nghiệp,
Công đức là vô biên.*

Giải thích : Kệ này hiển thị phương tiện thanh tịnh nghiệp của Bồ-tát. Tác giả nghiệp sở tác, tam luân không phân biệt, nghĩa là thế nào là tam luân ? 1. Tác giả. 2. Nghiệp. 3. Sở tác. Đó gọi là tam luân. Không phân biệt, là vì 3 cái này là bất khả đắc, cho nên do đó tam luân được thanh tịnh. Tam luân thanh tịnh nên nghiệp thanh tịnh. Được độ biển tịnh nghiệp, công đức không bờ bến, nghĩa là đến được bờ kia của nghiệp. Công đức vô biên là công đức không hết.

Xong Phẩm Nghiệp bạn.

Phẩm 17 : Độ nhiếp

Giải thích : Đã nói phương tiện khởi nghiệp, nay sẽ nói nghiệp tụ tập các Ba-la-mật. Trong đây trước nói kệ Ưu-đà-na.

Kệ nói :

*Số, tướng, thứ đệ, danh,
Tu tập, sai biệt, nhiếp,*

*Trị chướng, đức, hổ hiển,
Độ 10 nghĩa phải biết.*

Giải thích : Trong đây 6 Ba-la-mật có 10 nghĩa : 1. Ché số. 2. Hiển tướng. 3. Thứ tự. 4. Giải thích tên. 5. Tu tập. 6. Sai biệt. 7. Nhiếp hành. 8. Trị chướng. 9. Công đức. 10. Hổ hiển. Trong đây có 6 kệ chế lập số của 6 Ba-la-mật chỉ có 6.

Kệ nói :

*Tư sinh thân quyền thuộc,
Phát khởi trước 4 thành.
Thứ 5 hoặc không nhiễm,
Thứ 6 nghiệp không đảo.*

Giải thích : Kệ này hiển thị vì nhiếp tự lợi 3 việc, cho nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6 : 1. Tăng tiến. 2. Không nhiễm. 3. Không đảo.

Bốn Ba-la-mật đầu theo thứ tự có thể khiến 4 việc tăng tiến : 1. Tư sinh thành tự, do bố thí. 2. Tự thân thành tự, do trì giới. 3. Quyền thuộc thành tự, do nhẫn nhục, vì người thực hành nhẫn nhục được nhiều người yêu. 4. Phát khởi thành tự, do tinh tiến, tất cả sự nghiệp do đây thành.

Thứ năm Thiền Ba-la-mật có thể khiến phiền não không nhiễm, chiết phục phiền não là do sức này.

Thứ sáu Bát-nhã Ba-la-mật khiến nghiệp không điên đảo, vì biết như thật tất cả việc làm.

Kệ nói :

*Thí kia và không nã,
Nhẫn nã là lợi tha.
Có nhân và tâm trụ,
Giải thoát là tự lợi.*

Giải thích : Kệ này hiển thị vì nhiếp 2 lợi 6 việc nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Ban đầu là nhiếp lợi tha 3 việc cho nên lập 3 Ba-la-mật trước khiến khởi chính cần, như theo thứ tự : 1. Thí kia. 2. Không nã. 3. Nhẫn nã kia, sau là nhiếp tự lợi. Ba việc nên phải lập. Ba Ba-la-mật sau khiến khởi chính cần, như theo thứ tự : 1. Có nhân, do dựa vào tinh tiến, 2. Tâm trụ, do tâm bất định khiến định. 3. Giải thoát, do tâm đã định khiến giải thoát.

Kệ nói :

Không thiếu cũng không nã,

*Nhẫn não và không thoái,
Quy hướng với khéo nói,
Lợi tha tức tự thành.*

Giải thích : Kệ này hiển thị vì nhiếp lợi tha 6 việc nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Bồ-tát khi tu hành 6 Ba-la-mật, theo thứ tự đối với kia khiến thụ dụng không thiếu thốn, không não hại kia, nhẫn chịu kia não hại, giúp kia việc làm không thoái lui, dùng thần lực khiến quy hướng, dùng khéo nói pháp đoạn kia nghi ngờ, Bồ-tát lợi tha như vậy tức tự lợi, vì làm cho người tức làm cho mình, do nhân duyên này được Đại Bồ-đề.

Kệ nói :

*Không nhiễm và rất kính,
Không thoái có 2 thứ,
Và 2 không phân biệt,
Gồm đủ nhân Đại thừa.*

Giải thích : Kệ này hiển thị vì gồm 4 nhân Đại thừa nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6 : 1. Không nhiễm. 2. Rất kính. 3. Không thoái. 4. Không phân biệt.

Bồ-tát khi tu hành thí, đối với của cải không nhiễm, không luyến tiếc. Khi thụ trì giới, đối với các học xứ khởi tâm rất kính. Khi hành nhẫn nhục tinh tiến không thoái 2 thứ này : Nhẫn đối với chúng sinh, chẳng phải chúng sinh gây khổ nên được không thoái lui. Tinh tiến đối với khi tu hành thiện được không thoái lui. Khi hành thiện, Bát-nhã không phân biệt 2 pháp này : Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na bình đẳng nhiếp giữ. Như vậy 4 nhân này gồm hết tất cả nhân Đại thừa.

Kệ nói :

*Không trước và không loạn,
Không bỏ và tăng tiến.
Tịnh hoặc và trí chướng,
Là đạo đều thâm nhiếp.*

Giải thích : Kệ này hiển thị vì nhiếp Đại thừa 6 đạo nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6.

Hỏi : Đạo là nghĩa gì ?

Đáp : Có phương tiện là đạo. Trong đây Đàn Ba-la-mật đối với của cải không đắm trước là đạo, bởi khi thí đối cảnh lìa nhiễm trước. Thi Ba-la-mật, trong các cảnh giới không loạn là

đạo, bởi khi cầu thụ giới nhiếp giữ khiến trụ tất cả tâm loạn, và Tì-khưu trụ hộ khi cầu cảnh giới tất cả nghiệp loạn không thể chuyển. Sần-đề Ba-la-mật đối với chúng sinh không bỏ là đạo, do tất cả việc không nhiều ích không sinh chán. Tì-lê-da Ba-la-mật đối với tu các thiện căn tăng trưởng là đạo, do tinh tiến phát khởi khiến tăng trưởng. Thiên Ba-la-mật đối với phiền não chướng khiến thanh tịnh là đạo. Bát-nhã Ba-la-mật đối với trí tuệ chướng khiến thanh tịnh là đạo. Như vậy 6 thứ đạo gồm hết tất cả Đại thừa đạo.

Kê nói :

Vì gồm thâu 3 học,

Nói độ có 6 thứ.

Đầu 3, 2, rồi 1,

Sau 2, 2, 1, 3.

Giải thích : Kệ này hiển thị vì gồm thâu 3 thứ tăng thượng học, nên lập số Ba-la-mật chỉ có 6. Trong đây lập 3 Ba-la-mật đầu là thuộc 1 đầu tiên giới tăng thượng. Giới có 2 thứ gọi là tự và quyền thuộc. Thi-la là tự, đàn và Sần-đề là quyền thuộc. Bởi vì sao ? Vì khi thí đối với cầu xin không tiếc tiền của, khi nhẫn đối với hộ trì thì đánh mắng cũng không đáp trả. Trong đây 2 Ba-la-mật sau, theo thứ tự để nhiếp tâm và tuệ 2 tăng thượng học. Trong đây lập 1 Ba-la-mật thứ tư là gồm đủ 2 tăng thượng học, bởi tất cả 3 học đều lấy tinh tiến làm bản. Đã chế lập xong 6 số Ba-la-mật, tiếp đến hiển thị tướng của 6 Ba-la-mật.

Kê nói :

Phân biệt thể 6 độ,

Mỗi mỗi có 4 tướng.

Trị chướng và hợp trí,

Mãn nguyện và thành sinh.

Giải thích : Chư Bồ-tát tu các Ba-la-mật, mỗi mỗi đều có 4 tướng : 1. Trị chướng. 2. Hợp trí. 3. Mãn nguyện. 4. Thành sinh.

Trị chướng, là đàn v.v... 6 hạnh theo thứ tự để đối trị xan tham, sân giận, biếng nhác, loạn tâm, ngu si.

Hợp trí, là tất cả đồng hành với trí vô phân biệt do thông đạt pháp vô ngã.

Mãn nguyện, là thí cho người cầu tiền của tùy theo ý muốn mà cung cấp cho. Giới đối với người cầu giới thì tùy theo ý

muốn mà dùng thân khẩu ý hộ trì dạy dỗ cho. Nhẫn đối với kẻ hời hởi thì cho sự hoan hỷ. Tinh tiến đối với người tác nghiệp thì tùy ý muốn mà giúp đỡ. Định đối với người học định thì tùy ý muốn mà dạy cho thiền pháp. Trí đối với người có nghi ngờ thì tùy ý muốn mà quyết đoán.

Thành sinh, là trước dùng thí mà thâm nhiếp, sau dùng pháp 3 thừa tùy theo thích ứng mà thành thực họ. Trước an lập trong giới v.v..., sau dùng 3 thừa thành thực cũng vậy. Đã nói rõ tướng 6 Ba-la-mật, tiếp nói thứ tự 6 ba-la-mật.

Kê nói :

*Trước sau và trên dưới,
Thô tế lần lượt khởi,
Như vậy nói 6 độ,
Không loạn có 3 nhân.*

Giải thích : Sáu Ba-la-mật tuần tự có 3 nhân : 1. Trước sau. 2. Dưới trên. 3. Thô tế.

Trước sau, nghĩa là dựa vào cái trước mà khởi được cái sau. Bởi vì sao ? Vì do không để ý tiền của nên thụ trì giới, thực hành trì giới có thể khởi nhẫn nhục, nhẫn nhục có thể khởi tinh tiến, tinh tiến có thể khởi thiền định, thiền định có thể hiểu pháp chân thật.

Dưới trên, nghĩa là cái trước là dưới cái sau là trên. Dưới là thí trên là giới, cho đến dưới là định trên là trí.

Thô tế, nghĩa là cái trước là thô cái sau là tế. Thô là thí tế là giới, cho đến thô là định tế là trí. Vì sao thô dễ vào ? Vì dễ làm. Vì sao tế khó vào ? Vì khó làm.

Đã nói tuần tự 6 Ba-la-mật, tiếp giải thích tên 6 Ba-la-mật.

Kê nói :

*Trừ nghèo và trong sạch,
Bỏ giận, làm điều thiện,
Giữ tâm và hiểu đúng,
Là nói nghĩa 6 hạnh.*

Giải thích : Có thể trừ được nghèo cùng nên gọi thí. Có thể khiến trong sạch nên gọi giới. Do đủ giới nên trong tướng cảnh giới dứt được phiền não nung đốt. Có thể phá bỏ sự giận dữ nên gọi nhẫn, vì nhẫn có khả năng phá hết các giận dữ. Có thể làm điều thiện nên gọi là tiến. Vì xây dựng thiện pháp là do sức này.

Có thể giữ được cái tâm nên gọi là định. Vì nhiếp giữ ý bên trong. Có thể hiểu pháp chân thật nên gọi là tuệ. Vì hiểu rõ chân lý đệ nhất nghĩa. Đã giải thích xong tên 6 Ba-la-mật, tiếp nói về tu tập 6 Ba-la-mật.

Kê nói :

*Vật với tư và tâm,
Phương tiện cùng thế lực,
Phải biết tu 6 hạnh,
Nói có 5 y chỉ.*

Giải thích : Chư Bồ-tát tu tập các Ba-la-mật có 5 chỗ y chỉ : 1. Y chỉ vật. 2. Y chỉ tư duy. 3. Y chỉ tâm. 4. Y chỉ phương tiện. 5. Y chỉ thế lực.

Y chỉ vật tu các Ba-la-mật có 4 thứ : 1. Y chỉ nhân, vì dựa vào sức chủng tính mà tu tập. 2. Y chỉ báo, là dựa vào sức thành thực của tự thân mà tu tập. 3. Y chỉ nguyện, tức dựa vào nguyện lực xưa kia mà tu tập. 4. Y chỉ số, là dựa vào sức trí tuệ mà tu tập.

Y chỉ tư duy tu các Ba-la-mật cũng có 4 thứ : 1. Tín tư duy, là đối với các giáo pháp tương ưng với Ba-la-mật sinh tín tâm. 2. Vị tư duy, là thấy mùi vị công đức trong các Ba-la-mật. 3. Tùy hỷ tư duy, là đối với tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới có các Ba-la-mật đều sinh tâm tùy hỷ. 4. Hy vọng tư duy, là đối với tự thân và người khởi hy vọng tương lai sẽ được Ba-la-mật thù thắng.

Y chỉ tâm tu các Ba-la-mật có 6 thứ : 1. Tâm không nhàm chán. 2. Tâm rộng lớn. 3. Tâm thắng hỷ. 4. Tâm thắng lợi. 5. Tâm không nhiễm. 6. Tâm thiện tịnh.

Sao gọi là 6 thứ tâm tu thí ? Là nếu Bồ-tát đem thân mạng và 7 báu trong thế giới nhiều như số cát sông Hằng, trong một sát-na thí cho một chúng sinh, cũng như vậy cho đến hết cõi chúng sinh để nguyện thành thực vô thượng Bồ-đề dùng pháp môn thí này tâm không chán đủ. Tướng tâm này gọi là tâm tu thí không chán. Nếu tướng thí của Bồ-tát như vậy, từ lúc mới bắt đầu liên tục cho đến khi thành Phật không một sát-na nào ngớt hay giảm. Tướng tâm này gọi là tâm tu thí rộng lớn. Nếu Bồ-tát khi dùng thí nhiếp hóa người khác tâm sinh cực hoan hỷ còn hơn cả sự vui mừng của người nhận. Tướng tâm như vậy gọi là

tâm tu thí thắng hỷ. Nếu khi Bồ-tát dùng thí nhiếp hóa người thấy người nhận vật rất nhiều ích ta, chẳng phải ta tự thụ dụng là nhiều ích. Bởi vì sao ? Do thí nhiếp hóa người khiến ta thành tựu nhân vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí thắng lợi. Nếu Bồ-tát bố thí rộng rãi như vậy mà không cầu báo ân và báo quả, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí không nhiễm. Nếu Bồ-tát bố thí rộng rãi như vậy mà sinh phúc đức được quả báo thì nguyện thí tất cả chúng sinh, không vì tự mình nhận, và cùng tất cả chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu thí thiện tịnh.

Thế nào là 6 thứ tâm tu giới v.v... ?

Nếu Bồ-tát có hằng hà sa số tự thân, mỗi một thân lại có hằng hà sa số kiếp sống, trong mỗi kiếp sống lại thiếu thốn tất cả những gì cần thiết cho sự sống. Trong sự nghèo thiếu đó lại có lửa đồng đầy khắp 3 ngàn đại thiên thế giới, Bồ-tát dùng nhiều thân mạng này btrải nhiều số kiếp ở nơi lửa đồng này khởi 4 oai nghi, trong một sát-na chỉ tu một giới. Như vậy cho đến hết các giới tự, cho đến hết các trí tự có thể được vô thượng Bồ-đề, tâm Bồ-tát tu không bao giờ chán đủ. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v... không chán. Nếu Bồ-tát từ lúc mới tu giới cho đến tu trí, an tọa đạo tràng không gian đoạn, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới rộng lớn. Nếu Bồ-tát tu giới v.v... nhiếp hóa người khác tâm sinh cực hoan hỷ còn hơn cả sự vui mừng của người thụ sự nhiếp hóa được lợi ích sinh vui mừng. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới thắng hỷ. Nếu khi Bồ-tát tu giới v.v... nhiếp hóa người thấy người được lợi rất nhiều ích ta, chẳng phải ta tự lợi là nhiều ích. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới thắng lợi. Nếu Bồ-tát khi tu giới v.v... như vậy mà không cầu báo ân và báo quả, tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v... không nhiễm. Nếu Bồ-tát tu giới v.v... rộng rãi, sinh phúc đức được quả báo thì nguyện thí tất cả chúng sinh, không vì tự mình nhận, lại cùng tất cả chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Tướng tâm như vậy gọi là tâm tu giới v.v.. thiện tịnh.

Y chỉ phương tiện tu các Ba-la-mật có 3 thứ. Ba thứ đó là tam luân thanh tịnh. Vì thanh tịnh này là do trí vô phân biệt làm phương tiện. Dùng phương tiện này tất cả tác ý đều được thành tựu.

Y chỉ thế lực tu các Ba-la-mật cũng có 3 thứ : 1. Thế lực của thân. 2. Thế lực của hành động. 3. Thế lực của lời nói. Thế lực của thân, là tự tính thân và thụ dụng thân của Phật. Thế lực của hành động, là hóa thân của Phật. Dùng hóa thân này trong tất cả hình tướng vì tất cả chúng sinh thị hiện tất cả thiện hạnh. Thế lực của lời nói, là diễn nói 6 Ba-la-mật tất cả mọi thứ không trở ngại.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 7)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH Quyển 8

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 17 – 2 : Độ nhiếp

Giải thích : Đã nói tu tập 6 Ba-la-mật, tiếp nói sai biệt của 6 Ba-la-mật. Sai biệt của 6 Ba-la-mật mỗi thứ đều có 6 nghĩa : 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Phẩm loại.

Kệ nói :

*Thí kia và cộng tu,
Hai thành và 2 nhiếp.
Vì cụ trụ không xan,
Pháp tài vô úy 3.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Đàn Ba-la-mật. Thí kia, là tự tính của thí vì dùng vật của mình thí cho người nhận. Cộng tu, là nhân của thí vì thiện căn không tham với tư duy cùng sinh. Hai thành, là quả của thí vì tài thành tựu và thân thành tựu. Nói thân thành tựu, là gồm cả mạng v.v... 5 việc, như trong kinh có nói thí thực được 5 việc : 1. Được mạng sống. 2. Được nhan sắc. 3. Được sức mạnh. 4. Được vui. 5. Hoàn tất. Hai nhiếp, là nghiệp của thí vì tự tha 2 gồm đủ và đầy đủ Đại Bồ-đề. Cụ trụ không keo kiệt, là tương ưng của thí vì đầy đủ trong tâm người không keo kiệt. Pháp tài vô úy 3, là phẩm loại của thí. Phẩm loại có 3 : 1. Pháp thí. 2. Tài thí. 3. Vô úy thí. Đó là 6 nghĩa người trí phải biết và tu tập.

Kệ nói :

*Sáu chi, diệt hữu biên,
Thiện đạo và trì đẳng.
Vì phúc tụ đầy đủ,
Hai được là 2 thứ.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Thi Ba-la-mật. Sáu chi, là tự tính của giới, vì trụ đầy đủ giới cho đến học đầy đủ các thụ học. Diệt hữu biên, là nhân của giới. Diệt, là Niết-bàn. Vì cầu

Niết-bàn, vượt các hữu biên, thụ và thực hành giới. Thiện đạo, là quả của giới vì thiện đạo và không hối v.v...lần lượt 5 trụ tâm đều do giới mà được. Trì đặng, là nghiệp của giới. Giới có 3 công năng : 1. Công năng duy trì, như đại địa có thể giữ gìn một cách tự nhiên tất cả công đức. 2. Công năng vắng lặng, do có thể chặn dứt tất cả lửa phiền não. 3. Công năng không sợ hãi, do công năng không khởi tất cả sự sợ hãi, ganh ghét v.v...các tội duyên làm sinh khởi sự sợ sệt, sinh khởi các tội. Vì phúc tụ đầy đủ, là tương ưng của giới, do trong mọi lúc thân khẩu ý nghiệp đều hành thiện hạnh. Hai được là 2 thứ, là phẩm loại của giới. Hai được là được thụ nhận và được pháp. Được nhận, là gồm Ba-la-đề-mộc-xoa hộ. Được pháp, là gồm thiên hộ và vô lưu hộ.

Kệ nói :

*Tính không báo, nại, trí,
Đại bi và pháp y
Năm đức và 2 lợi,
Cụ thắng kia 3 thứ.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Sằn-đề Ba-la-mật. Tính không báo, nại, trí, là tự tính của nhẫn. Một là không báo, hai là nại, ba là trí. Ba tính này lần lượt là 3 tự tính của nhẫn. Tự tính không báo, là người khác chê thì nhịn chịu không đáp trả. Tự tính nại, là yên tâm nhẫn nại cái khổ. Tự tính trí, là quán pháp nhẫn. Đại bi và pháp y, là nhân của nhẫn. Một, đại bi là nhân. Hai, pháp y là nhân. Pháp y, nghĩa là thụ giới và học hỏi nghe pháp nhiều. Năm đức, là quả của nhẫn. Như trong kinh nói, nhẫn được 5 thứ quả : 1. Được ít tính ganh ghét. 2. Được tính không phá hoại ý người khác. 3. Được niềm vui. 4. Được trước khi chết không hối hận. 5. Được sau khi chết sinh cõi trời. Hai lợi, là nghiệp của nhẫn. Do 3 nhẫn nên có thể làm 2 nghiệp tự lợi và lợi tha. Như một bài kệ trong kinh nói : “Làm kia 2 nghĩa, tự lợi lợi tha. Nếu biết kia giận, nơi kia tự dứt.” Cụ thắng, là tương ưng của nhẫn. Nhẫn khó thực hành nên gọi nó là tối thắng. Đầy đủ tối thắng là tương ưng. Như trong kinh nói nhẫn là khó thực hành nhất. Kia 3 thứ, là phẩm loại của nhẫn. Người kia có 3 phẩm : 1. Người chê, nhẫn. 2. Yên chịu khổ, nhẫn. 3. Quán pháp nhẫn.

Kệ nói :

*Dững với thiện và chính,
Vì có tin có muốn.
Niệm tăng và đối trị,
Đủ đức kia 7 thứ.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Tì-lê-da Ba-la-mật. Dững với thiện và chính, là tự tính của tinh tiến. Vì dững mãi trong việc ngăn các nghiệp nên nói là thiện, dững mãi trong việc trừ ngoại đạo, giải thoát nên nói là chính. Vì có tin có muốn, là nhân của tinh tiến, do tin và mong cầu nên được tinh tiến. Niệm tăng, là quả của tinh tiến, vì công đức của niệm định v.v... lại do tinh tiến khởi. Đối trị, là nghiệp của tinh tiến. Như kinh nói người khởi tinh tiến có thể được lạc trụ, vì không xen tạp các pháp ác bất thiện. Đủ đức, là tương ưng của tinh tiến vì đủ công đức của không tham v.v... Kia 7 thứ, là phẩm loại của tinh tiến. Người kia có 7 phẩm tinh tiến : 1. Học giới tinh tiến. 2. Học định tinh tiến. 3. Học tuệ tinh tiến. 4. Thân tinh tiến. 5. Tâm tinh tiến. 6. Vô gián tinh tiến. 7. Tôn trọng tinh tiến.

Kê nói :

*Tâm trụ và niệm tiến,
Lạc sinh và thông trụ.
Là đứng trên các pháp,
Chủng loại 3 rồi 3.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Thiền Ba-la-mật. Tâm trụ, là tự tính của định, do tâm trụ bên trong. Niệm tiến, là nhân của định. Có niệm nên không quên duyên. Dựa vào tiến nên thiền định khởi. Lạc sinh, là quả của định, vì lìa thoái phương tiện lìa quả không hư. Thông trụ, là nghiệp của định. Thông, là 5 thông. Trụ, là 3 trụ : Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ. Thiền định có thể khiến 5 thông và 3 trụ được trụ tự tại. Là đứng trên các pháp, là tương ưng của định. Như kinh nói : Tam-ma-đề là trên hết các pháp. Chủng loại kia 3 rồi 3, là phẩm loại của định. Người kia có 2 thứ 3 phẩm : Một là có giác có quán, không giác có quán và không giác không quán 3 phẩm. Hai là hỷ đủ, lạc đủ, xả đủ 3 phẩm.

Kê nói :

*Chọn đúng và giữ định,
Khéo thoát và mạng thuyết.*

*Là đứng trên các pháp,
Kia cũng có 3 loại.*

Giải thích : Kệ này nói 6 nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật. Chọn đúng, là tự tính của tuệ do lìa tà nghiệp và nghiệp theo hiểu biết thế gian. Vì lựa chọn đúng pháp xuất thế gian. Giữ định, là nhân của tuệ, do giữ định mà tuệ hiểu pháp như thật. Khéo thoát, là quả của tuệ. Nghĩa là trong nhiệm ô được khéo giải thoát. Bởi vì sao ? Bởi thế gian, xuất thế gian, đại xuất thế gian lựa chọn đúng. Mạng thuyết, là nghiệp của tuệ do tuệ mạng và thiện thuyết. Tuệ mạng là do lấy sự lựa chọn đúng dẫn vô thượng kia làm mạng. Thiện thuyết là nói đúng chính pháp. Đứng trên các pháp, là tương ứng của tuệ. Như kinh nói Bát-nhã là trên hết trong các pháp. Kia cũng có 3 thứ, là phẩm loại của tuệ. Người kia có sự lựa chọn đúng dẫn 3 phẩm : thế gian, xuất thế gian và đại xuất thế gian.

Đã nói xong sự sai biệt của 6 Ba-la-mật, tiếp nói nhiếp hạnh của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói :

*Tất cả pháp bạch tịnh,
Loạn, định, và đủ hai.
Sáu độ chung 3 cặp,
Là loại đều gồm đủ.*

Giải thích : Tất cả pháp bạch tịnh, là Đàn v.v... các hành pháp. Phải biết các hành pháp ấy gồm chung có 3 loại : một là loạn, hai là định và ba là đủ cả hai. Nói loạn kia, là 2 Ba-la-mật trước gồm thí và giới không nhất định. Nói định, là 2 Ba-la-mật sau gồm thiền và thật tuệ định. Nói đủ hai, là 2 Ba-la-mật giữa gồm nhẫn và tinh tiến gồm định và bất định.

Đã nói xong nhiếp hạnh của 6 Ba-la-mật, tiếp nói trì chướng của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói :

*Đàn lìa 7 đấm trước,
Nên nói 7 không đấm.
Phải biết 5 độ kia,
Chướng trị đều có 7.*

Giải thích : Đàn lìa 7 sự đấm trước, nên nói là 7 không đấm trước. Đối với Đàn có 7 thứ gọi là đấm trước : 1. Tham

trước tiên của. 2. Tham trước sự lười biếng. 3. Đắm trước thiên chấp. 4. Chấp trước sự báo ân. 5. Chấp trước quả báo. 6. Chấp trước chương ngại. 7. Chấp trước tán loạn. Trong đây chấp trước chương ngại, là Đản đối trị tham vì tùy miên không dứt. Về chấp trước tán loạn, có 2 thứ tán loạn : một là hạ ý tán loạn vì cầu Tiểu thừa, hai là phân biệt tán loạn vì phân biệt tam luân. Do Bồ-tát khi tu hành Đản, xa lìa 7 thứ đắm trước này cho nên nói là 7 không đắm trước. Phải biết 5 độ kia trị chương 7 thứ đều như vậy. Phải biết giới v.v... 5 Ba-la-mật, mỗi mỗi cũng đều có 7 thứ đắm trước. Là 7 đắm trước nên cũng nói là 7 không đắm trước. Trong đây chỗ khác nhau là chuyển đổi Đản Ba-la-mật là lìa sự tham trước về tiền của. Tức là giới v.v... 5 Ba-la-mật lìa thứ nhất là như giới là lìa đắm trước phá giới, nhẫn lìa đắm trước giận dữ, tinh tiến lìa đắm trước lười biếng, thiền định lìa đắm trước tán loạn, trí tuệ lìa đắm trước ngu si. Giới v.v... lìa đắm trước chương ngại, vì chương tùy miên đều đoạn trừ. Giới v.v... lìa đắm trước phân biệt, vì không phân biệt tam luân.

Đã nói xong trị chương của 6 Ba-la-mật, tiếp nói công đức 6 Ba-la-mật. Trong đây, trước nói công đức lợi tha.

Kệ nói :

*Hằng thời xả thân mạng,
Lìa cầu vì thương người.
Do thí tạo Bồ-đề,
Có trí thí vô tận.*

Giải thích : Kệ này hiển thị công đức lợi tha của Đản Ba-la-mật. hằng thời xả thân mạng, nghĩa là chư Bồ-tát bất cứ lúc nào cũng có thể thí thân mạng mình cho tất cả ai cần cầu đến. Lìa cầu vì thương người, nghĩa là không cầu trả ơn và nhắm đến quả, mà do đại bi làm nhân. Do thí tạo Bồ-đề, nghĩa là nhân thí này đã xây dựng tất cả chúng sinh trong 3 thừa Bồ-đề. Có trí thí vô tận, nghĩa là thí này do thuộc trí vô phân biệt, cho đến Niết-bàn vô dư, phúc ấy không hết, lợi ích vô cùng cho tất cả chúng sinh.

Kệ nói :

*Thường giữ giới cấm cần,
Lìa giới và thiện thú.*

*Do giới tạo Bồ-đề,
Có trí giới vô tận.*

Giải thích : Kệ này nói công đức lợi tha của Thi Ba-la-mật. Thường giữ giới cấm cần, là nói Bồ-tát có 3 nhóm giới : một là giới luật nghi, hai là giới nhiếp thiện pháp và ba là giới nhiếp chúng sinh. Nhóm giới đầu tiên lấy sự cấm ngăn làm thể. Hai nhóm giới sau lấy sự siêng năng và dũng mãnh làm thể. Và chư Bồ-tát trong tất cả mọi thời hằng giữ gìn. Là giới và thiện thú, có nghĩa là không chấp trước vào sự đắc giới và không cầu ái quả.

Kệ nói :

*Thường nhịn người hủy báng,
Lìa cầu, sợ không thể,
Do nhân tạo Bồ-đề,
Có trí, nhân vô tận.*

Giải thích : Kệ này nói công đức lợi tha của Sẵn-đề Ba-la-mật. Thường nhịn người hủy báng, nghĩa là chư Bồ-tát trong mọi lúc nếu tất cả chúng sinh đem tất cả những tức giận đến hủy báng Bồ-tát, Bồ-tát đều có thể nhẫn nhịn. Là cầu sợ không thể, nghĩa là không cầu trả ơn, không cầu mình sinh về nẻo thiện, không vì sợ hãi, không vì không năng lực.

Kệ nói :

*Thường thề siêng năng làm,
Giết giặc vì vô thượng.
Do tiến tạo Bồ-đề,
Có trí tiến vô tận.*

Giải thích : Kệ này nói công đức lợi tha của Tì-lê-da Ba-la-mật. Thường thề siêng năng làm, nghĩa là chư Bồ-tát tu tinh tiến có 2 tự tính không thể so sánh : một là thệ nguyện rộng lớn làm tự tính, hai là phương tiện siêng năng làm tự tính. Giết giặc vì vô thượng, là Bồ-tát tu hành tinh tiến chỉ vì giết giặc phiền não của mình và người để được vô thượng Bồ-đề.

Kệ nói :

*Thường thời tập các định,
Bỏ thiên, sinh hạ xứ.
Do định tạo Bồ-đề,
Có trí định vô tận.*

Giải thích : Kệ này nói công đức lợi tha của Thiên Ba-la-mật. Thường thời tập các định, nghĩa là Bồ-tát có vô biên Tam-ma-đề để tu tập. Bỏ thiên, sinh hạ xứ, nghĩa là xả bỏ sự an lạc trụ ở vô thượng thiên mà đến thụ sinh những nơi thấp kém. Bởi vì sao ? Là vì tâm đại bi.

Kệ nói :

*Thường rõ chân các cảnh,
Phật đoạn còn không đắm.
Do trí tạo Bồ-đề,
Có bi trí vô tận.*

Giải thích : Kệ này nói công đức lợi tha của Bát-nhã Ba-la-mật. Thường rõ chân các cảnh, nghĩa là rõ chân tức tướng đệ nhất nghĩa để bình đẳng vì trí nhân pháp 2 vô ngã. Các cảnh, nghĩa là vô biên vì danh tướng sai biệt. Phật đoạn còn không đắm, nghĩa là Phật đoạn là chỉ Niết-bàn. Chư Bồ-tát tu Bát-nhã còn không đắm trước Niết-bàn của Phật huống chi là cầu sinh tử. Trong đây 5 Ba-la-mật bao gồm trí vô phân biệt nên công đức vô tận cho đến vô dư Niết bàn. Bát-nhã Ba-la-mật bao gồm đại bi nên công đức vô tận hằng không bỏ chúng sinh.

Sáu kệ nói riêng công đức lợi tha xong, tiếp một kệ nói chung các nghĩa trước.

Kệ nói :

*Rộng lớn và không cầu,
Tối thắng và vô tận.
Phải biết mỗi một độ,
Đủ 4 đức như nhau.*

Giải thích : Bốn công đức là : 1. Công đức rộng lớn. 2. Công đức không cầu. 3. Công đức tối thắng. 4. Công đức vô tận. Sáu kệ trước câu thứ nhất nói công đức rộng lớn vì lợi nhiều chúng sinh. Câu thứ hai nói công đức không cầu. Câu thứ ba nói công đức tối thắng. Câu thứ tư nói công đức vô tận. Lại nữa 6 Ba-la-mật lại có công đức thanh tịnh.

Kệ nói :

*Được thấy và toại nguyện,
Cầu hợp 3 vui mừng.
Bồ-tát đối tượng vui,
Kia thoái bi rất mực.*

Giải thích : Kệ này nói công đức thanh tịnh của Đản Ba-la-mật. Kia cầu xin thì đối với Bồ-tát sinh 3 vui mừng : 1. Vui mừng khi được thấy. 2. Vui mừng khi toại nguyện. 3. Vui mừng khi thấy cầu và cầu toại nguyện. Bởi khi không thấy, khi không toại nguyện thì không sinh vui mừng. Bồ-tát trong mọi lúc đối với người cầu xin thì đối lấy 3 cái vui mừng của người kia sinh vui mừng của mình : 1. Vui mừng được thấy người kia. 2. Vui mừng khi làm người kia toại nguyện. 3. Vui mừng khi cầu thấy cầu toại nguyện. Trong đây phải biết 3 cái vui mừng của người cầu xin kia không bằng 3 cái vui mừng của Bồ-tát. Bởi vì sao ? Vì Bồ-tát đầy đủ đại bi.

Kệ nói :

*Tự thân, của, quyến thuộc,
Do bi hằng vui thí.
Kia 3 hạnh xa lìa,
Do gì không giữ cấm ?*

Giải thích : Dưới đây nói công đức thanh tịnh của Thi Ba-la-mật. Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh của thân. Bồ-tát đối với thân mạng mình, của cải của mình, quyến thuộc của mình, vì lòng đại bi còn vui vẻ muốn thí cho người, hướng chi là thân mạng người, của cải của người, quyến thuộc của người mà không giữ cấm xa lìa 3 thứ ấy ư ?

Kệ nói :

*Bất cố và bình đẳng,
Không sợ và khắp cho.
Tâm bi lớn thì lý gì
Hại người mà vọng ngữ ?*

Giải thích : Kệ này nói xa lìa ác hạnh vọng ngữ. Phàm khởi vọng ngữ có 4 nhân duyên : 1. Vì tự lợi do luyến ái thân mạng. 2. Vì lợi tha do lợi sinh ái. 3. Vì sợ hãi do sợ pháp vua. 4. Vì cầu của cải do cần thiết. Bồ-tát thì không như vậy : 1. Không quan tâm không luyến tiếc thân mạng. 2. Bình đẳng coi thân người như thân mình. 3. Không sợ hãi vì lìa 5 thứ sợ hãi. 4. Cho khắp vì đem tất cả vật sở hữu cho tất cả. Tâm bi của Bồ-tát hằng sâu thì có lý do gì khởi vọng ngữ ?

Kệ nói :

Bình đẳng làm lợi ích,

*Đại bi sợ người khổ,
Siêng thành thực chúng sinh,
Sợ 3 lỗi ngữ nghiệp.*

Giải thích : Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh khác của ngữ nghiệp. Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh hằng làm lợi ích bình đẳng, lẽ nào muốn phá hoại quyền thuộc của người mà nói lời đâm thọc ? Đại bi của Bồ-tát hằng muốn cứu vớt khổ cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát rất sợ người khổ, lẽ nào muốn làm khổ người khác mà nói lời thô ác. Bồ-tát hằng tu hành siêng năng chân chính, hằng muốn thành thực tất cả chúng sinh, lẽ nào muốn không thành thực người mà nói lời xảo quyệt ? Cho nên Bồ-tát có thể lìa rất xa 3 lỗi ngữ nghiệp này.

Kệ nói :

*Khấp cho và tâm bi,
Rất giỏi pháp duyên khởi,
Vì sao không thể nhẫn,
Ba phiền não của ý ?*

Giải thích : Kệ này nói xa lìa 3 ác hạnh của ý nghiệp. Bồ-tát do khấp cho tất cả vật sở hữu của mình nên lìa tham phiền não, do đại bi nên lìa sân phiền não, do rất giỏi pháp duyên khởi nên lìa tà kiến phiền não. Như vậy đối trị tất cả phá giới sai biệt là công đức thanh tịnh giới của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Người tôn được tướng ích,
Việc khổ sinh tướng vui.
Bồ-tát đã như vậy,
Nhẫn ai nhẫn việc gì ?*

Giải thích : Kệ này nói công đức thanh tịnh của Sân-đề Ba-la-mật. Người tôn được tướng ích, nghĩa là Bồ-tát đối với người không làm ích lợi cho mình thì nghĩ mình được ích lợi nên cần phải nhẫn nhục. Bởi vì sao ? Vì thành cái nhân nhẫn nhục. Việc khổ sinh tướng vui, nghĩa là Bồ-tát trong khi chịu khổ lại sinh ý tướng vui mừng. Bởi vì sao ? Vì thành tựu cái nhân lợi tha. Bồ-tát đã không đâu khởi tướng không lợi ích, không đâu khởi tướng khổ thì khởi nhẫn với ai khởi nhẫn việc gì ?

Kệ nói :

Bồ-tát đoạn tha tướng,

*Yêu người hơn yêu mình.
Với người, việc khó làm,
Tinh tiến tức không khó.*

Giải thích : Kệ này nói công đức thanh tịnh của Tì-lê-da Ba-la-mật. Bồ-tát vì người làm việc khó làm thì tinh tiến nên thành không khó. Bởi vì sao ? Vì đoạn tha tưởng, và trong mọi lúc yêu người hơn yêu mình. Bồ-tát vì người tinh tiến như vậy, lẽ nào lại có chuyện khó làm ? Cho nên thanh tịnh tinh tiến.

Kệ nói :

*Thiếu lạc, 2 tự lạc,
Vì trước, thoái, tận, si.
Là thiên 3 hạng người,
Thiên Bồ-tát khác chúng.*

Giải thích : Kệ này nói công đức thanh tịnh của Thiên Ba-la-mật. Thiếu lạc, là thiên thế gian. Hai tự lạc, là thiên Thanh Văn và thiên Duyên Giác. Thiên thế gian thì chấp trước kiến giải của mình. Thiên nhị thừa thì chấp trước Niết-bàn. Thoái, là nói thiên thế gian. Tận, là nói thiên nhị thừa, vì khi đến vô dư Niết-bàn là hết. Si, là thiên của 3 hạng người theo chỗ thích ứng có nhiễm si và không nhiễm si. Thiên Bồ-tát khác chúng, nghĩa là ngược lại với thiên của 3 hạng người kia. Bởi vì sao ? Vì nhiều vui, vì mình vui người vui, vì không chấp trước, vì không thoái lui, vì không hết, vì không si. Đó gọi là công đức thanh tịnh của thiên định.

Kệ nói :

*Tối đưng và 2 đèn,
Trí 3 người như vậy.
Như mặt trời chiếu sáng,
Trí Bồ-tát khôn sánh.*

Giải thích : Kệ này nói công đức thanh tịnh của Bát-nhã Ba-la-mật. Ví như trong tối dùng tay đưng chạm đồ vật, trí phàm phu cũng như vậy. Bởi vì sao ? Vì chỉ được một ít cảnh, không rõ ràng, không hằng định. Ví như 2 ngọn đèn chiếu đồ vật trong nhà, trí người Thanh Văn và trí Duyên Giác cũng như vậy. Bởi vì sao ? Vì chỉ được một ít cảnh, sáng tỏ dần dần, chưa triệt để thanh tịnh. Ví như ánh sáng mặt trời chiếu vạn vật, trí Bồ-tát cũng vậy. Bởi vì sao ? Vì được mãn khắp tất cả, vì sáng rõ, vì

cực kỳ thanh tịnh. Không gì có thể so sánh như vậy, đó là công đức thanh tịnh Bát-nhã của Bồ-tát.

Lại có 8 thứ công đức vô thượng hậu hữu của 6 Ba-la-mật.

Kê nói :

*Y, loại, duyên, hồi hướng,
Nhân, trí, điền, y chỉ.
Tám tối thắng như vậy,
Đó là nghĩa vô thượng.*

Giải thích : Tám vô thượng là : 1. Y. 2. Loại. 3. Duyên. 4. Hồi hướng. 5. Nhân. 6. Trí. 7. Điền. 8. Y chỉ.

Hỏi : Tám cái này đối với 6 độ vì sao được vô thượng ?

Đáp : Đàn y, là dựa vào Bồ-tát. Đàn loại, là có 3 thứ : 1. Vật thí, bởi xả thân mạng mình. 2. Vô úy thí, bởi cứu tế sự sợ hãi sinh tử trong ác đạo. 3. Pháp thí, bởi nói pháp Đại thừa. Đàn duyên, là lấy đại bi làm duyên khởi. Đàn hồi hướng, là để cầu Đại Bồ-đề. Đàn nhân, là bởi nghiệp thí đời trước huân tập chủng tử làm nhân. Đàn trí, là dùng trí vô phân biệt quán sát tam luân, không phân biệt người thí, người nhận và tài vật. Đàn điền, là ruộng có 5 người : 1. Người cầu. 2. Người khổ. 3. Người không nương tựa. 4. Người làm ác. 5. Người đủ đức. Phải biết trong đây lấy người đủ đức thắng làm tối thượng. Đàn y chỉ, là do 3 thứ y chỉ : 1. Y chỉ tín hướng. 2. Y chỉ tư duy. 3. Y chỉ Tam-muội. Y chỉ tín hướng, nghĩa là như trong phân biệt tu có nói tín tư duy. Y chỉ tư duy, nghĩa là như trong phân biệt tu có nói vị tư duy, tùy hỷ tư duy, hy vọng tư duy. Y chỉ Tam-muội, nghĩa là y vào Kim cương tạng các định v.v... như trong thể lực y chỉ tu có nói. Như vậy y v.v... là vô thượng nên Đàn được vô thượng. Như Đàn 8 vô thượng, giới v.v... 5 Ba-la-mật 8 vô thượng cũng vậy. Trong đây phẩm loại vô thượng của giới là giới Bồ-tát. Phẩm loại vô thượng của nhân, là đến giết Bồ-tát là thấp hèn liệt nhược. Phẩm loại vô thượng của tinh tiến, là tu các Ba-la-mật, đoạn dứt đối trị. Phẩm loại vô thượng của thiên, là Tam-ma-đề của Bồ-tát. Phẩm loại vô thượng của trí, là duyên cảnh như như. Giới v.v... do thắng điền vô thượng, là pháp Đại thừa. Ngoài ra 6 vô thượng khác như nói trong đàn.

Lại nữa, đàn và tinh tiến lại có các công đức sai biệt không chung.

Hỏi : Sai biệt của đàn như thế nào ?

Kê nói :

*Thí một khiến được vui,
Nhiều kiếp tự chịu khổ.
Còn thí vì yêu sâu,
Huống chi lại được lợi.*

Giải thích : Nếu các Bồ-tát thí cho một chúng sinh khiến kia được vui mà tự thân phải chịu nhiều kiếp bần cùng cũng vẫn thí không keo kiệt vì thương yêu sâu. Thương yêu sâu, là bi sai biệt. Huống chi thí cho một chúng sinh khiến kia được vui, tự thân nhiều kiếp được phúc lợi lớn.

Kê nói :

*Người xin tùy ý muốn,
Bồ-tát xả tất cả.
Kia cầu vì bản thân,
Lợi kia trăm thứ thí.*

Giải thích : Nửa kệ trên nói tổng quát, nghĩa là tùy người kia cần gì Bồ-tát đều xả tất cả. Nửa kệ dưới giải thích, nghĩa là người xin vì lợi cho mình nên muốn được tất cả. Bồ-tát vì lợi tha nên trăm thứ đều xả hết.

Kê nói :

*Xả thân còn không khổ,
Huống chi là của cải.
Vì được vui xuất thế,
Khởi khổ là vô thượng.*

Giải thích : Khi Bồ-tát xả thân, do tâm nên không sinh khổ. Tâm này hiển thị tâm xuất thế gian của Bồ-tát. Bởi vì sao ? Vì được hoan hỷ.

Hỏi : Niềm vui này được từ đâu ?

Đáp : Được từ khởi khổ. Cho nên khởi khổ là vô thượng của Bồ-tát. Cho nên Bồ-tát là ở trên xuất thế gian.

Kê nói :

*Người xin được tất cả,
Được vui chẳng vui lớn.
Bồ-tát xả tất cả,
Vui kia là vui lớn.*

Giải thích : Những gì người xin cần, Bồ-tát đều thí. Người xin được vui. Cái vui này chẳng phải vui lớn. Hỏi : Vì sao ? Đáp : Vì Bồ-tát đều xả, vui vì người kia được của cái. Cái vui này lớn hơn cái vui kia.

Kệ nói :

*Người xin được tất cả,
Có của chẳng thấy giàu,
Bồ-tát xả tất cả,
Không của mà đại phú.*

Giải thích : Kệ này hiển thị sai biệt của cái vô tận của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Người xin được tất cả,
Chẳng tưởng được lợi lớn.
Bồ-tát xả tất cả,
Là được ích lợi lớn.*

Giải thích : Đây hiển thị sai biệt đại bi của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Người xin lấy tự nhiên,
Như hái trái bên đường.
Bồ-tát hành đại xả,
Người khác không làm được.*

Giải thích : Đây hiển thị sai biệt về sự không tham trước của Bồ-tát.

Hỏi : Đã nói sai biệt về công đức không chung của Đản, vậy sai biệt về công đức không chung của tinh tiến thế nào ?

Kệ nói :

*Thắng, nhân, y, nghiệp, chủng,
Đối trị, có khác nhau.
Như vậy có 6 nghĩa,
Của sai biệt tinh tiến.*

Giải thích : Tinh tiến có 6 thứ sai biệt : 1. Thắng sai biệt. 2. Nhân sai biệt. 3. Y chỉ sai biệt. 4. Nghiệp sai biệt. 5. Chủng sai biệt. 6. Đối trị sai biệt. Kệ này nêu tổng quát. Các kệ khác giải thích riêng.

Kệ nói :

Bạch pháp tiến trên hết,

*Tiền cũng là thắng nhân.
Và được các thiện pháp,
Thì tiền là y chỉ.*

Giải thích : Kệ này nói thắng sai biệt, nhân sai biệt vì y chỉ sai biệt của tinh tiến. Bạch pháp tiền trên hết, là nói tối thắng sai biệt, vì trong tất cả thiện pháp tinh tiến được nói là tối thắng. Tiền cũng là thắng nhân, là nói nhân sai biệt, vì tinh tiến được nói là nhân vô thượng. Và được các thiện pháp, thì tiền là y chỉ. Đây là nói y chỉ sai biệt, vì do y chỉ tinh tiến mà được tất cả thiện pháp.

Kệ nói :

*Hiện lạc cùng thế pháp,
Xuất thế và của cải.
Động tĩnh và giải thoát,
Bồ-đề 7 là nghiệp.*

Giải thích : Kệ này nói nghiệp sai biệt của tinh tiến. Nghiệp sai biệt này có 7 thứ : 1. Được trụ trong niềm vui hiện pháp. 2. Được pháp thế gian. 3. Được pháp xuất thế gian. 4. Được của cải. 5. Được động tĩnh. Động tĩnh là do thế gian không cứu cánh. 6. Được giải thoát, do đoạn thân kiến. 7. Được Bồ-đề. Bồ-đề là do Đại Bồ-đề.

Kệ nói :

*Tăng giảm và tăng thượng,
Xả chướng và nhập chân,
Chuyển y và đại lợi,
Là 6 thứ tinh tiến.*

Giải thích : Kệ này nói các thứ sai biệt của tinh tiến. Chủng sai biệt có 6 thứ : 1. Tăng giảm tinh tiến, là 4 chính cần, vì giảm 2 ác pháp, tăng 2 thiện pháp. 2. Tăng thượng tinh tiến, là 5 căn, vì có nghĩa tăng thượng đối với pháp giải thoát. 3. Xả chướng tinh tiến, là 5 lực, vì chướng ngại kia không thể chướng ngại. 4. Nhập chân tinh tiến, là 7 giác phần, vì do kiến đạo thiết lập. 5. Chuyển y tinh tiến, là 8 thánh đạo phần, vì do tu đạo là nhân chuyển y cứu cánh. 6. Đại lợi tinh tiến, là 6 Ba-la-mật, vì tự lợi lợi tha.

Kệ nói :

Chủng lại có 5 khác,

*Hoằng thệ rời phát hành,
Vô hạ và bất động,
Thứ 5 là vô yếm.*

Giải thích : Năm khác là : 1. Hoằng thệ tinh tiến, là muốn phát khởi hạnh. 2. Phát tinh tiến, là các thiện hiện hành. 3. Vô hạ tinh tiến, là được quả lớn vì không có hạ thể. 4. Bất động tinh tiến, là các khổ lạnh nóng v.v...không làm lay động. 5. Vô yếm tinh tiến, là không vì được chút ít cho là đủ. Năm thứ này như trong kinh nói có hoằng thệ tinh tiến, có hiện khởi tinh tiến, có dũng mãnh tinh tiến, có kiên cố tinh tiến và có tinh tiến không bỏ Phật đạo. Trong các thiện pháp, nên biết theo thứ tự ấy.

Kệ nói :

*Ba thứ hạ trung thượng,
Là do y 3 thừa.
Và 2 hạ thượng giác,
Vì lợi có tiêu đại.*

Giải thích : Tinh tiến y nhân sai biệt kia lại có 3 thứ và 2 thứ. Ba thứ là y sai biệt của hành nhân 3 thừa theo thứ tự tinh tiến hạ trung thượng.

Hỏi : Vì nguyên nhân gì lại có 2 thứ ?

Đáp : Vì hạ thượng giác. Hạ giác, là y hành nhân nhị thừa, thượng giác, là y hành nhân Đại thừa, theo thứ tự nói tiêu lợi và đại lợi. Bởi vì sao ? Vì tự lợi và vì tha lợi.

Kệ nói :

*Tài trước, phiền não trước,
Yếm trước, tri túc trước.
Bốn trước không thể lui,
Đối trị chia 4 thứ.*

Giải thích : Kệ này nói đối trị sai biệt của tinh tiến do đối trị 4 thứ nhiễm trước. Có 4 thứ không thoái lui nên nói 4 thứ đối trị sai biệt.

Hỏi : Đây là thế nào ?

Đáp : Đản v.v... các hạnh do 4 thứ nhiễm trước làm chướng ngại mà không tiến hành được : 1. Tài trước, là rất đắm trước bốn sển tiền của. 2. Phiền não trước, là khởi nhiễm trước với tiền của. 3. Yếm trước, là đối với hạnh bố thí v.v...sinh chán nản. 4. Tri túc trước, là bố thí v.v... được chút ít thì vui mừng

cho là đủ. Người tu hạnh tinh tiến đối trị 4 thứ đấm trước này có thể không thoái lui, nên nói là 4 thứ đối trị sai biệt.

Đã nói xong công đức của 6 Ba-la-mật, tiếp nói sự hiển thị lẫn nhau của 6 Ba-la-mật.

Kệ nói :

*Tương nhiếp và sai biệt,
Y pháp và làm nhân,
Sáu độ tác thành nhau,
Phân biệt nhất thiết chúng.*

Giải thích : Sáu Ba-la-mật tác thành cho nhau, tự có 4 nghĩa : 1. Tương nhiếp. 2. Sai biệt. 3. Y pháp. 4. Làm nhân.

Tương nhiếp, nghĩa là như vô úy thí bao gồm giới và nhẫn 2 độ, do 2 độ này có thể cho sự không sợ hãi. Pháp thí bao gồm định và trí 2 độ, do 2 độ này có thể cho pháp. Cả 2 thí ở trong tinh tiến 1 độ, do một độ này có thể thực hành 2 thí.

Hỏi : Giới gồm bao nhiêu thứ ?

Đáp : Gồm giới thiện pháp, tất cả thí v.v... đều gồm. Cũng như vậy nhẫn v.v... bao gồm lẫn nhau theo chỗ nên làm.

Sai biệt, nghĩa là đàn v.v... 6 thứ tức là 6 thí, như thí thí, giới thí ... cho đến Bát-nhã thí vì đối với cái khác liên tục thiết lập đàn v.v...

Y pháp, nghĩa là có các kinh là có hiển thị các nghĩa của đàn v.v..., có các nghĩa của đàn là có các kinh hiển thị. Mọi nơi đều thâm nhiếp lẫn nhau.

Làm nhân, nghĩa là đàn là nhân của giới v.v... Bởi vì sao ? Vì không nặng tiền của mới có thể tu hành giới v.v... Giới cũng là nhân của thí v.v... Bởi vì sao ? Vì Tỳ-khưu thụ hộ có thể xả tất cả những gì đã thụ. Trụ giới, là có thể đầy đủ nhẫn v.v... Lại nữa thụ giới nhiếp thiện pháp là đàn v.v.. nên như vậy nhẫn v.v... làm nhân cho nhau theo chỗ nên làm.

Như vậy đã nói xong nghĩa của 6 Ba-la-mật, tiếp nói hạnh tứ nhiếp.

Kệ nói :

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng lợi.
Thí bình và kia nói,
Kiến lập và tự hành.*

Giải thích : Tứ nhiếp là : 1. Bồ thí nhiếp. 2. Ái ngữ nhiếp. 3. Lợi hành nhiếp. 4. Đồng lợi nhiếp. Thí bình, tức bồ thí nhiếp. Kia nói, là ái ngữ nhiếp, vì nói nghĩa của Ba-la-mật. Kiến lập, là lợi hành nhiếp, vì kiến lập chúng sinh trong Ba-la-mật. Tự hành, là đồng lợi nhiếp, vì kiến lập cho người rồi tự mình cũng tu hành như vậy.

Hỏi : Vì sao nói thể của tứ nhiếp này ?

Đáp : Đây là nói các phương tiện nhiếp hóa người.

Kê nói :

*Nhiếp hóa 4 phương tiện,
Tức là tính 4 nhiếp.
Tùy nhiếp và nhiếp thủ,
Chính chuyển và tùy chuyển.*

Giải thích : Bồ thí là phương tiện tùy nhiếp, vì do tài thí tùy theo người khởi nhiếp. Ái ngữ, là phương tiện nhiếp thủ, vì do vô tri, nghi ngờ nên khiến tiếp nhận nghĩa. Lợi hành, là phương tiện chính chuyển, vì do tu hạnh này các thiện chuyển. Đồng lợi, là phương tiện tùy chuyển, vì Bồ-tát tự làm như đã nói, chúng sinh biết rồi nhưng trước chưa làm thiện Bồ-tát cũng theo chúng mà làm.

Hỏi : Nghiệp của tứ nhiếp như thế nào ?

Kê nói :

*Thành khí và khiến tin,
Khiến làm, khiến giải thoát.
Như vậy làm 4 việc,
Là nghiệp của tứ nhiếp.*

Giải thích : Bồ thí, là có thể khiến pháp thành khí, do tùy thuận tài mà có thể kham thụ pháp. Ái ngữ, là có thể khiến từ pháp khởi lòng tin, do nghĩa của giáo pháp mà nghi kia đoạn dứt. Lợi hành, là có thể khiến từ pháp khởi tu hành, do dựa theo pháp mà thực hành. Đồng lợi, là có thể khiến kia được giải thoát, do tu hành thanh tịnh thời gian lâu được lợi ích. Đó là nghiệp của tứ nhiếp.

Hỏi : Thế Tôn cũng nói nhị nhiếp. Đó là nghĩa thế nào ?

Kê nói :

*Bốn thể nói 2 nhiếp,
Tà nhiếp và pháp nhiếp.*

*Tài 1 pháp có 3,
Tuần tự gồm 4 nhiếp.*

Giải thích : Thế của 4 nhiếp này Thế Tôn các nơi khác có nói là 2 nhiếp. Đó là tài nhiếp và pháp nhiếp. Tức lấy 2 nhiếp này bao gồm 4 nhiếp. Tài nhiếp là 1 nhiếp đầu. Pháp nhiếp gồm 3 nhiếp sau.

Hỏi : Thế nào là gồm 3 sau ?

Đáp : Pháp có 3 thứ : 1. Pháp sở duyên. 2. Pháp sở hành. 3. Pháp sở tịnh, theo tuần tự đó gồm 3 nhiếp sau.

Kê nói :

*Hạ trung thượng sai biệt,
Như vậy tứ nhiếp chủng,
Bội vô và bội hữu,
Thuần hợp có 3 ích.*

Giải thích : Tứ nhiếp chủng có 3 sai biệt là hạ trung và thượng, do các Bồ-tát gồm người 3 thừa sai biệt. Do 3 thứ sai biệt này tuần tự có 3 ích : 1. Bội vô ích. 2. Bội hữu ích. 3. Thuần hữu ích. Bội vô ích, là gồm Bồ-tát trong giải hành địa. Bội hữu ích, là gồm Bồ-tát nhập đại địa. Thuần hữu ích, là gồm Bồ-tát từ bát địa trở lên. Do quyết định đó có thể khiến chúng sinh thành tựu.

Kê nói :

*Bồ-tát nhiếp chúng sinh,
Y 4 phương tiện đây,
Lợi lớn và dễ thành,
Nên được khen 3 ích.*

Giải thích : Nếu các Bồ-tát muốn nhiếp hóa đồ chúng, tất cả đều phải dựa vào tứ nhiếp này làm phương tiện. Bởi vì sao ? Bởi tất cả lợi ích lớn được thành tựu. Bởi đó là phương tiện dễ dàng. Bởi được chư Phật khen ngợi.

Kê nói :

*Tứ nhiếp trong 3 đời,
Luôn nhiếp hóa chúng sinh,
Thành tựu chúng sinh đạo,
Không gì ngoài tứ nhiếp.*

Giải thích : Tứ nhiếp pháp này trong 3 đời đã nhiếp hóa, sẽ nhiếp hóa, đang nhiếp hóa tất cả chúng sinh. Cho nên pháp tứ

niếp này là con đường thành thực chúng sinh, không con đường nào khác, vì các con đường khác là vô thể.

Đã nói riêng 4 nhiếp trong 6 độ xong, tiếp dùng một kệ tổng kết các nghĩa trước.

Kệ nói :

*Không đả và vắng lặng,
Nhẫn nại, ý chí mạnh,
Bất động và lìa tướng,
Gồm nhiếp hóa chúng sinh.*

Giải thích : Kệ trên 3 câu đầu tổng kết nghĩa của 6 độ. Một câu dưới kết nghĩa của 4 nhiếp. Hiểu nghĩa kệ như đã giải thích ở trước, Bồ-tát dùng 6 hạnh này thực hành 4 pháp nhiếp hóa này. Hiện thị 6 Ba-la-mật, thành tựu tự lợi lợi tha, thành tựu tứ nhiếp cũng như vậy. Cho nên theo thứ tự đó trước nói 6 độ, sau nói 4 nhiếp.

Xong Phẩm độ nhiếp.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 8)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH Quyển 9

Bồ-tát Vô Trước tạo luận

Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 18 : Cúng dường

Giải thích : Đã nói về nghiệp tụ tập các hành, chưa nói cúng dường Như Lai. Nay sẽ nói về cúng dường.

Kệ nói :

*Y, vật, duyên, hồi hướng,
Nhân, trí, ruộng, y chỉ.
Như vậy 8 cúng dường,
Cúng dường chư Như Lai.*

Giải thích : Cúng dường chư Như Lai lược nói có 8 thứ : 1. Y cúng dường. 2. Vật cúng dường. 3. Duyên khởi cúng dường. 4.

Hồi hướng cúng dường. 5. Nhân cúng dường. 6. Trí cúng dường.
7. Ruộng cúng dường. 8. Y chỉ cúng dường.

Hỏi : Tám thứ này có nghĩa như thế nào ?

Kê nói :

*Hiện tiền không hiện tiền,
Y phục cùng ẩm thực ...
Thâm khởi thiện tịnh tâm,
Vì mãn nơi 2 tụ.
Thường nguyện sinh đời Phật,
Tam luân không phân biệt,
Thành thực các chúng sinh,
Tối hậu 11 thứ.*

Giải thích : Hai bài kệ 8 câu này hiển thị 8 nghĩa ở trước. Hiện tiền không hiện tiền, nghĩa là y cúng dường, tức y vào hiện tại và quá khứ vị lai chư Phật mà cúng dường. Y phục ẩm thực v.v..., là vật cúng dường vì dùng các thứ y phục v.v... mà cúng dường. Thâm khởi thiện tịnh tâm, là duyên khởi cúng dường, vì đem tâm tịnh tín sâu sắc mà cúng dường. Vì mãn nơi 2 tụ, là hồi hướng cúng dường, vì đầy đủ phúc trí 2 tụ mà cúng dường. Thường nguyện sinh đời Phật, là nhân cúng dường, do đời trước có nguyện sinh vào đời có Phật, khiến ta cúng dường có ích chứ chẳng luống không. Tam luân không phân biệt, là trí cúng dường. Thiết cúng, thụ cúng và vật cúng 3 việc là bất khả đắc. Thành thực các chúng sinh, là ruộng cúng dường. Chúng sinh là ruộng, vì dạy chúng cúng dường khiến trồng căn lành. Tối hậu 11 thứ, là y chỉ cúng dường. Y chỉ này có 11 thứ : 1. Y chỉ vật, do dựa vào tài vật mà cúng dường. 2. Y chỉ tư duy, là do dựa vào vị tư duy, tùy hỷ tư duy, hy vọng tư duy. 3. Y chỉ tín, là do tin Đại thừa mà phát tâm Bồ-đề. 4. Y chỉ nguyện, là do phát thệ nguyện rộng lớn. 5. Y chỉ bi, là do thương xót chúng sinh. 6. Y chỉ nhẫn, là do làm được việc khó làm. 7. Y chỉ hành, là do các Ba-la-mật. 8. Y chỉ chính niệm, là do như pháp không điên đảo. 9. Y chỉ chính kiến, là do như thật hiểu rõ. 10. Y chỉ giải thoát, là do phiền não Thanh Văn diệt. 11. Y chỉ chân thật, là do được Đại Bồ-đề.

Hỏi : Các loại cúng dường sai biệt như thế nào ?

Kê nói :

*Nhân quả và trong ngoài,
Thô tế và lớn nhỏ.
Xa và gần sai biệt,
Là các loại cúng dường.*

Giải thích : Đòi v.v... sai biệt là các loại cúng dường sai biệt. Kia quá khứ là nhân, hiện tại là quả, hiện tại là nhân vị lai là quả. Như vậy nhân quả là quá khứ vị lai hiện tại. Trong , là mình tự cúng dường. Ngoài, là khiến người cúng dường. Thô, là lợi cúng dường. Tế, là tùy thuận cúng dường. Nhỏ, là liệt cúng dường. Lớn, là thắng cúng dường. Có tâm ngã mạn là liệt, không ngã mạn là thắng vì tam luân không phân biệt. Xa, là muốn sau sẽ cúng dường. Gần, là cúng dường ngay hiện bây giờ. Lại nữa, cách đòi cúng dường là xa. Cúng dường không gián đoạn là gần. Lại nữa, phát nguyện muốn cúng dường vào đời vị lai là xa. Phát nguyện cúng dường ngay hiện tại là gần.

Hỏi : Những gì cúng dường Như Lai được cho là trên hết ?

Kê nói :

*Cúng dường chư Như Lai,
Trên hết do tự ý.
Tín, tâm, thông, phương tiện,
Hòa hợp là 5 thắng*

Giải thích : Có 5 thứ tự ý cúng dường Như Lai. Cúng dường này là cúng dường trên hết. Những gì là 5 ? Một là tịnh tín. Hai là thâm tâm. Ba là Thần thông. Bốn là phương tiện. Năm là hòa hợp.

Tịnh tín, là nơi pháp Đại thừa nói cúng dường sinh tín tâm thanh tịnh. Thâm tâm có 9 thứ : một tâm một vị, hai tâm tùy hỷ, ba tâm hy vọng, bốn tâm không chán, năm tâm rộng lớn, sáu tâm thắng hỷ, bảy tâm thắng lợi, tám tâm không nhiễm, chín tâm thiện tịnh. Chín tâm này như nói trong tu các Ba-la-mật. Thần thông, nghĩa là dựa vào Hư không tạng v.v...các Tam-ma-đề. Phương tiện, nghĩa là gồm trong phương tiện trí vô phân biệt. Hòa hợp, nghĩa là tất cả các Đại Bồ-tát hòa hợp một quả vào tất cả quả.

Xong Phẩm cúng dường.

Phẩm 19 : Thân cận

Giải thích : Đã nói cúng dường Như Lai, thế nào là thân cận thiện tri thức ?

Kê nói :

*Như trước cúng dường Phật,
Lược nói có 8 thứ.
Thân cận thiện tri thức,
Phải biết cũng 8 thứ.*

Giải thích : Phải biết gần gũi thiện tri thức cũng có y v.v... 8 thứ.

Hỏi : Tám nghĩa trong đây như thế nào ?

Kê nói :

*Điều, tĩnh, trừ, đức tăng,
Có dũng A-hàm giàu,
Giác chân giỏi nói pháp,
Bi sâu lìa thoái giảm.*

Giải thích : Kệ này nói về đệ nhất y thân cận. Nếu thiện tri thức đầy đủ 10 thứ công đức thì nên gần gũi. Những gì là 10 ? 1. Điều phục. 2. Tịch tĩnh. 3. Hoặc trừ. 4. Đức tăng. 5. Có dũng mãnh. 6. Hiểu kinh. 7. Giác chân. 8. Khéo diễn thuyết. 9. Tâm bi sâu. 10. Lìa thoái.

Điều phục, là tương ứng với giới do căn điều hòa. Tịch tĩnh, là tương ứng với định do nhiếp trì bên trong. Hoặc trừ, là tín niệm tương ứng với tuệ, phiền não đoạn dứt. Đức tăng, là vì giới định tuệ đầy đủ không khuyết giảm. Có dũng mãnh, là khi làm lợi ích cho người không biết mệt mỏi. Hiểu kinh vì học hỏi nhiều. Giác chân là vì rõ thật nghĩa. Khéo diễn thuyết vì không điên đảo. Tâm bi sâu, là tuyệt dứt mong cầu. Lìa thoái, là trong mọi lúc diễn nói một cách cung kính.

Kê nói :

*Kính dưỡng và cấp thị,
Thân tâm cùng tương ứng,
Nguyện lạc và đúng thời,
Chiêu ý làm duyên khởi.*

Giải thích : Nửa trên kệ này hiển thị vật thân cận, nửa dưới hiển thị duyên khởi thân cận. Vật thân cận có 3 : 1. Cửa cái, nghĩa là cung kính cúng dường. 2. Thân, tùy thuận cung cấp hầu hạ. 3. Tâm, khi cung cấp hầu hạ thân và tâm tương ứng. Duyên

khởi thân cận cũng có 3 thứ : 1. Vui vẻ tình nguyện. 2. Biết đúng lúc. 3. Trừ tâm kiêu mạn.

Kê nói :

*Vì lìa nơi tham đắm,
Vì cầu hạnh tùy thuận,
Tùy thuận như được dạy,
Làm cho người hoan hỷ.*

Giải thích : Nửa trên kê này hiển thị hồi hướng thân cận. Nửa dưới hiển thị nhân thân cận. Hồi hướng thân cận, nghĩa là không vì tham đắm lợi dưỡng mà chỉ vì tùy thuận tu hành. Nhân thân cận, nghĩa là Bồ-tát tùy thuận tu hành như đã được dạy là nguyên nhân thân cận thiện tri thức. Bởi vì sao ? Bồ-tát do sự tùy thuận này khiến thiện tri thức tâm sinh hoan hỷ.

Kê nói :

*Hiểu rõ nơi 3 thừa,
Khiến thừa mình thành tựu.
Thành sinh và tịnh độ,
Vì pháp không vì của.*

Giải thích : Kê này hiển thị trí điền y chỉ 3 thứ thân cận. Hiểu rõ nơi 3 thừa, khiến thừa mình thành tựu, đây là hiển thị trí thân cận vì hiểu rõ 3 thừa là do trí. Thành sinh và tịnh độ là hiển thị điền thân cận. Điền là ruộng, có 2 thứ : 1. Ruộng chúng sinh. 2. Ruộng cõi Phật.

Hỏi : Hai thứ này sao gọi là ruộng ?

Đáp : Vì từ chỗ nghe pháp mà liên tục xây dựng cho chúng sinh, tùy ở nơi cõi Phật mà tu nhân thanh tịnh. Vì pháp không vì của, là hiển thị y chỉ thân cận. Bồ-tát chỉ lấy pháp lợi đầy đủ làm y chỉ, cho nên thân cận thiện tri thức, chứ không lấy tài lợi đầy đủ làm y chỉ.

Hỏi : Thân cận thiện tri thức có các sai biệt gì ?

Kê nói :

*Nhân quả và tùy pháp,
Trong ngoài và thô tế,
Hơn kém và xa gần,
Là các thứ sai biệt.*

Giải thích : Sai biệt nhân quả, nghĩa là quá khứ thân cận là nhân hiện tại thân cận là quả, hiện tại thân cận là nhân vị lai thân

cận là quả. Sai biệt tùy pháp, nghĩa là thiện tri thức lưu bố các pháp môn tùy theo sai biệt đó mà tu hành. Sai biệt trong ngoài, nghĩa là tự mình thân cận là trong, khiến người khác thân cận là ngoài. Sai biệt thô tế, nghĩa là tự mình nghe là thô, nội tâm tư duy là tế. Sai biệt hơn kém, nghĩa là thân cận mà có tâm kiêu mạn là kém, thân cận mà không có tâm kiêu mạn là hơn.. sai biệt xa gần, nghĩa là thân cận trong cõi hiện tại là gần, thân cận trong cõi lai sinh thụ báo là xa. Lại nữa, thân cận trong cõi sinh báo là gần, thân cận trong cõi hậu báo là xa. Lại nữa, thân cận liên tục không gián cách là gần, thân cận cách đời là xa. Lại nữa, nguyện thân cận nơi hiện tại là gần, nguyện thân cận nơi vị lai là xa.

Hỏi : Những thân cận thiện tri thức như thế nào được gọi là cao tột ?

Kê nói :

*Thân cận thiện hữu hơn,
Tự ý 5 như trước.
Tín, tâm, thông, phương tiện,
Hòa hợp v.v... khác nhau.*

Giải thích : Như trước cúng dường chư Phật, do 5 thứ tự ý nên được vượt trội hơn cả. Đó là tịnh, tín, thâm tâm, thần thông, phương tiện, hòa hợp. Trong đây thân cận thiện tri thức vượt trội hơn cả cũng vậy. Do tịnh tín, nghĩa là đối với việc nói kinh Đại thừa, thân cận sinh xứ tịnh tín. Do thâm tâm, nghĩa là nói tâm cũng có 9 thứ, đó là vị tâm cho đến thiện tịnh tâm do thân cận tu hành. Do thần thông, nghĩa là y vào Hư không tạng v.v... Tam-ma-đề mà thân cận. Do phương tiện, nghĩa là dựa vào trí vô phân biệt mà nhiếp thủ. Do hòa hợp, nghĩa là chư Đại Bồ-tát dùng một quả nhập vào tất cả quả.

Xong Phẩm thân cận.

Phẩm 20 : Phạm trụ

Giải thích : Bồ-tát tu 4 phạm trụ như thế nào ?

Kê nói :

*Phạm trụ có 4 thứ,
Mỗi mỗi có 4 tướng :
Trị chướng và hợp trí,*

Chuyển cảnh và thành sinh.

Giải thích : Phạm trụ là 4 vô lượng, tức từ, bi, hỷ, xả. Trong đây phải biết 4 vô lượng của Bồ-tát mỗi mỗi đều có 4 tướng : 1. Trị chướng, do đối trị đoạn trừ. 2. Hợp trí, được trí vô phân biệt đối trị thắng. 3. Chuyển cảnh, do chúng sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. 4. Thành sinh, do thắng tác nghiệp thành tựu chúng sinh.

Hỏi : Những chúng sinh nào là chúng sinh duyên ? Những pháp và vô duyên nào là pháp duyên và vô duyên ?

Kê nói :

*Lạc khổ hỷ phiền não,
Đó là chúng sinh duyên.
Pháp duyên, nói pháp ấy,
Vô duyên tức như kia.*

Giải thích : Bốn nhóm chúng sinh là chúng sinh duyên : 1. Nhóm chúng sinh cầu lạc. 2. Nhóm chúng sinh có khổ. 3. Nhóm chúng sinh có vui mừng. 4. Nhóm chúng sinh phiền não. Từ thì đối với nhóm chúng sinh cầu lạc khởi cho lạc hạnh. Bi thì đối với nhóm chúng sinh có khổ khởi cứu vớt khổ hạnh. Hỷ thì đối với nhóm chúng sinh có vui mừng khởi hạnh không lìa. Xả thì đối với nhóm chúng sinh thụ các phiền não khởi hạnh khiến lìa bỏ. Đó gọi là chúng sinh duyên. Pháp duyên, tức nói 4 thứ pháp Phạm trụ gọi là pháp duyên. Vô duyên, tức là như kia vì vô phân biệt nên gọi là vô duyên.

Kê nói :

*Và như nghĩa kia nên
Nhẫn vị được thanh tịnh.
Gồm cả thân khẩu nghiệp
Cũng hết các phiền não.*

Giải thích : Phải biết 4 thứ hạnh kia. Vô duyên từ, là vì như duyên nên khi được vô sinh pháp nhẫn ở địa thứ 8 thì tất cả thiện căn cũng được viên mãn vì kia thanh tịnh. Và từ gồm 2 nghiệp thân khẩu sở y, các phiền não cũng hết. Như phiền não sở duyên, nói ý tự thể các phiền não đoạn vì sở duyên đoạn. Trong Tu-đa-la nói như vậy.

Hỏi : Bốn Phạm trụ kia có những hạnh sai biệt gì ?

Kê nói :

*Có động và không động,
Cũng ăn và không ăn.
Phải biết 4 Phạm trụ,
Hành sai biệt như vậy.*

Giải thích : Phải biết 4 Phạm trụ kia có 4 hành sai biệt :
1. Có động. 2. Không động. 3. Ăn. 4. Không ăn.

Động là thoái phần, nghĩa là có thể thoái lui. Không động là trụ phần và thắng phần, không thể thoái lui. Ăn, nghĩa là nhiễm ô, tham đắm mùi lạc thú không có tâm rộng lớn. Không ăn, nghĩa là không nhiễm ô. Các hạnh như thoái v.v... này là sai biệt của Phạm trụ. Chữ Bồ-tát trụ trong không động và không ăn, không trụ trong động và ăn.

Hỏi : Chủng loại của Phạm trụ sai biệt như thế nào ?

Kê nói :

*Trước 6 và trước 2,
Hạ địa và hạ tâm,
Tương tự v.v... là hạ,
Ngược hạ tức là thượng.*

Giải thích : Thượng hạ sai biệt, nghĩa là tự tính bất định địa kia 6 phẩm trước là hạ. Tất cả định địa thì 2 phẩm trước là hạ. Nghĩa là duyên duyên, duyên trung, hạ địa cũng là hạ. Nghĩa là Bồ-tát dưới địa thứ 7 quán thượng địa nên hạ tâm cũng gọi là hạ. Nghĩa là các Thanh Văn tương tự cũng là hạ. Nghĩa là vì chưa được Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Như đã nói, ngược lại đây tức là thượng.

Hỏi : Bốn Phạm trụ này được bao nhiêu quả ?

Kê nói :

*Quả báo sinh cõi Dục,
Mãn tụ và thành sinh,
Không lìa và lìa chướng,
Đầy đủ 5 là quả.*

Giải thích : Bồ-tát trụ các Phạm trụ làm nhân đủ được 5 quả : 1. Sinh trong chúng sinh cõi Dục, là quả báo quả. 2. Hai tụ viên mãn, là tăng thượng quả. 3. Thành thực chúng sinh, là trượng phu quả. 4. Tất cả nơi sinh không lìa Phạm trụ, là y quả. 5. Nơi sinh ra hằng lìa các chướng kia, là tương ly quả.

Hỏi : Trong Phạm trụ này có những việc gì là tướng của Bô-tát ?

Kê nói :

*Dầu gắp duyên chương nặng,
Và do tự phóng dật,
Muốn biết tướng Bô-tát,
Phạm tâm không thoái chuyển,*

Giải thích : Bô-tát có 2 việc Phạm tâm không động là tướng Bô-tát : 1. Dầu gắp nhân duyên chương nặng tâm hoàn toàn không đổi khác, đó là tướng Bô-tát. 2. Dầu tự phóng dật, nghĩa là nghĩa là có thể đổi trị lúc không hiện tiền, tâm cũng không đổi khác, đó là tướng Bô-tát, huông chi lúc vô lượng hiện tiền.

Hỏi : Phạm trụ chương ngại thế nào ?

Kê nói :

*Bốn Phạm có 4 chương,
Là sân, nã, ưu dục.
Bô-tát đủ chương này,
Nhiều thứ tội lỗi khởi.*

Giải thích : Bốn Phạm đối trị đủ 4 chương theo thứ tự : 1. Sân. 2. Nã. 3. Ưu. 4. Dục. Do chương như vậy nên Phạm là vô thể, nếu có 4 cái này thì lại sinh nhiều thứ tội lỗi.

Hỏi : Nhiều lỗi như thế nào ?

Kê nói :

*Như vậy các phiền não,
Khởi thì có 3 hại.
Tự hại và hại người,
Và hại cả Thi-la.*

Giải thích : Kê này hiển thị tội lỗi 3 hại : 1. Tự hại là tự khổ tư. 2. Tha hại là làm khổ tư người khác. 3. Thi-la hại là làm đủ khổ tư.

Kê nói :

*Có hối và mất lợi,
Mất hộ và sư xả,
Trí phạt và tiếng dữ,
Như vậy 6 quả trách.*

Giải thích : Kệ này nói bị 6 thứ quả trách tội lỗi : 1. Tự trách vì lo buồn hối hận. 2. Người quả trách vì mất lợi dưỡng. 3. Chư thiên quả trách do mất sự ủng hộ. 4. Đại sư quả trách do đại sư bỏ. 5. Phạm hạnh quả trách do người trí tuệ Phạm hạnh đúng như pháp trị phạt. 6. Người 10 phương quả trách vì tiếng dữ lan truyền.

Kệ nói :

*Thân sau đọa các nạn,
Phạm trụ nay thoái lui,
Tâm số và bị khổ,
Lại nữa sinh 3 lỗi.*

Giải thích : Kệ này nói sau bị 3 thứ tội lỗi : 1. Đọa vào các nạn do ác nghiệp này đời sau bị ác báo. 2. Thoái hành do đã được thì thoái mất và chưa được thì sẽ thoái mất Phạm trụ hiện tại và vị lai. 3. Khổ sinh do tâm số pháp từ đó sinh đại ưu khổ.

Hỏi : Đã nói tội lỗi vậy những gì là công đức ?

Kệ nói :

*Người khéo trụ Phạm trụ,
Xa lìa các ác kia,
Sinh tử không ô nhiễm,
Không bỏ cứu quần sinh.*

Giải thích : Người trụ Phạm trụ được 2 công đức : 1. Xả phiền não, như trước đã nói tội lỗi thấy đều lìa xa. 2. Không bỏ chúng sinh, vì thành thực chúng sinh, sinh tử không thể nhiễm ô.

Hỏi : Đã biết công đức, nhưng làm sao biết công đức này là tội tôn tôi thượng ?

Kệ nói :

*Như người có một con,
Có đức rất yêu thương,
Bồ-tát đối tất cả,
Khởi Phạm thắng hơn kia.*

Giải thích : Do quá hơn thí dụ này nên hiển thị 4 thứ Phạm trụ của Bồ-tát là tội tôn tôi thượng.

Hỏi : Đại bi lấy những chúng sinh nào làm sở duyên ?

Kệ nói :

*Nung đốt và oán thắng,
Khổ bức và tối che,*

*Trụ hiểm và trói chặt,
Ăn độc và mất đạo.
Lại có trụ phi đạo,
Và những kẻ gây guộc.
Mười chúng sinh như vậy,
Tâm đại bi sở duyên.*

Giải thích : Bồ-tát đại bi đại khái lấy 10 loại chúng sinh làm cảnh giới : 1. Chúng sinh nung đốt, nghĩa là bị nung đốt bởi dục nhiễm khoái lạc. 2. Chúng sinh oán thắng, nghĩa là khi tu thiện bị ma chướng ngại. 3. Chúng sinh bị khổ bức bách, tức chúng sinh trong tam đồ. 4. Chúng sinh bị tối tăm che khuất, nghĩa là hằng làm nghiệp bất thiện do không biết nghiệp báo. 5. Chúng sinh ở nơi hung hiểm, nghĩa là không thích Niết-bàn do không đoạn tuyệt đường hiểm sinh tử. 6. Chúng sinh trói buộc chặt, nghĩa là ngoại đạo tà kiến do muốn đến giải thoát mà bị các tà kiến trói chặt. 7. Chúng sinh ăn phải chất độc, nghĩa là ăn mùi vị thiên định, ví như thức ăn ngon nhưng lại có xen độc chất có thể hại người. Thiên định cũng vậy, vì tham đắm nên thoái mất. 8. Chúng sinh lạc mất đường, nghĩa là người tăng thượng mạn do mê làm con đường chân thật giải thoát. 9. Chúng sinh trụ phi đạo, nghĩa là những người hạ thừa bất định do có thoái lui. 10. Chúng sinh gây guộc, nghĩa là chư Bồ-tát chưa đầy đủ trong 2 tụ. Mười loại chúng sinh như vậy là cảnh giới sở duyên của đại bi Bồ-tát. Tiếp nói đại bi đặc quả.

Kê nói :

*Chướng đoạn và giác nhân,
Dữ lạc và ái quả,
Tự lưu, 5 y quả,
Là người ở gần Phật.*

Giải thích : Chướng đoạn, là tương ly quả vì chướng kia đoạn. Giác nhân, là tăng thượng quả vì lợi ích chúng sinh. Dữ lạc, là trượng phu quả vì trượng phu tạo tác. Ái quả, là quả báo quả vì được báo khả ái. Tự lưu, là y quả vì cùng vị lai thắng bị. Như vậy 5 quả đều y vào đại bi mà được. Phải biết Bồ-tát như vậy thì cách Phật Bồ-đề không xa.

Đã nói đại bi đặc quả, tiếp nói đại bi không trụ.

Kê nói :

*Khổ sinh tử làm thể,
Và vô ngã làm tính,
Không chán cũng không sâu,
Vì đại bi thắng giác.*

Giải thích : Tất cả sinh tử lấy khổ làm thể, lấy vô ngã làm tính. Bồ-tát đối với khổ biết được như thật, đối với vô ngã được vô thượng giác. Như vậy được biết giác rồi do đại bi nên trong sinh tử không chán lìa, do thắng giác nên không bị phiền não khuấy nhiễu. Cho nên Bồ-tát được không trụ Niết-bàn cũng không trụ sinh tử.

Đã nói đại bi không trụ, tiếp nói công đức của đại bi.

Kệ nói :

*Khi thấy tự tính khổ,
Biết khổ sinh bi khổ.
Cũng biết xả phương tiện,
Hằng tu không chán sinh.*

Giải thích : Bồ-tát quán cái khổ của thế gian, khi thấy tự tính của nó tức sinh bi tâm đối với cái khổ. Nếu xa lìa phương tiện mà cầu biết như thật, biết rồi hằng tu không chán, đó là công đức của đại bi.

Đã nói công đức của đại bi, tiếp nói sai biệt của đại bi.

Kệ nói :

*Tự tính và số trạch,
Túc tập và chương đoạn.
Là bi của Bồ-tát,
Bốn sai biệt như thế.*

Giải thích : Đại bi này tùy theo thứ tự có 4 sai biệt : 1. Tự tính, vì thành tự nhiên. 2. Số trạch, vì thấy công đức và tội lỗi. 3. Túc tập, vì do tu hành nhiều đời trước. 4. Chương đoạn, vì do được lìa dục, đoạn sở tri, não chương thanh tịnh. Lại có 6 thứ sai biệt.

Kệ nói :

*Phi đẳng cũng phi thường,
Phi thâm cũng phi thuận,
Phi đạo, phi bất đắc,
Nghịch 6 đó là bi.*

Giải thích : Ngược lại 6 thứ sai biệt phi đại bi, tức là 6 thứ sai biệt của đại bi : 1. Bình đẳng. 2. Thường hằng. 3. Rất sâu. 4. Tùy thuận. 5. Tịnh đạo. 6. Không được.

Bình đẳng, nghĩa là trong các cảm thụ lạc mà chúng sinh cảm thụ, biết đều là khổ. Thường hằng, là nói cho đến vô dư Niết-bàn cũng không hết. Rất sâu, nghĩa là các Bồ-tát nhập địa đều được tự tha bình đẳng. Tùy thuận, nghĩa là như lý cứu tế tất cả chúng sinh khổ. Tịnh đạo, là đối trị não loạn được đoạn trừ. Không được, nghĩa là khi được pháp nhãn vô sinh thì tất cả pháp là bất khả đắc.

Đã nói xong sai biệt của đại bi, tiếp nói đại bi như cây.

Kê nói :

*Bi, nhân, tư, nguyện, sinh,
Thành thực, thứ tự nói.
Gốc lớn đến quả lớn,
Cây bi 6 việc thành.*

Giải thích : Cây đại bi này do 6 việc thành tựu : 1. Đại bi. 2. Nhân nhục. 3. Tư duy. 4. Thắng nguyện. 5. Thắng sinh. 6. Thành thực. Đây tức 6 vị là gốc, chồi, nhánh, lá, hoa, quả.

Hỏi : Việc này là nghĩa thế nào ?

Đáp : Cây này lấy đại bi làm gốc, lấy nhân nhục làm chồi, lấy tư duy lợi ích chúng sinh làm nhánh, lấy nguyện thắng sinh làm lá, lấy sở đắc thắng sinh làm hoa, lấy thành thực chúng sinh làm quả.

Hỏi : Vì sao 6 việc tuần tự trước sau như vậy ?

Kê nói :

*Không bi thì không nhân,
Như vậy 6 tuần tự.
Thắng sinh nếu không được,
Không thành thực chúng sinh.*

Giải thích : Nếu không có đại bi không thể nhân các khổ lớn khó nhẫn. Nếu không nhân các khổ lớn khó nhẫn thì không thể khởi tư duy lợi ích chúng sinh. Nếu không tư duy lợi ích chúng sinh thì không thể nguyện thắng sinh. Nếu không nguyện thắng sinh thì không thể đến nơi thắng sinh. Nếu không đến nơi thắng sinh thì không thể thành thực chúng sinh.

Hỏi : Trước sau tương tự như vậy, còn thành lập tương tự như thế nào ?

Kê nói :

*Gốc sinh cho từ nhuận,
Đâm chồi cho rộng vui,
Chính niệm thì nhánh nhiều,
Nguyện tiếp thì lá lớn,
Ngoại duyên thành trở hoa,
Ngoại duyên thành kết trái.
Phải biết gốc bi v.v...
Thứ tự như vậy thành.*

Giải thích : Trong đây thành lập tương tự, nghĩa là tâm bi do tâm từ làm phát sinh tươi tốt. Do có tâm từ thấy người khổ đã sinh bi khổ, cho nên lấy tâm bi làm gốc. Nhẫn là lấy cái tưởng vui có thể khiến nhỏ bỏ. Nghĩa là BỒ-tát lợi tha, khổ thì sinh tưởng vui, sinh tưởng vui rồi có thể khiến đức tính nhẫn nhục được rộng lớn, cho nên lấy nhẫn làm chồi. Tư duy bằng chính niệm có thể khiến tăng tiến. Do nhẫn đã rộng rồi, có thể khởi chính niệm trong các việc lợi tha, cho nên lấy tư duy làm nhánh. Nguyện thì lấy sự liên tục có thể khiến trưởng thành, do trước diệt thì sau sinh ví như lá dài rụng thì lá mới nhú ra, cho nên lấy nguyện làm lá. Sinh thì lấy nội duyên thành, do tự thân thành thực thì thụ sinh không hỏng, cho nên lấy sinh làm hoa. Thành thực thì lấy ngoại duyên làm thành, do tha thân thành thực thì lợi ích không hỏng, cho nên lấy thành thực chúng sinh làm quả. Phải biết thanh lập theo tuần tự như vậy.

Đã nói đại bi như cây, tiếp ca ngợi công đức của đại bi.

Kê nói :

*Đại bi làm lợi ích,
Ai đối tha không khởi.
Nơi khổ thẳng lạc sinh,
Lạc sinh vì bi tâm.*

Giải thích : Nghĩa này như lời kê nói. Đã tán thán công đức đại bi, tiếp nói đại bi không đả trước.

Kê nói :

*Bồ-tát bi tự tại,
Vắng lặng thường không trụ.*

*Đời vui và thân mạng,
Yêu thích khởi chi đâu ?*

Giải thích : Tất cả thế gian đều yêu thích khoái lạc thế gian và thân mạng mình. Tất cả Thanh Văn Duyên Giác tuy không yêu thích đời khoái lạc và tự thân mạng nhưng đối với Niết-bàn thì khởi tâm bám trụ. Bồ-tát không như vậy, vì đại bi tự tại, nơi Niết-bàn còn không trụ hướng chi trụ trong 2 yêu thích kia.

Đã nói đại bi không đắm trước, tiếp nói ái thắng của đại bi.

Kê nói :

*Tham ái chẳng không chướng,
Thế bi, cũng thế gian.
Bồ-tát khởi bi ái,
Chướng hết, và quá thế.*

Giải thích : Bi ái tối thắng tự có 2 nghĩa : một là chướng hết, hai là siêu quá thế gian. Tự thể của yêu thân thuộc và tham là chướng, còn thực hành thế gian bi tâm tuy thể không phải chướng nhưng là thế gian. Bi ái của Bồ-tát tự thể đã hết chướng mà còn siêu quá thế gian, cho nên là tối thắng.

Hỏi : Thế nào là chướng hết ?

Kê nói :

*Có khổ và không trí,
Đại hải và đại ám,
Cứu tế dùng phương tiện,
Làm sao chướng không hết ?*

Giải thích : Có khổ là như biển lớn. Không trí tuệ là như sự tối tăm to lớn. Đại bi là phương tiện có thể cứu vớt. Bi ái này thì chướng hết.

Hỏi : Sao gọi là quá thế ?

Kê nói :

*La-hán và Duyên Giác,
Là không có bi ái,
Hướng chi các thế gian,
Lẽ nào không siêu quá.*

Giải thích : A-la-hán, Bích-chi-phật còn không có đại bi ái, hướng chi người thế gian mà có được. Nếu vậy không phải vượt quá thế gian sao ? Đã nói xong sự vượt trội của đại bi ái, tiếp nói đại bi không chán.

Kê nói :

*Các Bò-tát được bi,
Xả khổ mà khởi khổ.
Mới khởi thì sợ khổ,
Khi chúng rất mừng vui.*

Giải thích : Xả khổ, nghĩa là chư Bò-tát vì đại bi nên muốn xả cái khổ cho người khác. Mà khởi khổ, nghĩa là do xả cái khổ cho người khác mà sinh khởi cái khổ cho chính mình. Mới khởi thì sợ khổ, nghĩa là nói mới tức nói Bò-tát ở tín hành địa. các Bò-tát này trong khi khởi khổ sinh khiếp sợ, do chưa thấy tự tha bình đẳng, do chưa chạm đến như thật của cái khổ. Khi chúng rất vui mừng, nghĩa là nói khi chúng là nói Bò-tát ở tịnh tâm địa. Các Bò-tát ấy trong khi khởi khổ sinh rất vui mừng, do thấy được tự tha bình đẳng, do đã chạm đến như thật của khổ. Đã nói xong đại bi không chán, tiếp nói đại bi khổ thắng.

Kê nói :

*Bi khổ rất hy hữu,
Khổ thắng tất cả vui.
Lại vui vì bi sinh,
Làm xong đâu còn nữa.*

Giải thích : Bi khổ rất hy hữu, nghĩa là từ cái khổ của người khác mà sinh đại bi, từ đại bi mà sinh cái khổ tự mình. Như vậy bi và khổ có gì hy hữu, mà được quá hơn đây cho nên nói là rất hy hữu. Khổ thắng tất cả vui, nghĩa là cái bi khổ đây hơn tất cả cái vui của thế gian. Hỏi vì sao ? Đáp vì lại vui thì bi sinh nên chư Bò-tát đây lại lấy cái bi khổ làm vui, do khổ này từ đại bi sinh. Làm xong , đâu còn nữa, nghĩa là cái vui đã làm xong kia còn không có hướng cho có những cái khác của thế gian. Đã nói đại bi khổ thắng, tiếp nói đại bi thí thắng.

Kê nói :

*Thí và bi cùng khởi,
Khiến Bò-tát được vui.
Cái vui trong 3 cõi,
So đây chẳng phân nào.*

Giải thích : Nếu bố thí với đại bi cùng khởi thì có thể khởi cái vui thù thắng của Bò-tát. Nghĩa là các cái vui trong 3 cõi nếu so với cái vui tạo ra của đại bi bố thí thì không có một phần nào

tương đương được. Đã nói đại bi thí thắng, tiếp đến nói đại bi nhẫn khổ.

Kê nói :

*Sinh tử khổ tự tính,
Không bỏ vì tâm bi.
Khởi khổ do lợi tha,
Làm sao bỏ không tập ?*

Giải thích : Tất cả khổ thủy đều nhập vào trong khổ sinh tử. Chư Bồ-tát do đại bi không bỏ sinh tử, cho nên Bồ-tát khởi khổ là nhân lợi tha. Khi Bồ-tát không bỏ sinh tử tức không bỏ tất cả khổ. Đã nói đại bi nhẫn khổ, tiếp nói đại bi thí quả.

Kê nói :

*Bi thí tài 3 quả,
Bi là hằng tăng trưởng.
Ái sinh và nhiếp sinh,
Tư sinh có 3 vui.*

Giải thích : Bi thí tài 3 quả, bi là hằng tăng trưởng, nghĩa là Bồ-tát đại bi có thể tăng trưởng 3 thứ quả : 1. Tăng bi, do tu tập nên có thể khiến tự thể tăng trưởng. 2. Tăng thí, do bi tự tại có thể khiến thí được tăng trưởng. 3. Tăng của cải, do thí tự tại nên có thể khiến của cải được tăng trưởng. Ái sinh và nhiếp sinh, tư sinh lại có 3 cái vui, nghĩa là từ 3 quả này lại sinh 3 cái vui : 1. Do bi làm nhân sinh ái sinh vui. 2. Do thí làm nhân sinh nhiếp sinh vui. 3. Do của cải làm nhân sinh vốn sinh vui. Đã nói đại bi tăng quả, tiếp nói đại bi khuyến tiến.

Kê nói :

*Bi lớn và thí tăng,
Thành sinh và vui khởi,
Nhọc đến rồi lại đi,
Đại bi khuyến như vậy.*

Giải thích : Đại bi khuyến tiến Bồ-tát thực hành 6 thứ công đức. Đại Bi Nghĩa nói : Bồ-tát, người tu tập ta khiến ta tốt tươi thêm lớn. Người xả của cải khiến thí tăng tiến. Người hãy dùng thí thành thực chúng sinh. Người nên dùng thí khiến khởi niềm vui chính mình. Nếu người thí sẽ dẫn đến 2 tụ Đại Bồ-đề và ngoài ra khiến hướng đến mình. Nếu người thí sẽ đem lại 2 tụ và

ngoài ra khiến đi đến Đại Bồ-đề. Đã nói đại bi khuyên tiến, tiếp nói đại bi lạc thẳng.

Kệ nói :

*Người khổ bi các khổ,
Không thí làm sao vui ?
Để khiến mình được vui,
Thí vui cứu khổ người.*

Giải thích : Người khổ bi các khổ, nghĩa là chư Bồ-tát dùng bi khởi các khổ, cho nên gọi là người khổ. Không thí làm sao vui, nghĩa là Bồ-tát đại bi nên lấy cái khổ của người làm cái khổ của mình. Nếu không thí vui cho người làm sao có được cái vui cho mình. Để khiến mình vui nên thí vui cứu khổ người, nghĩa là Bồ-tát khi thí vui cho chúng sinh khổ tức Bồ-tát làm vui cho mình. Đã nói xong đại bi lạc thẳng, tiếp nói đại bi giáo thụ.

Kệ nói :

*Bi là dạy tự thí,
Thí người chớ tự cầu.
Thí báo nguyện không thụ,
Có nguyện lại đem thí.*

Giải thích : Kệ này dạy hạnh thí không cầu. Bi là dạy tự thí, thí người chớ tự cầu. Đại Bi Nghĩa nói : Khi người thí cho người chớ nên cầu vui cho mình. Không có cái vui cho người thì cũng không có cái vui cho mình. Bởi vì sao ? Cái vui không có vui riêng. Thí báo nguyện không thụ, có nguyện lại đem thí, nghĩa là nếu có quả thí của ta cũng xin không nhận, dầu khi có quả thì dùng đó đem bố thí.

Kệ nói :

*Thí cho đến quả thí,
Khấp thí cho tất cả.
Người vui là ta vui,
Thí người, ta không cần.*

Giải thích : Kệ này dạy hạnh thí quả thí, nghĩa là thí và thí cái quả mình đạt được, khắp thí cho tất cả chúng sinh. Bởi vì sao ? Vì bi là lấy cái vui của người làm cái vui của mình, cho nên Bồ-tát có quả cũng đều bố thí tất cả chúng sinh. Dạy đại bi là dạy như vậy.

Kệ nói :

*Khinh của cái đem thí,
Đến nhiều lại đến tốt.
Chẳng dùng mà tự đến,
Lại dùng bổ thí nữa.*

Giải thích : Kệ này dạy hạnh chán của cái thí. Nếu người chán của cái mà hành thí thì người này tuy không muốn của cái mà của cái tự đến. Đạo lý cực rộng cực vi diệu là như vậy. Vì đại tâm cho nên nếu có được như vậy thì lại đem dùng bổ thí. Đó là của cái đến rồi lại đến. Bỏ-tát thì thí rồi lại thí. Bởi vì sao ? Vì chẳng phải cầu vui cho chính mình mà muốn thí thí vô cùng.

Kệ nói :

*Bi là dùng đại bi,
Thí hết và thường thí
Phải hành thí như vậy
Chớ nên cầu quả thí.*

Giải thích : Kệ này dạy hạnh thí không gián đoạn.

Kệ nói :

*Nếu ta không vui thí,
Thí quả không thí thời,
Thí không một sát-na,
Vì lẽ yêu vô thí.*

Giải thích : Kệ này dạy hạnh thí không chán.

Kệ nói :

*Không làm không cho quả,
Cho quả cùng với làm,
Là lỗi nghĩ đến ơn,
Với ta thật chẳng giống.*

Giải thích : Kệ này dạy hành thí bỏ ý nghĩ trả ơn. Bỏ-tát ngữ thí nói : Nếu có người làm cho ông, ông mới cho quả, vậy là ông có lỗi mong đợi sự trả ơn. Tôi thì không như vậy. Như thế là ông không giống tôi. Lại nữa, nếu có người làm cho ông, ông chỉ cho quả người này, vậy ông là người mong đợi sự trả ơn. Tôi không như vậy. quả của sự hành thí là cho tất cả chúng sinh. Như thế là ông không giống tôi. Đã nói xong về đại bi dạy bổ thí, tiếp nói đại bi hành thí.

Kệ nói :

*Không chướng và tịnh cú,
Lợi kia và tự lượng.
Không cầu cũng không đắm,
Bi là thí như vậy.*

Giải thích : Không chướng, nghĩa là không lấy vật người khác mà hành thí. Tịnh cú, là như pháp tài hành thí, nghĩa là không dùng vật độc hại, vũ khí, rượu v.v... mà bố thí. Lợi kia, là dùng thí nhiếp hóa người đến với thiện căn. Tự lượng, nghĩa là không khiến cho quyến thuộc mình phải thiếu thốn. Không cầu, nghĩa là chúng sinh hoặc vô tâm cầu, hoặc không mở miệng cầu, thấy kia thiếu thốn thì tự nhiên thí và không chọn lựa phúc điền. Không đắm trước, là không cầu trả ơn và quả báo.

Kệ nói :

*Tận, quảng, thắng, thường, hỷ,
Lìa trước và thanh tịnh.
Hồi hướng nơi 2 chỗ,
Bồ-đề và thiện căn.*

Giải thích : Tận, là thí hết vật nội ngoại. Quảng, là thí nhiều vật. Thắng, là thí vật tốt. Thường, là thí thường xuyên. Hỷ, là thí lìa bỏ sân giận. Nghĩa là người cầu xin khi làm việc không ích lợi cũng nhẫn nại mà hoan hỷ thí. Lìa trước, là không trông mong, mong đợi, như đã nói không chấp trước. Thanh tịnh, là dùng như pháp, như đã nói tịnh cú ở trước. Hồi hướng Bồ-đề, là hồi hướng Đại Bồ-đề. Hồi hướng thiện căn, là hồi hướng tùy thuận thiện căn khí. Đã nói xong đại bi hành thí, tiếp nói đại bi thụ dụng sai biệt.

Kệ nói :

*Có của mà tự dụng,
Và thí cho chúng sinh,
Được hỷ thí hỷ thắng,
Ba vui nuôi dưỡng tâm.*

Giải thích : Bồ-tát sinh vui vì thụ dụng của cải của mình và sinh vui vì dùng của cải bố thí chúng sinh. So sánh 2 cái vui này thì vui vì bố thí là hơn. Bởi vì sao ? Vì 3 cái vui nuôi dưỡng tâm. Ba cái vui là : 1. Vui bố thí. 2. Vui nhiếp hóa người khác. 3. Vui đầy đủ Tam Bồ-đề. Đã nói xong đại bi thụ dụng sai biệt, tiếp nói đại bi tăng trưởng các độ.

Kê nói :

*Xan, ác, sân, phóng dật,
Duyên trước và tà trước,
Như vậy 6 ngăn che,
Bi khiến 6 độ tăng.*

Giải thích : Xan, là vật ít không thể xả. Ác, là phá giới và nỡ hại người khác. Sân, là không được lợi một chút thì nổi giận dữ. Phóng dật, là không siêng năng làm các thiện pháp. Duyên trước, là 5 dục loạn tâm. Tà trước, là ngoại đạo không trí tuệ. Như vậy ở trong 6 thứ ngăn che, đại bi thương xót nói các lỗi lầm ấy khiến 6 Ba-la-mật được tăng trưởng. Đã nói xong đại bi tăng trưởng các độ. Đại bi này từ 4 duyên sinh, cũng nên nói rõ.

Kê nói :

*Khổ vui, không khổ vui,
Sức nhân và thiện hữu.
Tự thể luôn nối tiếp,
Nghĩa 4 duyên đại bi.*

Giải thích : Khổ vui, không khổ vui, là hiển thị duyên duyên cụ duyên. Ba thụ 3 khổ đều khởi bi.

Hỏi : Xả thụ thì sao khổ ?

Đáp : Do hành khổ.

Sức nhân, là hiển thị nhân duyên. Thiện hữu, là hiển thị tăng thượng duyên. Tự thể luôn nối tiếp, là hiển thị thứ đệ duyên.

Hỏi : Đại bi đã sinh như vậy làm sao được bình đẳng ?

Kê nói :

*Hành tướng và tư duy,
Tùy thuận và lìa chướng,
Bất đắc và thanh tịnh,
Sáu nghĩa bi bình đẳng.*

Giải thích : Đại bi bình đẳng có 6 thứ : 1. Hành tướng bình đẳng, do chúng sinh trong 3 thụ vị đều khổ bình đẳng. 2. Tư duy bình đẳng, do thương xót bình đẳng. 3. Tùy thuận bình đẳng, do bình đẳng cứu tế. 4. Lìa chướng bình đẳng, do bình đẳng không nã. 5. Bất đắc bình đẳng, là do tự tha và bi là tam luân bình đẳng vì bất khả đắc. 6. Thanh tịnh bình đẳng, do khi được vô sinh nhẫn ở địa thứ 8 thì được bình đẳng.

Hỏi : Như vậy đã nói riêng đại bi rồi, 4 Phạm trụ này làm sao tu tập khiến được vô thượng ?

Kê nói :

*Từ v.v..khiến vô thượng,
Tự ý tu có 5.
Tín, tâm, thông, phương tiện,
Hòa hợp như trước nói.*

Giải thích : Như trước đã nói cúng dường chư Phật, thân cận thiện hữu đều có 5 thứ tự ý tu tập khiến được vô thượng. Phạm trụ cũng vậy. Do tịnh tín, nghĩa là trong kinh Đại thừa nói nơi Phạm trụ sinh tịnh tín. Do thâm tâm, là dùng 9 thứ tâm tu Phạm trụ. Do thần thông, là y hư không định v.v...mà tu tập. Do phương tiện, là y vô trí vô phân biệt nhiếp giữ. Do hòa hợp, là lấy một quả nhập vào tất cả quả.

Xong Phẩm Phạm trụ.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 9)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 10

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 21 – 1 : Giác phần

Giải thích : Chư Bồ-tát có tướng hổ thẹn. Nay sẽ nói đến.

Kê nói :

*Trị chướng và hợp trí,
Duyên cảnh với thành sinh,
Bồ-tát tướng hổ thẹn,
Có 4 thứ sai biệt.*

Giải thích : Kệ này hiển thị Bồ-tát có 4 tướng hổ thẹn : 1. Tự tính. 2. Bạng loại. 3. Cảnh giới. 4. Tác nghiệp. Trị chướng, là lìa sự không xấu hổ, đây tức là tự tính xấu hổ. Hợp trí, là tương ưng với cái biết không phân biệt. Tria này là bạng loại của xấu hổ. Duyên cảnh, là Bồ-tát lấy chúng sinh tiêu vô chướng làm cảnh

đáng xấu hổ, tức Thanh Văn, Duyên Giác. Tiêu là nói đối với Đại thừa. Vô chương, là phá phiền não chương. Thành sinh, là Bồ-tát có xấu hổ vì kiến lập chúng sinh làm nghiệp. Đây là 4 thứ tướng có xấu hổ.

Hỏi : Chư Bồ-tát có xấu hổ khởi trong hạnh gì ?

Kê nói :

*Bồ-tát trong 6 độ,
Chương tăng và trị giảm,
Không siêng và siêng làm,
Nơi đây xấu hổ khởi.*

Giải thích : Chư Bồ-tát rất sinh xấu hổ trong 4 việc : 1. Trong các độ khi chương tăng rất sinh xấu hổ. 2. Trong các chương trị khi giảm rất sinh xấu hổ. 3. Khi tu các độ mà biếng nhác rất sinh xấu hổ. 4. Khi siêng làm các pháp tùy thuận phiền não rất sinh xấu hổ, như các căn thường mở mà không giữ cấm.

Hỏi : Bồ-tát có các xấu hổ sai biệt như thế nào ?

Kê nói :

*Sáu phẩm và 2 phẩm,
Bảy địa với 2 thừa.
Cũng tương tự là hạ,
Nghịch đây mới là thượng*

Giải thích : Sáu phẩm, là trong bất định địa, 6 phẩm trước có xấu hổ là hạ. Hai phẩm, là trong các định địa, 2 phẩm trước có xấu hổ là hạ. Bảy địa, là trong 10 địa của Bồ-tát, 7 địa trước có xấu hổ là hạ. Hai thừa, là hạ tâm chúng sinh có xấu hổ là hạ, do có tăng thượng mạn. Cũng tương tự, nghĩa là Bồ-tát chưa được vô sinh pháp nhẫn nếu có xấu hổ cũng là hạ. Ngược lại các bậc dưới có xấu hổ này thì biết các bậc trên có xấu hổ.

Hỏi : Pháp gì là chương ngại sự có xấu hổ và chương ngại kia có mấy lỗi lầm ?

Kê nói :

*Không hổ hoặc không đoạn,
Ba hại 6 quả trách,
Đọa nạn thoái khổ 3,
Như trước 12 lỗi.*

Giải thích : Không hổ, nghĩa là có chương sự hổ thẹn. Nếu có cái chương này thì phiền não không đoạn. Phiền não không

đoạn thì trước sinh 3 cái hại : 1. Tự hại, nghĩa là không chính tư duy, do tự não hại. 2. Hại người khác, nghĩa là sân và xả bỏ, do não hại người khác.

Hỏi : Giận dữ là não hại chúng sinh còn được, xả sao nói là não hại chúng sinh ?

Đáp : BỒ-tát phải hóa độ chúng sinh, xả bỏ mà không giáo hóa tức là hại. Câu hại, nghĩa là phá Thi-la do não hại tự tha. Khởi 3 hại rồi thì đối với hiện pháp bị 6 sự quả trách, do nghi hối, mất lợi, mất hộ, vất bỏ, trị phạt, tiếng xấu, tùy theo thứ tự bị 6 thứ quả trách, như tự trách cho đến người 10 phương quả trách. Như vậy sau lại có 3 thứ tội lỗi sinh : 1. Thoái đọa nơi các hiểm nạn. 2. Thoái mất các thiện pháp đã được và chưa được. 3. Từ đó chịu các khổ lớn. Đó gọi là không xấu hổ sinh 12 thứ tội lỗi.

Hỏi : Đã biết chương và tội lỗi, còn công đức của có xấu hổ là gì ?

Kê nói :

*Tất cả các ác này,
Bồ-tát có xấu hổ,
Phải biết tất cả hết,
Vì khởi kia đối trị.
Trời người thông tuệ sinh,
Mau đủ nơi 2 tụ,
Thành sinh không thoái chuyển,
Lìa không lìa là quả.*

Giải thích : Bài kệ đầu hiển thị công đức lìa lỗi của có xấu hổ. Như các lỗi trước, Bồ-tát có xấu hổ thì tất cả sẽ không có. Bài kệ sau hiển thị có xấu hổ thì tập hợp được công đức, vì tập hợp đầy đủ 5 thắng quả. Trời người thông tuệ sinh, là được quả báo quả, nghĩa là sinh lên cõi trời và trong cõi người thường được trí tuệ thông minh. Mau đủ 2 tụ, là được tăng thượng quả, nghĩa là được 2 tụ Đại Bồ-đề. Thành sinh không thoái chuyển, là được trượng phu quả, vì trượng phu tạo ra. Lìa, là được tương ly quả, vì lìa chướng kia. Không lìa, là được y quả, vì tất cả nơi sinh ra không lìa đối trị chướng kia.

Hỏi : Công dụng của sự có xấu hổ thí dụ như thế nào ?

Kê nói :

*Có áo lại có bản,
Phàm phu không xấu hổ.
Áo trời thì không bản,
Như BỒ-tát xấu hổ.
BỒ-tát đủ xấu hổ,
Như hư không không bản.
Dục thắng chư BỒ-tát,
Lấy xấu hổ trang nghiêm.
Như mẹ hiền thương con,
Xấu hổ hộ chúng sinh.
Quán sinh và hóa sinh,
Là do xấu hổ khởi.*

Giải thích : Trong đây bài kệ thứ nhất nói sự xấu hổ như y phục. Bởi vì sao ? Vì người có xấu hổ, là quá bản không thể bản. Nửa trên bài kệ thứ hai nói xấu hổ như hư không. Bởi vì sao ? Vì người có xấu hổ tuy gặp 8 pháp thế gian cũng không bị nhiễm. Nửa dưới bài kệ thứ hai nói sự xấu hổ như vật trang sức. Bởi vì sao ? Vì người có xấu hổ đoan chính hơn các BỒ-tát khác. Bài kệ thứ ba nói sự xấu hổ như mẹ hiền. Bởi vì sao ? Vì người có xấu hổ ủng hộ sinh tử tất cả tội lỗi như voi ngựa quân lính quán sinh, hóa sinh đều do đây khởi. Y phục ví cho sự xấu hổ có thể đối trị trừ các phiền não. Hư không ví cho sự xấu hổ có thể đối trị 8 pháp nhiễm trước. Trang nghiêm ví cho sự xấu hổ có thể tùy thuận đồng hành. Mẹ hiền ví cho sự xấu hổ có thể thành thực chúng sinh.

Hỏi : BỒ-tát tu hành hạnh xấu hổ có hiện tướng gì ?

Kệ nói :

*Bất nhẫn và không làm,
Cũng nhẫn và cũng làm.
Phải biết 4 thứ này,
Là tướng hạnh xấu hổ.*

Giải thích : Kệ này nói 4 tướng của hạnh xấu hổ : 1. Bất nhẫn. 2. Không làm. 3. Nhẫn. 4. Làm. Bởi vì sao ? Vì người có xấu hổ, đối với tất cả tội ác thì có 2 tướng trước, là bất nhẫn và không làm; đối với tất cả công đức thì có 2 tướng sau, là nhẫn và làm.

Hỏi : Thế nào là xấu hổ được vô thượng?

Kệ nói :

*Dạy tập tính xấu hổ
Cũng khởi 5 tự ý.
Vì tín pháp đẳng biệt,
Vô thượng như trước biết.*

Giải thích : Như trước biết, nghĩa là như trước trong kinh Đại thừa có nói : Vì nơi xấu hổ phát sinh tịnh tín. Vì dùng 9 thứ thâm tâm tu tập. Vì y hư không đẳng định tu tập. Vì gồm trí vô phân biệt. Vì dùng một quả nhập vào tất cả quả. Đã nói xong Bồ-tát có xấu hổ, tiếp nói Bồ-tát vô úy.

Kệ nói :

*Chư Bồ-tát vô úy,
Thể tướng và sai biệt.
Kiên cố và thù thắng.
Nay sẽ lần lượt giải.*

Giải thích : Có 4 nghĩa giải thích đức tính vô úy của Bồ-tát : 1. Thể tướng. 2. Sai biệt. 3. Kiên cố. 4. Thù thắng.

Hỏi : Thể tướng như thế nào ?

Kệ nói :

*Tiến, định, tuệ 3 khởi,
Dũng, kiên, cần, mãnh, làm,
Là nói tướng vô úy,
Cũng hiển thị các tên.*

Giải thích : Tinh tiến, thiền định, Bát-nhã, 3 cái này nếu khởi là thể tướng của vô úy. Dũng, kiên, cần và mạnh, 4 cái này là các tên của vô úy.

Hỏi : Ba cái này trong hạnh nào gọi là vô úy ?

Kệ nói :

*Trong sở tác các hữu,
Hạ, động, ngu thì sợ,
Là 3, 3 quyết định,
Gọi là an, không sợ.*

Giải thích : Bồ-tát nếu trong các việc làm mà tâm hạ, hoặc động, hoặc ngu thì sinh sợ. Bởi vì sao ? Hạ tâm, là vì Bồ-tát ấy không siêng tu. Động tâm, là vì tâm không trụ. Ngu tâm, là vì không phương tiện. Ba đối trị kia theo thứ tự là tinh tiến, thiền

định, Bát-nhã. Cho nên tinh tiến v.v...3 thứ nếu được quyết định thì gọi là vô úy.

Hỏi : Quyết định như thế nào ?

Đáp : Ba đối trị này hiện tiền một cách tự nhiên thì gọi là quyết định.

Hỏi : Đã nói thể tướng, còn sai biệt thế nào ?

Kê nói :

*Tự tính và đại nguyện,
Bất cố và bất thoái,
Văn thâm và năng hóa
Đặt họ nơi Phật thân.
Cũng hành các khổ hạnh,
Không ruồng bỏ sinh tử.
Sinh tử không thể nhiễm,
Đây là 10 sai biệt.*

Giải thích : Hai kệ này tuân tự nói vô úy có 10 thứ sai biệt : 1. Tự tính, nghĩa là tính thành tựu thì được vô úy. 2. Đại nguyện, nghĩa là phát tâm Bồ-đề thì được vô úy. 3. Bất cố, nghĩa là khi siêng năng tự lợi không kể thân mạng thì được vô úy. 4. Bất thoái, nghĩa là khi siêng năng lợi tha có gặp trái nghịch cũng được vô úy. 5. Văn thâm, nghĩa là khi nghe hiểu thật nghĩa thì được vô úy. 6. Năng hóa, nghĩa là với chúng sinh khó giáo hóa thì dùng sức thần thông giáo hóa được vô úy. 7. Đặt họ nơi thân Phật, nghĩa là kiên lập chúng sinh nơi Đại Bồ-đề nên được vô úy. 8. Cũng hành các khổ hạnh, nghĩa là làm các thứ khổ hạnh khó làm nên được vô úy. 9. Không bỏ sinh tử, nghĩa là cố ý thụ sinh được vô úy. 10. Sinh tử không thể nhiễm, nghĩa là ở nơi ô nhiễm không bị ô nhiễm nên được vô úy.

Đã nói sai biệt, vậy thế nào là kiên cố ?

Kê nói :

*Bạn ác và khổ nặng,
Nghe sâu không thê lui.
Như châu châu đập cánh,
Chẳng động Tu-di biển,*

Giải thích : Vô úy của Bồ-tát có 3 nhân duyên không làm lay động : 1. Gặp bạn ác. 2. Gặp khổ nặng. 3. Nghe pháp sâu. Ví như con châu châu đập cánh không làm biển động núi chuyển.

Ba nhân duyên kia không làm động tâm Bồ-tát cũng như vậy.
Cho nên sức vô úy của Bồ-tát là kiên cố.

Hỏi : Đã nói kiên cố, còn thù thắng là thế nào ?

Kệ nói :

*Nói trong các vô úy,
Vô úy Bồ-tát trên.
Khác kiên cố thù thắng,
Chẳng giống các thứ kia.*

Giải thích : Do trước nói 3 nghĩa hơn, thì vô úy của Bồ-tát trong các thuyết kia là thù thắng hơn hết. Đã nói vô úy của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát không thoái lui.

Kệ nói :

*Bồ-tát không thoái lui
Phẩm loại có 3 thứ :
Đối với nghe, tiến, khổ,
Tàm, dũng làm y chỉ.
Dục lạc Đại Bồ-đề,
Là tính không thoái lui.
Chưa thành, thành, hoàn thành,
Sai biệt các địa rõ.*

Giải thích : Hai kệ này hiển thị phẩm loại của bất thoái y chỉ vào tự tính sai biệt. Các phẩm loại kia có 3 thứ : 1. Nghe pháp không chán không thoái lui. 2. Thường đại tinh tiến không thoái lui. 3. Sinh tử khổ não không thoái lui. Y chỉ có 2 thứ : một là tàm, tức sự xấu hổ, hai là dũng, tức sự mạnh mẽ. Người có xấu hổ thì không thoái lui vì thoái lui là xấu hổ. Người có sức mạnh không thoái lui, vì thoái lui là không sức mạnh. Tự tính là dục lạc Đại Bồ-đề. Dục lạc nếu quay đi tức thoái lui. Sai biệt có 3 thứ : 1. Chưa thành, là Bồ-tát tín hành địa không thoái lui. 2. Thành, là Bồ-tát sơ địa đến địa thứ 7 không thoái lui. 3. Hoàn thành, là Bồ-tát địa thứ 8 trở lên không thoái lui. Đã nói xong Bồ-tát bất thoái, tiếp nói Bồ-tát biết pháp.

Kệ nói :

*Biết pháp biết pháp nghiệp,
Biết tướng biết vô tận.
Đắc quả và 2 môn,
Thành sinh và trụ pháp.*

Giải thích : Biết pháp, là biết ngũ minh : 1. Nội minh. 2. Nhân minh. 3. Thanh minh. 4. Y minh. 5. Xảo minh. Biết 5 luận này gọi là biết pháp. Biết pháp nghiệp, là biết tự lợi lợi tha, lấy đó làm nghiệp. Biết nội luận để tự tu và giảng nói cho người khác. Biết nhân luận để triển khi nghĩa của mình và khuất phục nghĩa của đối phương. Biết thanh luận, là để tự hoàn thiện âm thanh của mình khiến người tin thụ. Biết y luận để trừ tật bệnh cho người. Biết xảo luận để khiến người hiểu. Biết tướng luận, nghĩa là biết 5 luận này được có 5 nhân là biết tướng luận của Bồ-tát : 1. Được nghe. 2. Được thụ trì. 3. Được tập tụng. 4. Được tư duy. 5. Được thông suốt. Bồ-tát trước tiên đối với luận là có nghe, nghe rồi thụ trì, thụ trì rồi tập tụng, tập tụng rồi chính tư duy, tư duy rồi thông suốt. Người thông đạt là người biết đây là công đức đây là tội lỗi đây là lời nói thiện đây là lời nói ác. Biết vô tận, nghĩa là biết như vậy cho đến vô dư Niết-bàn cũng vô tận. Đắc quả, nghĩa là tự biết được nhất thiết chủng trí. Hai môn, là Tam-muội môn và Đà-la-ni môn. Biết luận Bồ-tát dùng Tam-muội môn thành thực chúng sinh, vì tùy chúng sinh nhiếp hóa; dùng Đà-la-ni môn thành thực Phật pháp, vì tùy chỗ đắc pháp đều có thể thụ trì. Đã nói xong Bồ-tát biết pháp, tiếp nói Bồ-tát biết thế gian.

Kê nói :

*Thân biết với khẩu biết,
Và dùng thật để biết.
Bồ-tát biết thế gian,
Tối thắng không gì bằng.*

Giải thích : Bồ-tát có 3 thứ biết thế gian : 1. Thân biết thế gian. 2. Miệng biết thế gian. 3. Chân lý biết thế gian.

Hỏi : Thế nào là thân biết, thế nào là miệng biết ?

Kê nói :

*Thân biết thì thư thái,
Miệng biết thì nói trước.
Vì để thành khí nên
Chính pháp tùy tu hành.*

Giải thích : Thư thái, là cười vui hoan hỷ, đó, là thân biết thế gian. Nói trước, là hỏi han khen ngợi, đó là miệng biết thế gian.

Hỏi : Biết này để làm gì ?

Đáp : Để khiến thành khí.

Hỏi : Khiến thành khí gì ?

Đáp : Là khiến thành khí cụ tùy theo chính pháp tu hành.

Hỏi : Chân lý biết thế gian là thế nào ?

Kê nói :

Hai biết biết thế sinh,

Hai biết biết thế diệt.

Để dứt cũng để được,

Chân lý biết siêng tu.

Giải thích : Hai biết biết thế sinh, là biết 2 chân lý khổ tập thì biết thế gian thường sinh, vì do sinh và phương tiện sinh. Hai biết biết thế diệt, là biết 2 chân lý diệt và đạo thì biết thế gian có thế diệt, vì do diệt và phương tiện diệt.

Hỏi : Biết chân lý thế gian để làm gì ?

Đáp : Để dứt cũng để được trí chân lý siêng tu hành. Dứt là dứt khổ tập để, được là được diệt đạo để. Chư Bồ-tát để dứt khổ tập để, để được diệt đạo để cho nên quán các chân lý tu trí đầy đủ. Như vậy là biết thế gian, tức là biết thế gian nghiệp. Đã nói Bồ-tát biết thế gian, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 lượng.

Kê nói :

Năng thuyên và nghĩa ý,

Liễu nghĩa và vô ngôn.

Phải biết 4 thứ đây,

Là nói tướng 4 lượng.

Giải thích : Năng thuyên, là 12 bộ kinh Như Lai nói. Đây pháp là lượng, không phải người là lượng. Nghĩa ý, là trong văn thì nghĩa là lượng, không phải lời là lượng. Liễu nghĩa, là thế gian có thể tin, và được Phật ấn khả. Đây liễu nghĩa là lượng, không phải không liễu nghĩa là lượng. Vô ngôn, là xuất thế chứng trí. Đây trí là lượng, không phải thức là lượng.

Hỏi : Vì sao Thế Tôn nói 4 lượng này ?

Kê nói :

Chê pháp và phi nghĩa,

Tà tư và khả ngôn.

Ngăn chặn 4 việc này,

Thứ tự nói 4 lượng.

Giải thích : Nói pháp năng thuyên là lượng để ngăn chặn sự hủy báng nói người nói. Ý nghĩa là lượng để ngăn chặn nói những câu văn phi nghĩa. Liễu nghĩa là lượng để ngăn chặn các tà tư duy, hiểu điên đảo. Trí là lượng để ngăn chặn cái trí có thể nói.

Hỏi : Y vào 4 lượng này có công đức gì ?

Kê nói :

*Tín tâm và nội tư,
Chính văn và chứng trí.
Bồ-tát không thể hoại,
Là công đức y lượng.*

Giải thích : Y lượng thứ nhất thì tín tâm không thể hoại. Y lượng thứ hai thì chính tư duy không thể hoại. Y lượng thứ ba thì chính văn không thể hoại. Y lượng thứ tư thì thể trí không thể hoại. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 lượng, tiếp nói Bồ-tát 4 vô ngại giải.

Kê nói :

*Với môn, tướng, ngôn, trí,
Thông đạt nghĩa vô tỷ,
Đây tức là Bồ-tát
Bốn thứ vô ngại giải.*

Giải thích : Thứ nhất là trí biết môn, có thể biết trong nghĩa có các danh môn sai biệt. Thứ hai là trí biết tướng, có thể biết nghĩa này thuộc tên này. Thứ ba là trí biết ngôn ngữ, có thể biết tiếng của vùng đất khác. Thứ tư là trí biết trí, có thể biết khả năng mình thuyết pháp. Biết 4 thứ này là vô ngại giải.

Kê nói :

*Năng thuyết và sở thuyết,
Thuyết cụ hợp ba việc.
Bốn hai lại hai thứ,
Lần lượt ba việc nhân.*

Giải thích : Năng thuyết , sở thuyết và thuyết cụ, 3 việc này đều có nhân duyên. Năng thuyết có 4 nhân duyên : 1. Trí giáo thụ. 2. Trí thành thực. 3. Trí tụ mãn. 4. Trí khiến giác ngộ. Sở thuyết có 2 duyên : 1. Pháp. 2. Nghĩa. Bốn trí hữu dụng với 2 thứ này. Thuyết cụ, tức công cụ để nói, có 2 nhân duyên : 1. Lời. 2. Trí. Vì do 2 thứ này mà nói được thành.

Kệ nói :

*Cử pháp và thích pháp,
Khiến hiểu và tránh nạn.
Thiết lập 4 vô ngại,
Chính là lấy nghĩa này.*

Giải thích : Nêu pháp thì dùng môn, giải thích pháp thì dùng tướng, khiến hiểu thì dùng lời, tránh nạn thì dùng trí. Trong đây lấy sở thuyết là pháp và nghĩa, lấy thuyết cụ là lời và trí tuân tự thiết lập 4 vô ngại giải.

Hỏi : Thế nào là vô ngại giải ? Vô ngại giải có nghiệp gì ?

Kệ nói :

*Nội chứng và ngoại giác,
Nên gọi vô ngại giải.
Đoạn được tất cả nghi,
Đây tức là nghiệp đó.*

Giải thích : Nửa trên kệ này lập tên, nửa dưới hiển thị nghiệp. Tên, là do chữ Bồ-tát đầu tiên lấy trí xuất thế gian hiểu được bình đẳng các pháp nội chứng. Sau được thế trí ngoại giác, hiểu các pháp môn sai biệt đối với các pháp. Do đạo lý này gọi là vô ngại giải. Nghiệp, là do sự hiểu này có thể dứt được tất cả lưới nghi của tất cả chúng sinh. Đó gọi là nghiệp. Đã nói xong 4 vô ngại giải của Bồ-tát, tiếp nói 2 nhóm công đức của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Phúc trí là 2 nhóm,
Thắng báo không nhiễm ô.
Tất cả chữ Bồ-tát,
Thắng tướng đều như vậy.*

Giải thích : Phúc trí là 2 nhóm. Hai nhóm là nhóm phúc và nhóm trí. Thắng báo không nhiễm ô, là Bồ-tát ở trong sinh tử do nhóm phúc làm nhân thành tựu thắng báo, do nhóm trí làm nhân không nhiễm ô, cho nên thắng tướng của Bồ-tát không gì bằng.

Hỏi : Hai nhóm gồm trong 6 độ như thế nào ?

Kệ nói :

*Đầu 2 là phúc thể,
Thứ 6 tức là trí,
Còn 3 nhân 2 nhóm,
Năm cũng thành nhóm trí.*

Giải thích : Đầu 2 là phúc thể, nghĩa là thí và giới 2 Ba-la-mật là thể của nhóm phúc. Thứ 6 tức là trí, nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật là thể của nhóm trí. Còn 3 nhân 2 nhóm, nghĩa là nhân nhục, tinh tiến, thiền định 3 Ba-la-mật là nhân chung của 2 nhóm, vì cùng làm tác nhân. Năm cũng thành nhóm trí, nghĩa là do Bát-nhã có thể hồi hướng nên tất cả các Ba-la-mật đều thành nhóm trí.

Hỏi : Sao gọi là nhóm ? Làm sao nhóm họp thành nghiệp ?

Kê nói :

*Tu đúng, tu thường xuyên,
Tu lương thiện là nhóm,
Tự lợi và lợi tha,
Thành tựu gọi là nghiệp.*

Giải thích : Nửa trên kệ này giải thích tên, nửa dưới hiển thị nghiệp. Tên, tức là Tam-bà-la gọi là nhóm. Tam, nghĩa là tu đúng. Bà-la, nghĩa là tu thường xuyên. Do tu đúng và tu thường xuyên thiện pháp nên được tư lương tăng trưởng. Do tư lương tăng trưởng nên gọi là nhóm. Nghiệp, là do nhóm này nên có thể thành tựu tự lợi lợi tha, đó gọi là nghiệp.

Hỏi : Hai nhóm sai biệt thế nào ?

Kê nói :

*Nhập địa nhập vô tướng,
Và nhập vô công dụng,
Thụ chức và cứu cánh,
Lần lượt nhân 2 nhóm.*

Giải thích : Trong đây chúng loại sai biệt là : Nhóm tín hành địa là nhân nhập địa. Trong 6 địa, nhóm là nhân nhập vô tướng. Vô tướng là nhóm trong địa thứ 7, vì tướng của nó không khởi. nhóm của địa thứ 7 là nhân nhập vô công dụng. Nhóm trong địa thứ 8 thứ 9 là nhân nhập thụ chức. Nhóm trong địa thứ 10 là nhân nhập cứu cánh. Cứu cánh là ở trong Phật địa. Đã nói xong 2 nhóm công đức của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 niệm xứ.

Kê nói :

*Y chỉ và đối trị,
Nhập để với duyên duyên,
Tác ý và chí đắc,*

*Tùy thuận với tùy chuyển,
Giác cảnh và thụ sinh,
Hạn cực và tối thượng,
Trường thời và hậu chứng,
Thắng tu 14 thứ.*

Giải thích : Hai kệ này nói rõ 4 niệm xứ của Bồ-tát có 14 thứ thắng tu : 1. Y chỉ thắng tu. 2. Đối trị thắng tu. 3. Nhập đế thắng tu. 4. Duyên duyên thắng tu. 5. Tác ý thắng tu. 6. Chí đặc thắng tu. 7. Tùy thuận thắng tu. 8. Tùy chuyển thắng tu. 9. Giác cảnh thắng tu. 10. Thụ sinh thắng tu. 11. Hạn cực thắng tu. 12. Tối thượng thắng tu. 13. Trường thời thắng tu. 14. Hậu chứng thắng tu.

Y chỉ thắng tu, là y Đại thừa kinh khởi văn tư tu tuệ làm tự thể. Đối trị thắng tu, là có thể đối trị 4 tướng điên đảo của pháp bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã, do nhập thân v.v... pháp là vô ngã. Nhập đế thắng tu, nghĩa là theo tuần tự đó nhập vào khổ tập diệt đạo đế, tự nhập và tha nhập như được nói trong Luận Trung Biên Phân Biệt. Duyên duyên thắng tu, nghĩa là duyên tất cả thân chúng sinh v.v... làm cảnh giới. Tác ý thắng tu, nghĩa là thân v.v... là bất khả đắc. Chí đặc thắng tu, nghĩa là thân v.v... không là không hợp. Tùy thuận thắng tu, nghĩa là phàm phu và nhị thừa tu niệm xứ cũng gồm tùy chuyển làm giáo thụ. Giác cảnh thắng tu, nghĩa là biết thân như huyễn sắc, biết thụ như chiêm bao đều là tà giác, vì biết tâm như không, tự tính thanh tịnh, biết pháp như khách. Khách là cấu uế trói buộc. Ví như hư không có khói mây bụi sương mù. Thụ sinh thắng tu, là cố ý thụ sinh thành tựu Chuyển luân vương v.v.... tối thắng vì thân thụ tâm pháp cũng không nhiễm. Hạn cực thắng tu, là tu hạ phẩm niệm xứ cũng quá hơn những người tu tối thượng phẩm vị tự tính lợi. Tối thượng thắng tu, là có thể không làm dụng công chung riêng tu tập 4 niệm xứ. Trường thời thắng tu, là tu cho đến vô dư Niết-bàn cũng không hết. Hậu chứng thắng tu, là trong 10 địa và Phật địa đều có thể chứng đắc. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 niệm xứ, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 chính căn.

Kê nói :

*Ba xả và nhập địa,
Trụ tịch và đắc ký,*

*Thành sinh và thụ chức,
Tịnh độ và viên mãn.*

Giải thích : Để đối trị các chương của 4 niệm xứ nên Bồ-tát tu 4 chính cần. Nếu nói rộng các đối trị này thì có 10 thứ sai biệt do đối trị 10 hành chương. Mười hành là : 1. Xả trước hành, nghĩa là trong thụ hữu thắng báo mà không nhiễm trước. 2. Xả cái hành, nghĩa là lia tất cả chương cái. 3. Xả hạ hành, nghĩa là lia tác ý nhị thừa. 4. Nhập địa hành, nghĩa là nhập 6 địa đầu. 5. Trụ tịch hành, nghĩa là nhập địa thứ 7. 6. Đắc ký hành, nghĩa là nhập địa thứ 8. 7. Thành sinh hành, nghĩa là nhập địa thứ 9. 8. Thụ chức hành, nghĩa là nhập địa thứ 10. 9. Tịnh độ hành, nghĩa là thứ 8, thứ 9, thứ 10, 3 địa. 10. Viên mãn hành, nghĩa là nhập Phật địa. Bồ-tát để đối trị 10 hành chương này nên tu tập 4 chính cần. Đó là nói rộng về sai biệt.

Hỏi : Nghĩa của tu 10 sai biệt này thế nào ?

Kê nói4 :

*Vì y chỉ nơi dục,
Khởi cần khởi tinh tiến,
Nhiếp tâm và chính trì,
Mười trị tu như vậy.*

Giải thích : Nghĩa của tu, là y nơi dục mà khởi cần, y vào cần khởi tinh tiến, nhiếp tâm chính trì, là nghĩa của tu. Trong đây có bình đẳng tu, có hữu tướng tu, có tinh tiến tu. Bình đẳng tu, nghĩa là do chính cần có thể khiến chỉ quán bình đẳng. Hữu tướng tu, nghĩa là hợp tu 3 tướng : chỉ, cử, xả. Tinh tiến tu, nghĩa là tinh tiến để đoạn 2 chương là một và trạo trong chỉ quán.

Hỏi : Thế nào là khởi tinh tiến ?

Đáp : Là nhiếp tâm và chính trì. Nhiếp tâm là Xa-ma-tha. Chính trì nghĩa là nếu tâm bình đẳng thì cứ trụ như vậy cứ giữ đúng như vậy. Dùng 3 cách tu này mà tu 10 hạnh ở trước, gọi là tu chính cần. Đã nói Bồ-tát tu tập 4 chính cần xong, tiếp nói Bồ-tát tu tập 4 thần túc.

Kê nói :

*Phân biệt 4 thần túc,
Lược dùng 3 việc giải.
Y chỉ và phương tiện,
Và cùng với thành tựu.*

Giải thích : Trong đây sơ lược lấy 3 việc phân biệt 4 thân
túc : 1. Y chỉ. 2. Phương tiện. 3. Thành tựu.

Hỏi : Thế nào là y chỉ ?

Kê nói :

*Thiền định y chỉ vào,
Sai biệt có bốn túc.
Một dục, hai tinh tiến,
Ba tâm, bốn tư duy.*

Giải thích : Phải biết chỗ y chỉ của Thiền Ba-la-mật có 4
túc sai biệt này.

Hỏi : Thế nào là phương tiện ?

Kê nói :

*Khởi tác và tùy nhiếp,
Hệ phục và đối trị.
Tùy thứ tám đoạn hành,
Ba một hai hai thành.*

Giải thích : Khởi tác và tùy nhiếp, hệ phục và đối trị,
nghĩa là phương tiện cũng có 4 thứ : 1. Phương tiện khởi làm. 2.
Phương tiện tùy theo đó nhiếp hóa. 3. Phương tiện trói buộc. 4.
Phương tiện đối trị.

Hỏi : Bốn thứ phương tiện này mỗi thứ dùng những gì làm
thành ?

Đáp : Tùy thứ tám đoạn hành, ba một hai hai thành. Tám
đoạn hành, là : 1. Tín. 2. Dục. 3. Cần. 4. Ý. 5. Niệm. 6. Trí. 7.
Tu. 8. Xả. Trong đây tùy theo thứ lớp dùng tín, dục, cần 3 hành
thành lập phương tiện khởi làm. Do tín khởi dục, do dục khởi
cần, vì thứ lớp như vậy nên dùng ý một hành thành lập phương
tiện tùy nhiếp. Do ý dứt rồi, định được sinh nên dùng niệm, trí 2
hành thành lập phương tiện trói buộc. Do chính niệm nên tâm
trong định không lìa sở duyên. Do chính trí nên tâm lìa sở
duyên, giác rồi tùy nhiếp, dùng tư, xả 2 hành thành lập phương
tiện đối trị. Do tư nên đối trị một triền. Do xả nên đối trị trọn
triền. Hai cái này là các phiền não đối trị.

Hỏi : Thế nào là thành tựu ?

Kê nói :

*Năng kiến và năng thụ,
Du hý và du nguyện,*

*Tự tại và đặc pháp,
Thành tựu 6 thứ đây.*

Giải thích : Sáu thành tựu là : 1. Thành tựu năng kiến. 2. Thành tựu năng thụ. 3. Thành tựu du hý. 4. Thành tựu du nguyện. 5. Thành tựu tự tại. 6. Thành tựu đặc pháp.

Thành tựu năng kiến, nghĩa là thành tựu 5 thứ mắt : nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Thành tựu năng thụ, là thành tựu 6 thứ thân thông dựa vào đó có thể giáo hóa. Theo thứ tự thân thông đi qua chón kia. Thiên nhĩ thông nghe âm thanh kia mà vì nói pháp. Tha tâm thông biết được có chướng hay không mà vì đoạn trừ. Túc trụ thông biết việc quá khứ, mượn sức khiến biết khiến sinh tin. Thiên nhãn thông biết chết đây sinh kia khiến kia sinh chán. Lộ tận thông vì đó nói pháp khiến được giải thoát. Thành tựu du hý, là đây có nhiều thứ, như là biến hóa v.v... các định. Thành tựu du nguyện, là nhập nguyện lực đạo qua các nguyện quả, như là phóng ánh sáng, phát âm thanh v.v... không thể kể hết, rộng như trong Kinh Thập Địa có nói. Thành tựu tự tại, là 10 tự tại, như trong Kinh Thập Địa có nói. Thành tựu đặc pháp, là được sức vô sở úy và pháp không chung. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 4 thần túc, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 căn.

Kê nói :

Giác hạnh nghe chỉ quán.

Tín...các căn sở duyên.

Tăng thượng là căn nghĩa.

Vì thành tựu lợi ích.

Giải thích : Tín căn lấy Bồ-đề làm sở duyên. Tiến căn lấy Bồ-tát hạnh làm sở duyên. Niệm căn lấy việc nghe pháp Đại thừa làm sở duyên. Định căn lấy Xa-ma-tha làm sở duyên. Tuệ căn lấy như thật trí làm sở duyên.

Hỏi : Thế nào là nghĩa của căn ?

Đáp : Tín v.v... nơi sở duyên tăng thượng nên gọi là căn, vì có thể thành tựu lợi ích. Đã nói xong Bồ-tát tu tập 5 căn, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 lực.

Kê nói :

Phải biết tín ...các căn,

Nhập vào trong sơ địa,

*Như chương 5 căn trước,
Có hại nên gọi lục.*

Giải thích : Trong đây khi 5 căn nhập vào sơ địa có thể làm cho không tin, biếng nhác, mất niệm, loạn tâm, vô tri, suy yếu, nên gọi là lục. Đã nói Bồ-tát tu tập 5 lục, tiếp nói Bồ-tát tu tập 7 giác phần.

Kê nói :

*Bồ-tát nhập sơ địa,
Kiến lập nơi giác phần.
Các pháp và chúng sinh,
Nơi đây được bình đẳng.*

Giải thích : Chư Bồ-tát khi nhập sơ địa giác ngộ pháp ấy nên kiến lập giác phần.

Hỏi : Sao gọi là giác ?

Đáp : Đối với tất cả pháp và tự tha thân giác ngộ được bình đẳng, như thế gọi là giác. Như pháp vô ngã và nhân vô ngã.

Kê nói :

*Như vua Luân vương đi,
Có 7 báu dẫn đầu.
Bồ-tát đến chính giác,
Bảy phần thường viên mãn.*

Giải thích : Đây nói 7 giác phần của Bồ-tát tương tự như 7 báu của Chuyển luân thánh vương.

Hỏi : Phần nào tương tự với báu nào ?

Kê nói :

*Niệm đề bẹp các cảnh,
Trạch pháp phá phân biệt.
Tiến nhanh vô dư giác,
Minh tăng hỷ khắp mình.
Chướng hết ý mà lạc,
Các việc từ định sinh.
Tùy thời sở dục trụ,
Bỏ lấy đều do xả.*

Giải thích : Thứ nhất niệm giác phần tương tự với luân bảo. Chưa hàng phục cõi nước luân bảo có thể hàng phục. Chưa đề bẹp được cảnh giới thì niệm có thể đề bẹp. Thứ hai trạch pháp giác phần tương tự với voi quý, vì các nước kinh địch thì voi có

thể đạp đồ. Như trạch pháp có thể phá phân biệt thắng oán. Thứ ba tinh tiến giác phần tương tự với ngựa quý. Đại địa bao la ngựa có thể chạy nhanh đến cùng. Chân như vô hạn, tinh tiến có thể mau đến giác ngộ. Thứ tư hỷ giác phần tương tự với châu báu. Châu ngọc chiếu sáng đem lại niềm hoan hỷ. Giáo pháp sáng suốt phá tối tăm tâm trần đầy hoan hỷ. Thứ năm ý giác phần tương tự với nữ bảo vua thụ khoái lạc. Trí thoát chướng não ý dứt ác. Thứ sáu định giác phần tương tự với tạng thần bảo, vua cần từ thần mà ra, như trí cần thì từ định sinh ra. Thứ bảy xả giác phần tương tự với binh bảo. Chủ binh duyệt chúng bỏ yếu lấy mạnh tùy ở nơi Chuyển luân thánh vương không mệt mỏi. Bồ-tát tu hành bỏ ác lấy thiện, tùy nơi trí vô phân biệt vô công dụng. Thành lập 7 giác phần tương tự với 7 báu là nghĩa như vậy.

Kệ nói :

*Y chỉ và tự tính,
Xuất ly với công đức,
Thứ năm nói không nhiễm,
Phần này có 3 thứ.*

Giải thích : Bảy giác phần theo thứ tự niệm là y chỉ phần, vì tất cả Bồ-đề phần đều y vào đây mà thực hành. Trạch là tự tính phần, vì tất cả Bồ-đề đều lấy đây làm tự thể. Tiến là xuất ly phần, vì đây có thể khiến Bồ-tát đến cứu cánh. Hỷ là công đức phần, vì đây có thể khiến tâm đầy niềm vui. Ý, định, xả 3 thứ là bất nhiễm phần, vì ý là nhân không nhiễm, định là y chỉ của không nhiễm, xả là tự tính của không nhiễm. Đã nói Bồ-tát tu tập 7 giác phần, tiếu nói Bồ-tát tu tập 8 chính đạo phần.

Kệ nói :

*Một chuyển như giác trước,
Lập chia hai cũng vậy.
Tiếp ba ba nghiệp tịnh,
Sau ba ba chướng đoạn.*

Giải thích : Một chuyển như giác trước, nghĩa là phần thứ nhất như trong vị trước như thật giác, sau tùy chuyển gọi là chính kiến. Lập chia hai cũng vậy, nghĩa là phần thứ hai như trong vị trước tự sở lập phần mà giải thích. Vào trong kinh Phật, như Phật đã lập là tha phân biệt gọi là chính tư duy. Tiếp ba ba

ngiệp tịnh, nghĩa là tiếp theo ba là chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng; ba nghiệp là ngữ nghiệp, thân nghiệp, câu nghiệp. Theo thứ tự lấy ba chính nhiếp ba nghiệp này. Sau ba ba chướng đoạn, nghĩa là sau ba là chính cần, chính niệm, chính định; ba chướng là trí chướng, định chướng, tự tại chướng. Theo thứ tự lấy ba chính sau đối trị ba chướng này. Do tu chính cần thời gian lâu không thoái lui nên trí chướng đoạn. Do tu chính niệm, trạo, một là vô thể nên định chướng đoạn. Do tu chính định, thẳng đức thành tựu nên tự tại chướng đoạn. Phải biết kiến lập 8 chính đạo phần là như vậy.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 10)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 11

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 21 – 2 : Giác phần

Giải thích : Đã nói tu tập đạo phần, tiếp nói Bồ-tát tu tập chỉ quán.

Kệ nói :

*An tâm nơi chính định,
Đây tức gọi là chỉ.
Chính trụ pháp phân biệt,
Gọi tên là quán tướng.*

Giải thích : An tâm nơi chính định, đây tức gọi là chỉ, nghĩa là tâm y vào chính định mà không thấy tâm, chẳng phải không chính định mà lập chỉ cho nên gọi là chỉ tướng. Chính trụ pháp phân biệt, gọi tên là quán tướng, nghĩa là y vào chính trụ pháp thể phân biệt gọi là quán tướng.

Hỏi : Hai hành này tu như thế nào ?

Kệ nói :

*Khắp muốn các công đức,
Thì phải tu cả hai.*

*Một phần chẳng một phần,
Vì tu có đơn song.*

Giải thích : Khấp muốn các công đức, thì phải tu cả hai, nghĩa là nếu người muốn khấp cầu các công đức thì phải tu cả hai hạnh chỉ và quán. Như trong kinh nói : “Phật bảo các Tì-khuru nếu có cầu thì làm sao để được ? Các Tì-khuru ! Lìa dục lìa pháp ác bất thiện, cho đến nói rộng. Các Tì-khuru ! Có hai pháp cần phải tu tập. Đó là chỉ và quán.” Một phần chẳng một phần, nghĩa là một phần là chỉ hoặc quán. Chẳng phải một phần là hợp chỉ và quán.

Hỏi : Vì sao vậy ?

Đáp : Vì tu có đơn song. Đơn tu là một phần, hoặc tu chỉ, hoặc tu quán. Song tu là không phải một phần, tức chỉ quán hợp tu.

Hỏi : Hai hành này chủng loại khác nhau thế nào ? Và là nghiệp gì ?

Kê nói :

*Năng thông và năng xuất,
Vô tướng cũng vô vi,
Tịnh độ và tịnh quả,
Là hai tức là nghiệp.*

Giải thích : Nửa trên kê này nói khác nhau về chủng loại, nửa dưới nói về nghiệp. Hai pháp này ở tín hành địa gọi là y chỉ tu. Nếu vào đại địa lại có 4 thứ sai biệt : 1. Năng thông tu, nghĩa là nhập sơ địa. 2. Năng xuất tu, nghĩa là nhập cho đến địa thứ sáu. Ở địa thứ sáu kia xuất phương tiện hữu tướng. 3. Vô tướng tu, nghĩa là nhập địa thứ bảy. 4. Vô vi tu, nghĩa là nhập ba địa sau. Tu mà còn làm dụng công gọi là hữu vi. Ba địa sau không làm dụng công nên gọi là vô vi. Năm thứ này gọi là chủng loại sai biệt. Tịnh độ, nghĩa là y vào ba địa sau tu hành tịnh độ. Tịnh quả, nghĩa là làm hạnh chuyển y. Hai tịnh này là nghiệp đó. Đã nói xong chỉ quán của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 thứ xảo phương tiện.

Kê nói :

*Tự thực và thành sinh,
Mau quả và tác nghiệp.
Đường sinh tử không dứt,*

Đây 5 xảo phương tiện.

Giải thích : Năm thứ xảo phương tiện là : 1. Tự thực Phật pháp, dùng trí vô phân biệt làm xảo phương tiện. 2. Thành thực chúng sinh, dùng 4 nhiếp pháp làm xảo phương tiện. 3. Mau được Bồ-đề, dùng sám hối, tùy hỷ, thỉnh chuyển pháp luân, sinh khởi thắng nguyện làm xảo phương tiện. 4. Tác nghiệp thành tựu, dùng 2 môn làm xảo phương tiện. Hai môn là Đà-la-ni môn và Tam-muội môn. Vì dùng 2 môn này có thể thành tựu nghiệp lợi ích chúng sinh. 5. Đường sinh tử không dứt, dùng Niết-bàn vô trụ xứ làm xảo phương tiện.

Hỏi : Thế nào là xảo sai biệt, thế nào là xảo nghiệp ?

Kệ nói :

*Bồ-tát xảo không sánh,
Sai biệt dựa các địa.
Thành tựu tự tha lợi,
Và gọi đó là nghiệp.*

Giải thích : Nửa trên kệ này nói về xảo sai biệt. Nửa dưới nói xảo nghiệp. Sai biệt, là 5 phương tiện này nơi chư Bồ-tát là tối thượng không gì bằng. Bởi vì sao ? Vì trong các địa không chung với nhị thừa nên sai biệt. Nghiệp, là có thể thành tựu tất cả lợi ích đối với tự thân tha thân, gọi là nghiệp. Đã nói Bồ-tát xảo phương tiện, tiếp nói Bồ-tát Đà-la-ni.

Kệ nói :

*Nghiệp báo và nghe tập,
Cũng lấy định làm nhân.
Y chỉ 3 hạnh này,
Trì loại có 3 thứ.*

Giải thích : Phạm loại Đà-la-ni có 3 thứ : 1. Báo được, nghĩa là được do nghiệp lực đời trước. 2. Tập được, nghĩa là được do nghe và sức hành trì. 3. Tu được, nghĩa là được do dựa vào định lực.

Hỏi : Chủng loại sai biệt thế nào ?

Kệ nói :

*Hai tiêu một là đại,
Một đại có 3 thứ.
Địa tiền với địa thượng,
Vì bất tịnh và tịnh*

Giải thích : Hai tiêu một là đại, nghĩa là ở trong 3 thứ phẩm loại thì báo được và tập được thuộc tiêu. Tu được, chỉ một này là đại. Một đại lại có 3 thứ, nghĩa là trong chủng loại đại kia lại có 3 thứ là nhuyễn, trung và thượng. Có được khi chưa nhập địa Bồ-tát là nhuyễn. Có được khi nhập bất tịnh địa Bồ-tát là trung, tức là sơ địa đến địa thứ 7. Có được khi nhập thanh tịnh địa Bồ-tát là thượng, tức 3 địa sau.

Hỏi : Nghiệp như thế nào ?

Kê nói :

*Phải biết các Bồ-tát,
Hằng y Đà-la-ni.
Nghe pháp và trì pháp,
Tác nghiệp đều như vậy.*

Giải thích : Chữ Bồ-tát y chỉ Đà-la-ni hằng khai thị diệu pháp và thường thụ trì lấy đó làm nghiệp. Đã nói Bồ-tát Đà-la-ni, tiếp nói Bồ-tát khởi các nguyện.

Kê nói :

*Tư dục cùng làm thể,
Riêng trí là nhân kia.
Các địa tức là địa,
Hai quả cũng là quả.
Phải biết sai biệt 3,
Chủng chủng đại thanh tịnh.
Nghiệp này có 2 thứ,
Tự lợi và lợi tha.*

Giải thích : Hai kệ này dùng 6 nghĩa phân biệt các nguyện : 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Địa. 4. Quả. 5. Sai biệt. 6. Nghiệp. Nghiệp tương ứng với tư dục làm tự tính, lấy trí làm nhân, các địa làm địa, 2 quả làm quả. Hai quả tức quả hiện tại và quả vị lai. Lấy các nghiệp làm nhân thì tâm được toại. Tâm toại tức đúng như tâm muốn đều được thành tựu. Lại dùng nguyện lực đạo qua các quả nguyện. Như thân phóng ánh sáng, miệng phát âm vang. Cho đến nói rộng, sai biệt có 3 thứ : 1. Các thứ, nghĩa là tín hành địa muốn được các nguyện như vậy như vậy. 2. Rộng lớn, tức là 10 đại nguyện của nhập địa Bồ-tát. 3. Thanh tịnh, nghĩa là các địa sau chuyển dần chuyển dần thành thanh tịnh, cho đến Phật địa thì cực thanh tịnh, đó là sai biệt.

Hai thứ nghiệp là : 1. Thành tựu tự lợi. 2. Thành tựu lợi tha. Đó là nghiệp. Đã nói các nguyên của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu Tam Tam-muội.

Kê nói :

*Phải biết 2 vô ngã,
Cùng với 2 ngã y,
Hai y thường tịch diệt,
Ba định cảnh sở hành.*

Giải thích : Tam Tam-muội có 3 thứ sở hành : 1. Nhân pháp 2 vô ngã là không Tam-muội sở hành. 2. Hai chấp kia dựa vào 5 thủ ám là vô nguyên Tam-muội sở hành. 3. Kia dựa vào rốt ráo tịch diệt là vô tướng Tam-muội sở hành. Sở thủ thể của 3 thứ kia là 3 thứ cảnh giới. Năng thủ thể của 3 thứ kia là 3 thứ Tam-muội. Cho nên gọi đó là Tam Tam-muội.

Hỏi : Tam Tam-muội danh nghĩa như thế nào ?

Kê nói :

*Không định vô phân biệt,
Vô nguyên yếm bối sinh.
Vô tướng hằng lạc đắc,
Kia y thường tịch diệt.*

Giải thích : Không định vô phân biệt, nghĩa là nghĩa của vô phân biệt là nghĩa của không Tam-muội, do không phân biệt nhân pháp 2 ngã. Vô nguyên yếm bối sinh, nghĩa là nghĩa của yếm bối là nghĩa của vô nguyên, do chán bỏ sở y ngã chấp. Vô tướng hằng lạc đắc, kia y thường tịch diệt, nghĩa là nghĩa của lạc đắc là nghĩa của vô tướng Tam-muội, do thích được sở y rốt ráo tịch diệt.

Hỏi : Tam Tam-muội khởi như thế nào ?

Kê nói :

*Phải biết và phải đoạn,
Cùng với phải tác chứng.
Tuần tự không v.v... các định,
Tu tập có 3 thứ.*

Giải thích : Nói phải biết, phải đoạn và phải chứng, nghĩa là phải biết nhân pháp 2 vô ngã, phải đoạn sở y của 2 ngã chấp, phải chứng rốt ráo tịch diệt. Tuần tự không v.v... các định có 3 thứ tu tập, nghĩa là trong đây vì biết nhân pháp 2 vô ngã nên tu

không Tam-muội, vì đoạn sở y 2 chấp kia nên tu vô nguyện Tam-muội, để chúng rốt ráo tịch diệt kia nên tu vô tướng Tam-muội. Đã nói Bồ-tát tu Tam Tam-muội, tiếp nói Bồ-tát 4 pháp Ưu-đà-na.

Kê nói :

*Như trước 3 Tam-muội,
Bốn ấn làm y chỉ.
Bồ-tát nói như vậy,
Vì lợi ích quần sinh.*

Giải thích : Bốn pháp ấn là : 1. Tất cả hành vô thường ấn. 2. Tất cả hành khổ ấn. 3. Tất cả pháp vô ngã ấn. 4. Niết-bàn tịch tịnh ấn. Trong đây phải biết vô thường ấn và khổ ấn là thành tựu y chỉ của vô nguyện Tam-muội. Vô ngã ấn là thành tựu y chỉ của không Tam-muội. Tịch diệt ấn là thành tựu y chỉ của vô tướng Tam-muội. Bồ-tát nói 4 pháp ấn này làm y chỉ 3 Tam-muội đều vì lợi ích các chúng sinh.

Hỏi : Những gì là nghĩa của vô thường v.v...cho đến những gì là nghĩa của tịch diệt ?

Kê nói :

*Vô nghĩa nghĩa phân biệt,
Không chân nghĩa phân biệt.
Dứt các nghĩa phân biệt,
Là nghĩa 4 pháp ấn.*

Giải thích : Trong đây chư Bồ-tát lấy vô nghĩa làm nghĩa của vô thường, vì do tướng phân biệt rốt ráo là vô thường, lấy nghĩa phân biệt làm nghĩa của vô ngã, do tướng phân biệt chỉ có phân biệt. Vì 2 tướng phân biệt này là vô thể. Không chân nghĩa phân biệt là nghĩa của khổ, vì 3 cõi tâm tâm pháp là thể của khổ. Đây là tướng y tha. Dứt các nghĩa phân biệt là nghĩa của tịch diệt. Đây là tướng chân thật. Lại nữa phải biết tướng y tha lại lấy sát-na sát-na hoại diệt làm nghĩa của vô thường.

Hỏi : Làm sao thành lập nghĩa của sát-na hoại diệt ?

Kê nói :

*Do khởi và theo nhân,
Mâu thuẫn và không trụ,
Vô thể và tướng định,
Tùy chuyển với diệt hết,*

*Biến đổi nhân và quả,
Chấp trì với tăng thượng,
Tùy tịnh và tùy sinh,
Thành nghĩa có 15.*

Giải thích : Hai bài kệ này dùng 15 nghĩa thành lập nghĩa sát-na sát-na diệt : 1. Do khởi. 2. Theo nhân. 3. Mâu thuẫn. 4. Không trụ. 5. Vô thể. 6. Tương định. 7. Tùy chuyên. 8. Diệt hết. 9. Biến đổi. 10. Nhân. 11. Quả. 12. Chấp trì. 13. Tăng thượng. 14. Tùy tịnh. 15. Tùy sinh. Do 15 nghĩa này có thể thành lập nghĩa sát-na hoại diệt.

Thứ nhất, do khởi nghĩa là các hành liên tục chảy như dòng nước gọi là khởi. Nếu không có nghĩa sát-na sát-na diệt mà có các hành liên tục chảy như dòng nước thì không đúng. Nếu ông nói vật có tạm thời dừng trụ, sau rồi cái trước diệt cái sau khởi gọi là liên tục thì không liên tục vì do khi tạm trụ sau khởi là không.

Thứ hai, theo nhân nghĩa là tất cả vật gì trước diệt sau khởi đều phải nhờ nhân duyên. Nếu lia nhân duyên là vô thể. Nếu ông nói vật kia nhân ban đầu sau có thể sinh nhiều quả là không đúng. Nhân ban đầu tác nghiệp thì liền diệt hết, lẽ nào được làm nhân cho nhiều quả sau. Nếu ông nói nhân ban đầu khởi rồi không khởi nữa thì lập nhân này dùng làm gì ? Nếu ông nói khởi rồi nhưng chưa diệt, sau mới diệt thì về sau cái gì là nhân của diệt ?

Thứ ba, mâu thuẫn nghĩa là nếu ông chấp nhân năng khởi cũng là nhân của diệt thì không đúng. Khởi và diệt mâu thuẫn nhau mà đồng một nhân là vô lý, ví như ánh sáng và bóng tối, lạnh và nóng không chung cùng nhau được, đây cũng vậy. Cho nên khởi nhân tức không phải diệt nhân. Nếu ông chấp các hành khởi rồi không phải diệt liền thì trái với A-hàm và trái đạo lý. Trái với A-hàm là Phật bảo các Tì-khưu các hành như huyễn là pháp hoại diệt, đó là tạm thời pháp sát-na không trụ. Trái đạo lý là những người tu hành ở trong các hành sinh diệt tư duy sát-na sát-na diệt. Nếu không như vậy thì khi lâm chung thấy tướng diệt kia sẽ không chán ghét lia dục giải thoát. Thế là đồng với các phàm phu khác.

Thứ tư, không trụ nghĩa là nếu ông nói các hành khởi rồi có trụ lại, vậy hành đó tự trụ hay trụ được do nhân khác ? Nếu hành tự trụ sao không trụ mãi ? Nếu do cái khác mà trụ vậy là vô thể, sao có thể làm nhân được ? Cả hai đều không phải vậy, cho nên không thành nghĩa sát-na sát-na diệt.

Thứ năm, vô thể nghĩa là nếu ông chấp nhân của trụ tuy không, nhưng nhân của hoại chưa đến, cho nên được trụ. Nếu nhân của hoại đến thì sau đó liền diệt. Không phải như lửa biến đổi cục sắt đen là không phải vậy. Nhân của hoại rất ráo là vô thể. Cho nên lửa biến đổi sắt ví cho ngã là vô lý. Sắt và lửa hợp lại tướng đen tựa như diệt tướng đỏ tựa như khởi. Có thể làm cho tướng đỏ khởi lên là công năng của lửa, thật sự không phải lấy lửa biến đổi sắt đen. Lại nữa như đun nước cho đến cạn không còn nước nữa, cũng không phải hợp với lửa nước mới thành vô thể.

Thứ sáu, tướng định, nghĩa là Phật nói pháp hữu vi tướng hữu vi hoàn toàn chắc chắn gọi là vô thường. Ông chấp các hành khởi rồi không diệt liền, tức là pháp hữu vi có một chút thời gian ngắn không phải vô thường, như vậy là rơi vào không phải hoàn toàn một tướng quyết định.

Thứ bảy, tùy chuyển nghĩa là nếu ông nói nếu như vật sát-na sát-na sinh mới thì sao trong đó đem cái cũ mà hiểu ? Phải nói do tương tự tùy chuyển mà được như vậy. Ví như ngọn đèn cháy tương tự khởi, cho nên khởi cái biết ngọn đèn cũ mà thật sự là khác với trước, vì không thật thể.

Thứ tám, diệt hết nghĩa là nếu ông nói làm sao biết được vật sau không phải trước ? Phải nói vì do diệt hết. Nếu trụ không diệt thì sát-na sau với sát-na ban đầu trụ không sai biệt. Do có sai biệt nên biết vật sau không phải vật trước.

Thứ chín, biến đổi, nghĩa là nếu ông nói vật mới khởi không biến đổi khác ngay là không đúng. Thể của nội ngoại pháp, hậu biên lá bất khả đắc. Do khi mới khởi liền dần dần biến đổi đến rõ ràng. Ví như sữa để chua đông lại thì tướng sữa đông mới hiện, nhưng sự biến thể rất tinh vi khó biết được. Do tương tự tùy chuyển gọi là vật trước. Vì vậy thành nghĩa sát-na sát-na diệt.

Thứ mười, nhân, nghĩa là nếu ông chấp nhận tâm là sát-na diệt, khởi nhân của tâm kia là nhãn sắc v.v... các hành, quả kia sát-na diệt nên nhân cũng sát-na, do không thể lấy nhân thường khởi quả vô thường được.

Thứ mười một, quả, nghĩa là nhãn v.v... các hành kia cũng là quả của tâm. Cho nên thành nghĩa của sát-na diệt, do không thể lấy nhân vô thường khởi quả thường được.

Thứ mười hai, chấp trì, nghĩa là nếu ông nói làm sao biết được nhãn v.v... các hành cũng là quả của tâm. Phải nói vì do tâm chấp trì mà được tăng trưởng.

Thứ mười ba, tăng trưởng, nghĩa là lại như Phật nói tâm đem thế gian đi, tâm dắt thế gian đến. Do tâm tự tại thế gian tùy chuyển. Thức duyên danh sắc cũng vậy. Cho nên các hành là quả của tâm.

Thứ mười bốn, tùy tịnh, nghĩa là tịnh là tâm người thiên định. Các hành của người ấy tùy theo tịnh tâm chuyển. Như trong kinh nói : Tì-khuru tu thiên đầy đủ thân thông tâm được tự tại. Nếu muốn khiến cây thành vàng liền được tùy ý. Cho nên biết các hành đều là quả của tâm.

Thứ mười lăm, tùy sinh, nghĩa là như chúng sinh tạo tội thì được ngoại vật tất cả đều xấu kém, tạo phúc thì được ngoại vật tất cả đều tốt đẹp. Cho nên biết các hành đều là quả của tâm. Nhân là sát-na quả chẳng phải sát-na là không có đạo lý như thế, vì nhân tự tại.

Như vậy là đã thành lập chung tất cả các hành trong ngoài là sát-na rồi, tiếp thành lập nội pháp là sát-na.

Kê nói :

*Sơ khởi và tục khởi,
Trưởng khởi và y khởi,
Liệt khởi và thắng khởi,
Minh khởi vô minh khởi,
Cho đến dị xứ khởi,
Chủng khởi vô chủng khởi,
Tượng khởi 14 khởi.*

Giải thích : Kê này dùng 14 thứ khởi thành lập nghĩa sát-na của các hành nội pháp : 1. Sơ khởi, nghĩa là tự tính sinh đầu tiên. 2. Tục khởi, nghĩa là trừ sát-na đầu tiên, các sát-na khác

sinh. 3. Trưởng khởi, nghĩa là ngủ, ăn, Phạm hạnh, chính thụ, trưởng dưỡng nên sinh. 4. Y khởi, nghĩa là nhãn v.v... các thức y chỉ nhãn v.v...các căn sinh. 5. Biến khởi, nghĩa là tham v.v...nhiễm ô khiến sắc v.v...biến đổi sinh. 6. Thục khởi, nghĩa là thành thai, ấu nhi, đồng tử, thiếu niên, tráng niên, trung niên già v.v... sinh. 7. Liệt khởi, nghĩa là sinh các ác đạo. 8. Thắng khởi, nghĩa là sinh các thiện đạo. 9. Minh khởi, nghĩa là sinh Dục giới 2 cõi trời sau và Sắc giới Vô sắc giới tất cả các cõi trời. 10. Vô minh khởi, nghĩa là trừ các minh xứ trước, sinh các xứ còn lại. 11. Dị xứ khởi, nghĩa là chết xứ này sinh xứ kia. 12. Chủng khởi, nghĩa là trừ A-la-hán tối hậu 5 ám sinh. 13. Vô chủng khởi, nghĩa là trừ tối hậu 5 ám sinh ở trước, do vì không có chủng tử hậu sinh. 14. Tượng khởi, nghĩa là người nhập giải thoát thiên, định tự tại lực nên các hành tượng sinh.

Hỏi : Lại vì nhân gì thành lập 14 thứ khởi này ?

Kê nói :

*Tục dị và đoạn dị,
Tùy trưởng và tùy y,
Trụ quá và khứ quá,
Vô trụ vô vô tử,
Cũng có tùy tâm tướng,
Hành giả cần phải biết.
Chín thứ nhân như thế,
Thành 14 khởi trước.*

Giải thích : Hai kệ này dùng 9 thứ nhân thành lập 14 khởi trước. Chín thứ nhân là : 1. Tục dị. 2. Đoạn dị. 3. Tùy trưởng. 4. Tùy y. 5. Trụ quá. 6. Khứ quá. 8. Hữu tử. 9. Tùy tâm.

Thứ nhất, tục dị, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ nhất sơ khởi. Nếu đầu tiên khi mới khởi, thể của nhân là không khác biệt thì lúc sau các hành tiếp tục khởi cũng không khác biệt, vì thể của nhân không khác biệt. Do nhân có khác biệt nên sau các hành sát-na được thành.

Thứ hai, đoạn dị, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ hai tục khởi. Nếu mỗi một sát-na nhân không khác biệt, thì lúc sau đoạn sự khác biệt cũng không thể được, vì sự đoạn có khác nhau. Vì vậy thành nghĩa các hành sát-na.

Thứ ba, tùy trường, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ ba là trường khởi. Có thể khiến các hành viên mãi nên gọi là trường. Nếu không có sát-na mà có các hành trường dưỡng là không đúng, là và nó trụ đứng yên. Nếu các hành trụ thì đứng yên không thể dần dần lớn lên viên mãn được. Thế không gọi là trường dưỡng.

Thứ tư, tùy y, nghĩa là nhân này thành lập thứ tư y khởi. Nếu chấp năng y không trụ còn sở y thì trụ là không đúng. Ví như người cưỡi ngựa, người đi ngựa không đi là không có lý. Cũng như vậy thức y vào căn, thức có sát-na mà y không sát-na là không đúng.

Thứ năm, trụ quá, nghĩa là nhân này thành lập 6 khởi, đó là : biến khởi, thực khởi, liệt khởi, thắng khởi, minh khởi, vô minh khởi. Thành lập biến khởi, thực khởi, là nếu chấp các hành sơ khởi tức trụ không diệt là không phải, vì không biến khởi. Nghĩa là tham v.v... biến sắc hằng không thể được, do ban đầu không biến sau cũng vậy. Nếu ban đầu không biến, sau các thực vị cũng không thể được, do trước có biến sau mới thực. Thành lập liệt khởi, thắng khởi sát-na cũng vậy. Nếu chấp các hành được trụ, mà có thiện ác huân tập lần lượt cùng quả là không đúng. Các hành không trụ lần lượt liên tục đều được cùng với quả. Nghĩa này là như vậy. Thành lập minh khởi, vô minh khởi sát-na cũng vậy. Nếu các hành được trụ, thì minh khởi cũng không không trụ mà có vì do tâm chuyển. Không vô minh khởi cũng vậy, vì sau không biến đổi.

Thứ sáu, khứ quá, nghĩa là nhân này thành lập thứ 11 là dị xứ khởi. Nếu chấp các hành qua các nơi mà gọi đi là không đúng. Tôi nay hỏi ông các hành đi là khởi rồi đem các hành sang các nơi khác, hay là không khởi mà đem các hành sang các nơi khác ? Nếu khởi rồi đem sang, tức là nơi này khởi rồi, các nơi khác không khởi, thế tức là trụ, mà nói đi vậy là trái nghĩa. Nếu không khởi đem sang, không khởi tức xưa nay không đi, mà nói đi là vô nghĩa. Lại nữa nếu các hành đi làm trụ nơi đây, tức làm sở tác khiến các hành đi, thì cũng không đúng, vì trụ thì không được đến các nơi khác. Nếu các hành đến các nơi khác mới làm sở tác thì cũng không đúng, vì không lìa đi mà có các hành đến các nơi khác. Nếu nơi này trụ, , nếu các nơi khác trụ, lìa các

hành ra ngoài rất ráo cầu làm không thể được. Cho nên không khác các hành liên tục mà có đi, làm đi đã vô thể thì thành nghĩa sát-na. Nếu ông nói nếu thật không đi sao người đời thấy đi. Phải nói rằng do liên tục không gián đoạn nên giả nói là đi thật không có cái thể của đi. Nếu ông nói lại có nhân gì các hành được liên tục đi thì phải nói có vô lượng nhân duyên. Có tâm lực tự tại như oai nghi v.v... là đi. Có nghiệp đời trước tự tại như trong thân trung ấm là đi. Có sức mạnh của tay tự tại như bắn tên, ném đá là đi. Có ý chỉ tự tại như cỡi xe đi thuyền là đi. Có sức tác động tự tại như gió thổi vật là đi. Có tự thể tự tại như tính gió tạt đi, tính lửa đi lên, tính nước đi xuống. Có sức phép thuật tự tại như chú thuật, linh dược đi trên không. Có đá nam châm tự tại có thể khiến sắt đi. Có sức thần thông tự tại như nương thần thông mà đi. Có các nhân duyên vô lượng như vậy có thể khiến các hành tương tục giả gọi là đi. Nên biết như thế.

Thứ bảy, vô trụ, nghĩa là nhân này thành lập thứ 12 là chủng khởi. Nếu các hành được trụ mà lúc khác lại có chủng tử khởi là không đúng, vì sát-na sát-na không có nhân khác. Nếu các hành không trụ, sau có chủng tử khởi thì nghĩa này có thể được.

Thứ tám, hữu tử, nghĩa là nhân này thành lập thứ 13 vô chủng khởi. Nếu không có sát-na mà có lúc chết, tức vô chủng khởi là không đúng. Trước có chủng khởi, sau khi mạng chung mới không chủng khởi cũng không đúng, vì mỗi một sát-na nhân là vô thể. Cho nên tử tâm sát-na là không thể thành.

Thứ chín, tùy tâm, nghĩa là nhân này thành lập thứ 14 tượng khởi, do tâm tự tại sát-na sát-na tượng kia được khởi.. Nếu không sát-na mà tượng được khởi là vô lý.

Hỏi : Như vậy là thành lập riêng nội hữu là pháp sát-na rồi. Vậy lại có nhân gì có thể thành lập ngoại pháp 4 đại và 6 thứ tạo sắc là sát-na ư ?

Kê nói :

*Do đây và do cạn,
Tính động tăng và giảm,
Hai khởi với 4 biến,
Sức củi và yếu dần,
Cũng nói tùy tâm khởi,*

*Cũng vì nạn vẫn thành,
Tất cả các ngoại pháp,
Đều là sát-na thể.*

Giải thích : Hai bài kệ này dùng 14 nhân thành lập ngoại pháp là sát-na. Nước có 2 nhân : 1. Đầy. 2. Cạn. Nếu không có sát-na thì hoặc đầy hoặc cạn không thể hiện ra. Nếu có người hỏi như thế này : Nếu không có sát-na thì nước do nhân gì mà đầy và do nhân gì mà cạn ? Người kia sẽ không trả lời được. Nay thấy nước có đầy cạn cho nên biết sát-na là nhân của nước đầy hoặc cạn. Gió có 3 nhân : 1. Tính động. 2. Tăng mạnh. 3. Giảm dứt. Nếu tính của gió là trụ thì khi không động nó là vô thể cũng không tăng mạnh cũng không giảm dứt, vì do nó trụ. Đất có 6 nhân : là 2 khởi 4 biến đổi. Hai khởi là do nước do gió mà đất khởi được. Nghĩa là khi kiếp sinh thì đất kia là quả của nước và gió, cho nên biết đất cũng là sát-na. Bốn biến đổi, là do 4 thứ làm cho đất có thể biến đổi : 1. Nghiệp lực làm ra, vì do nghiệp lực của chúng sinh có sai khác. 2. Nhân công làm ra, như đào lập v.v... 3. Các đại làm ra, như do lửa, nước, gió. 4. Thời tiết làm ra, do thời tiết thay đổi làm hiện tướng khác. Nếu không sát-na không thể có 4 sự biến đổi này. Vì nhân vô số, như đất có 6 nhân biết là sát-na. Sắc, hương, vị, xúc 6 nhân cũng vậy cho nên cũng là sát-na. Lửa có 1 nhân là sức của củi, sức lửa của củi tăng nên lửa khởi. Đã cùng với lửa khởi thì củi không được trụ. Lửa đốt củi rồi thì lửa cũng không trụ. Nếu lửa không do củi thì sau không có củi lửa phải trụ lâu, do tùy đồng nghĩa với lửa. Tiếng sau khi nói, tiếng có 1 nhân, như yếu nhỏ dần. Ví như tiếng chuông lúc sau nhỏ dần. Nếu không có sát-na thì lúc sau không có tiếng nhỏ yếu. Lý pháp nhập sắc có 1 nhân, là tùy tâm khởi. Như khi thụ giới tùy tâm khởi hạ trung thượng. Nhân của tâm là sát-na nên quả của nó cũng sát-na. Cho nên ngoại pháp sát-na cũng thành lập.

Lại nữa đều do nạn vẫn. Nay tôi hỏi ông vì sao muốn được các hành vô thường không muốn được các hành sát-na diệt ? Nếu ông nói không thể biết được mỗi mỗi sát-na diệt thì không đúng. Ví như ngọn đèn, trong trường hợp bất động ta cũng không thấy biết cái sát-na của nó. Vì sao ông muốn bảo cái thể của nó là không sát-na ? Nếu ông bảo cái thể của ngọn đèn có

sát-na vi tế nên không biết được, thì các hành cũng vậy chứ sao không muốn bảo là có sát-na ? Nếu ông nói ngọn đèn với các hành không giống nhau, thế là không đúng. Có 2 thứ không giống nhau : 1. Tự tính không giống nhau. 2. Thời phần không giống nhau. Nếu đây là trường hợp tự tính không giống nhau thì thí dụ này đúng, vì lấy phi tự thể làm thí dụ., không phải như lấy đèn dụ cho đèn, lấy con bò dụ con bò thì thí dụ không thành. Nếu lấy thời phần không giống nhau thì thí dụ cũng thành, vì ngọn đèn và các hành đều sát-na giống nhau. Nếu chẳng phải sát-na mà thí dụ thì không thành. Nay lại hỏi ông nếu như người cỡi một vật gì mà vật ấy trụ đứng yên thì người ấy có đi không ? Đáp : Không. Nếu vậy căn sở y trụ mà thức năng y đi cũng không hợp lý. Nếu ông nói vì sao hiện thấy ngọn đèn mỗi niệm mỗi niệm diệt mà tim đèn trụ như vậy ? Phải nói rằng chỗ thấy của ông If thấy không đúng. Do tim đèn liên tục sát-na sát-na có hoại có khởi mà ông không biết như thật. Nếu ông nói các hành sát-na như ngọn đèn thì vì sao người đời chẳng biết ? Phải nói rằng các hành là vật điên đảo cho nên liên tục sát-na tùy chuyển. Đây không biết được mà thật sự là riêng biệt khởi. Người đời gọi là vật hiện tiền mà sinh cái biết điên đảo. Nếu không vậy đã không có sự điên đảo thường và vô thường. Nếu cái thể của điên đảo là không thì cũng không có nhiễm ô, vậy chỗ nào gọi giải thoát ? Do các nạn vẫn đó mà các hành sát-na thành. Đã thành lập nghĩa của vô thường rồi, tiếp thành lập nghĩa của vô ngã.

Hỏi : Con người có thể nói là có hay là không ?

Kê nói :

*Người giả chẳng thật có,
Không thể nói là thật.
Điên đảo và nhiễm ô,
Vì nhân nhiễm thành lập.*

Giải thích : Người là giả chẳng thật có, nghĩa là có thể nói người là giả gọi có, chẳng phải thật thể có. Nếu như vậy là không rơi vào cái chấp một bên, vì lia có không.

Hỏi : Người là thật có, sao biết là không ?

Đáp : Thật, là không thể được, do người ấy không như sắc v.v... có cái thể có thể có được, vì chẳng phải giác trí chứng.

Hỏi : Người chẳng phải giác trí không chứng. Phật lại nói : Ta hiện tại có thể được. Ông nói không thể được là không đúng.

Đáp : Đây nói có thể được, chẳng phải thật có thể được, vì do điên đảo. Phật nói vô ngã chấp ngã, gọi là điên đảo.

Hỏi : Làm sao biết là điên đảo ?

Đáp : Do nhiệm ô. Thân kiến là nhiệm ô. Như là chấp ngã ngã sở. Nếu không điên đảo thì không phải nhiệm ô.

Hỏi : Làm sao biết ngã chấp là nhiệm ô ?

Đáp : Vì nhân nhiệm ô. Do ngã chấp là nhân mà tham v.v... các nhiệm ô được khởi, cho nên biết là nhiệm ô.

Hỏi : Như ông đã chấp nhận nơi sắc v.v... 5 ấm nói người là giả có. Vậy người và ấm này là một hay là khác ?

Kệ nói :

*Người giả với ám thật,
Không thể nói một, khác.
Nếu nói là một, khác,
Thì có 2 lỗi sinh.*

Giải thích : Người giả với ám thật không thể nói là một, không thể nói là khác. Nếu nói là một, khác thì sinh 2 lỗi. Hai lỗi là : Nếu nói người với ám là một thì ám tức là người, và người là thật. Nếu nói người với ám là khác, ám tuy chẳng phải người, người cũng là thật. Vì lẽ đó, người là do lập ra mà có, không thể nói một hay khác. Cho nên Như Lai ngăn sự dự đoán mà luận thành.

Kệ nói :

*Nếu chấp người là thật,
Phải nói là một, khác.
Một khác không thể nói,
Mà nói thế, vô lý.*

Giải thích : Nếu người trái với sự giáo huấn của Đại sư chấp người là có thật, thì con người thật với ám có thể nói một hoặc khác. Nhưng chấp với ám không thể nói một hoặc khác, thì nói thế là không đúng lý. Nếu ông nói người không thể nói như lửa với củi chẳng phải khác chẳng phải không khác là không đúng.

Kệ nói :

Khác tương và đời thấy,

*Phật nói không phải vậy.
Lửa củi chẳng không nói,
Có thể được có 2.*

Giải thích : Khác tướng, là lửa và hỏa đại. Củi, là các đại khác, đều có tướng riêng, cho nên lửa khác củi. Đòi thấy, là người đòi lia lửa thấy củi, nghĩa là những cây gỗ có thể đốt cháy. Cũng tách rời củi thấy lửa, như gió thổi lửa tắt, cho nên lửa khác củi. Phật nói không như vậy, nghĩa là Phật Thế Tôn không có chỗ nói lửa với củi không thể nói một, khác. Cho nên ông chấp lửa củi không thể nói một, khác. Nói thế không đúng. Nếu ông nói không phải tách rời củi thấy lửa, gió tức là củi là không đúng, vì có 2 có thể được, do lửa và gió 2 khác nhau. Lại nữa,

Kệ nói :

*Hai có nên thức khởi,
Người duyên thì phi nghĩa.
Tốt diệt và xấu sinh,
Nói sinh lại phi lý.*

Giải thích : Nếu người chấp người có thật, nghĩa là thấy, nghe, giác, thức, ăn, biết, nói, nếu vậy nhãn thức kia v.v...khởi, là lấy người làm duyên nói người là tác giả, hay lấy người làm chủ nói người là tác giả ? Nếu lấy người làm duyên, thì 2 có nên thức khởi người và duyên là phi nghĩa, do người trong lúc thức khởi không có chút sức nào có thể thấy. Nếu lấy người làm chủ, thì tốt diệt và xấu sinh, nói sinh lại phi lý. Nếu người là chủ đã sinh sở ái thức, ắt phải làm cho không diệt, không nên khiến diệt. Chưa sinh cái thức không yêu, chắc chắn phải khiến không sinh, không nên khiến sinh. Vì lẽ này, ông không nên chấp người là thấy cho đến thức. Lại nữa,

Kệ nói :

*Ông chấp trong người thật,
Nghiep gì được thành lập ?
Không thật cưỡng nói thật,
Trái Phật Tam Bô-đề.*

Giải thích : Nếu người là thật có, ông lấy nghiệp gì có thể thành lập được ? Phạm là thật có, ắt có sự nghiệp. Như mắt v.v...các tịnh sắc lấy sự thấy làm sự nghiệp được thành lập.

Người không có các sự nghiệp như thế có thể thành lập, cho nên người không phải thật có.

Lại nữa, ông ở trong con người không thật cố cưỡng ép làm con người có thật, tức trái với 3 thứ BỒ-đề của Như Lai : 1. Thâm thâm BỒ-đề. 2. Bất cộng BỒ-đề. 3. Xuất thế BỒ-đề. Nếu thấy người thật, là chẳng phải thâm thâm BỒ-đề, là chẳng phải ngoại đạo bất cộng BỒ-đề, là chẳng phải thế gian không tập BỒ-đề. Cho nên chỗ chấp này là chấp của thế gian, là chỗ chấp trước của ngoại đạo, là sinh tử hằng tập.

Lại nữa nếu người là do thấy, cho đến do nhận thức thì mắt v.v... các căn là có công dụng hay không công dụng ? Nếu có công dụng thì nó tự nhiên khởi hay do người khởi ? Hỏi ông nghi chỗ nào ?

Kê nói :

Nếu lấy tự nhiên khởi,

Tức có 3 lỗi sinh.

Nếu lấy người làm duyên,

Thì mắt v.v... vô dụng.

Giải thích : Nếu nói công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi thì người đối với mắt v.v... không tạo sự nghiệp, tức sẽ có 3 thứ lỗi sinh. Nếu nói lấy người làm duyên công dụng được khởi, tức là mắt v.v... các căn hoàn toàn không có công dụng.

Hỏi : Thế nào là công dụng tự nhiên khởi 3 lỗi ?

Kê nói :

Người không phải tác giả,

Vì dụng phi thường khởi.

Vì khởi chẳng nhất thời,

Tự khởi thì không vậy.

Giải thích : Nếu công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi không đợi người làm, thì người không phải là tác giả, làm sao gọi là thấy cho đến nhận thức ? Đó là lỗi thứ nhất. Nếu công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi, tức phải thường khởi, không nên phi thường khởi. Đó là lỗi thứ hai. Nếu công dụng của mắt v.v... thường khởi thì khởi phải nhất thời, sao không được cùng khởi ? Đó là lỗi thứ ba. Do nghĩa này nếu nói tự nhiên khởi là không đúng.

Hỏi : Lấy người làm duyên còn có lỗi gì ?

Kê nói :

*Người trụ, dụng trước không,
Người hoại thì người đoạn.
Lại có thể thứ ba,
Làm duyên là vô nghĩa.*

Giải thích : Nếu nói người trụ với công dụng làm duyên thì người đã thường có, lý do gì công dụng trước không sau có ? Nghĩa ấy không đúng. Nếu nói người hoại là duyên thì người hoại tức rơi vào vô thường. Đây cũng không đúng. Nếu nói lại có cái thứ ba là không trụ, không hoại, người làm duyên, là không có nghĩa. Như vậy theo đạo lý mà nói không thể có con người thật. Lại nữa,

Kê nói :

*Các pháp vô ngã ẩn,
Và nói chân thật không.
Có ngã có 5 lỗi,
Cho nên biết không ngã.*

Giải thích : Trong Kinh Pháp Ấn, Phật nói : “ Tất cả pháp không có ngã.” Trong Kinh Chân Thật Không, Phật nói : “ Có nghiệp có báo, tác giả không thể được. Bỏ tiền âm khởi hậu âm, khởi diệt chỉ có pháp.” Trong Kinh Tăng Ngũ nói : “ Nếu chấp có ngã, có 5 lỗi : 1. Rơi vào chỗ kiến chấp, khởi ngã kiến, mạng giả kiến. 2. Đồng với ngoại đạo. 3. Tích hạnh tà hạnh. 4. Không muốn, không tin, không trụ nơi không. 5. Thánh pháp không được thanh tịnh.” Như vậy theo A-hàm nói cũng không thể có được con người thật.

Hỏi : Nếu không có người thật, sao nhiều nơi trong kinh Thế Tôn nói có người ? Như Kinh Tri, Kinh Phụ Đạm, và kiến lập những người tùy tín hành v.v.. ư ?

Kê nói :

*Do y pháp nhiễm tịnh,
Vị đoạn nói có khác.
Hành khác tương tục khác,
Không thật, giả nói người.*

Giải thích : Do dựa vào pháp nhiễm ô và pháp thanh tịnh, có vị sai biệt và đoạn sai biệt., cho nên kiến lập con người giả có sai biệt. Nếu không có con người giả sai biệt thì không thể nói

có hành sai biệt và tương tục sai biệt. Như trong Kinh Tri nói : “ Các pháp gì là pháp nhiễm ô ? Những gì là biết là pháp thanh tịnh ? Như trong Kinh Phụ Đảm nói : “ Phụ đảm gì là pháp nhiễm ô ? Bỏ những phụ đảm gì gọi là pháp thanh tịnh ? “ Nếu không có hành sai biệt và tương tục sai biệt thì không thể nói hai pháp này là biết là phụ đảm. Nghĩa là pháp Bồ-đề phần có nhiều vị sai biệt, như phương tiện đạo, kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo. Nếu không có hành và tương tục sai biệt thì không thể nói được pháp Bồ-đề phần kia có tùy tín hành v.v... những người sai biệt. Do con người là không thật, ước theo pháp sai biệt có thể giả nói. Do đạo lý này nên biết chỗ nói chỉ là người giả. Nếu ý Phật không nói là người giả mà nói người thật thì vô dụng, bởi chúng sinh khởi ngã kiến.

Kê nói :

*Không làm khởi ngã kiến,
Do kiến đã khởi nên
Vô thủy đã tập,
Vô dụng nên giải thoát.*

Giải thích : Phật không phải vì khởi chúng sinh ngã kiến mà nói có người thật, do chúng sinh đã khởi ngã kiến cho nên, cũng không phải vì khiến chúng sinh thường tập ngã kiến mà nói có người thật, đó là do chúng sinh trước đã thường tập ngã kiến, cũng không phải vì khiến chúng sinh ngã kiến được giải thoát nên nói có người thật, vì tất cả vô công dụng thì tự nhiên đều được giải thoát. Vì vậy cho nên tất cả những ai chưa thấy chân lý, có ngã kiến thì không giải thoát. Không phải như cái thể của khổ lúc trước không thấy lúc sau mới thấy. Con người không như vậy, không phải trước không thấy sau mới thấy. Lại cũng như thể của cái khổ trước không thấy sau cũng không thấy, tức thể của người không giải thoát cũng vậy, trước cũng thấy sau cũng thấy thì không giải thoát. Nếu thật có ngã thì chắc chắn có ngã sở. Từ 2 chấp đó khởi ngã ái và các phiền não, như vậy thì không giải thoát. Vì thế không nên muốn được có con người thật, vì sẽ khởi tất cả các lỗi về ngã kiến v.v...

Như vậy đã nói riêng biệt về Bồ-đề phần xong, tiếp đến tổng kết nghĩa trước.

Kê nói :

*Xấu hổ... các công đức,
Bồ-tát thường đầy đủ.
Tự lợi đã không bỏ,
Cũng khiến lợi tha thành.*

Giải thích : Nghĩa này như trước đã lược nói.
Xong Phẩm giác phần.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 11)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 12

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 22 : Công đức

Giải thích : Đã nói các giác phần của Bồ-tát, tiếp nói các công đức của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Xả thân và thắng vị,
Nhẫn hạ và trường cần.
Bất vị bất phân biệt,
Sáu hạnh nói hy hữu.*

Giải thích : Kệ này hiển thị hạnh hy hữu. Đàn hạnh, là nếu có thể thí thân mạng mình là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Giới hạnh, nghĩa là nếu có thể xả bỏ địa vị cao sang mộ đạo xuất gia là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Nhẫn hạnh, là nếu có thể không kể thân mạng nhẫn nhịn chúng sinh hạ liệt là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Tinh tiến hạnh, là nếu có thể thời gian dài siêng năng chân chính cho đến tận cùng sinh tử không đoạn dứt là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Thiền hạnh, là nếu có thể nơi thắng định lạc mà không hưởng thiên vị, không thụ sinh nơi kia mới là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Tuệ hạnh, là nếu có thể khởi trí vô phân biệt mới là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Nếu người Thanh Văn phân biệt 4 đế mà có chán lìa, Bồ-tát thì không vậy. Đó gọi là 6 hạnh hy hữu.

Kê nói :

*Sinh vào nhà Như Lai,
Được ký và thụ chức.
Và được chứng Bồ-đề,
Bốn quả là hy hữu.*

Giải thích : Kê này hiển thị quả hy hữu. Bồ-tát có 4 quả : 1. Nhập sơ địa, sinh vào nhà Như Lai, là quả Tu-đà-hoàn. 2. Trong địa thứ 8 được thụ ký, là Tư-đà-hàm. 3. Trong địa thứ 10 được thụ chức, là quả A-na-hàm. 4. Phật địa, là quả A-la-hán. Ba quả trước là quả hữu học. Quả thứ tư là quả vô học. Đã nói hy hữu của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát phi hy hữu.

Kê nói :

*Lìa dục và đại bi,
Thắng tu và bình đẳng.
Theo đây tu các độ,
Là hành phi hy hữu.*

Giải thích : Bồ-tát đã được lìa dục mà hành bồ thí không phải là hy hữu, vì không nhiễm trước nơi vật, vật dễ xả bỏ. Bồ-tát đã được đại bi mà trì giới, nhẫn nhục không phải là hy hữu. Nếu Bồ-tát đã được thắng tu, nghĩa là địa thứ 8, do không công dụng, không phân biệt nên thực hành 3 độ sau không phải hy hữu. Nếu Bồ-tát đã được tâm tự tha bình đẳng, hành tất cả các độ cũng chẳng phải hy hữu, do khi lợi tha tức là tự lợi, không có tâm thoái lui. Đã nói xong Bồ-tát phi hy hữu, tiếp nói Bồ-tát tâm bình đẳng.

Kê nói :

*Bồ-tát thương chúng sinh,
Không đồng sinh 5 ái.
Tự thân và quyến thuộc,
Con, bạn và người thân.*

Giải thích : Kê này hiển thị tâm bình đẳng của Bồ-tát đối với chúng sinh. Chúng sinh có 5 thứ tâm yêu không bình đẳng : 1. Yêu bản thân. 2. Yêu bà con. 3. Yêu con cái. 4. Yêu bạn bè. 5. Yêu người thân. Do 5 cái yêu này không bình đẳng cũng không rất ráo, như người có lúc cũng hành tự hại. Còn tâm Bồ-tát yêu thương chúng sinh thì bình đẳng, do không bỏ, không thoái lui.

Kê nói :

*Không thiên lệch không phạm,
Khấp nhĩn khởi thiện lợi.
Thiên và vô phân biệt,
Sáu độ tâm bình đẳng.*

Giải thích : Kệ này nói Bồ-tát hành 6 độ được tâm bình đẳng. Không thiên lệch, là tâm bố thí bình đẳng, đối với người cầu không phân biệt yêu ghét. Không phạm, là tâm trì giới bình đẳng, cho đến giới nhỏ nhất cũng không khuyết phạm. Khấp nhĩn, là tâm nhĩn nhục bình đẳng phổ biến khắp chúng sinh hơn kém đều có thể nhĩn. Khởi thiện lợi, là tâm tinh tiến bình đẳng để khởi tất cả thiện căn và khởi tự tha tất cả lợi ích mà siêng năng làm. Thiên, là tâm học định bình đẳng. Bồ-tát tu định cũng để khởi các thiện căn và khởi các lợi ích mà tinh tiến. Vô phân biệt, là tu tâm tuệ bình đẳng, từ mới phát tâm cho đến cứu cánh, mọi tu hành các độ đều tam luân thanh tịnh. Đó gọi là các độ tâm bình đẳng. Đã nói xong Bồ-tát tâm bình đẳng, tiếp nói việc Bồ-tát nhiều ích chúng sinh.

Kệ nói :

*Khiến khí và khiến cấm,
Nhĩn ác và giúp thiện.
Nhập pháp và đoạn nghi,
Sáu hạnh việc nhiều ích.*

Giải thích : Kệ này nói chư Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật nhiều ích các chúng sinh. Khiến khí, nghĩa là dùng thí nhiều ích khiến kia được thành khí cụ tu thiện. Khiến cấm, nghĩa là dùng giới nhiều ích, tùy sức kham năng mà khiến hộ trì. Nhĩn ác, là dùng nhĩn nhiều ích, có thể nhận chịu những việc trái nghịch của chúng sinh. Giúp thiện, là dùng tiến nhiều ích, trợ giúp chúng sinh làm các thiện nghiệp. Nhập pháp, là dùng định nhiều ích bằng sức thần thông làm cho hồi tà quy chính. Đoạn nghi, là dùng trí nhiều ích, dù phàm dù thánh nếu có lưới nghi đều giải trừ. Đã nói xong 6 độ nhiều ích của Bồ-tát, tiếp nói 7 nhiều ích tương tự của Bồ-tát : 1. Nhiều ích tựa như người mẹ. 2. Nhiều ích tựa như người cha. 3. Nhiều ích tựa thiện hữu. 4. Nhiều ích tựa đồng bạn. 5. Nhiều ích tựa như người giúp việc khỏe mạnh. 6. Nhiều ích tựa như A-xà-lê. 7. Nhiều ích tựa như Hòa thượng.

Hỏi : Thế nào là nhiều ích tựa như người mẹ ?

Kê nói :

*Đấng tâm sinh thánh địa,
Nuôi thiện phòng các ác.
Dạy tập bằng nghe nhiều,
Năm nghiệp như mẹ hiền.*

Giải thích : Ví như mẹ hiền làm 5 nghiệp lợi ích cho con :
1. Mang thai. 2. Sinh ra. 3. Nuôi dưỡng. 4. Phòng hại. 5. Tập nói.
Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh cũng có 5 nghiệp như vậy : 1. Tâm bình đẳng đối với chúng sinh. 2. Làm cho chúng sinh sinh nơi đất thánh. 3. Nuôi lớn các thiện căn. 4. Phòng hộ các việc làm ác. 5. Dạy tập cho nghe nhiều. Đó là 5 thứ sự nghiệp của Bồ-tát tương tự như một bà mẹ.

Hỏi : Thế nào là làm lợi ích như một người cha ?

Kê nói :

*Khiến tin khiến giới định,
Khiến thoát khiến khuyến mời,
Và phòng hộ các chướng,
Năm nghiệp như người cha.*

Giải thích : Ví như người cha lãnh làm 5 nghiệp lợi ích cho đứa con : 1. Gieo giống. 2. Dạy nghề nghiệp. 3. Dựng vợ gả chồng cho con. 4. Phụ bạn tốt. 5. Tuyệt nợ nần không để sau con phải trả. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy : 1. Khiến tin để làm chủng tử của thánh thể. 2. Khiến học tăng thượng giới định để làm nghề nghiệp. 3. Khiến được niềm vui giải thoát để làm việc cưới gả. 4. Khiến khuyến thỉnh chư Phật để làm thiện hữu. 5. Ngăn chặn chướng ngại để tuyệt nợ nần. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự như một người cha.

Hỏi : Thế nào là làm lợi ích như người bạn lành ?

Kê nói :

*Bí thâm và kha phạm,
Tán trì và giáo thụ.
Khiến biết các việc ma,
Năm nghiệp như thiện hữu.*

Giải thích : Ví như bạn lành làm cho mình 5 nghiệp lợi ích : 1. Mật ngữ làm che chở. 2. Khiến dứt việc làm ác. 3. Khen ngợi việc làm thiện. 4. Phụ giúp công việc làm. 5. Ngăn việc tập theo điều ác. Có 4 thứ việc ác : 1. Săn bắn. 2. Gian phi. 3. Say

rượu. 4. Cờ bạc. năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy : 1. Người không kham thụ Phật pháp thì dùng bí mật ngữ nói. 2. Người phạm giới thì như pháp quả trách. 3. Người giữ đầy đủ giới luật thì khen ngợi. 4. Người tu hành thì dạy khiến mau chứng. 5. Người làm việc tà ma thì khiến biết mà giác ngộ. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự như người bạn lành.

Hỏi : Thế nào là làm việc lợi ích tương tự như một người đồng bạn ?

Kê nói :

*Cho vui và cho lợi,
Hằng vui cũng hằng lợi,
Cho đến không chia tan,
Năm nghiệp như đồng bạn.*

Giải thích : Ví như đồng bạn có trí làm cho mình 5 nghiệp lợi ích : 1. Cho điều vui. 2. Cho điều lợi ích. 3. Thường xuyên cho điều vui. 4. Thường xuyên làm cho điều lợi ích. 5. Không mâu thuẫn chia lìa. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy : 1. Cho điều vui không điên đảo. Thế gian thành tựu gọi là vui, vì do đó được cảm thụ vui. 2. Cho điều lợi không điên đảo. Xuất thế thành tựu gọi là lợi, vì do đó đối trị bệnh phiền não. Còn 3 cái nữa có thể hiểu được. Đó gọi là 5 nghiệp tương tự đồng bạn của Bồ-tát.

Hỏi : Thế nào là làm việc lợi ích như người giúp việc khỏe mạnh ?

Kê nói :

*Thành sinh, khai xuất yếu,
Nhẫn hại với 2 thành.
Bằng phương tiện khéo léo,
Năm việc như kiện nô.*

Giải thích : Ví như người giúp việc khỏe mạnh làm 5 việc lợi ích cho chủ : 1. Hết lòng các công việc. 2. Không lừa dối. 3. Nhịn chịu sự đánh mắng. 4. Làm việc được rất tốt. 5. Biết giỏi các phương tiện. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy : 1. Thành thực chúng sinh. 2. Khai thị xuất yếu. 3. Nhẫn các việc ác. 4. Cho vui thế gian. 5. Cho lợi xuất thế. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự người giúp việc.

Hỏi : Thế nào là làm lợi ích tương tự một A-xà-lê ?

Kê nói :

*Dạy khắp và chỉ bày,
Vui vẻ lời dịu ngọt.
Không cầu người trả ơn,
Năm nghiệp như Xà-lê.*

Giải thích : Được vô sinh nhân thì gọi là Xà-lê. Ví như Xà-lê làm 5 việc lợi ích cho đệ tử : 1. Dạy cho các pháp. 2. Chỉ bày những thiết yếu mau chóng. 3. Nét mặt vui vẻ. 4. Lời nói từ ái. 5. Tâm không mong đáp trả. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng như vậy.

Hỏi : Thế nào là làm lợi ích như Hòa thượng ?

Kê nói :

*Khiến đủ và giải thoát,
Đoạn chương vui thế gian.
Và cho lợi xuất thế,
Năm nghiệp như Hòa thượng.*

Giải thích : Ví như Hòa thượng làm 5 việc lợi ích cho đệ tử : 1. Độ khiến xuất gia. 2. Cho thụ giới. 3. Cấm đoán các tội lỗi. 4. Thâu giữ bằng của cải. 5. Dạy dỗ bằng giáo pháp. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy : 1. Khiến đủ 2 tụ. 2. Khiến được giải thoát. 3. Khiến đoạn các chương. 4. Cho vui thế gian. 5. Cho lợi xuất thế. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát làm lợi ích như một Hòa thượng. Đã nói xong 7 nhiều ích tương tự của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ chúng sinh báo ân.

Kê nói :

*Không chấp trước, không phạm,
Biết làm và thiện hạnh.
Như vậy tu 6 độ,
Là báo ân Bồ-tát.*

Giải thích : Như Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh, chúng sinh cũng như vậy báo ân Bồ-tát. Không chấp trước, là bố thí báo ân. Không phạm, là trì giới báo ân. Biết làm, là tu nhân báo ân. Bồ-tát thương yêu nhân nhĩn kia biết mà làm, tức là báo ân. Thiện hạnh, là làm 3 độ còn lại báo ân. Lấy tinh tiến hành định tuệ tức được giải thoát, nên 3 độ sau hợp gọi là thiện hạnh. Đã nói chúng sinh 6 thứ báo ân, tiếp nói Bồ-tát 5 thứ hy vọng.

Kê nói :

Sáu tặng và 6 giảm,

*Thành sinh và tiến địa.
Đại giác là 5 thứ,
Hy vọng có 5 thứ.*

Giải thích : Chư Bồ-tát có 5 chỗ thường khởi hy vọng : 1. Hy vọng 6 độ tăng trưởng. 2. Hy vọng 6 tế tổn giảm. 3. Hy vọng thành thực chúng sinh. 4. Hy vọng thắng tiến các địa. 5. Hy vọng vô thượng Bồ-đề. Đó là 5 thứ hy vọng. Đã nói xong 5 thứ hy vọng của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ quả bất không của Bồ-tát.

Kê nói :

*Dứt sợ và phát tâm,
Trì nghi và khởi hành.
Bốn việc hóa chúng sinh,
Quyết định quả bất không.*

Giải thích : Chư Bồ-tát 4 nghiệp lợi ích chúng sinh quyết được quả bất không : 1. Vì nói pháp rất sâu, quyết được không sợ hãi. 2. Khiến phát tâm Bồ-đề quyết được Phật quả. 3. Vì dứt nghi, quyết định không khởi lại. 4. Vì nói 6 độ, quyết có thể tu tập. Đó là 4 nghiệp quả bất không. Đã nói 4 thứ quả bất không của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ chính hạnh của Bồ-tát.

Kê nói :

*Lìa cầu, lìa hậu hữu,
Khấp khởi các công đức,
Tu thiên xả Vô sắc,
Trí hợp phương tiện hành.*

Giải thích : Lìa cầu, nghĩa là chính hạnh bồ thí không cầu mong báo đáp. Lìa hậu hữu, nghĩa là chính hạnh giới nhẫn không cầu có thân sau. Khấp khởi các công đức, nghĩa là chính hạnh tinh tiến. Tu thiên xả Vô sắc, nghĩa là chính hạnh thiên định. Trí hợp phương tiện hành, nghĩa là chính hạnh Bát-nhã. Tam luân thanh tịnh là Bát-nhã. Hồi hướng Bồ-đề là phương tiện. Như Kinh Bảo Tích nói : “ Thí không cầu báo, như vậy nói rộng.” Đã nói 6 thứ chính hạnh của Bồ-tát, tiếp nói 6 độ tiến thoái phân của Bồ-tát.

Kê nói :

*Đắm của cải, hủy cấm,
Mạn hạ và đọa thiện,
Thương vị và phân biệt,*

Là thoái, ngược là tiến.

Giải thích : Sở đối trị 6 độ là nhân của thoái phần. Ngược lại sở đối trị là năng đối trị. Đó là nhân của tiến phần. Đã nói 6 độ tiến thoái phần của Bồ-tát, tiếp nói công đức chân thật và tương tự 6 độ của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Giả cho và trá tướng,
Đối vui và nguy siêng,
Thân tĩnh, miệng nói khéo,
Là tự, ngược là chân.*

Giải thích : Giả cho, là giả vờ bố thí. Nghĩa là người cầu xin thì nói của mình tha hồ lấy nhưng khi người đến thì keo kiệt. Trá tướng, nghĩa là giả vờ như giữ giới, tức che giấu các ác, trá hiện oai nghi. Đối vui, nghĩa là giả vờ nhẫn nhục, tức lời ngon ngọt mà chờ hại người. Nguy siêng, nghĩa là giả vờ tinh tiến, tức chỉ nói suông rằng ta cầu Phật quả mà thật tâm mong cầu quả báo thế gian. Thân tĩnh, là giả vờ thiền định, nghĩa là thân miệng thì đoan chính mặc nhiên mà ác giác thì náo loạn trong tâm. Nói khéo, nói hay, là tựa như Bát-nhã, nghĩa là vì người mà nói khéo nhưng chính bản thân không thực hành. Sáu thứ này là hành nghiệp không chân chính, ngược lại hành nghiệp không chân chính này là hành nghiệp chân chính. Đã nói công đức chân tự của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát vì chúng sinh trừ 6 tế chướng.

Kệ nói :

*Hành 6 độ cho kia,
Trừ kia 6 tế chướng,
Bồ-tát hóa chúng sinh,
Mỗi địa đều như vậy.*

Giải thích : Chúng sinh có 6 thứ ngăn che có thể chướng ngại 6 Ba-la-mật. Đó là xan tham, phá giới, giận dữ, lừa dối, loạn tâm, ngu si. Bồ-tát theo tuần tự khiến chúng sinh hành bố thí, cho đến khiến hành Bát-nhã, làm cho chúng sinh trừ được 6 thứ ngăn che, tức cho thí cho đến cho trí. Đã nói xong Bồ-tát trừ 6 thứ ngăn che chúng sinh, tiếp nói chư Phật thụ ký cho Bồ-tát.

Kệ nói :

*Thụ ký có 2 thứ,
Người khác và thời khác.*

*Chuyên ký và đại ký,
Đây cũng có 2 thứ.*

Giải thích : Thụ ký có 2 thứ : 1. Người sai biệt. 2. Thời sai biệt. Người sai biệt thụ ký có 4 thứ : 1. Chưa hát tâm thụ ký, là tính vị. 2. Đã phát tâm thụ ký. 3. Hiện tiền thụ ký. 4. Không hiện tiền thụ ký. Thời sai biệt thụ ký có 2 thứ : 1. Thụ ký có số lượng. 2. Thụ ký vô số lượng. Lại nữa còn có 2 thứ thụ ký : 1. Chuyên thụ ký. 2. Đại thụ ký. Chuyên thụ ký, là ghi nhận cho vị Bồ-tát kia sau nơi Như Lai ấy, vào thời tiết ấy sẽ được thụ ký.

Hỏi : Thế nào là đại thụ ký ?

Kê nói :

*Bát địa được vô sinh,
Đoạn mạn, đoạn công dụng.
Chư Phật và Phật tử,
Đồng một thể như nhau.*

Giải thích : Đại thụ ký, nghĩa là trong địa thứ 8 khi được vô sinh nhân, do dứt sự ngã mạn nói ta sẽ thành Phật, và dứt tất cả công dụng tướng phân biệt, nên được đồng một thể với tất cả chư Phật Bồ-tát.

Hỏi : Thế nào là đồng một thể ?

Đáp : Không thấy chư Phật Bồ-tát với tự thân có sai biệt. Bởi vì sao ? Vì đồng như một.

Kê nói :

*Cõi nước và danh hiệu,
Thời tiết với tên kiếp,
Quyển thuộc và pháp trụ,
Ký lại có 6 thứ.*

Giải thích : Lại có 6 thứ thụ ký này : 1. Nơi cõi nước ấy. 2. Có danh hiệu như vậy. 3. Trải qua thời tiết như vậy. 4. Có kiếp tên như vậy. 5. Có quyển thuộc như vậy. 6. Chính pháp trụ thể vào thời tiết như vậy. Đã nói xong về chư Phật thụ lý, tiếp nói 6 thứ quyết định của Bồ-tát.

Kê nói :

*Tài thành và sinh thắng,
Bất thoái và tu tập.
Định nghiệp vô công dụng,
Sáu việc quyết định thành.*

Giải thích : Bồ-tát do 6 độ tăng thượng được 6 thứ quyết định : 1. Của cải thành quyết định, do thí thường được thành tựu nhiều của cải. 2. Sinh thắng quyết định, do giới thường được tùy ý thụ sinh. 3. Bất thoái quyết định, do nhẫn các khổ thường không thoái lui. 4. Tu tập quyết định, do tinh tiến thường thời tập thiện không gián đoạn thôi nghỉ. 5. Định nghiệp quyết định, do thiền nghiệp thành tựu chúng sinh vĩnh viễn không thoái lui. 6. Vô công dụng quyết định, do trí được vô sinh nhẫn, trí vô phân biệt tự nhiên trụ. Đã nói xong 6 thứ quyết định của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ phải làm của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Cúng dường và học giới,
Tu bi, siêng việc thiện,
Xa ồn ào vui pháp,
Sáu việc quyết phải làm.*

Giải thích : Để thành tựu 6 độ nên chư Bồ-tát trong các địa quyết định phải làm 6 việc : 1. Phải cúng dường, đây là để thành tựu đàn độ. Nếu không cúng dường thời gian dài lâu thì đàn độ không được viên mãn. Nghĩa của cúng dường, như có nói trong Phẩm cúng dường. 2. Phải học giới, đây là để thành tựu giới độ. Nếu không học giới thời gian dài lâu thì giới độ không được viên mãn. 3. Phải tu bi, đây là để thành tựu nhẫn độ. Nếu không nhẫn những việc không nhiều ích thời gian dài lâu thì nhẫn độ không được viên mãn. 4. Phải siêng việc thiện, đây là để thành tựu tiến độ. Nếu tâm phóng dật không tu các thiện pháp thì tiến độ không được viên mãn. 5. Phải lìa xa nơi huyên náo, đây là để thành tựu thiền độ. Nếu ở nơi làng xóm ồn ào cãi cọ làm náo loạn tâm thì thiền độ không được viên mãn. 6. Phải vui với pháp, đây là để thành tựu trí độ. Nếu không trải khắp chư Phật nghe pháp không chán, như biển thâm nhận nước các dòng sông không bao giờ đầy thì trí độ không được viên mãn. Đã nói xong 6 thứ phải làm của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ Bồ-tát thường làm.

Kệ nói :

*Chán trần và tự tĩnh,
Chịu khổ tu thiện pháp,
Không hưởng, không phân biệt,
Sáu hạnh phải thường khởi.*

Giải thích : Đề thành tựu 6 độ, chư Bồ-tát thường phải làm 6 việc : 1. Chán trần, nghĩa là biết 5 dục trần là tội lỗi, ví như phân nhơ, dù một chút xíu cũng hôi thối. Quả báo bố thí tuy nhiều cũng khổ. Do không tham trước nên có thể hành 3 thí. Việc này thường tu thì dần độ viên mãn. 2. Tự tỉnh, nghĩa là ngày đêm 6 thời thường tự tỉnh xem xét 3 nghiệp đã làm, biết lỗi thì sửa đổi. Việc này thường tu thì giới độ viên mãn. 3. Chịu khổ, nghĩa là nếu có ai đến làm việc không lợi ích, và tự cầu pháp nhĩn chịu các khổ lạnh nóng, thường tu những việc này thì nhân độ viên mãn. 4. Tu thiện pháp, nghĩa là thiện là 6 Ba-la-mật. Trong các địa thường tu việc này thì tiến độ viên mãn. 5. Không hưởng, nghĩa là trong thiền không hưởng thụ thắng lạc hằng đến cõi Dục thụ sinh. Thường tu việc này thì thiền độ viên mãn. 6. Không phân biệt, nghĩa là trong tam luân dị tướng không khởi phân biệt. Thường tu việc này thì trí độ viên mãn. Đã nói xong 6 thứ thường làm của Bồ-tát, tiếp nói 6 độ thắng loại của Bồ-tát.

Kê nói :

*Pháp thí và thánh giới,
Vô sinh khởi Đại thừa
Định bi như thật trí,
Sáu hạnh đây là hơn.*

Giải thích : Thí có nhiều thứ, lấy pháp thí là hơn cả. Giới có nhiều thứ, lấy giới vô lưu mà thành nhân yêu thích là hơn hết. Nhĩn có nhiều thứ, lấy vô sinh nhĩn của địa thứ 8 là hơn hết. Tinh tiến có nhiều thứ, lấy khởi Đại thừa độ thoát chúng sinh là hơn hết. Định có nhiều thứ, lấy xuất thế đệ tứ thiên hợp với đại bi là hơn hết. Trí có nhiều thứ, lấy trí thông đạt các pháp như thật là hơn hết. Đã nói xong thắng loại của 6 độ, tiếp nói 4 thứ giả kiến lập.

Kê nói :

*Lập pháp và lập đế,
Lập lý và lập thừa.
Năm bảy bốn ba thứ,
Kiến lập giả sai biệt.*

Giải thích : Bốn thứ giả kiến lập là : 1. Pháp giả kiến lập. 2. Đế giả kiến lập. 3. Đạo lý giả kiến lập. 4. Thừa giả kiến lập.

Hỏi : Mỗi giả kiến lập có bao nhiêu thứ ?

Đáp : Pháp giả kiến lập có 5 thứ sai biệt. Đế giả kiến lập có 7 thứ sai biệt. Đạo lý giả kiến lập có 4 thứ sai biệt. Thừa giả kiến lập có 3 thứ sai biệt.

Pháp giả kiến lập có 5 thứ là :

Kê nói :

*Đó là 5 minh xứ,
Đều là Đại thừa chủng.
Tu-đa-la, Kì-dạ v.v...
Vì loại có sai biệt.*

Giải thích : Pháp giả kiến lập 5 thứ tức là Ngũ minh luận. Năm cái này đều là Đại thừa Tu-đa-la Kì-dạ v.v... chủng loại khác nhau. Ngũ minh xứ, như có nói trong Phẩm Giác phần.

Đế giả kiến lập 7 thứ là :

Kê nói :

*Luân chuyển và không tướng,
Duy thức với y chỉ,
Tà hạnh cùng thanh tịnh,
Chính hạnh như 7 thứ.*

Giải thích : Bảy thứ sai biệt, tức 7 như : 1. Luân chuyển như. 2. Không tướng như. 3. Duy thức như. 4. Y chỉ như. 5. Tà hạnh như. 6. Thanh tịnh như. 7. Chính hạnh như.

Luân chuyển như, là sinh tử, tức là 3 cõi tâm tâm pháp, đây từ phân biệt khởi. Cái phân biệt này lại từ nhân duyên khởi, không từ Tự Tại v.v... các nhân khác sinh, cũng không phải không có nhân mà sinh. Do cảnh giới phân biệt là không, cho nên tất cả mọi thời chỉ có 2 tính là phân biệt và y tha luân chuyển. Không tướng như, là pháp vô ngã. Vì tất cả các pháp đồng một không như làm tướng. Duy thức như, là trí vô phân biệt. Y chỉ như, là khổ đế. Đây có 2 thứ : một là khí thể gian, hai là chúng sinh thể gian. Tà hạnh như, là tập đế, đây tức là ái. Thanh tịnh như, là diệt đế. Đây có 2 thứ : một là phiền não chướng tịnh, hai là trí chướng tịnh. Chính hạnh như, là đạo đế. Bảy thứ như này gọi là đế giả kiến lập.

Phải biết trong đây 3 thứ như, là phân biệt và y tha 2 tính, đó là luân chuyển như, y chỉ như và tà hạnh như. Bốn thứ như, là chân thật tính, đó là không tướng như, duy thức như, thanh

tĩnh như và chính hạnh như. Gồm trong 2 tính phân biệt và y tha tức là thể đế. Gồm trong chân thật tính tức là chân đế.

Đạo lý giả kiến lập 4 thứ là :

Kệ nói :

*Chính tư, chính kiến quả,
Trạch pháp, hiện v.v...lượng,
Cũng nói không nghĩ bàn,
Đạo lý có 4 thứ.*

Giải thích : Đạo lý giả kiến lập có 4 thứ : 1. Đạo lý tương đãi. 2. Đạo lý nhân quả. 3. Đạo lý thành tựu. 4. Đạo lý pháp nhiên.

Đạo lý tương đãi, là chính tư. Do đợi có chính tư xuất thế chính kiến mới bắt đầu khởi được, là chính tư duy không có phương tiện nào khác. Đạo lý nhân quả, là chính kiến và quả. Đạo lý thành tựu, là dùng hiện lượng v.v... giản trạch các pháp. Đạo lý pháp nhiên, là chỗ không thể nghĩ bàn. Pháp này đã thành nên gọi là như.

Hỏi : Vì sao chính tư duy có thể khởi chính kiến ? Điều này đã thành tựu không nên nghĩ đến nữa. Vì sao chính kiến có thể đoạn phiền não và được diệt ? Điều này đã thành tựu không thể nghĩ nữa. Các nghĩa như vậy đều là đạo lý pháp nhiên. Bốn thứ như thế gọi là đạo lý giả kiến lập.

Thừa giả kiến lập có 3 thứ là :

Kệ nói :

*Tâm thuyết hành tụ quả,
Năm có hạ trung thượng.
Dựa vào 3 phẩm này,
Kiến lập có 3 thừa.*

Giải thích : Dựa vào 5 nghĩa của 3 phẩm kiến lập 3 thừa. Năm nghĩa là : 1. Tâm. 2. Thuyết. 3. Hành. 4. Tụ. 5. Quả. Ba phẩm là hạ trung thượng. Nếu Thanh Văn thì 5 việc đều hạ. Tâm hạ, là cầu tự giải thoát. Thuyết hạ, là thuyết pháp tự lợi. Hành hạ, là hành tự lợi hạnh. Tụ hạ, là phúc trí hẹp nhỏ, chỉ có tam sinh v.v... Quả hạ, là được quả Thanh Văn. Nếu Duyên Giác thừa thì 5 việc đều trung. Nếu Bồ-tát thừa thì 5 việc đều thượng.

Tâm thượng, là 4 thứ ân tâm, như Kinh Kim Cương Bát-nhã nói. Thuyết thượng, là theo như ân tâm mà thuyết pháp.

Hành thượng, là thực hành y như thuyết pháp. Tụ thượng, là như sự thực hành được đầy đủ các tụ. Quả thượng, là như sự đầy đủ các tụ được vô thượng Bồ-đề. Lại nữa nếu Thanh Văn thừa thì từ người nghe pháp, nội tự tư duy dùng trí phân biệt đặc quả. Nếu Duyên Giác thừa thì không từ người nghe pháp, nội tự tư duy cũng dùng trí phân biệt đặc quả. Nếu Bồ-tát thừa thì không từ người nghe, dùng trí vô phân biệt đặc quả. Ba thứ này gọi là thừa giả kiến lập. Đã nói xong 4 thứ giả kiến lập, tiếp nói 4 thứ cầu tri của Bồ-tát.

Kê nói :

*Vật làm khách cho nhau,
Hai tính đều là giả.
Hai sai biệt không được,
Đó là nghĩa 4 cầu.*

Giải thích : Chư Bồ-tát có 4 thứ cầu các pháp : 1. Cầu tên. 2. Cầu vật. 3. Cầu tự tính. 4. Cầu sai biệt.

Cầu tên, là suy tìm cái tên nơi vật là khách, đó gọi là cầu tên. Cầu vật, là suy tìm vật nơi tên là khách, đó gọi là cầu vật. Cầu tự tính, là suy tìm tự tính của tên và tự tính của vật biết đều là giả, đó gọi là cầu tự tính. Cầu sai biệt, là suy tìm cái sai biệt của tên và sai biệt của vật, biết đều là không, nên hoàn toàn không thể được, đó là cầu sai biệt. Đã nói 4 cầu xong, tiếp phân biệt 4 cái biết như thật.

Kê nói :

*Chân trí có 4 thứ,
Tên v.v...không thể được.
Hai lợi là nghiệp lớn,
Thành ở trong các địa.*

Giải thích : Chư Bồ-tát đối với các pháp có 4 thứ biết như thật : 1. Duyên tên biết như thật. 2. Duyên vật biết như thật. 3. Duyên tự tính biết như thật. 4. Duyên sai biệt biết như thật. Biết như thật, nghĩa là do biết tất cả tên v.v... đều không thể được. Hai lợi là nghiệp lớn, thành ở trong các địa, nghĩa là chư Bồ-tát ở trong các địa khởi việc lớn tự lợi lợi tha, đó gọi là biết nghiệp như thật.

Kê nói :

Trụ trì và thụ dụng,

*Chủng tử hợp 3 nhân.
Y chỉ và tâm pháp,
Cũng chủng bị kia buộc.*

Giải thích : Ba nhân là : 1. Nhân trụ trì. 2. Nhân thụ dụng. 3. Nhân chủng tử. Nhân trụ trì, là khí thể giới. Nhân thụ dụng, là cảnh giới ngũ dục. Nhân chủng tử, là thức A-lê-da. Bởi thức này là nhân của chủng tử các pháp trong ngoài. Ba nhân này như sợi dây có thể trói buộc.

Hỏi : Sự trói buộc này là trói buộc những vật gì ?

Đáp : Y chỉ và tâm pháp cũng là chủng tử bị kia trói buộc. Bị trói buộc cũng có 3 thứ : 1. Y chỉ. 2. Tâm pháp. 3. Thức A-lê-da.

Hỏi : Y chỉ là những gì ?

Đáp : Là nhãn v.v... 6 căn.

Hỏi : Thức A-lê-da là những gì ?

Đáp : Là chủng tử các pháp trong ngoài của 3 cõi. Trong đây chỉ có thức A-lê-da có thể trói buộc, không có nhân ngã có thể trói buộc. Đó là biết sự trói buộc như thật.

Kê nói :

*An tướng tại trước tâm,
Cùng với tự nhiên trụ,
Tất cả đều quán sát,
Đến được Đại Bồ-đề.*

Giải thích : An tướng tại trước tâm, nghĩa là an tướng là phương tiện văn tự tu tuệ. Nhân sở duyên khởi phân biệt nên gọi là an tướng. Cùng với tự nhiên trụ, nghĩa là tướng kia là tự tính hiện tiền không phải phân biệt nên gọi là tự nhiên trụ. Tất cả đều quán sát, nghĩa là 2 sở duyên kia không phải là thể sở duyên vì không phân biệt. Dùng phương tiện này làm đối trị các tướng. Hai đó cần phải quán sát theo thứ tự. Nghĩa là trước quán an tướng, sau quán tự nhiên trụ tướng. Hai này đều không phải thể của duyên. Kia khởi 4 đảo tức thành tùy diệt. Đến được Đại Bồ-đề, nghĩa là nếu người tu hành chỉ quán sát tướng người, thì chỉ được Bồ-đề của Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu quán sát tướng tất cả các pháp tức được vô thượng Bồ-đề. Như vậy tùy theo chỗ trói buộc mà được giải thoát. Đây gọi là biết giải thoát như thật.

Hỏi : Giải thoát này do gì biết được, do gì hết ?

Kê nói :

*Nếu trí duyên chân như,
Xa lìa 2 chấp kia,
Cũng biết nhân huân tụ,
Tính y tha tức hết.*

Giải thích : Nếu biết đủ 3 tính tức hết tính y tha. Nếu trí duyên chân như, nghĩa là biết tính chân thật. Xa lìa 2 chấp kia, nghĩa là biết tính phân biệt. Cũng biết nhân huân tụ, nghĩa là biết tính y tha. Tính y tha tức hết, nghĩa là do biết 3 tính tức huân tập tụ hết. Huân tập tụ, là thức A-lê-da.

Hỏi : Cái này hết có công đức gì ?

Kê nói :

*Duyên trí chân như kia,
Quán sát không tướng khác,
Hữu phi hữu hiện thấy,
Tướng làm tự tại thành.*

Giải thích : Quán sát không tướng khác, nghĩa là thấy biệt tướng và như là không sai biệt. Đây là nói nhị thừa và Bồ-tát sai biệt. Tướng nhị thừa và vô tướng sai biệt mà thấy như vậy thấy rồi phải xả tướng. Trong vô tướng khởi duyên tác ý nhập vô tướng Tam-muội. Bồ-tát thì không như vậy. Ngoài chân như không thấy có các tướng khác, trong vô tướng cũng thấy vô tướng bởi trí Bồ-tát không tu các thứ tướng. Hữu phi hữu hiện thấy, nghĩa là cảnh giới chân như có tên chẳng phải cảnh giới tướng có tên, vì đều hiện thấy. Tự làm tự tại thành, nghĩa là muốn làm các việc thân thông, tất cả đều do nhớ tướng phân biệt mà thành. Đây là biết lợi ích như thật.

Hỏi : Phàm phu và Bồ-tát 2 cái thấy hiển thị như thế nào ?

Kê nói : Phàm phu vô công dụng không thấy chân như, thấy tướng không chân thật. Bồ-tát vô công dụng thấy chân như, không thấy tướng không chân thật.

Hỏi : Đã biết sai biệt, làm sao chuyển y và được giải thoát ?

Kê nói :

*Phải biết không thấy thấy,
Cảnh vô nghĩa hữu nghĩa,
Chuyển y và giải thoát,*

Vì để được tự tại.

Giải thích : Cảnh giới vô nghĩa, là các tướng, đây tức không thấy. Cảnh giới hữu nghĩa, là chân như, đây tức thấy. Như vậy gọi là chuyển ý. Thấy cảnh giới sở chấp là vô thể, và thấy chân như là hữu thể. Như vậy gọi là giải thoát. Bởi vì sao ? Vì được tự tại. Tự tại, nghĩa là tùy ý mình chuyển tự nhiên không làm các cảnh giới. Như kinh nói nếu có tướng tức bị trói buộc, nếu bị trói buộc tức không giải thoát. Không làm tất cả cảnh giới tức là giải thoát.

Hỏi : Thế nào là biết tịnh độ phương tiện như thật ?

Kê nói :

*Chúng sinh đồng một giống,
Địa cảnh đều thấy khắp,
Đây tức chướng tịnh độ,
Nên biết cũng nên xả.*

Giải thích : Chúng sinh đồng một giống, địa cảnh đều thấy khắp, nghĩa là khí thể giới là cảnh giới lớn. Tất cả chúng sinh đồng thấy một chủng loại, đều gọi đây là đại địa. Đây tức chướng tịnh độ, nghĩa là do cái thấy như thế tức với tịnh độ phương tiện thành ra chướng ngại. Nên biết cũng nên xả, nghĩa là Bỏ-tát biết ý tưởng này là chướng ngại rồi tức phải siêng năng xả bỏ ý tưởng ấy, đó là đối trị. Đã nói xong Bỏ-tát 4 thứ biết như thật, tiếp nói 5 thứ vô lượng của Bỏ-tát.

Kê nói :

*Ứng hóa và ứng tịnh,
Ứng đắc và ứng thành,
Ứng thuyết, đây 5 việc,
Bỏ-tát 5 vô lượng.*

Giải thích : Năm việc vô lượng là : 1. Việc ứng hóa vô lượng, do bao gồm tất cả chúng sinh giới. 2. Việc ứng tịnh vô lượng, do bao gồm tất cả khí thể giới. 3. Việc ứng đắc vô lượng, do bao gồm tất cả pháp giới. 4. Việc ứng thành vô lượng, do bao gồm tất cả chúng sinh có thể hóa độ. 5. Việc ứng thuyết vô lượng, do bao gồm 12 bộ kinh là phương tiện giáo hóa chúng sinh. Đã nói xong 5 thứ vô lượng của Bỏ-tát, tiếp nói Bỏ-tát thuyết pháp có 8 quả.

Kê nói :

*Phát tâm và được nhãn,
Tịnh nhãn và tận lậu,
Pháp trụ học cũng đoạn,
Thụ dụng là 8 quả.*

Giải thích : Bồ-tát nếu siêng năng thuyết pháp có thể được 8 quả : 1. Các người nghe pháp hoặc phát tâm Bồ-đề. 2. Hoặc được vô sinh nhãn. 3. Hoặc đối với các pháp xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh. Đây gọi là gồm cả hạ thừa. 4. Hoặc được hết các lậu. 5. Khiến chính pháp tồn tại lâu dài, vì do thuyết chính pháp được tiếp tục thụ trì. 6. Người chưa học nghĩa khiến được học nghĩa. 7. Người chưa đoạn nghi khiến được đoạn nghi. 8. Người đã đoạn nghi khiến được thụ dụng chính pháp, được hoan hỷ lớn không chướng ngại. Đã nói xong về Bồ-tát thuyết pháp có 8 quả, tiếp nói 7 nghĩa lớn của Đại thừa

Kê nói :

*Duyên, hành, trí, căn, xảo,
Quả, việc, đều đầy đủ.
Dựa vào 7 đại nghĩa,
Mà kiến lập Đại thừa.*

Giải thích : Nếu đầy đủ 7 nghĩa lớn thì gọi là Đại thừa : 1. Duyên lớn, do Tu-đa-la v.v... vô lượng đại pháp rộng lớn làm duyên. 2. Hạnh lớn, do hạnh tự lợi lợi tha đều đầy đủ. 3. Trí lớn, do nhất thời thông đạt nhân pháp 2 vô ngã. 4. Siêng năng lớn, do 3 đại A-tăng-kì kiếp tu hành không gián đoạn. 5. Thiện xảo lớn, do không bỏ sinh tử mà không nhiễm. 6. Quả lớn, do rất đặc lực không sợ pháp không chung. 7. Việc lớn, do thường thường thị hiện Đại Bồ-đề, Đại Niết-bàn. Đã nói 7 nghĩa lớn của Đại thừa, tiếp nói 8 pháp bao gồm các Đại thừa.

Kê nói :

*Tính, tín, tâm, hành, nhập,
Thành, tịnh, Bồ-đề thắng.
Như vậy có 8 việc,
Bao gồm các Đại thừa.*

Giải thích : Đây là 8 việc bao gồm tất cả Đại thừa. Tám việc là : 1. Chủng tính, như đã nói trong Phẩm tính. 2. Tín pháp, như đã nói trong Phẩm tín. 3. Phát tâm, như đã nói trong Phẩm phát tâm. 4. Hành hạnh, như đã nói trong Phẩm độ nhiếp. 5.

Nhập đạo, như đã nói trong Phẩm giáo thụ. 6. Thành thực chúng sinh, là 7 địa đầu. 7. Tịnh Phật quốc độ, là địa thứ 8 bất thoái. 8. Bồ-đề thắng, là Phật địa.

Bồ-đề có 3 thứ : Thanh Văn Bồ-đề, Duyên Giác Bồ-đề, Phật Bồ-đề. Phật Bồ-đề là lớn nên gọi là thắng. Nơi Phật địa này thị hiện Đại Bồ-đề và Đại Niết-bàn. Đã nói 8 pháp bao gồm Đại thừa, tiếp nói 5 người Bồ-tát sai biệt.

Kê nói :

*Tín hành và tịnh hành,
Tướng hành, vô tướng hành,
Cùng với vô tác hành
Sai biệt theo các địa.*

Giải thích : Bồ-tát có 5 người sai biệt : 1. Người tín hành, là địa tiền một A-tăng-kì kiếp. 2. Người tịnh tâm hành, là nhập sơ địa. 3. Người tướng hành, là địa thứ 2 đến địa thứ 6. 4. Người vô tướng hành, là địa thứ 7. 5. Người vô tác hành, là 3 địa sau. Đã nói xong Bồ-tát 5 người sai biệt, tiếp nói Bồ-tát các tướng sai biệt.

Kê nói :

*Không đắm và thanh tịnh,
Hàng phục sân, cần đức,
Bất động và kiến thật,
Hữu dục là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy tự lợi môn nói tướng Bồ-tát. Không đắm, là có thể hành thí không đắm trước các dục. Thanh tịnh, là có thể trì giới. Hàng phục sân, là có thể nhẫn nhục. Cần đức, là có thể tinh tiến. Bất động, là có thể tập định. Kiến thật, là có thể tu trí. Hữu dục, là có thể khởi nguyện ưa thích Đại Bồ-đề. Hành 7 việc này gọi là tướng Bồ-tát.

Kê nói :

*Tùy nhiếp và vô não,
Nại tổn và dừng lược.
Không phóng dật, đả văn,
Lợi kia là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy lợi tha môn nói tướng Bồ-tát. Tùy nhiếp, là thí, hằng dùng tứ nhiếp nhiếp hóa chúng sinh. Vô não, là giới, tự tin nơi người, không khởi não hại. Nại tổn, là nhẫn,

người đến làm trái nghịch không ôm lòng đáp trả. Dũng lực, là tiên, nghĩa là trong cảnh khổ độ chúng sinh không thoái tâm. Không phóng dật, là định, nghĩa là không đắm trước thiên vị để sinh vào hạ xứ. Đa văn, là trí, có thể đoan trừ các nghi hoặc cho chúng sinh. Như vậy siêng làm việc lợi tha là tướng của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Chán của cải, xả dục,
Quên oán, siêng làm thiện,
Tướng khéo, không ác kiến,
Nội trụ là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy trụ công đức môn nói tướng Bồ-tát. Chán của cải, là trụ thí công đức. Biết tội lỗi của keo kiệt là đọa ác đạo làm kẻ bần cùng. Xả dục, là trụ giới công đức, vì nếu đắm trước ngũ dục thì không thể xuất gia thụ trì giới. Quên oán, là trụ nhẫn công đức. Ai đến làm tổn hại mình cũng không có tâm trả báo. Ôm lòng trả báo như vẽ trên đá. Không ôm lòng trả báo như vẽ trên mặt nước. Một đàng là đọa ác đạo. Một đàng là sinh cõi thiện. Siêng làm thiện, là trụ tiến công đức, vì thường thực hành 6 Ba-la-mật tự lợi lợi tha. Tướng khéo, là trụ định công đức, vì có khả năng khéo phân biệt 3 tướng là chỉ, cử và xả. Không ác kiến, là trụ trí công đức, vì tất cả các tướng là không thể được. Nội trụ, là trụ nguyện công đức. Nội nghĩa là Đại thừa luận trụ không lay động.

Kệ nói :

*Đủ bi và hổ thẹn,
Nại khổ và xả vui,
Giữ niệm, khéo thiên định,
Không bỏ, là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy bất thoái môn nói tướng Bồ-tát. Đủ bi, là thí bất thoái. Thương người khổ nên năng hành thí. Sinh hổ thẹn, là giới bất thoái. Quán sát đời này đời khác và pháp, nhân, không tạo các tội lỗi. Nại khổ, là nhẫn bất thoái. Gió mưa lạnh nóng và người khác làm trái, tổn hại tất cả đều nhẫn nhịn. Xả vui, là tiến bất thoái, vì người hay làm việc siêng năng chân chính thì không đắm trước vui riêng. Giữ niệm, là định bất thoái, là người có niệm lực khéo nhiếp giữ cái tâm. Khéo thiên định, là

tuệ bất thoái, vì đầy đủ trí vô phân biệt. Không bỏ, là nguyên bất thoái, vì Đại thừa đại xả.

Kệ nói :

*Trừ khổ không làm khổ,
Chịu khổ không sợ khổ,
Thoát khổ không nghĩ khổ,
Dục khổ, là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy lìa khổ môn nói tướng Bồ-tát. Trừ khổ, là thí, vì khi thí vật cho người trừ cho người sự nghèo cùng. Không làm khổ, là giới, vì khi ở trong giới không làm khổ nào người khác. Chịu khổ, là nhẫn, khi tự tha đều lợi thì khổ có thể chịu được. Không sợ khổ, là tiến, khi làm việc khó làm thường không thoái lui. Thoát khổ, là định, khi lìa dục cõi Dục là giải thoát khổ khổ. Không nghĩ khổ, là tuệ, vì khi tam luân thanh tịnh thì không khởi phân biệt. Dục khổ, là nguyện vì hóa độ chúng sinh nên muốn trụ nơi sinh tử.

Kệ nói :

*Lạc pháp và tính pháp,
Kha pháp và cần pháp,
Tự tại pháp, minh pháp,
Hương pháp, là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy nhiếp pháp môn nói tướng Bồ-tát. Lạc pháp, là thí, vì yêu thích thí v.v... các pháp. Tính pháp, là giới, vì tự tính hộ trì. Kha pháp, là nhẫn nhin các pháp giận dữ chê bai. Cần pháp, là tiến, vì siêng hành pháp Đại thừa. Tự tại pháp, là định, vì các thiền được tự tại. Minh pháp, là tuệ, vì đầy đủ Bát-nhã vô thượng. Hương pháp, là nguyện vì hoàn toàn yêu thích Đại Bồ-đề.

Hỏi : Vì sao gọi là pháp ?

Đáp : Vì tất cả các pháp Ba-la-mật đều tùy duyên.

Kệ nói :

*Tài, chế, hộ, thiện, lạc,
Pháp, thừa, 7 thứ đây :
Bảy thứ bất phóng dật,
Nên gọi là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy bất phóng dật môn nói tướng Bồ-tát.
1. Tài bất phóng dật, đây là do bố thí, không thí thí mà không

kiên cố, thì kiên cố. 2. Ché bất phóng dật, đây là do trì giới, như Phật nói nên làm thì làm, không nên làm không làm. 3. Hộ bất phóng dật, đây là do nhẫn nhục, không hại tự tâm tha tâm. 4. Thiện bất phóng dật, đây do tinh tiến thường khởi chính cần tu hành 6 độ. 5. Lạc bất phóng dật, đây là do tu định thụ các thiền lạc mà không đắm trước thiền vị. 6. Pháp bất phóng dật, đây là do có thể biết chân pháp như thật. 7. Thừa bất phóng dật, đây là do đại nguyện, ma vương đến pháp hoại tâm Bồ-đề cũng không thoái lui.

Kê nói :

*Không toại và tội nhỏ,
Không nhẫn, thoái, và loạn,
Tiểu kiến và thừa khác,
Bảy hổ thẹn : Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy hữu tu môn nói tướng Bồ-tát, tức Bồ-tát có các tướng biết hổ thẹn : 1. Hổ thẹn không toại, hổ thẹn vì xan tham. 2. Hổ thẹn tội nhỏ, hổ thẹn tội nhỏ vì thấy sợ hãi. 3. Hổ thẹn không nhẫn, hổ thẹn vì không nhẫn nhịn. 4. Hổ thẹn thoái lui, hổ thẹn vì lười biếng. 5. Hổ thẹn loạn tâm, hổ thẹn vì thoái lui định lực. 6. Hổ thẹn tiểu kiến, hổ thẹn vì kiến chấp nhỏ cho là thông đạt pháp vô ngã. 7. Hổ thẹn thừa khác, hổ thẹn vì khởi tâm Tiểu thừa bỏ Đại Bồ-đề.

Kê nói :

*Kim thể, hậu thể, xả,
Khởi cần, và đặc thông,
Đẳng thuyết và đại quả :
Bảy nhiếp là Bồ-tát.*

Giải thích : Kệ này lấy nhiếp sinh môn nói tướng Bồ-tát. 1. Kim thể nhiếp, nghĩa là lấy bố thí nhiếp hóa chúng sinh hiện tại. 2. Hậu thể nhiếp, nghĩa là lấy trì giới nhiếp hóa chúng sinh vị lai vì được sinh vào thắng xứ mới có thể nhiếp hóa. 3. Xả nhiếp, nghĩa là lấy nhẫn nhục nhiếp hóa chúng sinh bị não loạn. 4. Khởi cần nhiếp, nghĩa là lấy tinh tiến nhiếp hóa chúng sinh trây lười. 5. Đặc thông nhiếp, nghĩa là dùng thiền định sang nhiếp hóa chúng sinh ở phương khác. 6. Đẳng thuyết nhiếp, nghĩa là dùng trí tuệ nhiếp hóa chúng sinh các hàng hạ trung thượng, vì tâm bình đẳng thuyết pháp không tăng giảm. 7. Đại quả nhiếp,

nghĩa là dùng đại nguyện nếu được Phật quả sẽ nhiếp hóa chúng sinh không bỏ sót.

Nghĩa của các kệ này là dùng dị môn mà nói 6 độ và đại nguyện, đó là tướng Bồ-tát.

Đã nói xong các tướng sai biệt của Bồ-tát, tiếp nói các tên sai biệt của Bồ-tát.

Kê nói :

*Phải biết chư Bồ-tát,
Cũng gọi Ma-ha-tát,
Cũng gọi người có tuệ,
Cũng gọi thượng thành tựu,
Cũng gọi hàng phục tử,
Cũng gọi hàng phục trì,
Cũng gọi năng hàng phục,
Cũng gọi hàng phục nha,
Cũng gọi là dũng mãnh,
Cũng gọi là thượng thánh,
Cũng gọi là đạo sư,
Cũng gọi đại danh xưng,
Cũng gọi là hữu bi,
Cũng gọi đại phúc đức,
Cũng gọi tự tại hành,
Cũng gọi chính thuyết giả.*

Giải thích : Mười sáu tên gọi này đều dựa vào nghĩa lập ra. Tất cả Bồ-tát nói chung có các tên này. Nếu nghe có tên này thì biết đó là Bồ-tát. Đã nói các tên khác nhau của Bồ-tát, tiếp nói các nghĩa sai biệt của Bồ-tát.

Kê nói :

*Thật giác, đại nghĩa giác,
Nhất thiết giác, hằng giác,
Cùng với phương tiện giác,
Năm giác : tên Bồ-tát.*

Giải thích : Do có 5 giác nên gọi là Bồ-tát : 1. Thật nghĩa giác, vì giác ngộ nhân pháp vô ngã. 2. Đại nghĩa giác, là nghĩa của tự giác giác tha. 3. Nhất thiết giác, giác ngộ nghĩa của nhất thiết chúng. 4. Hằng giác, nghĩa là tuy hiện Niết-bàn mà giác là

vô tận. 5. Phương tiện giác, nghĩa là tùy vật, tùy cơ mà làm phương tiện.

Kê nói :

*Tùy ngã và tiểu kiến,
Cùng với các thức thân,
Và hư vọng phân biệt,
Bốn giác là Bồ-tát.*

Giải thích : Do có 4 giác mà gọi là Bồ-tát : 1. Tùy ngã giác, vì do giác tâm. Tâm tức là thức A-lê-da. 2. Tiểu kiến giác, vì do giác ý. Ý, nghĩa là cùng với ngã kiến v.v... 4 hoặc tương ưng duyên với thức A-lê-da. 3. Thức thân giác, vì do giác thức. Thức là 6 thức thân. 4. Hư vọng phân biệt giác, vì giác do phân biệt không chân thật. Phân biệt không chân thật, tức tâm, ý và thức ở trước. Tất cả Bồ-tát chỉ có giác. Đây là phân biệt không chân thật.

Kê nói :

*Vô cảnh và chân nghĩa,
Vĩnh vô và viên mãn,
Cũng nói bất khả đắc,
Năm giác là Bồ-tát.*

Giải thích : Lại do 5 giác gọi là Bồ-tát : 1. Vô cảnh giác, vì giác dựa vào tha tính. 2. Chân nghĩa giác, vì giác ngộ tính chân thật. 3. Vĩnh vô giác, nghĩa là giác ngộ nó vĩnh viễn là không. Vì đó là tính giác phân biệt. 4. Viên mãn giác, vì giác nhất thiết cảnh, nhất thiết chủng. 5. Bất khả đắc giác, vì giác tam luân thanh tịnh. Tam luân là : 1. Ứng giác, là cảnh của Bồ-tát, 2. Y giác, là thân Bồ-tát. 3. Giác tính, là trí Bồ-tát. Ba thứ này là bất khả đắc, nên gọi là bất khả đắc giác.

Kê nói :

*Thành tựu và xứ sở,
Thai tạng, tùy thứ hiện,
Cùng với đoạn thâm nghi,
Năm giác là Bồ-tát.*

Giải thích : Lại do 5 giác gọi là Bồ-tát : 1. Thành tựu giác, là thành Phật quả. 2. Xứ sở giác, là ở cung trời Đâu-suất. 3. Thai tạng giác, là nhập thai mẹ. 4. Tùy thứ hiện giác, là xuất thai, thụ

đục, xuất gia, tu hành, thành đạo. 5. Đoạn thâm nghi giác, là vì chúng sinh chuyển đại pháp luân.

Kệ nói :

*Được, không được và trụ,
Nơi tự cũng nơi tha,
Có nói với không nói,
Có mạn và mạn dứt,
Chưa thực và đã thực,
Như đây 11 thứ,
Tất cả đều giác ngộ,
Thì gọi là Bồ-tát.*

Giải thích : Do 11 thứ giác nên gọi là Bồ-tát. Được, không được và trụ, là theo thứ tự quá khứ, vị lai, hiện tại giác. Nơi tự cũng nơi tha, là nội giác và ngoại giác. Có nói với không nói, là thô giác và tế giác. Có mạn và mạn dứt, là liệt giác và thẳng giác. Chưa thực và đã thực, là viễn giác và cận giác. Chưa thực là cái giác kia còn lâu xa mới giác được. Đã thực là cái giác biết đã đến gần.

Xong Phẩm công đức.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 12)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
Quyển 13

Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt

Phẩm 23 : Hành trụ

Giải thích : Đã nói công đức của Bồ-tát, tiếp nói 5 tướng của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Nội tâm có lân mẫn,
Ái ngã và dũng kiện,
Khai thủ và thích nghĩa,
Đây 5 tướng Bồ-tát.*

Giải thích : Bồ-tát có 5 tướng : 1. Luân mãn. 2. Ái ngữ. 3. Dũng kiện. 4. Khai thủ. 5. Thích nghĩa.

Luân mãn, là dùng tâm Bồ-đề nhiếp hóa lợi ích chúng sinh. Ái ngữ, là khiến được chính tín trong Phật pháp. Dũng kiện, là không thoái khuất các khổ hạnh khó làm. Khai thủ, là dùng của cải để nhiếp hóa. Thích nghĩa, là dùng giáo pháp nhiếp hóa. Phải biết 5 tướng này, 1 cái đầu tiên là tâm, 4 cái sau là hạnh. Đã nói 5 tướng của Bồ-tát, tiếp nói phần Bồ-tát tại gia và xuất gia.

Kê nói :

*Bồ-tát trong mọi thời,
Hàng ở vị Luân vương,
Làm lợi ích chúng sinh,
Tại gia phần như thế.*

Giải thích : Bồ-tát tại gia hàng làm vị Chuyển luân vương hành hóa 10 điều thiện lìa bỏ 10 điều ác, làm lợi ích như vậy.

Kê nói :

*Thụ đắc và pháp đắc,
Cùng với thị hiện thành
Ba thứ xuất gia phần,
Ở trong tất cả địa.*

Giải thích : Bồ-tát xuất gia có 3 phần : 1. Phần thụ đắc, nghĩa là được hộ từ người khác. 2. Phần pháp đắc, nghĩa là được vô lưu hộ. 3. Phần thị hiện, nghĩa là biến hóa tác thụ. Phần đắc, là tín hành địa. Phần pháp đắc và phần thị hiện, là nhập đại địa.

Kê nói :

*Phải biết phần xuất gia,
Đủ vô lượng công đức.
Muốn sánh với tại gia,
Vượt trội không sánh được.*

Giải thích : So sánh 2 phần thì phần xuất gia hơn, do đầy đủ vô lượng công đức. Đã nói xong phần Bồ-tát tại gia và xuất gia, tiếp nói Bồ-tát 5 thứ tâm cực đại.

Kê nói :

*Ái quả và thiện căn,
Niết-bàn muốn khiến được,
Chưa tịnh tịnh cực tịnh,
Là ở trong các địa.*

Giải thích : Năm tâm cực đại là : 1. Tâm lạc cực đại. 2. Tâm lợi cực đại. 3. Tâm chưa tịnh cực đại. 4. Tâm đã tịnh cực đại. 5. Tâm cực tịnh cực đại. Ái quả, là tâm lạc cực đại, nghĩa là khiến các chúng sinh đời sau được quả yêu thích. Thiện căn, là tâm lợi cực đại, nghĩa là khiến các chúng sinh hiện làm các thiện và được Niết-bàn. Chưa tịnh, là tâm chưa tịnh cực đại, tức Bồ-tát ở tín hành địa. Tịnh, là tâm đã tịnh cực đại, tức Bồ-tát sơ địa đế địa thứ 7. Cực tịnh, là tâm cực tịnh cực đại, tức Bồ-tát 3 địa sau. Đã nói xong Bồ-tát 5 thứ tâm cực đại, tiếp nói 4 thứ nhiếp chúng sinh của Bồ-tát.

Kê nói :

*Dục lạc và bình đẳng,
Tăng thượng với đồ chúng,
Bốn tâm nơi các địa,
Nhiếp thụ khắp chúng sinh.*

Giải thích : Bốn thứ nhiếp chúng sinh là : 1. Dục lạc tâm nhiếp, là do dùng tâm Bồ-đề nhiếp hóa. 2. Bình đẳng tâm nhiếp, là do nhập sơ địa được tâm tự tha bình đẳng nhiếp hóa chúng sinh. 3. Tăng thượng tâm nhiếp, nghĩa là do trụ chủ vị, dùng sức tự tại nhiếp hóa chúng sinh. 4. Đồ chúng tâm nhiếp, nghĩa là do thân nhiếp làm đệ tử của mình. Đã nói 4 thứ nhiếp chúng sinh của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ thụ sinh của Bồ-tát.

Kê nói :

*Nghiệp lực và nguyện lực,
Định lực, thần thông lực,
Dựa vào 4 lực này,
Mà Bồ-tát thụ sinh.*

Giải thích : Bốn thứ thụ sinh là : 1. Nghiệp lực sinh. 2. Nguyện lực sinh. 3. Định lực sinh. 4. Thông lực sinh.

Nghiệp lực sinh, là Bồ-tát ở tín hành địa, nghiệp lực tự tại có thể thụ sinh tùy nơi mình muốn. Nguyện lực sinh, là Bồ-tát nhập đại địa, nguyện lực tự tại, vì để thành thực kia mà thụ sinh vào các loài như súc sinh v.v... Định lực sinh, là Bồ-tát được định, định lực tự tại có thể bỏ cõi trên thụ sinh cõi dưới. Thông lực sinh, nghĩa là Bồ-tát được thần thông, sức thần thông tự tại có thể ở trời Đâu-suất v.v... thị hiện các tướng thụ sinh. Đã nói xong 4 thứ thụ sinh của Bồ-tát, tiếp nói 11 trụ tướng của Bồ-tát.

Kê nói :

*Chứng không, chứng nghiệp quả,
Trụ thiên, trụ giác phần,
Quán đế, quán duyên khởi,
Vô tướng, vô công dụng,
Hóa lực tịnh 2 môn,
Cùng với tịnh Bồ-đề,
Dùng các điều nói đây,
Lập địa tướng nên biết.*

Giải thích : Mười một trụ, tức 11 địa, vì trụ là tên của địa. Chứng không, là hiển thị trụ tướng đầu tiên, vì phần nhiều trụ ở nhân pháp 2 vô ngã. Chứng nghiệp quả, là hiển thị trụ tướng thứ 2, vì chứng nghiệp và quả thì không hư hoại có thể hộ trì giới. Trụ thiên, là hiển thị trụ tướng thứ 3, vì có thể sinh cõi Dục mà không thoái thiên. Trụ giác phần, là hiển thị trụ tướng thứ 4, vì có thể vào sinh tử mà không bỏ giác phần. Quán đế, là hiển thị trụ tướng thứ 5, vì dùng sự sáng suốt mà giáo hóa, phiền não chỉ phiền não ở tâm vì không có ngã. Quán duyên khởi, là hiển thị trụ tướng thứ 6, vì có thể không khởi nhiễm tâm mà dựa vào duyên khởi thụ sinh. Vô tướng, là hiển thị trụ tướng thứ 7, vì hành tuy có công dụng mà tham hợp một đạo lý trên đa phần trụ nơi vô công dụng. Hóa lực là hiển thị trụ tướng thứ 9, vì tự tại 4 vô ngại giải có thể thành thực tất cả chúng sinh. Tịnh 2 môn, là hiển thị trụ tướng thứ 10, vì Tam-muội môn và Đà-la-ni môn cực kỳ thanh tịnh. Tịnh Bồ-đề, là hiển thị trụ tướng thứ 11, vì rất ráo đoạn tất cả trí chướng. Đã nói xong 11 trụ tướng của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát căn cứ vào địa lập tên.

Kê nói :

*Trước 3, 3 hành tịnh,
Tiếp 3, 3 mạn đoạn,
Sau 3 : giác, xả, hóa,
Thứ 10 có 4 tên.*

Giải thích : Trong 10 địa kiến lập 10 tên Bồ-tát.

Trước 3, 3 hành tịnh, nghĩa là sơ địa tên là kiến tịnh, vì Bồ-tát được trí đối trị nhân pháp 2 kiến. Địa thứ 2 tên là giới tịnh, vì Bồ-tát vi tế phạm cấu, vĩnh viễn là vô thể. Địa thứ 3 tên

là định tịnh, vì Bồ-tát các thiền Tam-muội đều được không thoái lui.

Tiếp 3, 3 mạn đoạn, nghĩa là địa thứ 4 tên là đoạn pháp môn dị mạn, vì Bồ-tát phá phát khởi sai biệt mạn trong các kinh pháp. Địa thứ 5 tên là đoạn tương tục dị mạn, vì Bồ-tát nhập vào 10 tâm bình đẳng thì trong tất cả mọi sự tương tục đều được bình đẳng. Địa thứ 6 tên là đoạn nhiễm tịnh dị mạn, vì Bồ-tát như tính bản tịnh khách trần, nên nhiễm có thể trụ pháp duyên khởi nếu không khởi kiến chấp hắc bạch sai biệt.

Sau 3 : giác, xả, hóa, nghĩa là địa thứ 7 tên là đắc giác, vì Bồ-tát trụ vô tướng lực có thể trong mỗi niệm mỗi niệm tu 37 giác phần. Địa thứ 8 tên là hành xả, vì Bồ-tát trụ vô công dụng vô tướng, nên cũng gọi là tịnh độ, vì Bồ-tát phương tiện hành hợp với Bồ-tát bất thoái địa. Địa thứ 9 tên là hóa chúng sinh, vì Bồ-tát có thể thành thực tất cả chúng sinh. Địa thứ 10 có 4 tên : 1. Tên đại thân thông, vì Bồ-tát được thân thông lớn. 2. Tên mãn pháp thân, vì Bồ-tát đủ vô lượng Tam-muội môn, Đà-la-ni môn. 3. Tên năng hiện thân, vì Bồ-tát ở trời Đâu-suất v.v...thị hiện thân tướng. 4. Tên thụ chức, vì Bồ-tát được thụ chức nơi Phật. Đã nói xong về Bồ-tát căn cứ các địa mà lập tên, tiếp nói Bồ-tát tùy theo địa mà tu học và học quả.

Kê nói :

Thứ tự y trước 6

Kiến tính tu 3 học.

Thứ tự y sau 4

Được quả có 4 thứ.

Giải thích : Thứ tự y trước 6 kiến tính tu học 3, nghĩa là Bồ-tát ở sơ địa thông đạt chân như, địa thứ 2 học tăng thượng giới, địa thứ 3 học tăng thượng tâm, địa thứ 4, thứ 5, thứ 6 học tăng thượng tuệ. Tuệ có 2 cảnh : một là pháp thật, tức khổ v.v... 4 đế, hai là duyên khởi, tức quán nghịch thuận 12 nhân duyên. Hai cảnh này cũng ở trong địa thứ 2, địa thứ 3, cho nên địa ấy cũng kiến lập tăng thượng tuệ. Nhưng trong địa thứ 4 thì Bồ-đề phần tuệ tăng thượng. Trong địa thứ 5 thì đế quán tuệ tăng thượng. Trong địa thứ 6 thì duyên khởi quán tuệ tăng thượng. Cho nên 3 địa này kiến lập tăng thượng tuệ học.

Thứ tự y sau 4 được quả có 4 thứ, nghĩa là y địa thứ 7 được vô tướng hữu công dụng trụ là quả thứ nhất. Y địa thứ 8 được vô tướng vô công dụng trụ là quả thứ 2. Y địa thứ 9 được thành thực chúng sinh là quả thứ 3. Y địa thứ 10 được 2 môn thành thực là quả thứ 4. Đã nói xong tùy địa tu học và học quả, tiếp nói Bồ-tát tùy địa tu tập 5 âm vô lưu.

Kê nói :

*Kiến tính tịnh 3 thân,
Cũng ở trước 6 địa,
Địa khác tịnh 2 khác,
Đề xa là 5 chướng.*

Giải thích : Sơ địa kiến tính như trước giải thích. Trong địa thứ 2 giới thân thanh tịnh. Trong địa thứ 3 định thân thanh tịnh. Trong địa thứ 4, thứ 5, thứ 6 tuệ thân thanh tịnh. Sau 4 địa và Phật địa giải thoát thân, giải thoát trí kiến thân thanh tịnh, do là 5 chướng. Năm chướng là trong địa thứ 7 lấy chấp tướng, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 8 lấy công dụng, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 9 lấy không thể hóa sinh, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 10 lấy chưa tịnh 2 môn, vô tri làm chướng. Trong Phật địa lấy chướng ngại vô tri làm chướng, nghĩa là cái vô tri này có thể chướng ngại trí đối với cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Chư Phật biết tất cả cảnh không chướng ngại, vì giải thoát chướng này. Đã nói xong Bồ-tát tùy địa tu 5 âm vô lưu, tiếp nói Bồ-tát tùy địa thành tựu chưa thành tựu.

Kê nói :

*Chưa thành tựu thành tựu,
Thành rồi chưa thành thành.
Như địa kiến lập tri,
Phân biệt vô phân biệt.*

Giải thích : Chưa thành tựu thành tựu, nghĩa là tín hành địa kia là chưa thành tựu. từ các địa khác là thành tựu. Thành rồi chưa thành thành, nghĩa là ở trong các địa thành tựu, lại có chưa thành tựu thành tựu. Bảy địa trở về trước là chưa thành tựu, vì có công dụng. Tám địa trở lên là thành tựu, vì vô công dụng.

Hỏi : Trước có nói hoan hỷ địa cũng là thành tựu. Nghĩa ấy như thế nào ?

Đáp : Như địa kiến lập biết phân biệt vô phân biệt. Đây do trong địa kiến lập nên biết chỉ là phân biệt. Nơi phân biệt này cũng vô phân biệt, vì sở chấp năng chấp đều là vô thể. Theo nghĩa này nên nói là thành tựu.

Kệ nói :

*Phải biết trong các địa,
Tu tập và thành tựu,
Hai đây không nghĩ bàn,
Vì cảnh giới chư Phật.*

Giải thích : Bồ-tát ở trong các địa đều có tu tập và thành tựu. Phải biết mỗi địa mỗi địa đều không thể nghĩ bàn, bởi chư Bồ-tát nội tự chứng giác là chư Phật biết, vì không phải cảnh giới của mọi người. Đã nói xong Bồ-tát tùy địa thành tựu chưa thành tựu, tiếp nói 10 tướng nhập địa của Bồ-tát.

Kệ nói :

*Minh tín và không kém,
Không khiếp cũng không đợi,
Thông đạt và bình đẳng,
Lìa lệch, lìa đấm trước,
Cho đến biết phương tiện,
Và trong thánh chúng sinh,
Như đây 10 thứ tướng,
Mỗi địa đều viên mãn.*

Giải thích : Bồ-tát nhập địa, mỗi địa mỗi địa đều có 10 tướng. Những gì là 10 ? 1. Minh tín. 2. Không kém. 3. Không khiếp. 4. Không đợi. 5. Thông đạt. 6. Bình đẳng. 7. Lìa lệch. 8. Lìa đấm. 9. Biết phương tiện. 10. Thánh chúng sinh.

Minh tín, nghĩa là nơi tự địa được sáng suốt, vì trong các pháp loại trừ vô tri, nơi tha địa được tin, vì sinh nguyên lạc các địa sau. Không kém, nghĩa là nghe diệu pháp sâu xa không kinh sợ. Không khiếp, nghĩa là làm việc khó làm, làm rất dũng mãnh. Không đợi, nghĩa là khởi tự địa mà làm không đợi dạy bảo. Thông đạt, nghĩa là có thể khởi phương tiện tha địa nên bình đẳng, vì khắp chúng sinh đồng tự tâm. Lìa lệch, nghĩa là tai nghe chê khen không cao hạ. Lìa đấm, nghĩa là được địa vị như Chuyển luân vương cũng không ái nhiễm. Biết phương tiện, nghĩa là biết các pháp là không thể được vì là phương tiện của

Phật. Thánh chúng sinh, nghĩa là đồ chúng chư Phật hằng sinh. Mười tướng này mỗi địa mỗi địa đều đủ. Đã nói xong 10 tướng nhập địa của Bồ-tát, tiếp nói tướng 10 độ trong Bồ-tát địa.

Kê nói :

*Có dục, không 6 chướng,
Tiếp đến không loạn tuệ,
Không trôi không quay lui,
Phụng sự bạn, cúng dường,
Hồi hướng cho thắng sinh,
Tu thiện và hý thông,
Kho công đức như vậy,
Phật tử 16 tướng.*

Giải thích : Chư Bồ-tát ở trong các địa được 10 độ và 16 tướng. Những gì là 16 ? 1. Có dục lạc, vì hành các độ. 2. Không keo kiệt, vì lìa thí chướng. 3. Không sai trái, vì lìa giới chướng. 4. Không giận dữ, vì lìa nhẫn chướng. 5. Không lừa dối, vì lìa tiến chướng. 6. Từ bi, vì lìa định chướng. Từ bi có thể cho vui cứu khổ, đó là đối trị lại giận dữ và náo hại do định đạt được. 7. Không ác tuệ, vì lìa tuệ chướng. Ác tuệ có 3 là tự tính phân biệt, tùy ức phân biệt và hiển thị phân biệt, đây đều có thể đoạn. 8. Không loạn tuệ, vì lìa tâm dị thừa. 9. Không cuốn trôi vì không bị những cái vui của nhân thiên làm tâm say đắm. 10. Không quay lui, vì không làm, không thành tựu khổ và những việc khó làm, cái khổ khiến thoái tâm. 11. Phụng sự bạn, vì căn cứ Phật chỉ thị thiện tri thức nghe pháp Đại thừa. 12. Cúng dường, tức cúng dường Tam Bảo. 13. Hồi hướng phương tiện thiện xảo. 14. Sinh thắng. Đây là hiển thị tướng của nguyện Ba-la-mật, lìa nơi 8 nạn không lìa chư Phật Bồ-tát. 15. Tu thiện. Đây là hiển thị tướng của lực Ba-la-mật, tu các thiện căn không gián đoạn. 16. Hý thông. Đây hiển thị tướng của trí Ba-la-mật, vận dụng tự tại các công đức đại thần thông.

Bồ-tát nếu được các tướng đây thì làm thượng thủ trong tất cả chúng. Đó gọi là 16 tướng của Phật tử. Đã nói xong tướng 10 độ trong Bồ-tát địa, tiếp nói 5 công đức trong mỗi độ mỗi độ của Bồ-tát.

Kê nói :

Mỗi địa khi thắng tiến,

*Mỗi độ có 5 đức.
Hai và hai và một,
Phải biết chỉ quán đủ.*

Giải thích : Mỗi địa khi thăng tiến, mỗi độ có 5 đức, nghĩa là Bồ-tát trong mỗi một địa tu mỗi một độ, trong mỗi một độ đủ 5 thứ công đức. Những gì là 5 ? 1. Diệt tập. 2. Đắc ý. 3. Viên minh. 4. Khởi tướng. 5. Quảng nhân.

Diệt tập, là mỗi một sát-na diệt trừ y trong tập khí tụ. Đắc ý, là lìa các tướng, được pháp lạc. Viên minh, là biết khắp nhất thiết chủng không làm phân đoạn. Tướng khởi, là do nhập vào đại địa, tướng vô phân biệt sinh. Quảng nhân, là đầy đủ, là thanh tịnh nhất thiết chủng pháp thân, phúc tụ, trí tụ gồm khiến tăng trưởng.

Hai và hai và một, phải biết chỉ quán đủ, nghĩa là phải biết trong đây 2 công đức đầu tiên là phần Xa-ma-tha, 2 công đức tiếp theo là phần Tì-bát-xá-na. Công đức thứ 5 thì đủ cả 2 phần ấy. Đã nói xong mỗi độ mỗi độ 5 công đức của Bồ-tát, tiếp đến giải thích tên 10 địa của Bồ-tát.

Kê nói :

*Thấy chân, thấy lợi vật,
Nơi đây được hoan hỷ.
Khởi phạm, khởi dị tâm,
Gọi là ly cấu địa.
Sức cầu pháp, trì pháp,
Làm sáng tỏ là minh.
Hoặc chướng, trí chướng : củi,
Đốt cháy là lửa tuệ.
Khó đẩy lui 2 thứ,
Lui được là nan thắng.
Không trụ 2 pháp quán,
Hằng hiện gọi hiện tiền.
Nhiều đường một đường gần,
Đi xa gọi viên hành.
Tướng tướng, không tướng tướng,
Không động : bất động địa.
Bốn biện trí lực khéo,
Khéo nói xung thiện tuệ.*

*Hai môn như mây che,
Mưa pháp gọi pháp vân.*

Giải thích : Thấy chân, thấy lợi vật, nơi đây được hoan hỷ, nghĩa là Bồ-tát ở trong sơ địa một là thấy chân như tức thấy tự lợi. Xưa chưa từng thấy nay mới thấy vì cách Bồ-đề gần. Hai là thấy lợi vật tức thấy lợi tha vì mỗi một sát-na có thể thành thực trăm chúng sinh. Do được 2 cái thấy này khởi vô cùng hoan hỷ nên gọi tên là hoan hỷ địa. Khởi phạm, khởi dị tâm, gọi là ly cấu địa, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 2 ra khỏi 2 cấu bần. Một là ra khỏi cấu bần của sự phạm giới. Hai là ra khỏi cấu bần của sự nảy sinh tâm dị thừa. Do ra khỏi 2 cấu bần này nên có tên là ly cấu địa. Như Kinh Thập Địa nói : “ Để được, để thanh tịnh nhất thiết chủng trí, nên chúng ta siêng năng tinh tiến.” Sức cầu pháp trì pháp làm sáng tỏ là minh, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 3 được sức Tam-muội tự tại, trong vô lượng Phật pháp có thể cầu, có thể thụ trì, được sáng tỏ đại pháp và làm cho người khác sáng tỏ. Do có thể lấy đại pháp làm sáng tỏ mình sáng tỏ người nên gọi tên là minh địa. Hoặc chướng, trí chướng : củi, đốt cháy là lửa tuệ, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 4 dùng tuệ Bồ-đề phần làm ngọn lửa tự tính, lấy hoặc trí 2 chướng làm củi tự tính. Bồ-tát ở địa này có thể khởi ngọn lửa tuệ đốt cháy 2 thứ củi chướng nên có tên là diệm tuệ địa. Khó đẩy lui 2 thứ, lui được là nan thắng, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 5 có 2 cái khó : khó thứ nhất là siêng năng giáo hóa chúng sinh mà tâm không sâu nã, khó thứ hai là chúng sinh không nghe theo sự giáo hóa của mình mà tâm không sâu nã. Ở địa này Bồ-tát có thể đẩy lui 2 cái khó ấy. Đối với cái khó làm mà thắng được nên có tên là nan thắng. Không trụ 2 pháp quán, hằng hiện gọi hiện tiền, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 6 y vào sức Bát-nhã có thể không trụ 2 pháp sinh tử Niết-bàn. Cái tuệ quán như thế thường hiện tiền nên gọi tên là hiện tiền địa. Nhiều đường một đường gần, đi xa gọi viễn hành, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 7 gần nhất thừa đạo cho nên gọi là đi xa.

Hỏi : Cái gì đi xa ?

Đáp : Cứu cánh của phương tiện công dụng có thể đi xa. Do sự đi xa này nên gọi tên là viễn hành địa. Tướng tượng, không tướng tượng, không động : bất động địa, nghĩa là Bồ-tát ở

trong địa thứ 8, tướng hữu tướng và tướng vô tướng hữu công dụng, cả 2 tướng đều không thể động. Do không có động nên tên là bất động địa. Bốn biện trí lực khéo, khéo nói xung thiện tuệ, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 9, 4 vô ngại tuệ là vô cùng vượt trội, trong khoảng một sát-na có bao nhiêu dị loại nhân thiên trong 3 ngàn thế giới dùng tiếng khác nhau, nghĩa khác nhau, câu hỏi khác nhau, Bồ-tát cử thể dùng một thứ tiếng đáp tất cả các câu hỏi đoạn dứt các nghi. Do nói được như vậy nên có tên là thiện tuệ địa. Hai môn như mây che, mưa pháp gọi pháp vân, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 10 do Tam-muội môn và Đà-la-ni môn nhiếp hóa làm nhân huân tập cho tất cả người nghe biến khắp trong thức A-lê-da. Ví như đám mây nổi che khắp bầu trời, có thể dùng cái mây nghe huân tập này trong mỗi một sát-na, trong mỗi một tướng, trong mỗi một hình hảo, trong mỗi một mao khổng mưa xuống vô lượng vô biên cơn mưa pháp, sung túc tất cả chúng sinh hóa độ được. Do có thể được như mây pháp mưa pháp nên gọi tên là pháp vân địa.

Hỏi : Giải thích tên riêng rồi, còn thế nào là trụ, thế nào là địa ?

Kê nói :

Nhóm họp các thiện căn,

Lạc trụ nên nói trụ.

Sổ sổ, số, vô úy,

Lại lấy địa làm tên.

Giải thích : Nhóm họp các thiện căn, lạc trụ nên nói trụ, nghĩa là chư Bồ-tát vì thành tựu các thứ thiện căn nên trong tất cả mọi thời lạc trụ tất cả địa. Cho nên gọi các địa là trụ. Sổ sổ, số, vô úy, lại lấy địa làm tên, nghĩa là Bộ-di-da gọi là địa. Bộ là sổ sổ nghĩa. Di là thật số nghĩa. Da là vô úy nghĩa. Chư Bồ-tát muốn tiến lên thượng địa, trong mỗi địa mỗi địa thường thường đoạn chướng ngại, thường thường được công đức. Đó là nghĩa của sổ sổ. Địa lấy số 10 làm lượng. Chư Bồ-tát trong mỗi địa mỗi địa biết đoạn những chỗ chướng ngại như vậy, biết được những công đức như vậy, biết đây là không dối, đó là nghĩa của thật số. Thượng địa là nơi vô úy. Chư Bồ-tát sợ ở trong tự địa thoái mất công đức tự tha lợi nên tiến lên cầu thượng địa, đó là

nghĩa của vô úy. Do 3 nghĩa đây nên gọi là địa. Đã nói xong tên 10 địa của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ đặc địa sai biệt của Bồ-tát.

Kê nói :

*Do tín và do hành,
Do đạt cũng do thành.
Phải biết chư Bồ-tát,
Được địa có 4 thứ.*

Giải thích : Bốn thứ được địa là : 1. Được do tín. 2. Được do hành. 3. Được do thông đạt. 4. Được do thành tựu.

Do tín, là dùng tín được các địa, như nói trong tín địa. Do hành, là dùng chính hạnh được các địa. Chư Bồ-tát trong pháp Đại thừa có 10 thứ chính hạnh : 1. Chép viết. 2. Cúng dường. 3. Lưu truyền. 4. Nghe thụ. 5. Chuyển đọc. 6. Dạy người khác. 7. Tập tụng. 8. Giảng giải. 9. Tư duy chọn lựa. 10. Tu tập. Mười chính hạnh này có thể sinh vô lượng công đức tụ. Thực hành các hạnh này được địa nên gọi hành được. Thông đạt, là thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Cho đến 7 địa gọi là thông đạt. Được thành tựu, là 8 địa đến Phật địa gọi là thành tựu được. Đã nói xong 4 thứ được địa sai biệt của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ tu hành sai biệt của Bồ-tát.

Kê nói :

*Các độ, các giác phân,
Các thông và các nhiếp,
Là đại cũng là tiểu,
Đều nhập cũng đều thành.*

Giải thích : Nói chung tất cả hạnh Bồ-tát không quá 4 thứ : 1. Hạnh Ba-la-mật. 2. Hạnh Bồ-đề phần. 3. Hạnh thần thông. 4. Hạnh nhiếp sinh.

Nói hạnh Ba-la-mật, là nói chúng sinh cầu Đại thừa. Nói hạnh Bồ-đề phần, là nói chúng sinh cầu Tiểu thừa. Nói hạnh thần thông, là nói khiến 2 loại chúng sinh được nhập Phật pháp. Nói hạnh nhiếp sinh là nói khiến 2 loại chúng sinh thành thực Phật pháp.

Xong Phẩm hành trụ.

Phẩm 24 : Kính Phật

Giải thích : Đã nói hành trụ của Bồ-tát , tiếp nói công đức lễ Phật.

Kệ nói :

*Hợp tâm và lìa tâm,
Không lìa, lợi ích tâm.
Thương xót các chúng sinh,
Cứu đời, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai vô lượng thắng công đức. Hợp tâm, là tâm từ, do cho vui. Lìa tâm, là tâm bi, do cứu khổ. Không lìa tâm, là tâm hỷ, do thương hỷ duyệt. Lợi ích tâm, là tâm xả, do không nhiễm.

Kệ nói :

*Tất cả chướng giải thoát,
Tất cả thế gian thắng,
Tất cả nơi biến khắp,
Tâm thoát, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai 3 chỗ thắng công đức. Tất cả chướng giải thoát, là hiển thị giải thoát thắng, do được giải thoát tất cả hoặc chướng, tất cả trí chướng. Tất cả thế gian thắng, là hiển thị chế nhập thắng, do tâm tự tại tùy sở duyên tùy ý chuyển. Tất cả nơi biến khắp, là hiển thị biến nhập thắng, do trí biến khắp trong tất cả cảnh. Do 3 nghĩa đây, trong 3 chỗ tâm được giải thoát, cho nên nói tâm giải thoát.

Kệ nói :

*Có thể ngăn hoặc khởi,
Và cũng hại hoặc kia,
Nhiễm ô các chúng sinh,
Bi giả, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai vô tránh thắng công đức. Có thể ngăn hoặc khởi, nghĩa là chúng sinh thì khởi hoặc phiền não, Như Lai tất cả mọi tác nghiệp có thể khiến không khởi. Và cũng hại hoặc kia, nghĩa là nếu hoặc kia đã khởi, Như Lai cũng có thể khiến khởi phương tiện đối trị. Như lai vô tránh thì không như vậy, chẳng những chỉ khiến không khởi, mà cũng khiến kia khởi đối trị, cho nên là thắng. Nhiễm ô các chúng sinh, bi giả co đánh lễ, nghĩa là Như Lai vô tránh Tam-muội, đối với

tất cả chúng sinh nhiễm ô đều khởi xót thương, cho nên gọi Như Lai là bi giả.

Kệ nói :

*Không dụng công, không đắm,
Không ngại, hằng tịch tĩnh,
Hay giải tất cả nghi,
Thắng trí, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai nguyện trí thắng công đức. Nguyện trí của Như Lai do 5 việc thắng : 1. Với khởi không dụng công. 2. Với cảnh không đắm trước. 3. Ở trong không ngại. 4. Hằng thời tịch tĩnh. 5. Có thể giải các nghi. Do 5 nghĩa này nên gọi là thắng. Nguyện trí của những người khác thì : 1. Không phải không dụng công, vì khởi tác ý. 2. Không phải không đắm trước, vì giả định lực. 3. Không phải không ngại, vì biết một phần ít. 4. Không phải hằng tịch tĩnh, vì phi thường định. 5. Không giải nghi, vì có chỗ không biết.

Kệ nói :

*Sở y và năng y,
Với ngôn và với trí,
Thuyết giả vô ngại tuệ,
Thiện thuyết, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai vô ngại thắng công đức. Sở thuyết có 2 thứ : một, sở y là pháp, hai, năng y là nghĩa. Thuyết, có 2 thứ : một là phương ngôn, hai là trí xảo. Như Lai đối với sở thuyết và thuyết này đầy đủ tuệ thường vô ngại, cho nên là thắng. Thuyết giả, tức hiển thị nghiệp vô ngại. Khai thị có nơi nên nói là thiện thuyết.

Kệ nói :

*Năng khứ và năng văn,
Tri hành, tri lai, khứ,
Khiến kia được xuất ly,
Giáo thụ, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai thần thông thắng công đức. Năng khứ, là như ý thông, có thể qua các nơi kia. Năng văn, là thiên nhĩ thông, có thể nghe âm thanh kia. Tri hành, là tha tâm thông, có thể biết tâm hành sai biệt của người khác. Tri lai, là túc trụ thông, có thể biết đời trước người kia từ nhân này mà đến.

Tri khứ, là sinh tử thông, có thể biết người kia đời này từ nhân này sẽ đi. Khiến kia được xuất ly, là lậu tận thông, có thể như thật vì người kia nói pháp.

Kệ nói :

*Chúng sinh nếu có thấy,
Biết chắc là trượng phu,
Khởi sâu tâm tịnh tín,
Phương tiện, con đành lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai tướng hảo thắng công đức. Tất cả chúng sinh nếu trông thấy liền biết Như Lai là bậc Đại trượng phu, và khởi nghiệp tịnh tín nơi Như Lai, vì do lấy tướng hảo làm phương tiện.

Kệ nói :

*Thủ, xả, trụ, biến hóa,
Định trí được tự tại,
Như thế 4 thanh tịnh,
Thế Tôn, con đành lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai thanh tịnh thắng công đức. Thanh tịnh có 4 thứ : 1. Thân thanh tịnh. 2. Duyên thanh tịnh. 3. Tâm thanh tịnh. 4. Trí thanh tịnh. Thủ xả trụ, là hiển thị thân thanh tịnh, có thể đối với thọ mạng của tự thân hoặc thủ, hoặc xả, hoặc trụ đều được tự tại. Biến hóa, là hiển thị duyên thanh tịnh, có thể khởi chuyển biến nơi các cảnh để hóa độ được tự tại. Định, là hiển thị tâm thanh tịnh, có thể xuất nhập tự tại nơi các định. Trí, là hiển thị trí thanh tịnh, có thể được tự tại biết các cảnh không trở ngại.

Kệ nói :

*Phương tiện và quy y,
Thanh tịnh với xuất ly,
Ở đây phá 4 đối,
Hàng ma, con đành lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai lực thắng công đức. Ma dựa vào 4 việc phá hoại chúng sinh. Bốn việc là gì ? 1. Dựa vào phương tiện đối gạt chúng sinh, nói thụ dụng 5 trần được sinh thiện đạo không đọa ác đạo. 2. Dựa vào quy y đối gạt chúng sinh, nói trời Tự Tại v.v... là nơi quy y, những nơi khác là sai. 3. Dựa vào thanh tịnh đối gạt chúng sinh, nói chỉ có các

định thế gian là thanh tịnh, những gì khác không thanh tịnh. 4. Dựa vào xuất ly đối gạt chúng sinh, nói chỉ có đạo quả Tiểu thừa là xuất ly không phải Đại thừa. Để phá trừ 4 việc của ma, Phật hiển thị 10 lực : 1. Lấy trí lực phải quấy phá trừ việc thứ nhất của ma. Do phương tiện thiện mới có thể sinh cõi trời không phải phương tiện ác. 2. Lấy trí lực của tự nghiệp phá trừ việc thứ hai của ma. Do nghiệp của chính mình được sinh cõi trời, không phải dựa vào sức của trời Tự Tại v.v... 3. Lấy trí lực thiên định phá trừ việc thứ ba của ma. Do hiểu biết đầy đủ thiên định giải thoát Tam-muội Tam-ma-bạt-đề. 4. Bẫy trí lực sau phá trừ việc thứ tư của ma. Do an trí hạ căn v.v...khiến lìa bỏ thượng căn v.v...

Kệ nói :

*Nơi trí và nơi đoạn,
Nơi lìa và nơi chướng,
Hay nói tự tha lợi,
Đẹp tà, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai vô úy thắng công đức. Nơi trí, là nói nhất thiết trí vô úy. Nơi đoạn, là nói lậu tận vô úy. Nơi lìa, là nói hết khổ đạo vô úy. Nơi chướng, là nói chướng đạo vô úy. Trong đó trí và đoạn là nói công đức tự lợi. Lìa và chướng là nói công đức lợi tha. Nếu các ngoại đạo nói bài bác rằng : Cờ-đàn không đủ nhất thiết trí, không hết tất cả lậu, nói đạo không thể hết khổ, nói chướng không thể hại đạo. Như Lai đối với 4 thứ bài bác này đều có thể xô dẹp, cho nên gọi là vô úy.

Kệ nói :

*Nơi chúng rất trị phạt,
Tự mình không chỗ hộ,
Lìa 2 nhiệm chính trụ,
Nhiếp chúng, con đánh lễ.*

Giải thích : Nơi chúng rất trị phạt, tự mình không chỗ hộ, đây là đánh lễ Như Lai bất hộ thắng công đức. Nếu chính mình có chỗ bảo hộ che chở thì không thể nói sự trị phạt rất ráo được. Lìa 2 nhiệm chính trụ, đây là đánh lễ Như Lai niệm xứ thắng công đức. Lìa 2 nhiệm, là không hỷ không ưu. Chính trụ, là không quên mất niệm. Do 2 thứ công đức vượt trội này có thể thâm nhiếp tất cả đồ chúng. Đây tức là nghiệp.

Kệ nói :

*Đi đứng ở mọi nơi,
Không không nhất thiết trí,
Do đoạn tất cả tập,
Thật nghĩa, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai đoạn tập thắng công đức. Như Lai trong mọi lúc ở mọi nơi, các việc đi đứng v.v... không việc gì không có oai nghi nhất thiết trí, do đoạn đủ tất cả tập phiền não. Nếu không nhất thiết trí thì phiền não tuy hết mà tập chưa hết. Ở nơi đi đứng, nếu khi gặp xe, ngựa chạy nhanh sẽ bị tổn hại là do không phải oai nghi nhất thiết trí. Như Lai thì không có chuyện này, do thật có nhất thiết trí.

Kệ nói :

*Việc lợi ích chúng sinh,
Tùy thời không bỏ quá,
Việc làm không sai sót,
Không mất, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai không mất thắng công đức. Như Lai làm việc lợi ích chúng sinh thường được đúng thời không bỏ quá. Đó là nghiệp không quên mất pháp. Như Lai làm việc trong mọi lúc đều thật không hư dối. Đó là tự tính không quên mất pháp.

Kệ nói :

*Ngày đêm 6 thời quán,
Tất cả cõi chúng sinh,
Vì đại bi đầy đủ,
Lợi ý, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai đại bi thắng công đức. Như Lai vì đại bi nên ngày đêm 6 thời quán sát chúng sinh ai thoái ai tiến. Người chưa khởi thiện căn thì khiến khởi. Người đã khởi thiện căn thì khiến tăng tiến. Tuy nói ngày đêm 6 thời mà kỳ thật tất cả mọi thời hằng chuyển pháp luân, do đại bi đầy đủ. Đó tức là nghiệp đại bi. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi ý lợi ích. Đó là tự tính của đại bi.

Kệ nói :

*Do làm và do được,
Do trí và do nghiệp,*

*Trong tất cả 2 thừa,
Cao tột, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai bất cộng thặng công đức. Như Lai có 18 pháp không chung : 1. Thân không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không dị tướng. 5. Không gì không định tâm. 6. Không gì không biết xả kỷ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tiến không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát trí kiến không giảm. 13. Trí biết quá khứ không dể trước không ngại. 14. Trí biết vị lai không dể trước không ngại. 15. Trí biết hiện tại không dể trước không ngại. 16. Thân nghiệp làm theo trí tuệ. 17. Khẩu nghiệp làm theo trí tuệ. 18. Ý nghiệp làm theo trí tuệ. Trong đây do làm, là gồm 6 bất cộng đầu, do được gồm 6 bất cộng tiếp theo, do trí gồm 3 bất cộng tiếp theo, do nghiệp gồm 3 bất cộng sau cùng. Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác trong các chúng sinh khác là trên. Như Lai do 4 việc không chung nên trên cả những người kia, vì vậy gọi là cao tột.

Kê nói :

*Ba thân Đại Bồ-đề,
Vì được nhất thiết chủng,
Chúng sinh các chỗ nghi,
Năng trừ, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai chủng trí thắng công đức. Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và hóa thân. Đây là nói tự tính của chủng trí.

Hỏi : Trí này trong tất cả cảnh biết nhất thiết chủng như thế nào ?

Đáp : Tất cả chúng sinh trong tất cả mọi nơi sinh trí này có thể đoạn. Đây là nói nghiệp của chủng trí.

Kê nói :

*Không dể và không lỗi,
Không uế cũng không dứt,
Không động, không hý luận,
Thanh tịnh, con đánh lễ.*

Giải thích : Kệ này đánh lễ Như Lai độ mãn thắng công đức. Không dể, nghĩa là đối với của cải không dể nhiễm. Không lỗi, nghĩa là đối với các nghiệp của thân v.v... vĩnh viễn

không cầu uest. Không uest, nghĩa là các khổ của thế pháp không làm tâm uest trước. Không dứt, nghĩa là sở đắc chút ít không trụ lại ngay. Không động, nghĩa là tâm hằng tịch tĩnh không tán loạn. Không hý luận, nghĩa là trong tất cả pháp đều không hành phân biệt. Như lai đầy đủ 6 viên mãn là 6 chương, nên gọi là thanh tịnh.

Kê nói :

*Thành tựu đệ nhất nghĩa,
Xuất ly tất cả địa,
Với người được cực tôn,
Giải thoát các chúng sinh,
Công đức sánh vô tận,
Hiện tại đều đầy đủ,
Thế thấy chúng cũng thấy,
Không thấy các nhân thiên.*

Giải thích : Hai kệ này đánh lễ Như lai Phật tướng thắng công đức. Trong đây lược nói tướng của Phật có 6 thứ : 1. Thế. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Sai biệt. Do 6 thứ này biểu thị thì biết là Phật nên nói là tướng Phật. Thành tựu đệ nhất nghĩa, nghĩa là đây là thế tướng, vì do chân như tối thanh tịnh đệ nhất nghĩa thành tựu. Xuất ly tất cả địa, nghĩa là đây là nhân tướng, vì do xuất ly tất cả Bồ-tát địa. Với người được cực tôn, nghĩa là đây là quả tướng, vì được bậc nhất trong tất cả chúng sinh. Giải thoát các chúng sinh, nghĩa là đây là nghiệp tướng, vì có thể khiến tất cả chúng sinh được giải thoát. Công đức sánh vô tận hiện thế đều đầy đủ, nghĩa là đây là tương ưng tướng. Thế thấy chúng cũng thấy, không thấy các nhân thiên, nghĩa là đây là sai biệt tướng. Thế thấy, nghĩa là các thứ thế giới đều thấy, đây là hóa thân. Chúng cũng thấy, nghĩa là chúng đại đệ tử của Phật cũng thấy, đây là thụ dụng thân. Không thấy, nghĩa là nhân thiên v.v... mọi thời không thấy, đây là tự tính thân. Đây tức 3 thân sai biệt.

Xong Phạm kính Phật.

Luận Đại Thừa Tu-đa-la Trang Nghiêm, đã nói xong lúc cực kỳ thanh tịnh.

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Hết quyển 13)

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
(Trọn bộ 13 quyển hết)